CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI

72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 3824 2897 - Fax: (+84) 28 38242997
www.ssi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

TỰ HÀO VƯƠN XA - VỮNG BỀN PHÁT TRIỂN

MỤC LỤC

04
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

10
TỔNG QUAN
TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP
LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU
TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC

32
MÔI TRƯỜNG KINH DOANH
KINH TẾ VIỆT NAM 2018 – TĂNG TRƯỞNG VƯỢT MỌI KỲ VỌNG
TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2019 – VƯƠN LÊN QUA BẤT ỔN

48
SSI 2018 – TỰ HÀO VƯƠN XA
ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH
YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

90
SSI 2019 – VỮNG BỀN PHÁT TRIỂN
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG – DÀI HẠN
2019 – CƠ HỘI LỚN THÁCH THỨC LỚN

100
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT
HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO
THÔNG TIN CỔ PHIẾU & HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ
ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

158
HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
LĨNH VỰC KINH DOANH CHÍNH
YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

182
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2018

262
THÔNG TIN KHÁC



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thưa các Quý vị!

Kính gửi Quý Cổ đông,

Chúng ta vừa kết thúc năm 2018, bức tranh kinh tế vĩ mô đạt nhiều kết quả tích cực: GDP tăng trưởng 7,08% - mức cao nhất kể từ năm 2007, lạm phát được kiểm soát trong ngưỡng mục tiêu (3,54%), chính sách tiền tệ được thắt chặt (tín dụng tăng khoảng 14%), ổn định tỷ giá hối đoái và cán cân thương mại đạt thặng dư cao kỷ lục – 6,8 tỷ USD. Trong khi đó, Thị trường Chứng khoán Việt Nam 2018 lại chứng kiến tình trạng biến động mạnh nhất sau nhiều năm kể từ khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008. VN-Index vượt đỉnh lịch sử, xác lập mức kỷ lục mới tại 1.211 điểm vào tháng 4/2018, sau đó giảm điểm mạnh. Kết thúc phiên giao dịch cuối năm, VN-Index đã giảm 26,3% so với mức đỉnh và giảm 9,32% so với mức cuối năm 2017. Những nhân tố bất ổn của thị trường thế giới như chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, việc Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) liên tục tăng lãi suất, tăng trưởng kinh tế có dấu hiệu chậm lại trên quy mô toàn cầu v.v… đã gây ảnh hưởng tiêu cực tới tâm lý chung toàn thị trường. Trước tình hình đó, hoạt động IPO và thoái vốn của khối Doanh nghiệp Nhà nước cũng chậm lại vào nửa cuối năm.

Thị trường Chứng khoán Việt Nam đối mặt với thời kỳ khó khăn trước sự e ngại của nhà đầu tư trong và ngoài nước. SSI cũng gặp nhiều thách thức trong hoạt động kinh doanh. Mặc dù vậy, bằng kỷ luật kinh doanh trung thành với chiến lược phát triển bền vững, thích ứng với mọi điều kiện thị trường, SSI tiếp tục hoàn thành vượt mức kế hoạch đã đề ra được Đại hội Đồng Cổ đông thông qua, đạt chỉ tiêu tăng trưởng trên mọi mặt như thị phần, quy mô khách hàng, sản phẩm dịch vụ, mạng lưới chi nhánh, và đội ngũ nhân sự. Tổng doanh thu hoạt động và thu nhập khác hợp nhất năm 2018 của Công ty đạt 3.997 tỷ VNĐ, tăng trưởng 30,9% so với năm 2017. Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt hơn 1.623 tỷ VNĐ, tăng trưởng 15,5%. Tổng tài sản tăng trưởng mạnh mẽ, ở mức 23.825,6 tỷ VNĐ, vốn chủ sở hữu đạt xấp xỉ 9.156 tỷ VNĐ. Cơ cấu tài chính lành mạnh với dư nợ ngân hàng cao nhưng đối ứng là số dư tiền gửi lớn tương đương. Chi phí vận hành được kiểm soát chặt chẽ, tối ưu hóa lợi nhuận.

Các Khối Kinh doanh đều ghi nhận những kết quả tích cực. Dịch vụ Chứng khoán giữ vững vị trí số 1 trong nhiều năm về thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ tại cả 2 Sở HOSE và HNX, năm 2018 đạt lần lượt 18,70% và 11,89%. Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư liên tục là cái tên tiêu biểu tại rất nhiều giải thưởng danh giá trong và ngoài nước sau khi thực hiện hàng loạt thương vụ có giá trị kỷ lục, hình thức giao dịch đa dạng. Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đóng góp vai trò lớn trong việc quản lý hiệu quả nguồn vốn của Công ty, đảm bảo an toàn thanh khoản, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các ngân hàng thương mại có thương hiệu mạnh, đi tiên phong trong việc triển khai các sản phẩm dịch vụ mới như các sản phẩm cấu trúc và sản phẩm về trái phiếu doanh nghiệp và hoán đổi lãi suất VNĐ (IRS). Năm 2018, doanh số sản phẩm IRS tăng trưởng cao ở mức 8.000 tỷ VNĐ, dẫn đầu trong nhóm các CTCK. Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM) tiếp tục đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm. Cuối năm 2018, SSIAM có tổng tài sản quản lý đạt 5.573 tỷ VNĐ. Khối Đầu tư đạt lợi nhuận kỳ vọng năm 2018, đồng thời hạn chế tối đa rủi ro trên danh mục đầu tư khi thị trường giảm điểm.

Để đạt được những kết quả đó, không thể không kể đến những nỗ lực của Khối Quản trị luôn đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ cao nhất, cũng như hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro trong hoạt động của Công ty. Đối mặt với những yêu cầu ngày càng cao của thị trường và khách hàng, nền tảng công nghệ thông tin ngày càng đóng vai trò xương sống trong mọi sản phẩm dịch vụ và công tác vận hành của Công ty. Khối Hỗ trợ đã không ngừng nỗ lực phối hợp các chức năng một cách nhuần nhuyễn nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của Công ty về nâng cao chất lượng công nghệ, xây dựng và củng cố môi trường làm việc hấp dẫn cũng như là cầu nối Công ty với công chúng để mọi hoạt động của Công ty được phản ánh trung thực, hiệu quả.

2018 là mốc son thứ 18 trong hành trình Kết nối vốn và cơ hội đầu tư của SSI với nhiều dấu ấn tốt đẹp trong lòng cổ đông, khách hàng và đối tác. Để chuẩn bị cho những mốc son tiếp theo trên hành trình kết nối, Công ty chính thức đổi sang tên gọi mới "Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI" với mong muốn hướng đến những bước phát triển xa hơn, rộng hơn của Công ty không những trên thị trường Việt Nam mà còn vươn ra khu vực và thế giới.

Năm 2019, Thị Trường Chứng khoán Việt Nam được dự báo tiếp tục biến động khó đoán định với nhiều thông tin tích cực và tiêu cực đan xen. Mặt khác, cạnh tranh sẽ diễn ra ngày càng mạnh mẽ trong hoạt động kinh doanh của các Công ty Chứng khoán khi Thông tư 128/2018/TT-BTC được ban hành đồng nghĩa với việc không còn mức giá sàn dịch vụ mua, bán chứng khoán. Thị trường cũng đón nhận ngày càng nhiều hơn sự tham gia của các đối thủ cạnh tranh nước ngoài có tiềm lực về nguồn vốn, nhân sự, công nghệ. Bên cạnh đó là sự cạnh tranh trong ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo, phát triển hệ thống giao dịch - các yếu tố sẽ góp phần đáng kể vào kết quả kinh doanh của từng công ty.

Trước những thách thức lớn năm 2019, SSI tiếp tục chiến lược phát triển bền vững, lấy nguyên lý thành công cho tất cả các đối tượng tham gia làm nguyên tắc, lấy sự minh bạch làm phương châm hoạt động. Công ty đặt kế hoạch doanh thu đạt 3.755 tỷ VNĐ, lợi nhuận trước thuế đạt 1.700,7 tỷ VNĐ. Các nhóm giải pháp được áp dụng cho từng mảng kinh doanh tập trung vào yếu tố nên sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp: chất lượng sản phẩm – dịch vụ cung cấp cho khách hàng, phát triển hệ thống và phát triển nguồn nhân lực. SSI sẽ tiếp tục đồng hành với các doanh nghiệp phát triển bền vững, tìm kiếm các nguồn vốn chất lượng trong và ngoài nước, góp phần hình thành kênh dẫn vốn và phân phối vốn dài hạn cho nền kinh tế, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy kinh tế phát triển. SSI luôn thấu hiểu rằng chỉ khi số lượng các doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả và phát triển bền vững tăng lên thì Nhà đầu tư mới có nhiều lựa chọn an toàn, nội lực của nền kinh tế sẽ mạnh hơn và TTCK mới có thể phát triển và mới thực sự là kênh huy động vốn quan trọng nhất cho nền kinh tế.

Xin chân thành cám ơn các quý khách hàng, các đối tác kinh doanh đã đồng hành cùng SSI, cám ơn cổ đông đã tin tưởng Hội Đồng Quản Trị và Ban Lãnh Đạo phê chuẩn các kế hoạch đưa ra tại Đại Hội Đồng Cổ Đông, cám ơn các thành viên Hội Đồng Quản trị đã cùng xây dựng các chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hợp lý. Và xin đặc biệt cám ơn toàn thể cán bộ nhân viên đã đồng cam cộng khổ với tôi để mỗi năm đưa công ty chúng ta lên một tầm cao mới. Với sự hợp tác của quý vị năm 2019 chúng ta sẽ tiếp tục gặt hái những thành công vượt trội.

Xin kính chúc các Quý vị sức khoẻ và thành công!
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2019

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
Nguyễn Duy Hưng

> "TRƯỚC NHỮNG THÁCH THỨC LỚN NĂM 2019, SSI TIẾP TỤC CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG, LẤY NGUYÊN LÝ THÀNH CÔNG CHO TẤT CẢ CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA LÀM NGUYÊN TẮC, LẤY SỰ MINH BẠCH LÀM PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG"

ĐIỂM NHẤN 2018

TỔNG DOANH THU HỢP NHẤT NĂM 2018 ĐẠT **3.997** TỶ VNĐ
TĂNG TRƯỞNG **30,9%**

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ NĂM 2018 ĐẠT **1.623** TỶ VNĐ
TĂNG TRƯỞNG **15,5%**

TỔNG TÀI SẢN ĐẠT **23.825,6** TỶ VNĐ
TĂNG TRƯỞNG **27%**

NĂM THỨ **5** LIÊN TIẾP SSI DẪN ĐẦU VỀ THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÊN TOÀN THỊ TRƯỜNG
ĐẠT **17,44%**

SSI QUẢN LÝ HƠN **153.000** TÀI KHOẢN
TĂNG TRƯỞNG **20,5%**

NHÂN SỰ VƯỢT MỐC **1.000** NGƯỜI
TĂNG TRƯỞNG **15,7%**

"KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ SỐ 1 VIỆT NAM, SSI CŨNG LÀ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN LỚN THỨ 2 KHU VỰC ASEAN DỰA TRÊN CÁC TIÊU CHÍ VỀ VỐN HÓA, TỔNG TÀI SẢN, DOANH THU, VÀ LỢI NHUẬN"

TỔNG QUAN



TẦM NHÌN:
CHÚNG TA CÙNG THÀNH CÔNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI) hoạt động dựa trên tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công".
Thành công của SSI chính là được tận tâm, tận lực đem lại hiệu quả tối ưu cho Khách hàng, Cộng sự, Đối tác, Cổ đông và Cộng đồng. Chúng tôi phát hiện những cơ hội đầu tư mới trong thị trường tài chính và biến những cơ hội này thành lợi nhuận trong tầm tay.

SỨ MỆNH:
KẾT NỐI VỐN VÀ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Sứ mệnh gắn kết cơ hội đầu tư với các nguồn lực tài chính luôn định hướng tất cả sản phẩm và dịch vụ của SSI tại thời điểm hiện thời cũng như trong tương lai.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

***S**ẵn sàng giải pháp*: Chúng tôi lắng nghe và chuyên tâm tìm kiếm giải pháp ưu việt nhất cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng.

***S**âu sát chuyên môn*: Là chuyên gia đầu ngành tài chính, chúng tôi vẫn không ngừng cập nhật, nâng cao kĩ năng chuyên môn để đáp ứng hoàn hảo mọi tiêu chuẩn khách hàng kì vọng ở SSI.

***I**n dấu sáng tạo*: Chúng tôi khuyến khích và tạo mọi điều kiện để các cộng sự được toàn quyền tư duy sáng tạo trong chuyên môn vì quyền lợi của SSI và khách hàng.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (SSI – HOSE) được thành lập vào tháng 12 năm 1999, là một trong những Công ty hoạt động lâu đời nhất tại Thị trường Chứng khoán Việt Nam. Sau hơn 18 năm vận hành theo cơ chế thị trường, Công ty đã phát triển trở thành một định chế tài chính lớn nhất trên thị trường, có tốc độ phát triển nhanh nhất với mức vốn điều lệ tăng hơn 800 lần. Bằng tiềm lực tài chính vững mạnh, hoạt động quản trị doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế, đội ngũ nhân sự hùng hậu và chuyên nghiệp, SSI luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm, dịch vụ vượt trội và toàn diện, đảm bảo tối đa lợi ích cổ đông. Hiện nay, Công ty có mạng lưới hoạt động rộng rãi tại những thành phố lớn trên cả nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Nha Trang, Vũng Tàu.

Tên doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (Tên cũ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn)
Tên tiếng Anh:	SSI Securities Corporation
Đại diện theo pháp luật:	Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám Đốc
Ngày thành lập:	30/12/1999
Vốn điều lệ (tại ngày 31/12/2018):	5.100.636.840.000 VNĐ
Vốn chủ sở hữu (tại ngày 31/12/2018):	9.155.664.527.633 VNĐ
Trụ sở chính:	72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Website:	http://www.ssi.com.vn/
Điện thoại:	+84 28 38242897
Fax:	+84 28 38242997
Tổng số nhân viên (tại ngày 31/12/2018):	1.026 nhân viên trong đó có 548 nhân viên có chứng chỉ hành nghề chứng khoán



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

1999 - 2002

30/12/1999: SSI được thành lập, đặt trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động với hai nghiệp vụ: Môi giới Chứng khoán và Tư vấn Đầu tư Chứng khoán. Vốn điều lệ ban đầu là 6.000.000.000 VNĐ

07/2001: SSI tăng vốn điều lệ lên 20.000.000.000 VNĐ, và có 4 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh và Lưu ký Chứng khoán

07/2002: Thành lập chi nhánh tại Hà Nội, đánh dấu sự mở rộng hoạt động kinh doanh ra các tỉnh phía Bắc

2003 - 2005

06/2005: SSI tăng vốn điều lệ lên 52.000.000.000 VNĐ và hoạt động với 6 nghiệp vụ chính: Tư vấn Đầu tư Chứng khoán, Môi giới Chứng khoán, Tự doanh, Lưu ký Chứng khoán, Quản lý danh mục Đầu tư Chứng khoán, và Bảo lãnh phát hành Chứng khoán

2006 - 2008

11/2006: Thực hiện thành công đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi đầu tiên trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam cho chính SSI, đi đầu trong việc mở ra một hình thức phát hành mới cho các công ty đại chúng và công ty niêm yết ngoài phát hành cổ phần thông thường

12/2006: Cổ phiếu SSI đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

08/2007: Công ty Quản lý Quỹ SSI (SSIAM), công ty TNHH Một thành viên của SSI được thành lập

10/2007: SSI chính thức niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

04/2008: SSI tăng vốn điều lệ lên 1.366.666.710.000 VNĐ

06/2008: Daiwa trở thành cổ đông chiến lược của SSI

2009 - 2011

07/2009: SSIAM là công ty đầu tiên được cấp giấy phép đầu tư ra nước ngoài

05/2010: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.511.117.420.000 VNĐ

2012 - 2014

03/2013: SSI tăng vốn điều lệ lên 3.537.949.420.000 VNĐ

2015 - 2017

04/2015: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi và không có tài sản đảm bảo: đợt 1 vào tháng 01/2015 với tổng giá trị 500 tỷ VNĐ và đợt 2 vào tháng 04/2015 với tổng giá trị là 300 tỷ VNĐ

09/2015: SSI là công ty đầu tiên tại Việt Nam hoàn tất thủ tục điều chỉnh giới hạn tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài lên 100% vốn điều lệ

01/2017: SSI tăng vốn điều lệ lên 4.900.636.840.000 VNĐ

04/2017: SSI phát hành riêng lẻ thành công 02 đợt trái phiếu doanh nghiệp vào tháng 01/2017 và tháng 04/2017 với tổng giá trị mỗi đợt đạt 300 tỷ VNĐ

05/2017: SSI được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và giấy chứng nhận đủ điều kiện cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành quyết định chấp thuận SSI là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh

2018

02/2018: SSI phát hành thành công 1.150 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 3 năm và lãi suất phát hành 4%/năm

12/2018: SSI kỷ niệm 18 năm thành lập và chính thức đổi tên công ty thành "Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI", thống nhất tên gọi công ty với tên viết tắt và mã chứng khoán phát hành trên thị trường

SSI tăng vốn điều lệ lên 5.100.636.840.000 VNĐ

TỔNG QUAN / LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

18/12/2018

SSI KỶ NIỆM 18 NĂM THÀNH LẬP VÀ CHÍNH THỨC ĐỔI TÊN CÔNG TY THÀNH "CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SSI", THỐNG NHẤT TÊN GỌI CÔNG TY VỚI TÊN VIẾT TẮT VÀ MÃ CHỨNG KHOÁN PHÁT HÀNH TRÊN THỊ TRƯỜNG





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán niêm yết như Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền, Lưu ký; Hỗ trợ chuyển nhượng đối với chứng khoán chưa niêm yết; Bán chứng chỉ quỹ mở; Bán chứng chỉ ETF; Bán chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp; Đại lý đấu giá IPO;

Sản phẩm, Dịch vụ đối với chứng khoán phái sinh như Mở tài khoản giao dịch, Môi giới, Tư vấn giao dịch, Thực hiện lệnh, Thanh toán tiền;

Sản phẩm Dịch vụ Tài chính: Giao dịch ký quỹ (margin) và phối hợp với ngân hàng hỗ trợ khách hàng giao dịch chứng khoán;

Sản phẩm Dịch vụ Giao dịch Điện tử: Web Trading, Pro Trading, Mobile Trading, Smart Trading, Contact Center và SMS;

Sản phẩm Tư vấn Đầu tư: Báo cáo vĩ mô, Báo cáo khuyến nghị đầu tư, Báo cáo nhận định thị trường hàng ngày, Báo cáo phân tích ngành, Báo cáo phân tích cổ phiếu, Báo cáo tư vấn định giá cổ phiếu, Báo cáo phân tích thị trường tiền tệ, Báo cáo phân tích dòng lưu chuyển vốn, Báo cáo phân tích kỹ thuật;

Các hoạt động tiếp cận và tìm hiểu doanh nghiệp: Tổ chức cho khách hàng đi thăm các công ty niêm yết; Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khách hàng tại Việt Nam và nước ngoài.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Kinh doanh nguồn vốn bao gồm các hoạt động giao dịch tiền tệ, đầu tư vốn thông qua các Hợp đồng tiền gửi, Hợp đồng tiền vay, Ủy thác, Mua bán lại (Repo) trái phiếu, kinh doanh giấy tờ có giá lãi suất cố định và các loại giao dịch được cơ cấu đặc biệt khác;

Dịch vụ liên quan đến trái phiếu bao gồm Môi giới, Hỗ trợ hiện thực hóa các nhu cầu mua bán của nhà đầu tư thông qua phương thức đấu thầu, bảo lãnh phát hành trái phiếu;

Dịch vụ thiết kế, xây dựng, kinh doanh các sản phẩm phái sinh, cấu trúc … để đáp ứng các nhu cầu của Công ty và khách hàng.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Tư vấn Tài chính doanh nghiệp: Tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp, Tư vấn niêm yết cổ phiếu trên TTCK, Tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp;

Tư vấn Mua bán & Sáp nhập doanh nghiệp (M&A);

Tư vấn Huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước: Tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành cổ phiếu, trái phiếu và các sản phẩm phái sinh, bao gồm phát hành ra công chúng, phát hành riêng lẻ.

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI (SSIAM)

Huy động và quản lý các Quỹ đầu tư trong và ngoài nước;

Quản lý danh mục đầu tư, bao gồm Quản lý danh mục đầu tư toàn bộ hoặc theo chỉ định cho các khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, Quản lý tài sản cho các khách hàng cá nhân trong và ngoài nước có giá trị tài sản lớn;

Tư vấn đầu tư cho các khách hàng tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, Tư vấn định hướng chiến lược đầu tư và phân bổ tài sản.



GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

BROKERS POLL 2018 ASIAMONEY

Liên tục giành nhiều giải thưởng tại các cuộc Bình chọn Asiamoney Brokers Poll trong 6 năm liên tiếp. Cụ thể năm 2018, SSI đạt 22 hạng mục giải thưởng, gồm 3 hạng mục giải thưởng cho tổ chức và 19 hạng mục giải thưởng cho 16 cá nhân; chia làm 4 nhóm chính:

- **Giải thưởng cho SSI:**
  - "Công ty Chứng khoán tốt nhất Việt Nam"
- **Giải thưởng cho Bộ phận Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI:**
  - "Công ty tốt nhất Việt Nam về Phân tích và Nghiên cứu thị trường"
  - 17/19 hạng mục giải thưởng cho các chuyên gia phân tích các ngành khác nhau cho tập thể đội ngũ Phân tích & Tư vấn đầu tư SSI
- **Giải thưởng cho Bộ phận Môi giới Khách hàng Tổ chức SSI:**
  - "Công ty tốt nhất Việt Nam về Dịch vụ môi giới"
  - "Môi giới tốt nhất Việt Nam" năm 2018 cho bà Ngô Thu Nga – Giám đốc Môi giới Khách hàng Tổ chức, đứng thứ hai là ông Bành Chấn Oai – Phó phòng Môi giới Khách hàng Tổ chức, và đứng thứ ba là ông Dương Quốc Thịnh – Phó phòng Môi giới Khách hàng Tổ chức.

Giải thưởng do Tạp chí Asiamoney trao tặng

- "Nhà Môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam" năm 2018

Giải thưởng do Tạp chí Euromoney trao tặng

- "Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam về huy động vốn cổ đông trong ngành Bất động sản" năm 2018

Giải thưởng do The Asset trao tặng

- "Công ty Quản lý Quỹ tốt nhất Việt Nam" năm 2012 - 2014 - 2015 - 2016 - 2017 - 2018
- "Công ty chứng khoán tốt nhất Việt Nam" năm 2018
- "Nhà tư vấn trong nước tốt nhất cho khách hàng tổ chức và doanh nghiệp" năm 2018
- "Thương vụ tư vấn phát hành lần đầu tốt nhất" năm 2018

Giải thưởng do FinanceAsia trao tặng

- "Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam" năm 2008 - 2009 - 2010 - 2011 - 2014 - 2015 - 2016
- "Nhà Tư vấn tốt nhất Việt Nam" năm 2008 - 2009 - 2010 - 2012 - 2016
- "Nhà Tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất Việt Nam" năm 2014 - 2015 - 2018
- "Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam" năm 2010 - 2011 - 2014 - 2016 - 2018
- "Thương vụ tư vấn phát hành lần đầu tốt nhất" năm 2018

Giải thưởng do Asian Investor trao tặng

- "Công ty Quản lý Quỹ nội địa tốt nhất Việt Nam" năm 2010 - 2015 - 2016 - 2017 - 2018

Giải thưởng do Tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng

- "Nhà Môi giới khách hàng cá nhân tốt nhất Việt Nam" năm 2018

Giải thưởng do Tạp chí Forbes trao tặng

- Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam năm 2014 - 2015 - 2016 - 2017 - 2018
- Top 40 Thương hiệu giá trị nhất Việt Nam năm 2016 - 2017 - 2018

Giải thưởng do Diễn đàn M&A Việt Nam trao tặng

- Công ty chứng khoán tiêu biểu nhất giai đoạn 2017 - 2018 hạng mục Tư vấn IPO và Phát hành riêng lẻ

Giải thưởng do Anphabe trao tặng

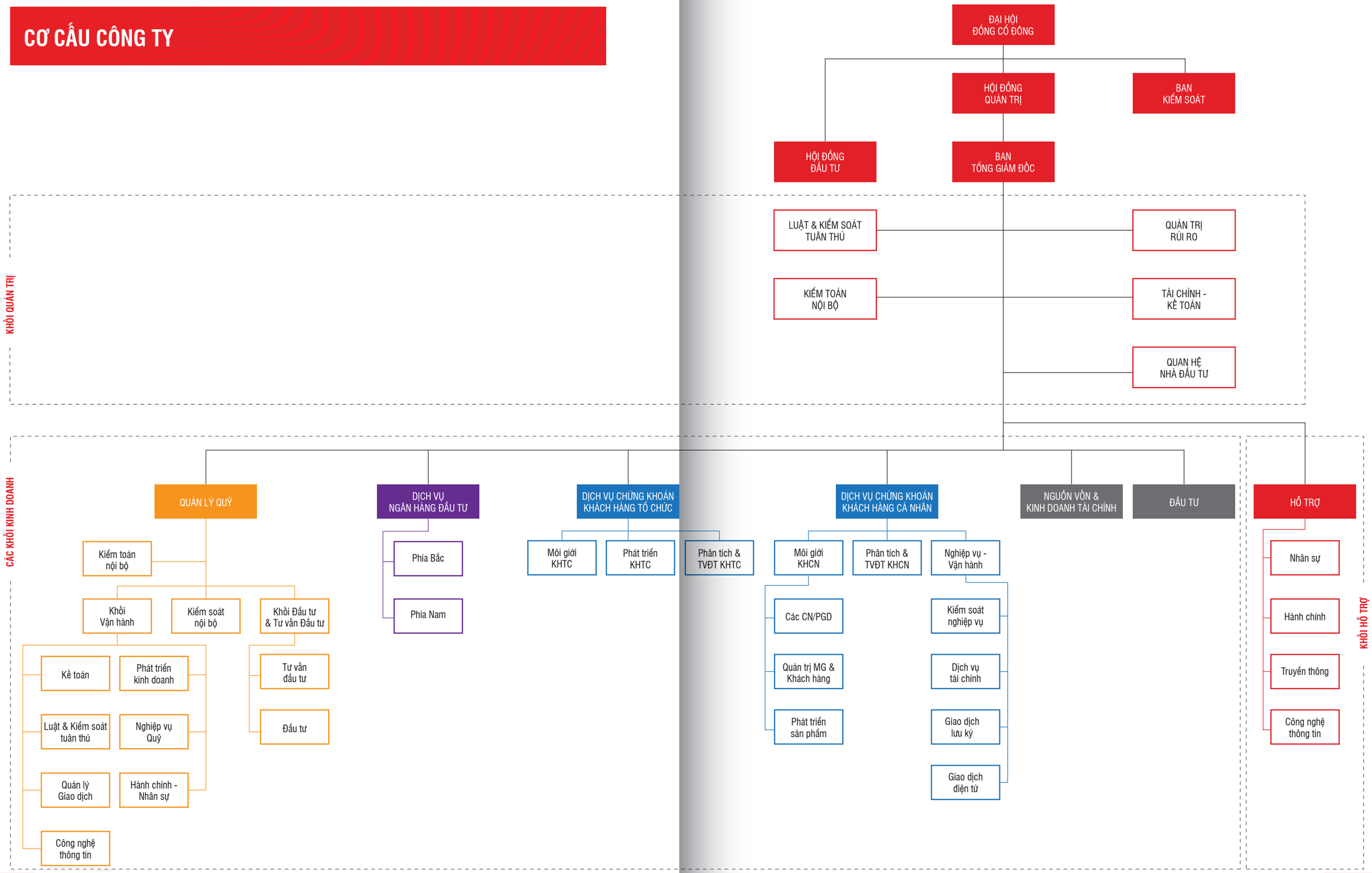
- Top 50 Doanh nghiệp có thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn nhất năm 2017 - 2018
- Top 15 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam ở ngành Đầu tư/ Tài chính/ Kiểm toán năm 2017

Giải thưởng "Top 10 Doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa lớn có Báo cáo Thường niên tốt nhất" do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Báo Đầu tư phối hợp trao tặng. Trước đó, SSI đã có 7 lần đạt giải "Báo cáo thường niên xuất sắc" do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước & Bộ Tài chính trao tặng

- **Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam** (V1000) trong 7 năm liên tiếp.
- **Bằng khen của Bộ Tài chính** cho Công ty "Đã có nhiều thành tích và đóng góp tích cực trong xây dựng, phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam từ năm 2016 đến năm 2018"
- **Top 500 Doanh nghiệp tư nhân có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam** (PROFIT500) năm 2018
- **Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam** (FAST500) năm 2016 - 2017 - 2018 - 2019
- **Top 500 Doanh nghiệp Tư nhân lớn nhất Việt Nam** (VNR500) trong 11 năm liên tiếp (2008 –2018)
- **Top 10 Công ty Chứng khoán tiêu biểu tại HNX và HOSE**
- **Cúp tuyên dương của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam:**
  - Thành viên tiêu biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2018
  - Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở năm 2018
  - Thành viên tiêu biểu trong hoạt động thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh năm 2018

TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY VÀ BỘ MÁY TỔ CHỨC

CƠ CẤU CÔNG TY



NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông Nguyễn Duy Hưng
Chủ tịch HĐQT & Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Hồng Nam
Phó Tổng Giám Đốc

KHỐI QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Kim Long
Giám đốc Luật & Kiểm soát Tuân thủ



Bà Lê Cẩm Bình
Giám Đốc Kiểm toán Nội bộ



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám Đốc Tài chính



Bà Hoàng Thị Minh Thuỷ
Kế toán Trưởng



Ông Đặng Mạnh Cường
Giám Đốc Quản trị Rủi ro



Bà Bùi Thị Hồng Nhung
Trưởng Phòng Quan hệ Nhà Đầu tư

CÁC KHỐI KINH DOANH

QUẢN LÝ QUỸ



Bà Lê Thị Lệ Hằng
Tổng Giám Đốc



Bà Tô Thuỳ Linh
Phó Tổng Giám Đốc



Ông Nguyễn Phan Dũng
Phó Tổng Giám Đốc

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

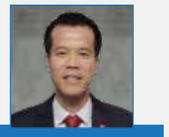


Bà Nguyễn Thị Hương Giang
Giám Đốc Khu vực Phía Nam



Bà Nguyễn Ngọc Anh
Giám Đốc Khu vực Phía Bắc

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC



Ông Mai Hoàng Khánh Minh
Giám Đốc Khối



Ông Michael Joseph Lynch
Giám Đốc Khối



Bà Ngô Thu Nga
Giám Đốc Môi giới KHTC



Bà Cao Thị Ngọc Quỳnh
Giám Đốc Phát triển KHTC



Bà Hoàng Việt Phương
Giám Đốc Phân tích & TVĐT KHTC

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN



Ông Bùi Thế Tân
Giám Đốc Khối



Ông Nguyễn Duy Linh
Phó Giám Đốc Khối



Bà Đỗ Thị Thanh Thuý
Phó Giám Đốc Khối



Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo
Giám Đốc Nghiệp vụ - Vận hành



Ông Nguyễn Đức Hùng Linh
Giám Đốc Phân tích & TVĐT KHCN



Bà Lê Thị Thanh Tâm
Giám Đốc Phát triển SP

NGUỒN VỐN & KD TÀI CHÍNH

ĐẦU TƯ



Bà Nguyễn Vũ Thuỳ Hương
Giám Đốc Khối

KHỐI HỖ TRỢ



Bà Đoàn Ngọc Ly Ly
Giám Đốc Vận hành



Bà Đỗ Thị Quỳnh
Giám Đốc Nhân sự



Ông Yam Wai On (Steve Yam)
Giám Đốc Hệ thống CNTT



Bà Lương Lan My
Giám Đốc Truyền thông



Bà Vũ Thị Thu Trang
Trưởng phòng Hành chính

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

KINH TẾ VIỆT NAM 2018

TĂNG TRƯỞNG VƯỢT MỌI KỲ VỌNG

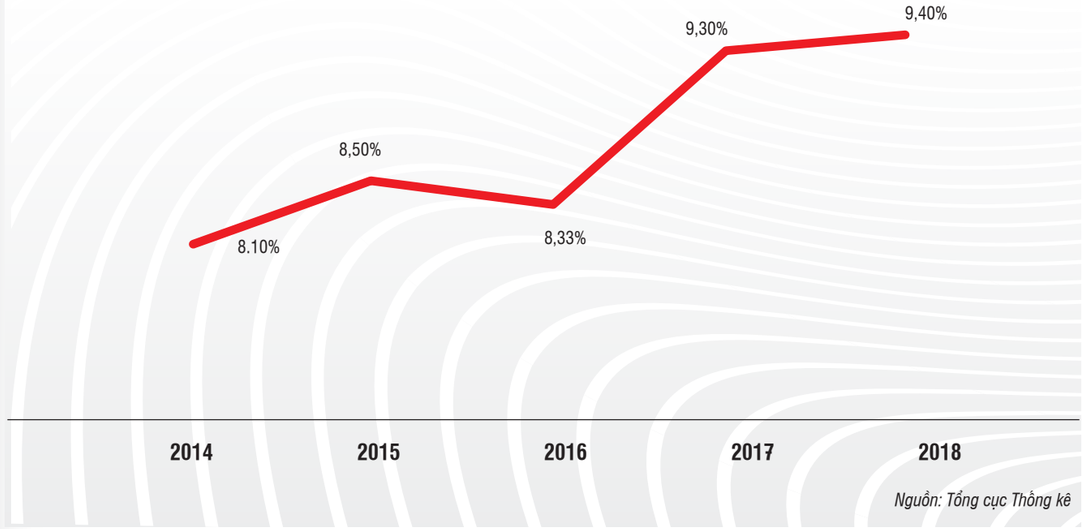
Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2018 đạt 7,08% - mức cao nhất kể từ năm 2007, thuộc nhóm dẫn đầu trên toàn thế giới. Xét theo ngành, động lực tăng trưởng đến chủ yếu từ ngành công nghiệp chế biến chế tạo (+12,98%) và xây dựng (+9,1%), cũng như từ ngành nông nghiệp với mức tăng trưởng cao nhất trong 6 năm.

Xét theo tổng cầu, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,17% và hình thành tài sản cố định tăng 8,22% so với cùng kỳ. **Doanh số bán lẻ** có mức tăng trưởng danh nghĩa là 11,7% và tăng trưởng thực tế tương tự như năm ngoái (9,4% so với 9,3%).

Đối với **ngành du lịch**, Việt Nam đã đón 15,5 triệu lượt khách du lịch quốc tế, tăng mạnh 20% so với cùng kỳ.

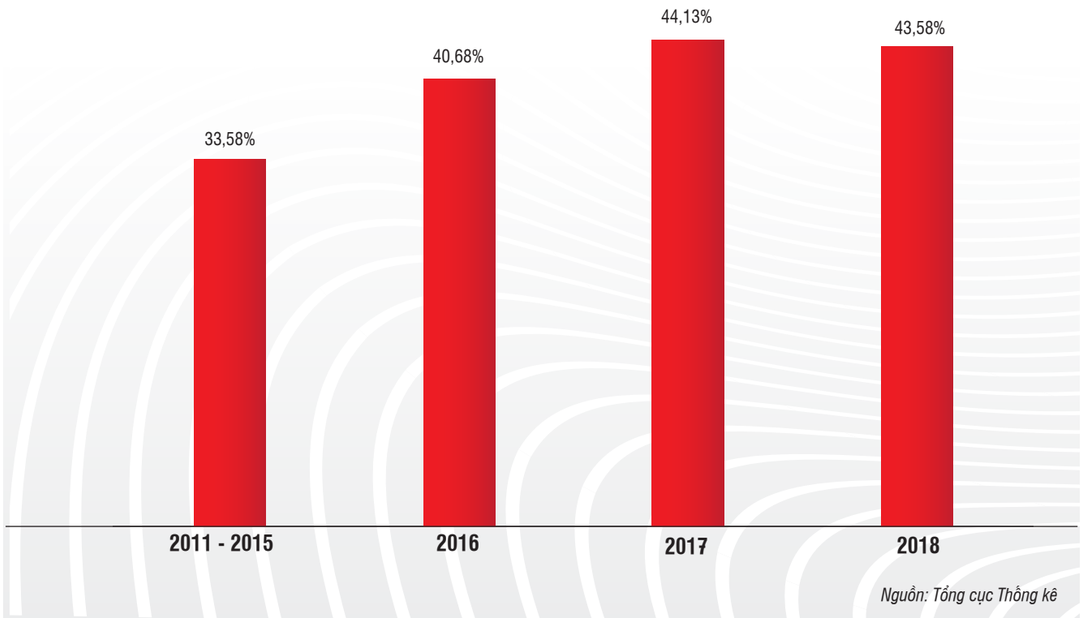
Tăng trưởng cao còn đi kèm với **lạm phát** thấp, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình tăng 3,54% so với năm trước, thấp hơn mục tiêu 4% của Chính Phủ. Các yếu tố chủ yếu làm tăng CPI năm 2018 bao gồm: giá xăng dầu, dịch vụ y tế, thực phẩm, và học phí. Lạm phát cơ bản ở mức khá thấp, trung bình chỉ tăng 1,48% so với cùng kỳ.

Tăng trưởng của tổng mức bán lẻ (sau khi loại trừ lạm phát) giai đoạn 2014 - 2018



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) giai đoạn 2011 - 2018



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Trên thực tế, mức tăng trưởng năm nay gần với mức đỉnh gần đây nhất đạt được trong giai đoạn 2005 -2007. Sự khác biệt nằm ở chất lượng tăng trưởng. Trong giai đoạn 2006 - 2007, tỷ lệ năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng GDP là khá nhỏ (khoảng 5%), trong khi con số này đạt 43,5% cho năm 2018 (trung bình 2016 - 2018: 43,29%). Điều này có nghĩa là để đạt được cùng một mức tăng trưởng, Việt Nam giờ đây cần ít vốn hơn, và có năng suất lao động cao hơn. Nhìn vào dữ liệu, có thể thấy rõ rằng sự cải thiện trong lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo và xây dựng, cùng với lạm phát được kiểm soát là các tác nhân chính cho sự tăng trưởng ấn tượng này.

Về mặt **Đầu tư**, tổng vốn đầu tư tăng 11,2% so với cùng kỳ (khoảng 80 tỷ USD, tương đương 33,5% GDP), và một lần nữa, khu vực tư nhân dẫn đầu về tăng trưởng (+18,5% so với cùng kỳ), tiếp theo là khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (+9,6% so với cùng kỳ) và sau đó là khu vực công (+3,9% so với cùng kỳ). Đặc biệt, khu vực công chỉ tính bao gồm 100% Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), do đó, có thể có một số khoản đầu tư của các doanh nghiệp khác mà sở hữu nhà nước một phần, được tính vào khu vực tư nhân.

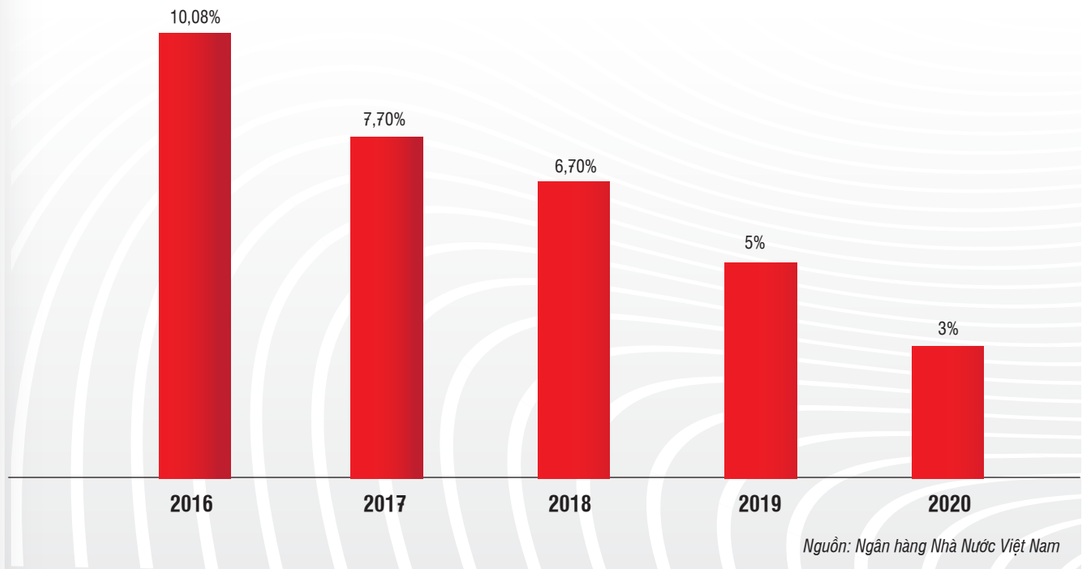
Đối với **hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)** nói riêng, SSI nhận thấy sự phục hồi ấn tượng của dòng vốn FDI vào Việt Nam trong tháng cuối cùng của năm 2018. Nhờ đó, vốn FDI đăng ký mới đã tăng thêm 2,22 tỷ USD và giúp cho mức giảm vốn FDI đăng ký mới năm 2018 xuống chỉ còn khoảng 13,83% so với cùng kỳ, đạt tổng cộng 25,6 tỷ USD.

Vốn đầu tư FDI giải ngân đạt xấp xỉ 2,6 tỷ USD vào tháng 12 năm 2018, tăng mạnh +73% so với cùng kỳ; đưa con số cả năm tăng lên 19,1 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Với việc mức vốn FDI đăng ký mới tương đối cao như vậy được duy trì (tương ứng 1,85 lần mức giải ngân hàng năm), lượng vốn FDI thực hiện năm 2019 có thể được đảm bảo sẽ tăng trưởng hơn nữa.

Đối với **hoạt động đầu tư nước ngoài gián tiếp (FII)**, tổng số vốn đạt 9,89 tỷ USD năm 2018, tăng mạnh gần +60% so với năm 2017. Tổng cộng, đầu tư nước ngoài đã đăng ký (FDI cộng với FII) là khoảng 35,46 tỷ USD.

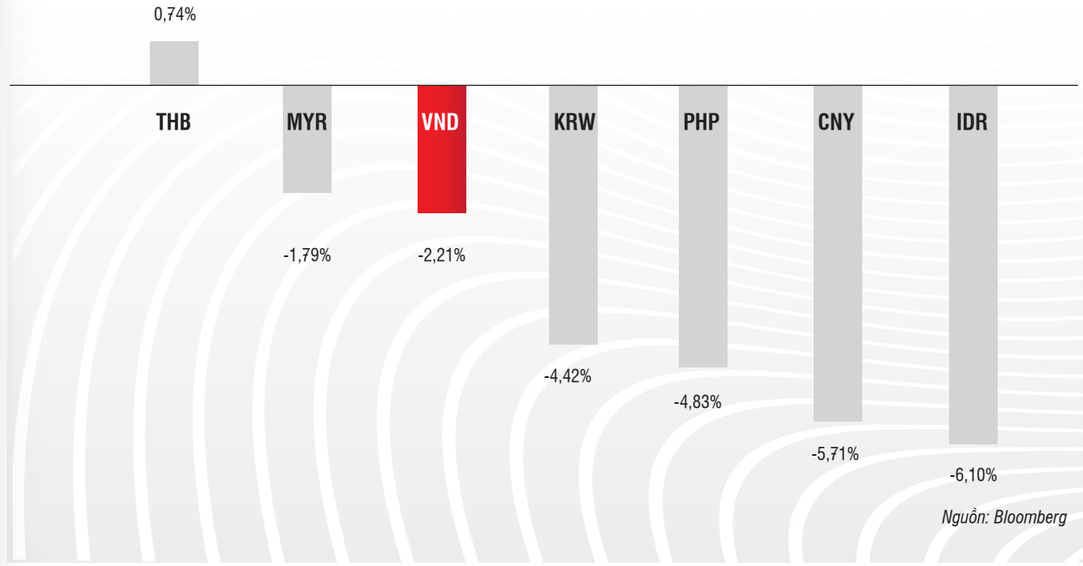
Về mặt tiền tệ, **tổng phương tiện thanh toán** tăng 12,5% so với cùng kỳ (năm 2017 tăng 14,19%) và **tăng trưởng tín dụng** đạt 14% (năm 2017 tăng 18,1%). Điều này cho thấy chính sách tiền tệ ngày càng thắt chặt hơn, bắt đầu từ nửa sau năm 2018 khi tăng trưởng cao đạt kỳ vọng và mức biến động toàn cầu gia tăng. Về **hoạt động tài khóa**, có thể thấy ngân sách thặng dư cao cho tới những tháng cuối năm, tuy nhiên số liệu cả năm có thể vẫn được báo cáo là thâm hụt, vì thông thường các khoản chi ngân sách được phép chuyển tiếp sang năm 2019. SSI có thể khẳng định ngân sách nhà nước ở mức tích cực vào cuối năm 2018. Nguyên nhân là do Chính Phủ chi tiêu ít hơn dự kiến, mức chi cho đầu tư phát triển chỉ ở mức 65,1% kế hoạch cả năm.

Nợ xấu trong hệ thống ngân hàng giai đoạn 2016 – 2020



Nguồn: Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam

Tỷ giá USD so với VND và các đồng tiền châu Á năm 2018

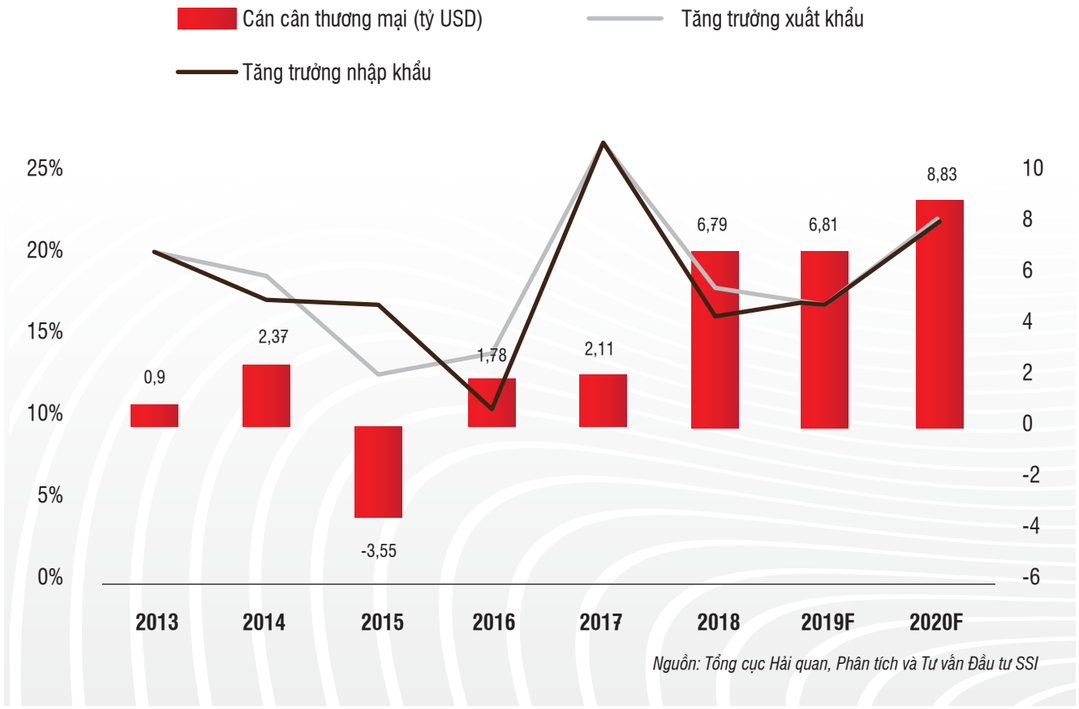


Nguồn: Bloomberg

Yếu tố ấn tượng nhất đối với Việt Nam trong năm qua là hoạt động xuất nhập khẩu, với mức **tăng trưởng xuất khẩu là 13,2%** so với cùng kỳ, đạt 243,5 tỷ USD và **tăng trưởng nhập khẩu là 11,1%** so với cùng kỳ, đạt 236,7 tỷ USD. Nhờ vậy, **cán cân thương mại Việt Nam đạt thặng dư cao kỷ lục - 6,8 tỷ USD.** Các nhóm sản phẩm có mức tăng trưởng xuất khẩu khá bao gồm máy móc thiết bị (+28,2%), máy ảnh (+37,8%), dệt may (+16,7%).

Các yếu tố chính thúc đẩy thặng dư thương mại đến từ **xuất khẩu ròng điện thoại di động tăng mạnh** (33,21 tỷ USD năm 2018 so với 28,84 tỷ USD năm 2017), nhờ tỷ trọng nội địa hóa trong sản xuất điện thoại di động tăng lên và tác động thay thế nhập khẩu, trong đó đặc biệt là việc đưa vào hoạt động Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn và tác động từ dự án thép Formosa.

Tăng trưởng xuất khẩu, nhập khẩu và cán cân thương mại



Nguồn: Tổng cục Hải quan, Phân tích và Tư vấn Đầu tư SSI

Tuy nhiên, các nhân tố thiếu ổn định vẫn hiện hữu trong năm 2018. Nổi bật là việc mất giá của VNĐ khá mạnh trong nửa cuối năm (ảnh hưởng tiêu cực từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung), thị trường bất động sản có nhiều biến động (ảnh hưởng của dự án Luật Đặc khu hay từ việc nguồn cung khá hạn chế do các vướng mắc về luật pháp).

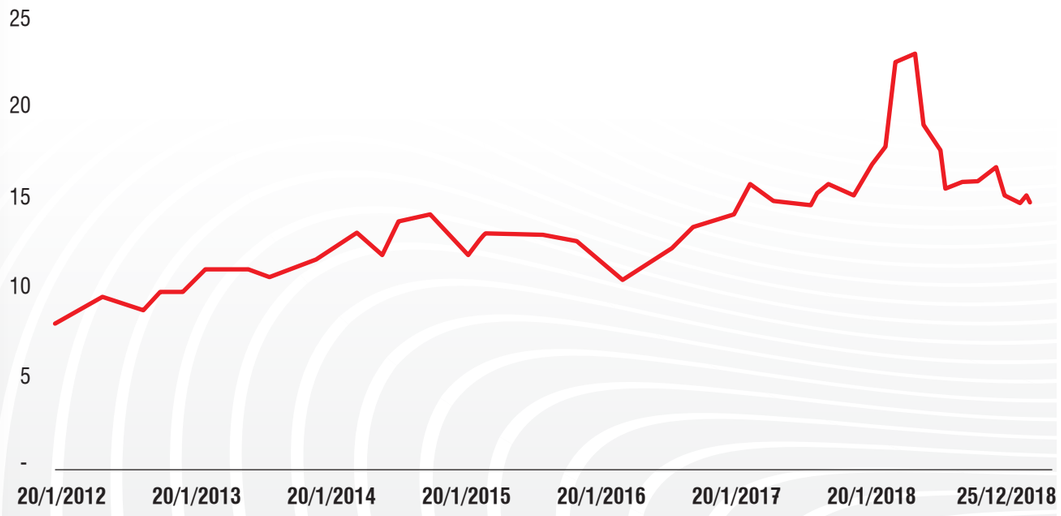
THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2018

Thị trường Chứng khoán (TTCK) Việt Nam năm 2018 chưa có sự phát triển về cơ sở Nhà đầu tư, nhóm Nhà đầu tư tổ chức vẫn ở quy mô không lớn và chỉ chiếm khoảng 16% tổng giao dịch hàng ngày của thị trường. Những nhân tố bất ổn của thị trường thế giới như rủi ro chiến tranh thương mại, việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) tăng lãi suất, tăng trưởng chậm lại trên quy mô toàn cầu, hay các yếu tố trong nước như tỷ giá, đều có ảnh hưởng tiêu cực tới tâm lý chung của toàn thị trường.

Cụ thể, các nhân tố như tỷ giá, lãi suất đều biến động khá mạnh trong năm 2018. Về tỷ giá, tuy đồng Việt Nam có mức mất giá khá thấp (2,4% trong năm 2018), nhưng những biến động mạnh trong tháng 7 tạo ra kỳ vọng tiêu cực, đặc biệt khi đồng Nhân Dân Tệ liên tục mất giá mạnh. Lãi suất đã tăng nhanh hơn dự báo, lãi suất cho vay tăng khoảng 0,7 - 1% và lãi suất tiền gửi tăng khoảng 0,5 – 0,7% tính đến cuối năm 2018. Điều này đã làm các Nhà đầu tư trên TTCK và bất động sản trở nên thận trọng hơn rất nhiều, và tâm lý ngại rủi ro đã trở nên phổ biến. Mọi việc đã thay đổi chóng mặt so với năm 2017, khi lãi suất tiền gửi chỉ là 6,5% thì mức P/E của thị trường ở mức 15 - 16x, trong khi trong năm 2018 P/E chỉ ở mức 12 - 13x còn lãi suất tiền gửi tăng lên mức 8%. Tỷ lệ cổ tức trên thị giá của TTCK Việt Nam cũng giảm từ mức 6,8% trong năm 2015 xuống mức 4,1% vào năm 2018. Điều này cũng làm cho cổ phiếu trở nên kém hấp dẫn, nếu so sánh với các kênh đầu tư khác mới nổi lên ví dụ như trái phiếu doanh nghiệp, vốn có thể có mức lợi suất cao hơn 2% so với lãi suất tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng.



Chỉ số P/E của Thị trường Việt Nam giai đoạn 2012 – 2018

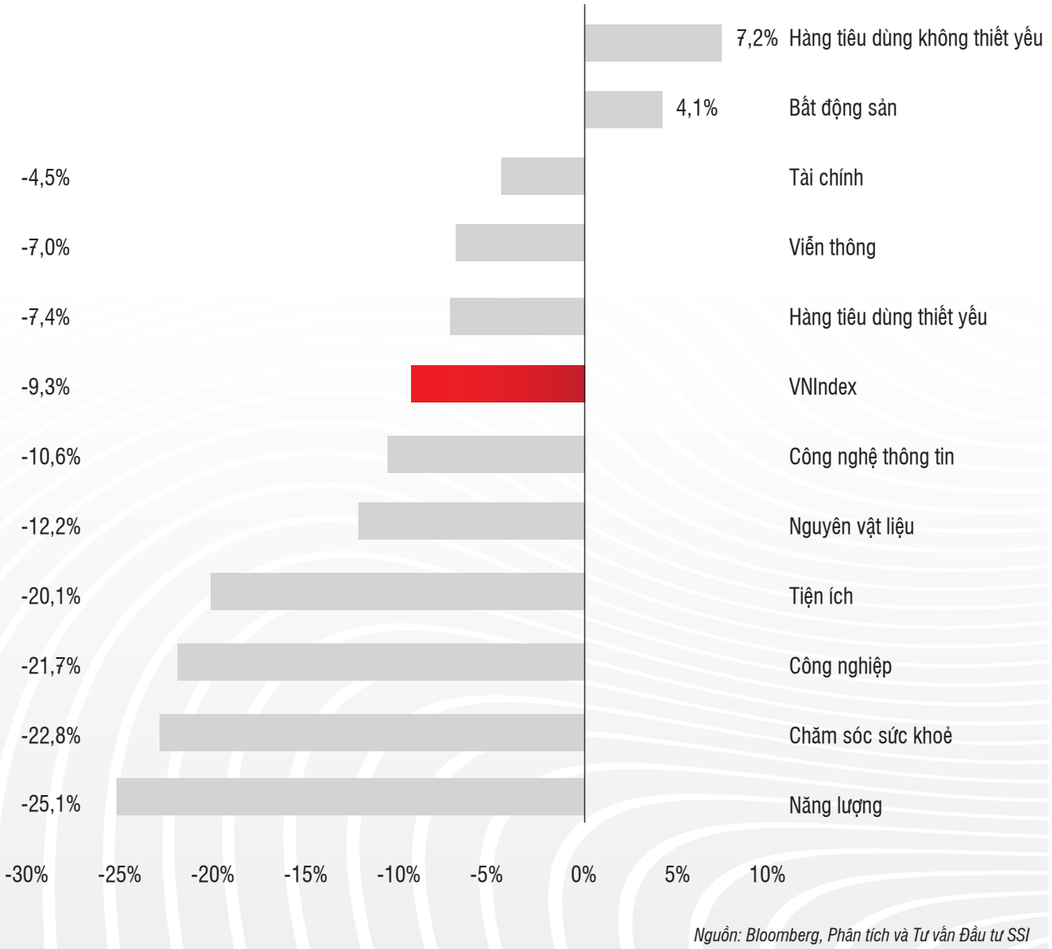


Nguồn: Phân tích và Tư vấn Đầu tư SSI

Một đặc điểm khác của thị trường là mặc dù Nhà đầu tư cá nhân chiếm tỷ trọng giao dịch rất lớn, nhưng họ lại theo dõi sát các giao dịch của các Nhà đầu tư tổ chức nước ngoài. Lý do có thể là do Nhà đầu tư tổ chức nước ngoài thường phải mua cổ phiếu với mức giá cao hơn mức giá mà Nhà đầu tư trong nước có thể mua, do hạn chế về tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài, và cơ chế hai giá đối với Nhà đầu tư trong và ngoài nước (đối với các cổ phiếu mà tỷ lệ sở hữu nước ngoài đã đạt mức trần). Vấn đề giới hạn sở hữu đầu tư nước ngoài không mới, nhưng đây vẫn là rào cản lớn nhất của TTCK Việt Nam trên con đường nâng hạng lên thị trường mới nổi.

Hoạt động bán cổ phần lần đầu ra công chúng (IPO) của cả DNNN và Doanh nghiệp Tư nhân đều diễn ra mạnh mẽ, và Việt Nam đã trở thành thị trường IPO lớn nhất Đông Nam Á trong năm 2018. Tuy nhiên, mọi thứ trở nên xấu đi khá nhanh trong giai đoạn nửa cuối năm, khi hoạt động IPO/ thoái vốn của khối DNNN chậm lại. Bên cạnh đó, tâm lý của các Nhà đầu tư trở nên bi quan hơn khi việc tham gia IPO, kể cả đối với khối Nhà nước hay Tư nhân, đều dẫn tới thua lỗ khá nặng nề trong giai đoạn này.

Biến động giá cổ phiếu các ngành trong năm 2018



Nguồn: Bloomberg, Phân tích và Tư vấn Đầu tư SSI

"Vấn đề giới hạn sở hữu đầu tư nước ngoài không mới, nhưng đây vẫn là rào cản lớn nhất của TTCK Việt Nam trên con đường nâng hạng lên thị trường mới nổi"





TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2019
VƯƠN LÊN QUA BẤT ỔN

Quỹ đạo tăng trưởng cao của Việt Nam có thể sẽ kéo dài sang năm 2019, nhờ năng lực sản xuất mới và nguồn vốn FDI ổn định. Kế hoạch của Quốc Hội đã phê duyệt cho các chỉ tiêu vĩ mô năm 2019, với mức tăng trưởng GDP ở mức 6,6 - 6,8%, CPI trung bình khoảng 4% và thâm hụt ngân sách ở mức 3,6% GDP. Mục tiêu của Chính Phủ có thể sẽ ở mức cao trong ngưỡng chỉ tiêu kế hoạch của Quốc Hội, vì Chính Phủ muốn thúc đẩy tăng trưởng và cải cách để hoàn thành kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

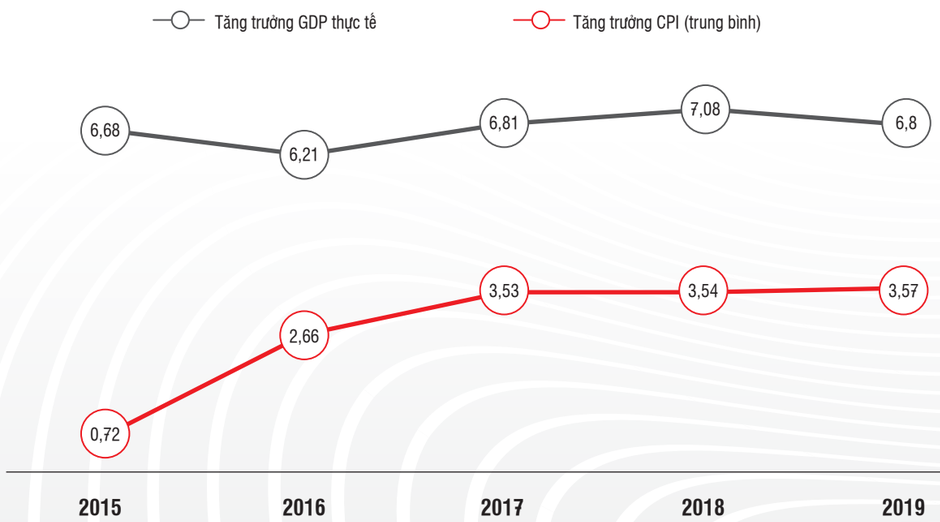
Năm 2019, Việt Nam tiếp tục là **một địa điểm thay thế rất được ưa thích** cho việc đặt cơ sở sản xuất hoặc dịch chuyển từ các quốc gia khác trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, nhờ độ mở của nền kinh tế và có khoảng cách địa lý thuận lợi với các trung tâm sản xuất khác của thế giới. Do đó, ngành công nghiệp chế biến chế tạo có thể duy trì động lực hiện tại, nhờ vào năng lực sản xuất mới và dòng vốn FDI ổn định. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh xây dựng các dự án cơ sở hạ tầng cũng có thể là một động lực tăng trưởng trong 6 tháng cuối năm 2019, nếu đầu tư công tăng tốc trở lại trong những năm cuối của kế hoạch 5 năm 2016 - 2020. Những cải cách hiện tại ở Việt Nam không chỉ giới hạn trong lĩnh vực DNNN hoặc hệ thống Ngân hàng, mà còn hướng tới việc hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu thông qua một số hiệp định thương mại tự do mới, như CPTPP hoặc FTA EU - Việt Nam, vốn được trông đợi sẽ đem đến thêm làn sóng đầu tư nước ngoài mới.

Về **lạm phát**, SSI tin rằng áp lực năm nay tương đối thấp và được kiểm soát tốt. Điều này giúp thực hiện tăng giá nhiều hàng hóa, dịch vụ thuộc diện quản lý giá, thực hiện cơ chế thị trường, ví dụ điện (8,36%), than, y tế, giáo dục v.v…, hay nâng thuế bảo vệ môi trường. Giá lương thực và thực phẩm đã ở mức cao trong năm 2018, có thể trở thành bộ đệm để kiềm giữ lạm phát.

Mặt khác, sự phục hồi của giá cả hàng hóa thế giới, tác động của El Nino đối với các sản phẩm nông nghiệp và việc giảm giá trị đồng VNĐ sẽ là những rủi ro chính đối với các giả định của SSI. Quốc Hội gần đây đã nhắc nhở Chính Phủ rằng trong kế hoạch 2016 - 2020, mục tiêu lạm phát đến năm 2020 là thấp hơn 3%. Chủ trương từ Quốc Hội là cần kiểm soát lạm phát và chủ trương này có thể sẽ tiếp tục là ưu tiên quốc gia trong các năm tới.

Với việc áp lực lạm phát trong ngắn hạn giảm đi, **chính sách tiền tệ có thể không quá thắt chặt,** có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước có thêm dư địa chính sách để điều chỉnh nếu cần hỗ trợ tăng trưởng. Cụ thể, trong khi hạn mức tăng trưởng tín dụng cho năm 2019 chỉ là 14%, vẫn có cơ hội cho sự điều hành tiền tệ linh hoạt nếu tăng trưởng yêu hơn dự kiến. Trong khi đó, **chính sách tài khóa vẫn tiếp tục theo hướng hỗ trợ tăng trưởng,** giúp đẩy mạnh việc đầu tư công, đặc biệt đối với các dự án cơ sở hạ tầng.

Tăng trưởng GDP và CPI giai đoạn 2015 - 2019



Nguồn: Tổng cục Thống kê, Phân tích và Tư vấn Đầu tư SSI

Về lãi suất, nhiều khả năng lãi suất cho vay tăng lên khoảng 0,03% - 0,05% trong năm 2019. Tuy rủi ro lạm phát là không đáng kể, nhưng chi phí vốn có thể gia tăng (để tuân thủ Basel II và các yêu cầu khác từ Ngân hàng Nhà nước). SSI tin rằng các Ngân hàng sẽ tiếp tục xu hướng hiện tại trong việc đẩy mạnh cho vay tiêu dùng/cá nhân (vốn có biên lợi nhuận cao hơn). Đối với các khoản vay dài hạn như cho vay bất động sản, vốn thường có lãi suất cố định ưu đãi trong 1 - 2 năm đầu trước khi chuyển sang lãi suất thả nổi trong những năm tiếp theo. Tuy nhiên, nếu hệ thống ngân hàng tăng được vốn, lãi suất sẽ được giữ ổn định hơn.

Với việc ít có khả năng FED tăng lãi suất trong năm 2019 (thậm chí có thể giảm), **các nền tảng cho diễn biến của VNĐ vẫn được duy trì và ở mức tốt,** với lượng vốn FDI giải ngân ổn định, dòng vốn đầu tư gián tiếp nước ngoài (đầu tư vào các thương vụ IPO và thoái vốn các DNNN, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng và M&A trong khu vực tư nhân), kiều hối, thặng dư thương mại và các yếu tố khác giúp giữ cho cán cân thanh toán tổng thể thặng dư. Vì vậy, áp lực lên tỷ giá hối đoái có thể ít rõ rệt hơn so với năm 2018. Yếu tố bất ngờ sẽ là chiến tranh thương mại Mỹ - Trung diễn biến xấu trở lại, điều có thể tác động xấu đến đồng Nhân Dân Tệ và qua đó gián tiếp tác động lên VNĐ.

Về **ngoại thương**, Việt Nam vẫn có thể tiếp tục có 1 năm đạt thặng dư thương mại trong năm thứ 3 liên tiếp, dựa trên:

- Tăng trưởng xuất khẩu sản phẩm công nghiệp chế biến chế tạo (không chỉ từ điện thoại di động, mà còn từ các thiết bị điện tử khác);

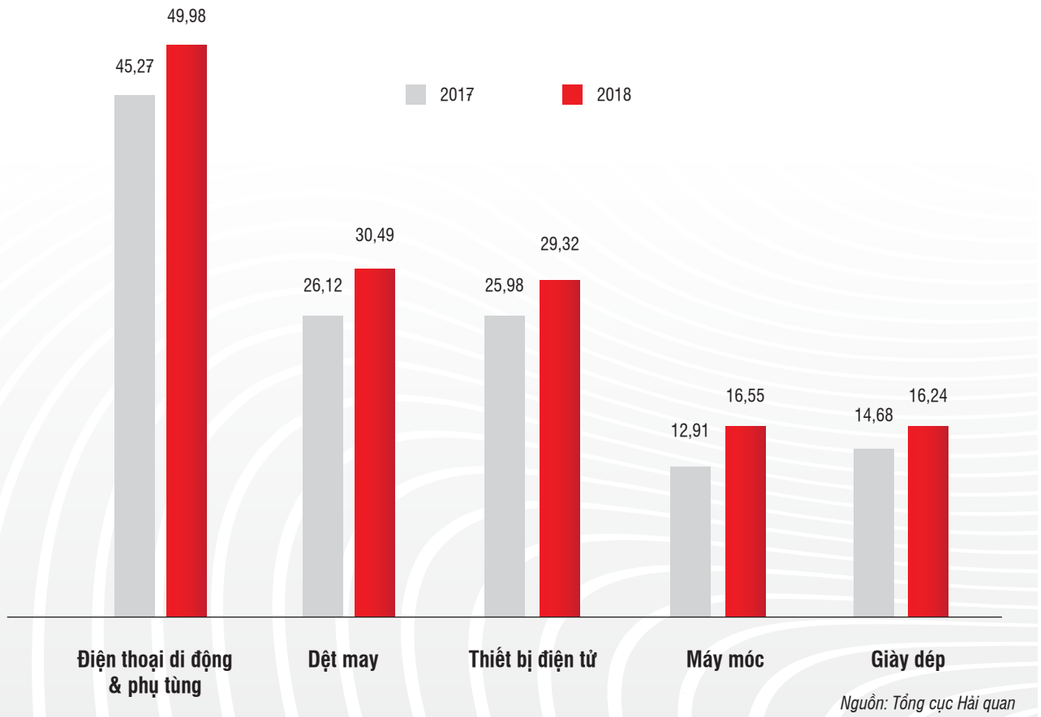
- Cải thiện xuất khẩu các sản phẩm giá trị gia tăng (không chỉ giới hạn trong chế biến, mà còn với các ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển hơn và từ chuỗi giá trị tích hợp giá trị nội địa hơn);

- Thay thế nhập khẩu (thép, sản phẩm dầu mỏ);

- Lợi ích từ cuộc chiến thương mại/các Hiệp định Thương mại Tự do mới (CPTPP, EVFTA, v.v...).

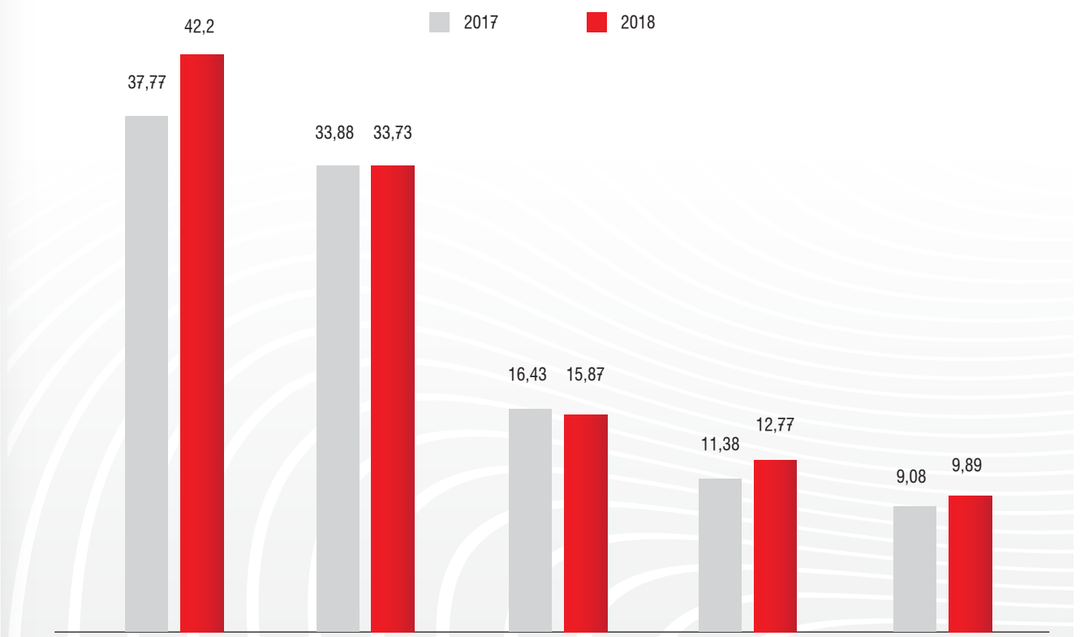
Tuy nhiên, chủ nghĩa bảo hộ và sự suy yếu của nhu cầu toàn cầu (không chỉ vì tăng trưởng chậm nói chung, mà nhu cầu yếu hơn đối với một số sản phẩm quan trọng đối với Việt Nam như điện thoại thông minh) có thể gây rủi ro lớn cho tiềm năng tăng trưởng.

Các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam giai đoạn 2017 – 2018 (Đơn vị: tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Các mặt hàng nhập khẩu chính của Việt Nam giai đoạn 2017 – 2018 (Đơn vị: tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cải cách DNNN, SSI kỳ vọng việc IPO và thoái vốn của DNNN sẽ tăng tốc trong năm 2019 - 2020. Đây là điều mà thị trường đang trông đợi sau khi chậm lại từ quý 2 năm 2018. Năm 2018 là một năm đáng thất vọng đối với công tác tư nhân hóa. Về hoạt động IPO, Chính Phủ có kế hoạch cổ phần hóa 127 DNNN trong giai đoạn 2017 - 2020 (44 doanh nghiệp năm 2018, 64 doanh nghiệp năm 2019), nhưng thực tế tiến độ thực hiện cổ phần hóa chậm hơn kế hoạch (chỉ có 24 doanh nghiệp vào năm 2017 và 3 doanh nghiệp vào năm 2018). Liên quan đến việc thoái vốn, Chính Phủ đã lên kế hoạch thoái vốn 135 DNNN trong năm 2017 (thực tế: 13) và 181 DNNN trong năm 2018 (chỉ có 18 DNNN hoàn thành tính đến tháng 11/2018). Về việc **niêm yết**, đến giữa năm 2017 có 747 DNNN cổ phần hóa chưa niêm yết. Sau rất nhiều nỗ lực, vẫn còn 667 doanh nghiệp chưa niêm yết tính đến tháng 11 năm 2018.

Về các yếu tố tích cực, quá trình chuyển giao các DNNN sang Ủy ban Quản lý Vốn Nhà nước tại các Doanh nghiệp (CMSC) đã tiến triển nhanh chóng gần đây.

Về cơ bản, CMSC sẽ trực tiếp đại diện cho sở hữu nhà nước tại 19 Tập đoàn Kinh tế và Tổng Công ty Nhà nước, việc đưa các DNNN về một mối sẽ giúp cho quá trình cải cách DNNN có nhiều thuận lợi hơn (mặc dù trước mắt vẫn còn nhiều khó khăn).

Tóm lại, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với một loạt các vấn đề trong năm 2019, với nhiều trở ngại từ sự suy thoái kinh tế toàn cầu, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng và chính sách tiền tệ thắt chặt. Tuy nhiên, lạm phát được kiểm soát và tình trạng tài khóa lành mạnh hơn có thể cho phép các nhà hoạch định chính sách có nhiều dư địa hơn trong trường hợp tăng trưởng không đạt kế hoạch, ngay cả khi kế hoạch tăng trưởng GDP chỉ ở mức 6,6 – 6,8%, thấp hơn so với mức 7,08% của năm 2018.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN 2019

Với tình hình như hiện tại, **TTCK Việt Nam cần những động lực mới**, nhân tố mới, để có thể lấy lại niềm tin của các nhà đầu tư trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều yếu tố bất ổn, đặc biệt là việc tăng trưởng chậm lại tại hầu hết các nền kinh tế lớn.

Tái cấu trúc DNNN bao gồm hoạt động IPO/thoái vốn là một nhân tố quan trọng, do bên cạnh các lợi ích về mặt vĩ mô (thu hút được vốn đầu tư nước ngoài, hỗ trợ tỷ giá), hoạt động này còn giúp thúc đẩy sự phát triển của TTCK và giúp cải thiện hoạt động quản trị doanh nghiệp. Việc có thêm nhiều doanh nghiệp lớn niêm yết từ hoạt động cổ phần hóa cũng góp phần quan trọng giúp Việt Nam có thể được nâng hạng thành thị trường mới nổi, và điều này lại là một chất xúc tác quan trọng cho đà tăng trưởng chung.

Hoạt động tái cấu trúc TTCK ở tầm vĩ mô như triển khai đề án tái cấu trúc TTCK tới năm 2020, sửa Luật Chứng khoán; hay ở tầm vi mô hơn như việc bỏ mức sàn phí giao dịch chứng khoán, đưa vào giao dịch sản phẩm mới chứng quyền có bảo đảm v.v… cũng là những yếu tố giúp thị trường có mức thanh khoản tốt hơn và thu hút được Nhà đầu tư.

Về mặt định giá, SSI cho rằng trong năm 2019 lợi nhuận của các công ty niêm yết có thể tăng khoảng 13,3% so với cùng kỳ, tuy thấp hơn năm 2018, nhưng vẫn tương đối tích cực. Mức P/E 2018 và 2019 của các cổ phiếu ở mức 15x và 13x vào cuối năm 2018, là mức khá hấp dẫn, nhưng nếu không có thêm các chất xúc tác mới thì khả năng tăng mạnh là khó có thể xảy ra, do trong giai đoạn 2013 - 2016 mức PE của thị trường luôn ở mức dưới 14x.

Các ngành có mức tăng trưởng cao trong năm 2018 như bất động sản, ngân hàng, hàng tiêu dùng không thiết yếu, công nghiệp v.v… có thể sẽ có mức tăng chậm lại trong năm 2019. Tuy vậy các ngành này vẫn sẽ tiếp tục là động lực của tăng trưởng kinh tế cũng như mang tính dẫn dắt trên TTCK. Mặc dù với Việt Nam thì các cổ phiếu tăng trưởng sẽ tiếp tục được ưa thích, nhiều khả năng các cổ phiếu phòng thủ, có mức cổ tức trên thị giá cao sẽ được các Nhà đầu tư lựa chọn trong bối cảnh còn nhiều bất ổn cả trong và ngoài nước. Các ngành như dệt may, khu công nghiệp, thương mại điện tử, bán lẻ, tiêu dùng không thiết yếu, điện cũng có thể thu hút được sự quan tâm của các Nhà đầu tư.

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH / TRIỂN VỌNG KINH TẾ 2019



SSI 2018
TỰ HÀO
VƯƠN XA

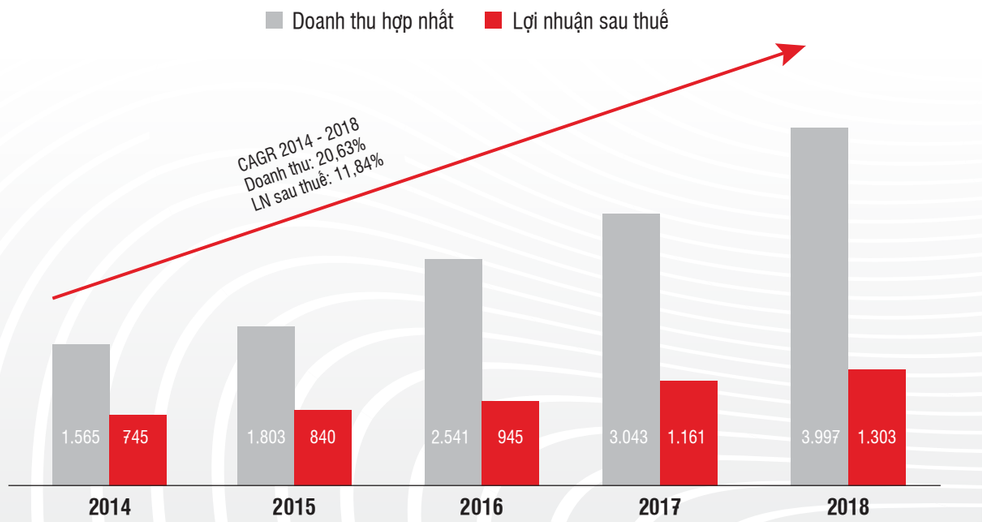
ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

KẾT QUẢ KINH DOANH 2018

Năm 2018 chứng kiến những biến động mạnh của TTCK Việt Nam cũng như chịu tác động của nhiều yếu tố bất lợi từ thị trường quốc tế. VN-Index vượt đỉnh lịch sử, xác lập mức kỷ lục ngày 10/4/2018 với 1.211 điểm. Nhưng cũng từ mức đỉnh mới này, chứng khoán Việt Nam giảm điểm mạnh, kết thúc phiên giao dịch cuối năm 2018, VN-Index dừng ở mức 892,54 điểm, giảm 26,3% so với đỉnh, và giảm 9,32% so với mức cuối năm 2017. Các CTCK nói chung và SSI nói riêng gặp nhiều khó khăn trong hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, với vị thế CTCK lớn nhất luôn có chiến lược phát triển bền vững, SSI vẫn ghi nhận kết quả kinh doanh hiệu quả, vượt mức kế hoạch kinh doanh do ĐHĐCĐ đề ra, tăng trưởng trên mọi mặt về thị phần, quy mô khách hàng, sản phẩm dịch vụ, mạng lưới chi nhánh, và đội ngũ nhân sự. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh gặp nhiều khó khăn, cạnh tranh khắc nghiệt với nhiều CTCK khác bao gồm những CTCK từ nước ngoài vào thị trường Việt Nam, SSI kiên định đi theo hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ thuộc các mảng kinh doanh chính bao gồm Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức (môi giới, lưu ký, tư vấn đầu tư), Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (tư vấn tài chính cho khách hàng doanh nghiệp), Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính và Quản lý Quỹ, nhằm cung cấp cho Khách hàng trọn gói dịch vụ, giúp cho Khách hàng có thể tối ưu hóa vốn đầu tư và linh hoạt kinh doanh.

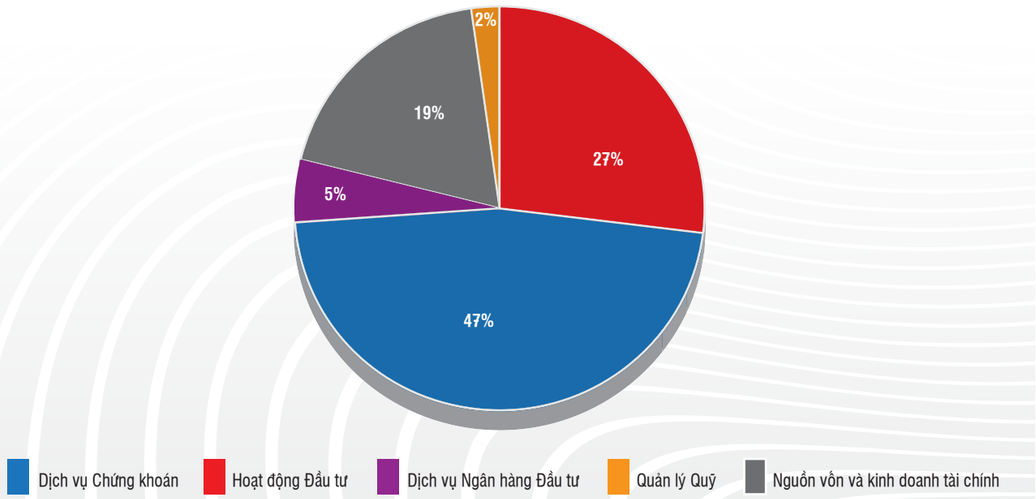
Công ty ghi nhận tổng doanh thu hoạt động và thu nhập khác hợp nhất năm 2018 đạt 3.997 tỷ VNĐ, tăng trưởng 30,9% so với năm 2017, vượt kế hoạch kinh doanh 17,2%. Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt hơn 1.623 tỷ VNĐ, tăng trưởng 15,5% và cũng vượt kế hoạch kinh doanh. Tổng tài sản tăng trưởng mạnh mẽ, ở mức 23.825,6 tỷ VNĐ, vốn chủ sở hữu đạt 9.155,6 tỷ VNĐ. Cơ cấu tài chính lành mạnh với dư nợ ngân hàng cao nhưng đối ứng là số dư tiền gửi lớn tương đương. Chi phí vận hành được kiểm soát chặt chẽ, luôn ghi nhận dưới con số kế hoạch.

Kết quả Kinh doanh giai đoạn 2014 – 2018 (Tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI

Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2018



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI

Trong hoạt động kinh doanh của **Dịch vụ Chứng khoán**, SSI đồng thời chú trọng cả Khách hàng Tổ chức và Khách hàng Cá nhân, cung cấp báo cáo phân tích định kỳ và chuyên biệt, nâng cao chất lượng tư vấn đầu tư, hỗ trợ và kết nối giao dịch hiệu quả, mở rộng mạng lưới chi nhánh và nhân viên môi giới, cung cấp sản phẩm dịch vụ tài chính thu xếp vốn vay cho khách hàng, đầu tư cải tiến công nghệ giao dịch. Năm 2018 là năm thứ 5 liên tiếp SSI đứng đầu thị phần môi giới cả năm trên sàn HOSE và HNX, lần lượt ở mức 18,7% và 11,89%. Quy mô khách hàng tăng trưởng mạnh mẽ lên trên 153 nghìn tài khoản – tăng 20% so với năm trước đó. Doanh thu năm 2018 do Dịch vụ Chứng khoán thực hiện đạt hơn 1.893,6 tỷ VNĐ – tăng trưởng 42,6%.

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư tập trung vào các hoạt động tư vấn phát hành vốn cho doanh nghiệp, tìm kiếm Nhà đầu tư kết nối các nguồn vốn, với chất lượng tư vấn cao và tích cực bám sát hỗ trợ doanh nghiệp, Khối đã thực hiện được nhiều thương vụ lớn trên thị trường trong năm 2018. Kết quả hoạt động Dịch vụ Ngân hàng đầu tư cũng vượt kế hoạch kinh doanh, đạt 125 tỷ VNĐ.

Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đóng góp vai trò lớn trong việc quản lý hiệu quả nguồn vốn của Công ty, hỗ trợ Khách hàng quản lý an toàn vốn kinh doanh, thanh toán linh hoạt và nhanh chóng, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các Ngân hàng Thương mại có thương hiệu mạnh, đi tiên phong trong việc triển khai các sản phẩm dịch vụ mới, nỗ lực phối hợp cùng Dịch vụ Chứng khoán mở rộng hoạt động cho vay ký quỹ phục vụ đông đảo Khách hàng cá nhân. Năm 2018, hoạt động Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính ghi nhận doanh thu 759,1 tỷ VNĐ, vượt kế hoạch kinh doanh.

Hoạt động Đầu tư chịu ảnh hưởng của những biến động không tích cực của thị trường nên đã trải qua 1 năm khó khăn. Tuy nhiên, Công ty luôn theo sát chiến lược đầu tư vào những doanh nghiệp thuộc ngành kinh tế cơ bản, có tiềm năng phát triển bền vững, kịp thời thoái vốn một số khoản đầu tư đã đạt kỳ vọng hoặc không còn tiềm năng tăng trưởng, giành vốn sẵn sàng cho những cơ hội đầu tư trong năm 2019. Doanh thu từ Đầu tư năm 2018 đạt gần 1.093 tỷ VNĐ.

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM) đảm nhiệm chức năng hoạt động quản lý quỹ, tích cực tìm kiếm nhà đầu tư, tiếp tục đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm, phát triển một số quỹ gọi vốn từ nhà đầu tư tổ chức nước ngoài cũng như triển khai các sản phẩm cung cấp cho nhà đầu tư cá nhân có nhu cầu đầu tư lớn. Cuối năm 2018, SSIAM có tổng tài sản quản lý đạt 5.573 tỷ VNĐ, doanh thu Quản lý quỹ và danh mục 2018 đạt 65,5 tỷ VNĐ.

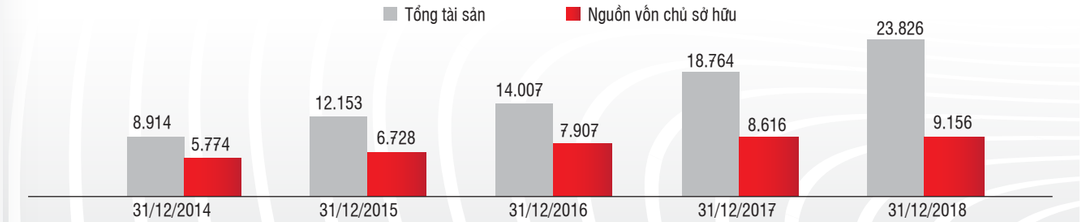
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2018

Năm 2018, tổng tài sản của Công ty có sự tăng trưởng vượt bậc từ 18.764 tỷ VNĐ (cuối 2017) lên 23.826 tỷ VNĐ, tăng gần 27%. Sự tăng trưởng này chủ yếu đến từ việc đẩy mạnh các hoạt động cho vay ký quỹ phục vụ khách hàng là nhà đầu tư cá nhân giao dịch chứng khoán và hoạt động kinh doanh nguồn vốn.

Số dư nợ ký quỹ tăng từ 5.764 tỷ VNĐ đầu năm lên 5.966 tỷ VNĐ thời điểm 31/12/2018, ở quy mô lớn nhất thị trường. Mặc dù hoạt động cho vay ký quỹ được đẩy mạnh, nhưng hoàn toàn nằm trong phạm vi kiểm soát rủi ro chặt chẽ nhờ sự phối hợp kiểm tra kiểm soát nhiều vòng của các bộ phận Kiểm soát Nghiệp vụ, Dịch vụ Tài chính, Quản trị Rủi ro và rà soát hậu kiểm định kỳ của Kiểm toán Nội bộ cùng Kiểm soát nội bộ.

Quy trình quản trị rủi ro đối với hoạt động cho vay ký quỹ được thực hiện toàn diện, từ xây dựng hệ thống chấm điểm cổ phiếu được phép vay ký quỹ, xác định các tỷ lệ hạn mức hợp lý, giám sát biến động rủi ro tiềm tàng hàng ngày, đến tuân thủ kỷ luật quản lý rủi ro khi phát sinh các khoản vay chạm ngưỡng cảnh báo. Công tác quản lý rủi ro chặt chẽ vừa hỗ trợ Khách hàng thực hiện giao dịch đầu tư linh hoạt, an toàn vừa đảm bảo bảo toàn vốn cho Công ty, năm 2018 SSI không phát sinh nợ xấu. Hoạt động cho vay được đánh giá khá hiệu quả vì trải qua 1 năm nhiều thăng trầm, dư nợ cho vay có lúc lên tới mức kỷ lục trên 7.043 tỷ VNĐ có lúc giảm về 5.000 tỷ VNĐ, nhưng không phát sinh rủi ro. Mức lãi suất cho vay bình quân trên 12% trên tổng dư nợ cho vay đã đóng góp nguồn doanh thu đáng kể chiếm hơn 19% trong tổng doanh thu hoạt động của Công ty.

Tăng trưởng Tài sản hợp nhất và Nguồn vốn Chủ sở hữu giai đoạn 2014 – 2018 (tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI

Ngoài hoạt động cho vay ký quỹ, tài sản tăng trưởng chủ yếu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn, đó là số dư tiền gửi kỳ hạn tại ngân hàng. Tổng số dư tiền gửi tại ngân hàng tăng từ 8.228 tỷ VNĐ cuối năm 2017 lên 12.939 tỷ VNĐ, tương ứng mức tăng 57%. Tài sản này hoàn toàn được tài trợ bằng nguồn vốn vay từ các Ngân hàng Thương mại và một vài nguồn huy động khác mà không sử dụng đến vốn chủ sở hữu. Mức chênh lệch lãi suất bình quân giữa lãi suất vay và lãi suất tiền gửi là 1,5%. Hoạt động kinh doanh nguồn vốn không chỉ đem lại 1 phần doanh thu cho Công ty, mà những con số ấn tượng này còn thể hiện tín nhiệm cao của SSI, tính chất chuyên nghiệp và năng động trong quan hệ kinh doanh với các Ngân hàng Thương mại. Không những vậy, hoạt động tích cực này còn đem lại những lợi ích khác như xây dựng được quan hệ thanh toán chi phí thấp, nhanh chóng và hiệu quả trong dịch vụ thanh toán cho Nhà đầu tư. Công tác quản lý rủi ro đối với hoạt động kinh doanh nguồn vốn cũng rất chặt chẽ, các ngân hàng đối tác cho vay và nhận tiền gửi đều là những ngân hàng lớn có tín nhiệm cao, thanh khoản được bảo đảm tuyệt đối thông suốt. Trong năm 2018 Công ty không phát sinh chậm trễ thanh toán hay tranh chấp nào liên quan đến các hợp đồng vay và gửi.

Tương ứng với tăng trưởng về tài sản là tăng trưởng về nguồn vốn của Công ty. Năm 2018, Công ty chỉ tăng vốn rất nhỏ trong phạm vi phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động chủ chốt (ESOP) tương đương 100 tỷ VNĐ. Nguồn vốn chủ sở hữu đạt gần 9.156 tỷ VNĐ năm 2018, tăng từ 8.616 tỷ VNĐ cuối 2017.

Nguồn còn lại bao gồm chủ yếu là vay ngân hàng với số dư nợ vay ngắn hạn từ ngân hàng cuối 2018 là 11.193 tỷ VNĐ, số dư trái phiếu chuyển đổi của SSI là 1.150 tỷ VNĐ. Thương vụ ấn tượng năm 2018 là SSI đã phát hành thành công 1.150 tỷ VNĐ trái phiếu chuyển đổi cho đối tác nước ngoài ở mức lãi suất thấp, thể hiện mức độ tín nhiệm rất cao của Công ty. Mặc dù nguồn vốn vay và phát hành trái phiếu tăng trưởng ở quy mô lớn nhưng SSI luôn bảo đảm thanh khoản ở mức cao nhất, năm 2018 cũng như trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty chưa bao giờ phát sinh sự cố rủi ro về thanh khoản, không để phát sinh nợ xấu. Hoạt động huy động vốn chủ yếu thực hiện bằng tiền VNĐ, có 1 khoản vay bằng ngoại tệ từ ngân hàng nước ngoài – ngân hàng Sinopac Hongkong nhưng được bảo đảm rủi ro tỷ giá bằng hợp đồng hoán đổi ngoại tệ. Như trên đã trình bày, nguồn vốn vay của Công ty chủ yếu để đáp ứng các giao dịch tăng trưởng tài sản là tiền gửi ngân hàng nên có thể coi như không tiềm tàng rủi ro tín dụng. Hoạt động tiền gửi hết sức linh hoạt, và luôn luôn được ký dự phòng kèm theo hạn mức vay thấu chi, cùng với dự đoán chuẩn xác về biến động lãi suất nên công ty cũng không gặp rủi ro về lãi suất vay.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Kết quả kinh doanh	2014	2015	2016	2017	2018
Doanh thu thuần (VNĐ)	1.564.510.137.885	1.802.941.289.604	2.540.929.472.830	3.043.190.092.433	3.938.662.332.650
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (VNĐ)	859.922.881.979	1.048.759.561.596	1.141.560.999.946	1.392.314.526.117	1.567.029.926.018
Tổng lợi nhuận trước thuế (VNĐ)	927.840.400.057	1.053.797.641.057	1.144.062.998.942	1.405.021.409.033	1.623.213.463.955
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ (VNĐ)	744.830.193.840	841.566.556.381	946.703.413.703	1.161.852.985.813	1.304.930.180.565

Bảng cân đối tài sản	2014	2015	2016	2017	2018
Tổng tài sản (VNĐ)	8.914.435.465.737	12.153.431.597.528	14.006.830.388.635	18.764.375.171.848	23.825.626.725.361
Vốn điều lệ (VNĐ)	3.537.949.420.000	4.800.636.840.000	4.900.636.840.000	5.000.636.840.000	5.100.636.840.000
Tổng số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền	464.358.318	471.713.404	480.436.945	490.089.282	499.834.406
Nguồn vốn chủ sở hữu (VNĐ)	5.773.805.744.525	6.727.609.014.290	7.906.811.867.993	8.616.249.695.902	9.155.664.527.633

Cơ cấu tài sản	2014	2015	2016	2017	2018
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	71,9%	90,30%	90,41%	91,81%	93,47%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	28,1%	9,70%	9,59%	8,19%	6,53%

Cơ cấu nguồn vốn	2014	2015	2016	2017	2018
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	35,2%	44,64%	43,55%	54,08%	61,57%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	64,8%	55,36%	56,45%	45,92%	38,43%

Tỷ suất lợi nhuận	2014	2015	2016	2017	2018
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	8,4%	6,91%	6,74%	6,19%	5,47%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	13,1%	12,6%	12,1%	13,6%	14,3%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	21,1%	17,49%	19,28%	23,22%	25,54%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	47,6%	46,58%	37,18%	38,15%	33,08%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS (VNĐ)	1.492	1.658	1.843	2.208	2.428

Khả năng thanh toán	2014	2015	2016	2017	2018
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	2,06	2,33	2,17	1,84	1,65
Chỉ số thanh toán nhanh (Tiền & khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	1,33	2,28	2,13	1,81	1,65

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

ĐIỂM NHẤN 2018

- SSI tiếp tục khẳng định vị trí số 1 về thị phần môi giới cổ phiếu và chứng chỉ quỹ (CCQ) trên cả 2 Sở HOSE và HNX, cụ thể như sau: thị phần tại HOSE đạt 18,70% - tăng 2,5% so với năm 2017; thị phần tại HNX đạt 11,89% - tăng 0,49% so với năm 2017. Tính chung trên 2 Sở, thị phần SSI tiếp tục đứng đầu toàn thị trường, đạt 17,44% - tăng 2,18% so với năm 2017, riêng thị phần môi giới Khách hàng Nước ngoài đạt 25,25% - tăng hơn 20%.
- Dịch vụ Chứng khoán (DVCK) SSI ghi nhận tăng trưởng ấn tượng về kết quả kinh doanh: doanh thu tăng 42,6% và lợi nhuận tăng 16,2% so với năm 2017.
- Dư nợ cho vay ký quỹ tăng từ 5.764 tỷ VNĐ đầu năm lên 5.966 tỷ VNĐ thời điểm cuối năm, ở quy mô lớn nhất thị trường, với mức kỷ lục trong năm đạt trên 7.043 tỷ VNĐ. Các chỉ tiêu kinh doanh khác của DVCK đều có kết quả tích cực như số lượng tài khoản mở mới, tài khoản quản lý của Nhà đầu tư cũng tăng trưởng song song với sự gia tăng của thị trường.
- SSI tiếp tục giành hầu hết các giải thưởng danh giá cho tập thể và cá nhân do tạp chí Asiamoney – tạp chí uy tín hàng đầu khu vực trao tặng. Bên cạnh đó, SSI cũng giành giải "Công ty Chứng khoán tốt nhất Việt Nam" do The Asset trao tặng và "Nhà môi giới Khách hàng Cá nhân tốt nhất Việt Nam" do Tạp chí Alpha Southeast Asia trao tặng.

SSI TIẾP TỤC KHẲNG ĐỊNH VỊ TRÍ SỐ 1 VỀ THỊ PHẦN MÔI GIỚI CỔ PHIẾU VÀ CHỨNG CHỈ QUỸ



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2018

Năm 2018, đứng trước những diễn biến khó lường từ thị trường và môi trường cạnh tranh khốc liệt, SSI gặt hái được những thành công như tăng trưởng về thị phần, doanh thu, lợi nhuận và phát triển đội ngũ, tiếp tục khẳng định vị thế số 1 tại Việt Nam.

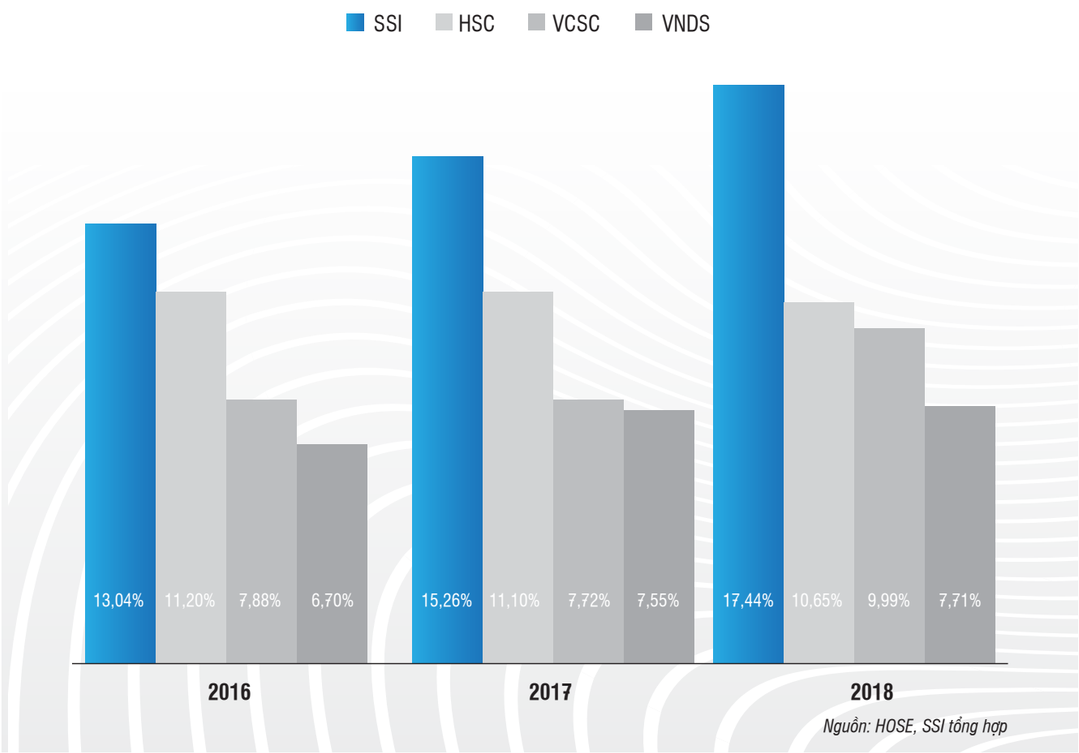
Sau một thời gian chuẩn bị nguồn lực, DVCK SSI chính thức phân tách cơ cấu quản lý thành hai khối chuyên biệt là DVCK Khách hàng Cá nhân và DVCK Khách hàng Tổ chức, nhằm chuyên môn hóa và nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ Khách hàng. Trong đó, DVCK Khách hàng Cá nhân tuyển dụng thêm 87 nhân viên môi giới - nâng tổng số nhân viên môi giới lên 566 nhân sự vào cuối năm 2018, đồng thời mở thêm 02 Phòng Giao dịch (PGD) mới: PGD Cách Mạng Tháng Tám và PGD Nguyễn Hữu Cảnh - nâng tổng số lên 17 Chi nhánh/ PGD và nhóm dự án. DVCK Khách hàng Tổ chức cũng tuyển dụng nhiều nhân sự chất lượng cao, đồng thời bổ nhiệm 02 Giám Đốc Khối đồng quản lý - 01 Giám Đốc người Mỹ có nhiều kinh nghiệm trên thị trường tài chính quốc tế, cùng 01 Giám Đốc người Việt đã có trên 10 năm kinh nghiệm làm việc tại SSI, rất am hiểu thị trường địa phương và khách hàng.

Sự thành công của SSI đến từ khả năng phối hợp chặt chẽ và hiệu quả giữa các bộ phận và hai khối Khách hàng Cá nhân – Khách hàng Tổ chức. DVCK Khách hàng Cá nhân kiên định với chiến lược "lấy khách hàng là yếu tố trọng tâm, lấy hiệu quả làm thước đo trong mọi hoạt động". Những kết quả đạt được tiếp tục là động lực để mỗi cá nhân nỗ lực phấn đấu hướng tới mục tiêu lớn hơn trong năm 2019. DVCK khách hàng Tổ chức tiếp tục chiến lược phát triển dài hạn hướng đến việc cung cấp chất lượng sản phẩm, dịch vụ hàng đầu tới khách hàng. Cơ cấu bộ phận chuyên nghiệp và nhân sự chất lượng đang từng bước được định hình và phát triển, hứa hẹn sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong tương lai với quyết tâm sớm trở lại vị trí số 1 về thị phần môi giới tổ chức nước ngoài. Các bộ phận Nghiệp vụ - Vận hành luôn đồng hành và hỗ trợ các bộ phận kinh doanh thực hiện các thủ tục và quy trình giao dịch phù hợp với chính sách và qui định.

Dưới đây là một số kết quả SSI đạt được năm 2018:

Thị phần đứng đầu toàn thị trường

Thị phần Cổ phiếu/ CCQ toàn thị trường

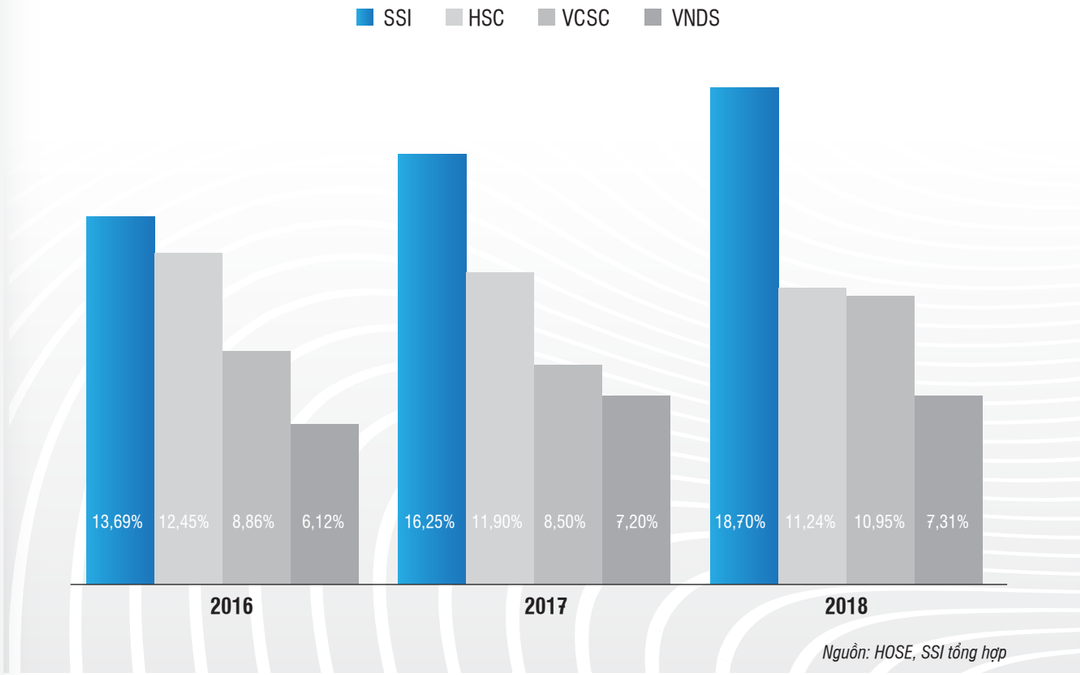


Nguồn: HOSE, SSI tổng hợp

Thị phần môi giới tiếp tục khẳng định vị trí số 1 trên thị trường về môi giới cổ phiếu và CCQ trên cả 2 Sở Giao dịch Chứng khoán HOSE và HNX, đạt 17,44% tính trên toàn thị trường - tăng 2,18% so với năm 2017.

Trong đó, thị phần tại HOSE đạt 18,70%, tăng 2,45% so với năm 2017.

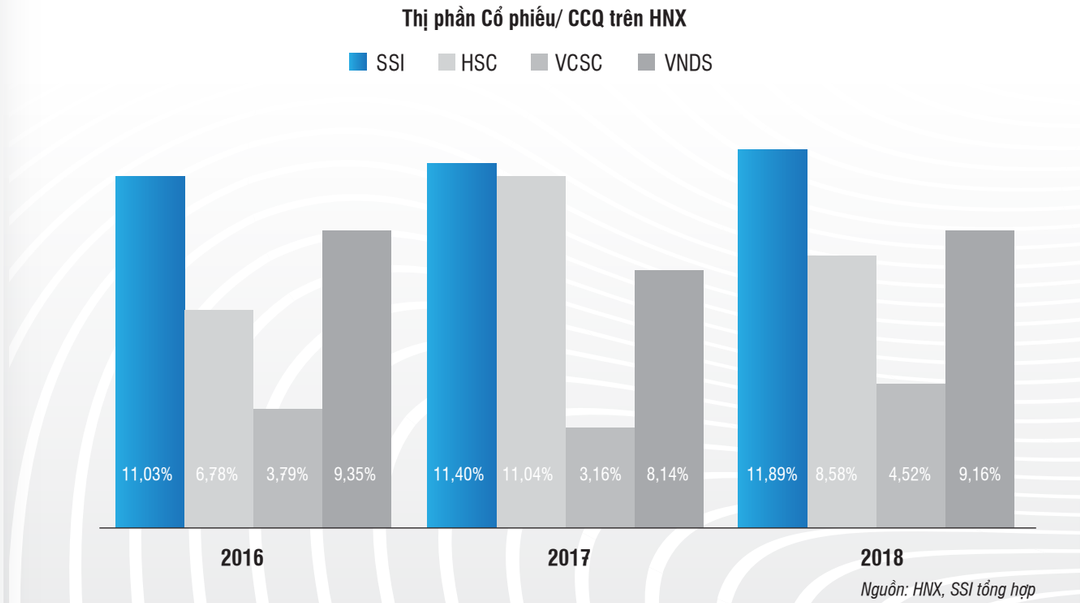
Thị phần Cổ phiếu/ CCQ trên HOSE



Nguồn: HOSE, SSI tổng hợp

Thị phần tại HNX đạt 11,89%, tăng 0,49% so với năm 2017.

Thị phần Cổ phiếu/ CCQ trên HNX

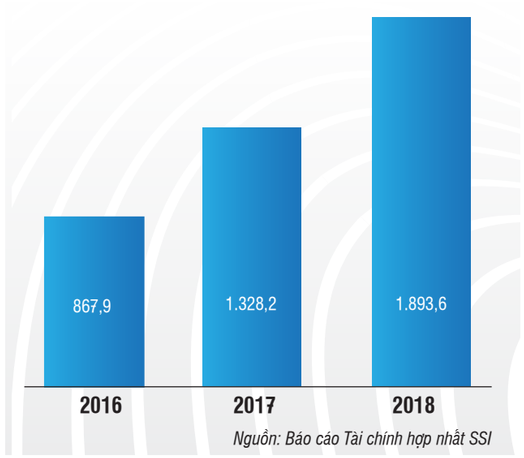


Nguồn: HNX, SSI tổng hợp

Doanh thu và lợi nhuận tăng trưởng vượt bậc

Doanh thu từ các nghiệp vụ DVCK tiếp tục tăng trưởng tốt và đều đặn qua các năm. Tổng doanh thu năm 2018 đạt 1.893,6 tỷ VNĐ, tăng 42,6% so với năm 2017. Trong đó, doanh thu từ DVCK Khách hàng Cá nhân chủ yếu đến từ phí môi giới và doanh thu từ các sản phẩm tài chính (đặc biệt là cho vay ký quỹ). Đối với DVCK Khách hàng Tổ chức, doanh thu đến từ phí môi giới giao dịch trên sàn và ngoài sàn, các khoản thu từ hợp đồng tư vấn, khuyến nghị khách hàng, hoạt động tư vấn quan hệ nhà đầu tư cho các doanh nghiệp và các hoạt động bán chéo sản phẩm cùng các mảng kinh doanh khác tại SSI.

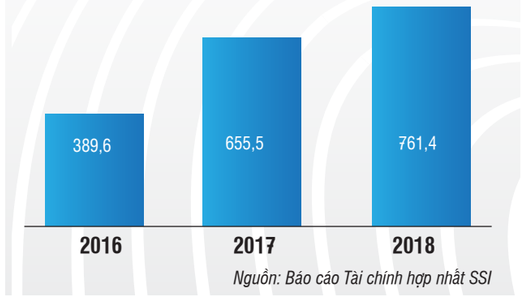
Doanh thu từ các nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán (tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo Tài chính hợp nhất SSI

Cùng với sự tăng trưởng của doanh thu, lợi nhuận của DVCK SSI năm 2018 cũng tăng trưởng mạnh đã đạt 761,4 tỷ VNĐ, tăng 16,2% so với năm ngoái.

Lợi nhuận từ các nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán (tỷ VNĐ)

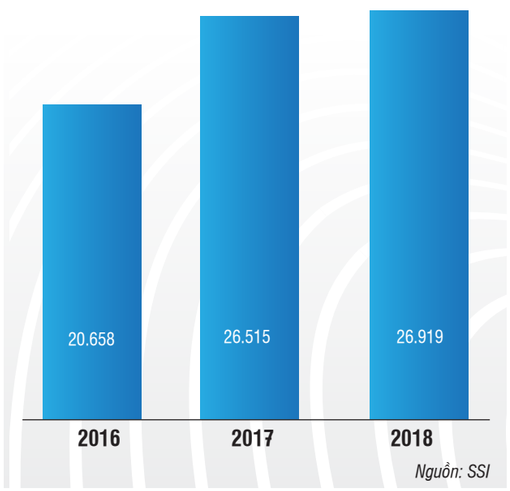


Nguồn: Báo cáo Tài chính hợp nhất SSI

Tăng trưởng Khách hàng mạnh mẽ và mở rộng mạng lưới phục vụ Khách hàng

Tính đến cuối năm 2018, SSI quản lý hơn 153.000 tài khoản, chiếm 7% số lượng tài khoản Nhà đầu tư toàn thị trường. Trong đó có 26.919 tài khoản mở mới trong năm. Sự tăng trưởng mạnh về số lượng tài khoản thể hiện chiến lược phát triển khách hàng đa dạng và thị trường trọng điểm với nhiều phân khúc khách hàng như: Khách hàng Doanh nghiệp là các Tổ chức niêm yết, Quỹ đầu tư, Công ty quản lý quỹ trong nước; Khách hàng Cá nhân giao dịch thường xuyên, Khách hàng là các tổ chức nước ngoài ở Hong Kong, Singapore, Mỹ, Nhật, Hàn Quốc, Thái Lan và Châu Âu.

Số lượng tài khoản mở mới



Nguồn: SSI

Tận dụng cơ hội phát triển của thị trường, SSI tiếp tục mở rộng mạng lưới tại các địa bàn trọng điểm tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Trong năm 2018, có thêm 02 PGD mới là PGD Cách Mạng Tháng Tám và PGD Nguyễn Hữu Cảnh. Công ty cũng thực hiện sửa sang, nâng cấp cơ sở giao dịch tại nhiều nơi trên toàn hệ thống, đảm bảo hình ảnh SSI chuyên nghiệp và tạo điều kiện giao dịch thuận tiện cho Nhà đầu tư.

Bên cạnh đó, để phục vụ Khách hàng một cách tốt nhất, SSI áp dụng chiến lược đầu tư vào chất lượng nhân viên môi giới. Năm 2018, số lượng nhân viên môi giới đã tăng từ 479 nhân sự lên 566 nhân sự vào cuối năm 2018 với quy trình tuyển dụng và đánh giá thử việc rất khắt khe, chú trọng tới yếu tố đạo đức, chuyên môn, đam mê và khát khao trong công việc. Song song với công tác tuyển dụng, hoạt động đào tạo cũng được chú trọng và triển khai định kỳ tại tất cả các Chi Nhánh/PGD nhằm định hướng môi giới trở thành những chuyên viên tư vấn đầu tư chuyên nghiệp, phục vụ Khách hàng tận tâm.

Cải thiện chất lượng dịch vụ, phát triển sản phẩm mới

Năm 2018, SSI đã chính thức ra mắt và vận hành hệ thống giao dịch chứng khoán thị trường cơ sở mới nhằm đáp ứng một cách tốt hơn nhu cầu của khách hàng với công nghệ hiện đại, khả năng kết nối tốt, kết hợp với tự động hóa nghiệp vụ, quản lý đa dạng sản phẩm, tính ổn định cao. Bảng giá iBoard sử dụng công nghệ bảng giá mới nhất hiện nay giúp việc theo dõi giá và giao dịch của Khách hàng được thực hiện nhanh và chính xác nhất.

Công ty cũng tiến hành nâng cấp Hệ thống giao dịch trực tuyến (webtrading) phái sinh, hướng tới 3 tâm điểm quan trọng: **Tốc độ, Lệnh điều kiện và Tiện ích**. Cụ thể, SSI cung cấp 6 loại lệnh điều kiện giúp nhà đầu tư có thể ứng dụng linh hoạt và đa dạng để tạo các lợi thế đầu tư, đồng thời phòng ngừa rủi ro khi giao dịch chứng khoán phái sinh. Các tính năng, tiện ích, báo cáo vị thế mở, vị thế đóng trong ngày, vị thế đóng lịch sử, sao kê tiền, quản lý lãi – lỗ, chuyển tiền v.v… cũng được hoàn thiện giúp nhà đầu tư dễ dàng theo dõi và quản lý tài khoản của mình.

Cũng trong năm 2018, SSI xây dựng thành công hệ thống kết nối thanh toán với các Ngân hàng lớn như Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (VCB), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (VietinBank), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) giúp việc chuyển tiền của khách hàng được nhanh chóng và thuận tiện.

Công ty cũng là một trong những CTCK đầu tiên tại Việt Nam phối hợp với các ngân hàng lưu ký trong nước và nước ngoài thực hiện thành công quy trình nghiệp vụ, hỗ trợ thực hiện giao dịch phái sinh cho Khách hàng Tổ chức nước ngoài.

Đối với mảng dịch vụ cho Khách hàng Tổ chức, SSI tiếp tục tăng cường mở rộng mạng lưới đối tác toàn cầu thông qua các CTCK và Ngân hàng quốc tế để cung cấp thông tin về thị trường, cũng như giới thiệu nhiều cơ hội đầu tư cho Khách hàng quốc tế. Chỉ tính riêng trong năm 2018, đội ngũ chuyên viên môi giới đã tiến hành hơn 2.000 cuộc trao đổi và tiếp xúc với các Quỹ đầu tư quốc tế, thực hiện 20 chuyến công tác tại các thị trường tài chính truyền thống như Mỹ, Anh, Singapore, Hong Kong, Hàn Quốc, Nhật Bản và Thái Lan, đồng tổ chức 2 hội thảo tài chính lớn với Citi Group và Goldman Sachs để giới thiệu gần 40 doanh nghiệp Việt Nam ra thế giới.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục hoàn thiện, tự động hóa và tối ưu quy trình nghiệp vụ, và tìm kiếm các đối tác có uy tín trong khu vực, ứng dụng hệ thống quản trị quan hệ khách hàng (CRM), quản lý chất lượng nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ Khách hàng. SSI cũng đã hoàn tất việc chuẩn bị hệ thống và quy trình vận hành sản phẩm chứng quyền có đảm bảo, sẵn sàng cung cấp sản phẩm đến nhà đầu tư trong năm 2019 theo lộ trình của HOSE.



NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

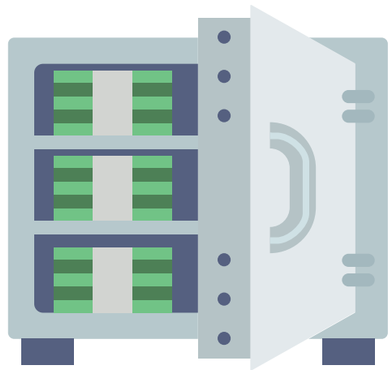


ĐIỂM NHẤN 2018

Năm 2018 là một năm khẳng định giá trị tăng trưởng bền vững của SSI cũng như Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính. Tổng tài sản của SSI đạt 23.825,6 tỷ VNĐ (tương đương 1 tỷ USD) – là mức cao nhất trong lịch sử nhờ tốc độ tăng trưởng cao và ổn định 27% so với năm 2017. Tương ứng mức lợi nhuận của Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính cũng đạt 367,2 tỷ VNĐ – tăng 139% so với 2017. Đây là kết quả của hoạt động kinh doanh nguồn vốn một cách tích cực, tiên phong trong các hoạt động triển khai sản phẩm, dịch vụ mới với Ngân hàng, đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh chung của Công ty. Bên cạnh đó, đội ngũ nhân sự vẫn tiếp tục ổn định và gia tăng những nhân sự có kinh nghiệm và thâm niên trong mảng công việc hứa hẹn một kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm 2019.

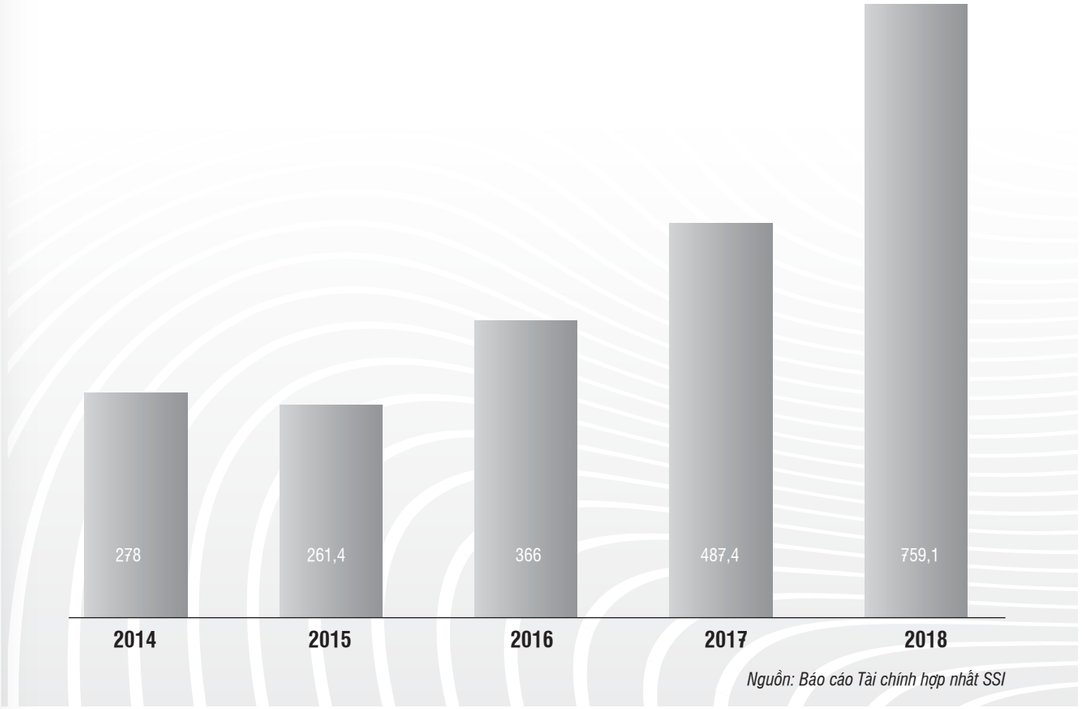
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu trên 55%, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận đạt 139% so với năm trước, tương ứng 759,1 tỷ VNĐ doanh thu và 367,2 tỷ VNĐ lợi nhuận.
- Tổng tài sản duy trì đà tăng trưởng cao 27% so với năm trước. Lần đầu tiên Công ty cán mốc tổng tài sản tương đương 1 tỷ USD (23.825,6 tỷ VNĐ).
- Đảm bảo an toàn thanh khoản cũng như đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu về vốn của khách hàng, và các Khối kinh doanh khác.
- Đa dạng hoá các đối tác là các định chế lớn trong nước, tích cực mở rộng quan hệ với các tổ chức tài chính nước ngoài.
- Xây dựng, kiện toàn và phát triển nhân sự đồng thời từng bước đẩy mạnh hoạt động kinh doanh các sản phẩm cấu trúc và phái sinh.

TỔNG TÀI SẢN CỦA SSI
CÁN MỐC 1 TỶ USD



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2018

Doanh thu Khối Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính (tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo Tài chính hợp nhất SSI

Kinh doanh nguồn vốn tiếp tục tăng trưởng ổn định trong điều kiện vĩ mô không có sự thay đổi lớn

Trong năm 2018, nhờ môi trường kinh doanh tương đối thuận lợi: mức lãi suất trên cả hai thị trường vốn và tiền tệ duy trì không quá nhiều biến động, tỷ giá được đảm bảo, thanh khoản cả tiền VNĐ và ngoại tệ đều tốt khiến cho các Nhà đầu tư cũng như thành viên thị trường có điều kiện tốt để kinh doanh. Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI đã kinh doanh có hiệu quả cả về lượng và chất thể hiện qua quy mô và tần suất giao dịch tăng trưởng đáng kể, đi cùng với hiệu quả giao dịch cao mang lại lợi nhuận tăng trưởng đột biến là một kết quả tất yếu.

SSI tiếp tục giữ vững quan điểm tập trung vào các giao dịch tài sản có kỳ hạn dài với lãi suất hợp lý so với mức độ rủi ro chấp nhận được nhằm gia tăng lợi nhuận. Cụ thể, tỷ trọng đầu tư được phân bổ vào giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng, trái phiếu doanh nghiệp, các sản phẩm phái sinh và cấu trúc đặc biệt với các Định chế tài chính lớn. Bên cạnh đó, SSI cũng từng bước thiết lập, xây dựng các sản phẩm tài chính hướng tới các đối tượng không phải là các Nhà đầu tư tài chính chuyên nghiệp thông qua việc bán chéo với các Khối kinh doanh khác trong SSI.

An toàn thanh khoản là nhiệm vụ hàng đầu luôn được đảm bảo

Trong tổng tài sản của SSI thì tiền gửi Ngân hàng luôn được duy trì ở một tỷ lệ rất cao. Năm 2018, tỷ lệ đó vẫn tiếp tục được duy trì nhằm tối ưu hóa lợi nhuận đồng thời tạo công cụ thanh khoản hỗ trợ mọi nhu cầu của khách hàng cũng như các hoạt động kinh doanh khác của SSI. Công ty tiếp tục xây dựng các hạn mức tín dụng với các định chế tài chính lớn trong và ngoài nước nhằm đảm bảo mục tiêu trên. Những thành tựu này góp phần đáng kể trong việc xây dựng SSI trở thành CTCK lớn nhất, có uy tín nhất, an toàn tài chính nhất trong hệ thống cũng như được ghi nhận tín nhiệm cao trên thị trường tài chính.

Tối ưu hoá các cơ hội đầu tư thông qua các sản phẩm giao dịch phái sinh và cấu trúc

Bộ phận Sản phẩm Cấu trúc được thành lập vào năm 2018 có chức năng thiết kế và xây dựng các sản phẩm cấu trúc và sản phẩm phái sinh như các sản phẩm về trái phiếu doanh nghiệp và hoán đổi lãi suất VNĐ (IRS). Tiếp nối thành công trong năm 2017, giá trị đầu tư trái phiếu doanh nghiệp đạt xấp xỉ 1.000 tỷ VNĐ và doanh số kinh doanh sản phẩm IRS tăng trưởng cao ở mức 8.000 tỷ VNĐ, dẫn đầu trong nhóm các CTCK.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



ĐIỂM NHẤN 2018

- Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI một lần nữa khẳng định vị trí dẫn đầu trên TTCK Việt Nam với nhiều thương vụ có giá trị đạt kỷ lục, hình thức giao dịch đa dạng như Tư vấn chào bán cổ phần của Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM – HOSE), Tư vấn chào bán riêng lẻ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPB – HOSE), Tư vấn chào bán riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE), Tư vấn cấu trúc giao dịch và đại lý thực hiện chào mua công khai cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG– HOSE), Tư vấn thoái vốn của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) tại Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP – HOSE).
- Doanh thu từ Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư năm 2018 đạt mức cao nhất trong nhiều năm gần đây –125 tỷ VNĐ.
- Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI đã trở thành cái tên tiêu biểu tại rất nhiều các giải thưởng danh giá trong và ngoài nước.

ASSET ASIA AWARDS TRIPLEA

COUNTRY AWARDS FOR ACHIEVEMENT FinanceAsia

EUROMONEY



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Năm 2018 có một khởi đầu đáng ghi nhớ khi VN-Index vượt đỉnh 1.200 điểm sau 10 năm và sự thành công của những thương vụ IPO lớn có qui mô lớn ở tầm khu vực. Tuy nhiên thị trường điều chỉnh mạnh mẽ ở nửa cuối năm khiến hoạt động huy động vốn của các doanh nghiệp có dấu hiệu chậm lại, ảnh hưởng chung từ TTCK quốc tế và trong nước. Mặc dù vậy, năm 2018 Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI tiếp tục khẳng định vị trí dẫn đầu với nhiều giao dịch đạt giá trị kỷ lục cùng hình thức giao dịch đa dạng

Một số thương vụ ấn tượng của SSI năm 2018:

VINHOMES

Nhà đồng tư vấn chào bán cổ phần của Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM – HOSE) cho các Nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị bán đạt trên 1.349 tỷ USD - đây được xem là thương vụ chào bán cổ phần cho Nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất lịch sử TTCK Đông Nam Á cũng như tại Việt Nam. Thương vụ thành công này đã mang lại cho SSI nhiều giải thưởng danh giá như "Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam về huy động vốn cổ phần cho các doanh nghiệp bất động sản" do tạp chí Euromoney trao tặng; "Thương vụ tư vấn phát hành lần đầu tốt nhất Việt Nam" tại The Asset Triple A Country Awards 2018; "Thương vụ tư vấn phát hành lần đầu tốt nhất năm 2018" và Thương vụ tư vấn phát hành lần đầu tốt nhất Việt Nam năm 2018" tại FinanceAsia Achievement Awards.

BM PLASCO BÌNH MINH

Tư vấn thoái vốn của SCIC tại Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP – HOSE) với tổng giá trị giao dịch đạt 103 triệu USD - giao dịch thoái vốn lớn nhất của SCIC tại các Doanh nghiệp Niêm yết trong năm 2018.

TPBank

Tư vấn chào bán riêng lẻ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPB – HOSE), với tổng giá trị đạt trên 94 triệu USD. Phần lớn Nhà đầu tư là các tổ chức nước ngoài, trong đó có quỹ đầu tư PYN Elite Fund, SBI Ven Holdings v.v… Đây được xem là thương vụ chào bán cổ phiếu riêng lẻ lớn thứ hai trong lĩnh vực ngân hàng trong năm 2018.

THE PAN GROUP

Tư vấn chào bán riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) với tổng giá trị đạt 35 triệu USD. Đối tác của PAN trong đợt phát hành này là Sojitz, tập đoàn đa ngành của Nhật Bản trên cơ sở hợp tác hai bên cùng có lợi dựa trên nền tảng nâng tầm các sản phẩm nông nghiệp và thực phẩm Việt Nam để phân phối thị trường trong và ngoài nước.

DHG PHARMA
Vì một cuộc sống khỏe đẹp hơn

Tư vấn cấu trúc giao dịch và là đại lý thực hiện chào mua công khai cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG – HOSE) cho Công ty Cổ phần Chế tạo thuốc Taisho (Nhật Bản) với tổng giá trị giao dịch đạt 48 triệu USD.

Bên cạnh đó, nắm bắt nhu cầu về thị trường trái phiếu trong bối cảnh TTCK điều chỉnh cuối năm, SSI tiếp tục phát triển các sản phẩm Chứng chỉ tiền gửi và Trái phiếu doanh nghiệp chào bán cho khách hàng tổ chức và cá nhân. Trong năm 2018, SSI đã làm đại lý phát hành Chứng chỉ tiền gửi cho Home Credit trị giá 153 triệu USD và làm đại lý phát hành trái phiếu cho Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HDB – HOSE), Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Đông (OCB), Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII – HOSE), Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE), Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống Cây trồng Việt Nam (NSC – HOSE) với tổng giá trị phát hành lên đến hơn 210 triệu USD.

QUẢN LÝ QUỸ (SSIAM)



ĐIỂM NHẤN 2018

- Hoạt động quản lý quỹ và danh mục đạt 65,5 tỷ VNĐ tổng doanh thu và 38 tỷ VNĐ lợi nhuận trước thuế và vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra của Công ty.
- Tiếp tục đa dạng hóa các kênh phân phối sản phẩm đầu tư của SSIAM: SSIAM đã kết nối thành công với một số đối tác tài chính lớn ở Việt Nam để phân phối các sản phẩm đầu tư, đặc biệt là sản phẩm quỹ mở tới phân khúc khách hàng tiềm năng của các đối tác này.
- Triển khai thành công hệ thống giao dịch trực tuyến quỹ mở SSIAM On The Go (SSIAM OTG) với chức năng đăng ký dịch vụ tiện lợi, đặt lệnh mọi lúc mọi nơi, an toàn và chính xác đã giúp Nhà đầu tư tiết kiệm thời gian và chủ động trong việc theo dõi quản lý tài khoản và đặt lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ.
- Nâng tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ mở SSIBF và SSI-SCA lên hàng ngày: Sự thay đổi này đã tạo thuận lợi cho Nhà đầu tư mua/bán chứng chỉ quỹ, đồng thời tăng tính thanh khoản của giao dịch chứng chỉ quỹ mở.

SSIAM KIÊN ĐỊNH VỚI MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ XUYÊN SUỐT, TẬP TRUNG ĐẦU TƯ VÀO CÁC NGÀNH NGHỀ KINH TẾ QUAN TRỌNG CỦA VIỆT NAM



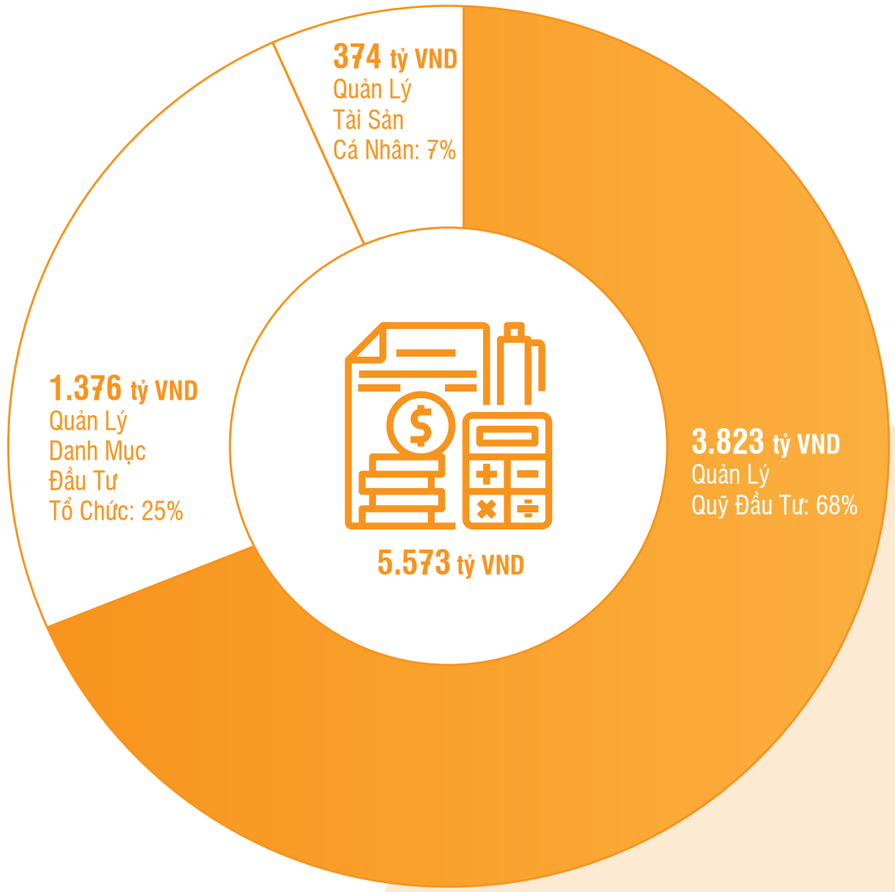
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

TTCK Việt Nam nói chung và ngành quản lý quỹ nói riêng đã trải qua một năm 2018 có nhiều biến động với những áp lực chung về sự điều chỉnh của thị trường. Đứng trước những thách thức này, SSIAM kiên định với mục tiêu và chiến lược đầu tư xuyên suốt, tập trung đầu tư vào các ngành nghề kinh tế quan trọng của Việt Nam và hướng đến các công ty với ngành nghề kinh doanh và nội tại bền vững. Tuy nhiên, sự điều chỉnh thị trường cũng khiến cho hiệu quả đầu tư thực tế của các quỹ và danh mục không đạt được kỳ vọng ban đầu của khách hàng. Một số khách hàng rút vốn để tìm kiếm kênh đầu tư khác trong ngắn hạn khiến cho quy mô tài sản của các quỹ và dịch vụ quản lý tài sản cá nhân của SSIAM ít nhiều bị tác động.

Trong điều kiện kinh doanh khó khăn, SSIAM vẫn thu hút được một lượng khách hàng trong nước mới. Quỹ Đầu Tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI-SCA) có tỷ lệ giá trị khách hàng mua vào chứng chỉ quỹ cao hơn 50% so với tỷ lệ giá trị khách hàng bán chứng chỉ quỹ và tiếp tục là một trong hai quỹ mở nội địa có hiệu quả đầu tư từ khi thành lập quỹ tốt nhất trên thị trường. Đối với mảng quản lý tài sản cá nhân, số lượng khách hàng mới tiếp tục tăng 10% so với năm 2017. Tại Việt Nam, số lượng nhà đầu tư vào TTCK với tư duy đầu tư dài hạn vẫn chưa nhiều khiến cho việc tăng trưởng số lượng khách hàng trong giai đoạn thị trường điều chỉnh không hề dễ dàng.

Tính đến cuối năm 2018, tổng tài sản quản lý của SSIAM đạt 5.573 tỷ VNĐ. Cơ cấu tổng tài sản quản lý chia theo các mảng kinh doanh như sau:

Tổng tài sản quản lý



Nguồn: SSIAM

Quản lý Quỹ đầu tư

SSIAM hiện đang quản lý 3.823 tỷ VNĐ tài sản khách hàng ở các quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài.

Đối với thị trường trong nước, trong năm 2018, SSIAM không triển khai quỹ đầu tư nào mới mà tập trung phát triển các quỹ mở và quỹ ETF hiện tại, đồng thời dành nhiều thời gian phát triển kênh phân phối với các Đối tác bên ngoài với mục tiêu tăng khả năng tiếp cận của quỹ mở tới Nhà đầu tư. Công ty đã kết nối thành công với một số Đối tác tài chính lớn và sẽ nỗ lực nâng cao hiệu quả của các kênh này trong những năm tới.

Tháng 11/2018, SSIAM cũng triển khai thành công giai đoạn 1 của hệ thống giao dịch chứng chỉ quỹ mở trực tuyến, SSIAM On The Go (SSIAM OTG), với các chức năng đăng ký dịch vụ tiện lợi, đặt lệnh mọi lúc mọi nơi, an toàn và chính xác, giúp nhà đầu tư tiết kiệm thời gian và chủ động trong việc theo dõi quản lý tài khoản và đặt lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ.

Để tăng tính thanh khoản của quỹ cho Nhà đầu tư, SSIAM cũng tăng tần suất giao dịch chứng chỉ Quỹ Đầu tư lợi thế cạnh tranh SSI (SSI – SCA) và Quỹ trái phiếu SSI (SSIBF) từ 1 lần/tuần lên hàng ngày.

Đối với thị trường nước ngoài, SSIAM tiến hành chuyển đổi thành công Quỹ Andbanc Investments SIF – Vietnam Value and Income Portfolio (quỹ mở thành lập tại Luxembourg đầu tư vào TTCK Việt Nam) thành quỹ SSIAM SIF – Vietnam Active Value Portfolio dưới mô hình quỹ mẹ - quỹ con độc lập, và mang thương hiệu của SSIAM. Việc này sẽ giúp tăng tính nhận diện thương hiệu của SSIAM với nhà đầu tư toàn cầu nói chung và nhà đầu tư Châu Âu nói riêng.

Các quỹ đầu tư SSIAM đang quản lý

QUỸ MỞ	QUỸ THÀNH VIÊN	QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC
QUỸ CỔ PHIẾU Quỹ Đầu Tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI-SCA)	QUỸ ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY TƯ NHÂN Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Việt Nam DAIWA-SSIAM II	QUỸ ETF SSIAM VNX50
QUỸ TRÁI PHIẾU Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu SSI (SSIBF)	QUỸ ĐẦU TƯ THÀNH VIÊN SSI (SSI-IMF)	
QUỸ CỔ PHIẾU Quỹ SSIAM SIF – Vietnam Active Value Portfolio		
QUỸ CỔ PHIẾU Quỹ SSIAM UCITS - Vietnam Value Income and Growth Fund		

Hiệu quả đầu tư

Trong xu hướng điều chỉnh chung của TTCK Việt Nam, quỹ SSI – SCA đã ghi nhận mức giảm 12,1% năm 2018. Tính từ thời điểm thành lập vào tháng 9/2014, tỷ suất lợi nhuận của Quỹ SSI – SCA đạt 74,3%. Bên cạnh đó, Quỹ ETF SSIAM VNX50, với chiến lược đầu tư thụ động theo chỉ số tham chiếu, có mức tăng trưởng -7,1%.

Trái ngược với tình hình sụt giảm của các quỹ cổ phiếu, quỹ đầu tư trái phiếu SSIBF đã giữ được sự tăng trưởng trong năm 2018 khi đạt mức tỷ suất lợi nhuận 6,85%.

Quỹ Đầu Tư Lợi Thế Cạnh Tranh Bền Vững SSI (SSI – SCA)

- Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam
- Quy mô: 429,7 tỷ VNĐ tại 31/12/2018
- Mục tiêu đầu tư: Tăng trưởng giá trị tài sản ròng dài hạn và tạo thu nhập ổn định cho nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu của các công ty có lợi thế cạnh tranh bền vững và các tài sản có thu nhập cố định.

Biến động NAV/Chứng chỉ quỹ (NAV/CCQ)

	NAV/CCQ (VNĐ)	Tỷ suất lợi nhuận (%)					
		2014*	2015	2016	2017	2018	Từ khi thành lập*
SSI-SCA	17.428,28	-1,8%	17,7%	24,1%	38,2%	-12,1%	74,3%
VN-Index		-9,8%	6,1%	14,8%	48,0%	-9,3%	47,5%

**Ngày thành lập quỹ: 26/09/2014*

Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu SSI (SSIBF)

- Loại quỹ: Quỹ mở, thành lập ở Việt Nam
- Quy mô: 75,5 tỷ đồng tại 31/12/2018
- Mục tiêu đầu tư: Mục tiêu đầu tư của quỹ là tối ưu hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư trên cơ sở tận dụng hiệu quả các cơ hội đầu tư vào các công cụ có thu nhập cố định.

Biến động NAV/CCQ

Loại chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ (đồng)	Tỷ suất lợi nhuận (%)		
		2017*	2018	Từ khi thành lập*
SSIBF	11.112,25	4,0%	6,9%	11,1%

** Ngày thành lập quỹ: 30/08/2017*

Quỹ ETF SSIAM VNX50

- Loại quỹ: Quỹ hoán đổi danh mục, thành lập ở Việt Nam
- Quy mô quỹ: 115,9 tỷ VNĐ tại 31/12/2018
- Mục tiêu đầu tư: Hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ Số VNX50 trong tất cả các giai đoạn.
- Chiến lược đầu tư: Áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ tăng trưởng của Chỉ Số VNX50. Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ Số Tham Chiếu, cũng như không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi TTCK biến động bất lợi.

Biến động NAV/CCQ

	NAV/CCQ (VNĐ)	Tỷ suất lợi nhuận (%)					
		2014*	2015	2016	2017	2018	Từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn*
SSIAM VNX50 ETF (FUESSV50)	11.947,51	-13,1%	-11,0%	3,6%	60,4%	-7,1%	19,5%
Chỉ số tham chiếu**		-13,1%	-12,2%	1,7%	71,4%	-9,5%	20,3%

**Ngày thành lập quỹ: 10/12/2014, ngày kết thúc đăng ký góp vốn: 17/11/2014*
***Trước 22/8/2017, chỉ số tham chiếu là chỉ số HNX30. Từ 22/8/2017, chỉ số tham chiếu là chỉ số VNX50.*

Quỹ Đầu Tư SSIAM SIF - Vietnam Active Value Portfolio

- Loại quỹ: Quỹ đầu tư đặc biệt (Special Investment Fund) đăng ký tại Luxembourg
- Thị trường đầu tư: Việt Nam
- Công ty quản lý quỹ: Andbank Asset Management Luxembourg
- Công ty quản lý danh mục đầu tư: SSIAM
- Loại tiền đầu tư: USD, EUR, GBP (loại tiền trên báo cáo, không nhằm phòng ngừa rủi ro)

Loại chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ	Biến động (%) – tính bằng USD		
		Từ đầu tháng	Từ đầu năm	Từ khi thành lập*
A1 (USD)	114,07	-0,65%	-19,40%	14,07%
A1D (USD)	105,48	-0,63%	-22,32%	5,48%
B1 (GBP)	130,06	-0,47%	-14,36%	30,06%
B1D (GBP)	120,3	-0,45%	-17,48%	20,30%
C1 (EUR)**	108,6	-1,59%	-15,60%	8,60%
D1 (USD)***	98,09	-0,69%	-19,81%	-1,91%
VN-Index		-3,12%	-11,19%	52,68%

Nguồn: Bloomberg, Adepa, Chú ý: Biến động quỹ được tính sau khi đã trừ tất cả chi phí.
**Ngày thành lập quỹ: 18/12/2015, **Loại C1 (EUR) được tính từ ngày bắt đầu 08/01/2016, ***Loại D1 (USD) được tính từ ngày bắt đầu 15/07/2016. Giá chứng chỉ quỹ loại D chưa được điều chỉnh cho các khoản thanh toán cổ tức trong năm 2016 và 2017.*

Quỹ Đầu Tư SSIAM UCITS – Vietnam Value Income and Growth Fund

- Loại quỹ: Quỹ UCITS đăng ký tại Luxembourg
- Thị trường đầu tư: Việt Nam
- Công ty quản lý quỹ: Andbank Asset Management Luxembourg
- Công ty quản lý danh mục đầu tư: SSIAM
- Loại tiền đầu tư: USD, EUR, GPB (loại tiền trên báo cáo, không nhằm phòng ngừa rủi ro)

Loại chứng chỉ quỹ	NAV/CCQ (USD)	Tỷ suất lợi nhuận (%) –tính bằng USD			
		2016	2017	2018	Từ khi thành lập*
A (USD)	117,12	-1,6%	19,0%	-8,90%	6,70%
AD (USD)	117,14	-1,6%	19,0%	-12,07%	3,00%
B (GBP)	108,99	0,3%	8,7%	-3,20%	5,50%
BD (GBP)	108,99	0,3%	8,7%	-6,59%	1,81%
C (EUR)	105,86	1,39%	4,5%	-4,29%	1,32%
VN-Index		-4,01%	48,4%	-11,19%	26,53%

Nguồn: Bloomberg, EFA report. Chú ý: Biến động quỹ được tính sau khi đã trừ tất cả chi phí;
**Ngày thành lập quỹ: 11 /11/ 2016; Loại CD (EUR) hiện không hoạt động.*

Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Tổ chức

Năm 2018, SSIAM vẫn duy trì được nguồn vốn từ Khách hàng Tổ chức là các Công ty Bảo hiểm lớn và các Tổ chức khác có nhu cầu ủy thác vốn với quy mô tài sản quản lý cho Khách hàng Tổ chức bên ngoài với tổng số 1.376 tỷ VNĐ, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước. SSIAM cũng đang làm việc với một số khách hàng để triển khai các danh mục ủy thác mới trong năm 2019.

Quản lý danh mục đầu tư cho Khách hàng Cá nhân

Quy mô tài sản quản lý cho Khách hàng Cá nhân đạt 374 tỷ VNĐ tại thời điểm cuối năm 2018. Số lượng Khách hàng Cá nhân ủy thác tăng trưởng 10% trong năm qua, tuy nhiên tổng quy mô vốn đầu tư có sự sụt giảm đáng kể - 30%, do nhiều nhà đầu tư cá nhân quyết định giảm vốn/rút vốn khỏi thị trường trong giai đoạn thị trường điều chỉnh mạnh. Tỷ suất lợi nhuận các danh mục cũng bị ảnh hưởng theo xu hướng chung của TTCK, chưa đạt kỳ vọng lợi nhuận của nhà đầu tư, khiến nhà đầu tư có xu hướng tìm kiếm kênh đầu tư có triển vọng sinh lời tốt hơn. SSI tin rằng dòng vốn từ Nhà đầu tư cá nhân vẫn đang trong trạng thái chờ những thông tin tích cực như nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định được khẳng định, việc nâng hạng thị trường v.v… để quay trở lại trong thời gian tới.

ĐẦU TƯ



ĐIỂM NHẤN 2018

- Thoái vốn thành công ở một số khoản đầu tư đạt lợi nhuận kỳ vọng trong năm 2018.
- Hạn chế tối đa rủi ro trên danh mục đầu tư linh hoạt khi thị trường giảm điểm - tỷ suất lợi nhuận vượt trội so với VN-Index.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2018

Năm 2018 là năm đầu tiên SSI tiếp quản lại danh mục đầu tư ủy thác tại SSIAM, trừ danh mục đầu tư song song với Daiwa và danh mục đầu tư các công ty chưa niêm yết (Private Equity), để đảm bảo tính minh bạch và công bằng khi tách biệt hoàn toàn việc SSIAM quản lý tài sản của khách hàng bên ngoài với quản lý tài sản cho công ty mẹ.

Trong chiến lược đầu tư chủ động, SSI đã thoái vốn thành công tại 2 Công ty Liên kết là Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN – HOSE) và Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG – HOSE). Như vậy, kết thúc năm 2018, chỉ còn Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) là công ty liên kết duy nhất. SSI duy trì việc cử người tham gia vào HĐQT và làm việc sâu sát cùng Ban Lãnh Đạo Doanh nghiệp. Với chiến lược phát triển chuỗi giá trị Nông trại – Thực phẩm – Gia đình, PAN định hướng trở thành một trong những doanh nghiệp đầu ngành về nông nghiệp & thực phẩm, cung cấp sản phẩm sạch, an toàn và có thể truy xuất nguồn gốc.

TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC NĂM 2018 ĐẠT 3.514 TỶ VNĐ(*)



Thông tin về Công ty Liên kết

Tên, Địa chỉ và Logo công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	Kết quả kinh doanh 2018	Thành viên SSI trong HĐQT/BKS
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN (PAN – HOSE) Lô A1-9, Đường VL3, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An THE PAN GROUP	■ Nông nghiệp ■ Thực phẩm (lĩnh vực bánh kẹo, thủy sản, nước mắm và chế biến thực phẩm)	1.701.011.410.000 VNĐ	19,93%	Nhờ vào việc chuyển đổi quyết liệt sang các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, thích nghi tốt với biến đổi khí hậu và tập trung quản trị sản xuất kinh doanh các lĩnh vực cốt lõi của ngành Nông nghiệp và Thực phẩm, kết quả kinh doanh năm 2018 của PAN đã đạt được nhiều thành tựu. Các chỉ tiêu kết quả kinh doanh đều đạt tăng trưởng so với năm 2017. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất lần lượt đạt 7.832 và 569 tỷ VNĐ với mức tăng trưởng tương ứng 92% và 13% so với năm 2017	2 thành viên HĐQT 1 thành viên BKS

Đối với các khoản đầu tư có chiến lược thụ động, SSI thực hiện phân bổ tài sản hợp lý, phân tích các yếu tố tác động đến thị trường, phân tích các nhóm ngành, và lựa chọn các công ty có tiềm năng tăng trưởng tốt để có kế hoạch đầu tư cụ thể. Bên cạnh đó, SSI chú trọng đến việc thoái vốn các khoản đầu tư đã đạt lợi nhuận kỳ vọng. Chiến lược tập trung thoái vốn và gia tăng lượng tiền mặt nắm giữ trong năm 2018 giúp SSI tránh được các biến động tiêu cực từ vĩ mô quốc tế và có thể tận dụng được các cơ hội giải ngân khi thị trường giảm điểm.

(*) Tính theo giá trị thị trường ngày 31/12/2018

YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

2018 là một năm thật sự sôi động với hoạt động công nghệ thông tin. Trong nửa năm đầu, SSI đã tập trung nguồn lực cho dự án thay thế hệ thống giao dịch chứng khoán cơ sở cũ sang hệ thống giao dịch mới. Với sự nỗ lực cao nhất của các bộ phận kỹ thuật và nghiệp vụ, tháng 3/2018, hệ thống giao dịch chứng khoán cơ sở mới đã được đưa vào sử dụng thành công. Với hệ thống giao dịch mới có nhiều cải tiến, SSI đã sẵn sàng hỗ trợ và mang lại những dịch vụ phong phú hơn cho khách hàng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Bên cạnh đó, nâng cấp hệ thống cũng giúp thúc đẩy các dự án chiến lược khác cho công ty. Thực tế, 6 dự án phát triển về dịch vụ tiện ích đã được khởi động ngay sau khi hệ thống mới được đưa vào sử dụng.

2018 cũng là một năm đầy thử thách. SSI đã phải đối mặt với những vấn đề nghiêm trọng do những bất ổn trong vận hành. Ngay lập tức, các giải pháp củng cố lại vận hành, nâng cao độ ổn định cũng như giải quyết triệt để các vấn đề phát sinh đã được đưa ra và dành toàn bộ nỗ lực để thực hiện. Hệ thống giao dịch nói chung đã từng bước đi vào ổn định và sẵn sàng cho những cải tiến trong tương lai.

Trong 2018, làn sóng tấn công an ninh mạng tại Việt Nam lên cao đặc biệt nhằm vào các tổ chức tài chính. Đây cũng là một mối đe dọa thường trực của bất kỳ tổ chức nào. Trong bối cảnh đó, SSI tập trung giám sát chặt chẽ, từng bước củng cố và thắt chặt các hệ thống bảo vệ thông tin, đào tạo người dùng để phòng tránh các rủi ro từ tấn công an ninh mạng.

Vận hành Hệ thống Công nghệ Thông tin

Do nhu cầu về công nghệ tăng cao rõ rệt trong năm 2018, mức độ tuân thủ về cam kết chất lượng dịch vụ (SLA) được duy trì ở mức 96%.

SSI đã thành lập một nhóm chuyên biệt để xem xét đánh giá và cải thiện chất lượng dịch vụ công nghệ thông tin trong Công ty. Nhóm Đảm bảo Chất lượng (Quality Assurance) sẽ chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý và kiểm soát chất lượng dịch vụ/sản phẩm với mục tiêu đạt được SLA ở mức 98% trong năm 2019.

Tính ổn định & sẵn sàng

Tính sẵn sàng về công nghệ đã giảm xuống còn 99% thay vì ở mức 99,9% như mục tiêu đặt ra do phát sinh một số sự cố trong năm 2018. Mặc dù đã thực hiện kiểm thử chuyên sâu hệ thống giao dịch chứng khoán cơ sở mới trong một khoảng thời gian khá dài cùng với các giả định bao quát một cách toàn diện nhất về các sự cố, nhưng vẫn còn tồn tại một số trở ngại. SSI đã thực hiện các biện pháp khắc phục cụ thể để giảm thiểu tối đa tác động đến các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Nhằm cải thiện tính ổn định và sẵn sàng SSI đã tăng gấp đôi quy mô về nhân lực của đội ngũ hạ tầng và vận hành hệ thống, và khởi động sớm dự án thay thế hạ tầng phần cứng nhằm đạt được những kết quả tốt nhất và sớm nhất.

An Toàn Thông Tin

Tội phạm công nghệ cao đang trở thành một vấn đề cực kỳ nghiêm trọng trong vài năm gần đây. Tấn công, tin tặc, và đánh cắp dữ liệu với nhiều phương pháp bất ngờ khác nhau đang rất phổ biến. Nhóm chuyên trách cho việc đảm bảo an toàn thông tin tại SSI đã được mở rộng quy mô, và chịu trách nhiệm cho toàn bộ các mảng công việc liên quan.

Tuy nhiên, vấn đề là dù cho cố gắng thiết lập hàng rào bảo vệ tốt đến đâu, thì vẫn có thể còn vài lỗ hổng nhỏ đang tồn tại chưa kịp nhận biết. Vì vậy, SSI đã triển khai một dự án rà soát đánh giá phối hợp với một công ty tư vấn dịch vụ quốc tế hàng đầu để kiểm tra lại toàn bộ trang thiết bị hạ tầng để đảm bảo hạn chế tối đa rò rỉ thông tin. SSI cũng liên tục rà soát, cập nhật và điều chỉnh lại chính sách bảo mật một cách chặt chẽ hơn.

Cải tiến

Với hệ thống giao dịch chứng khoán cho thị trường cơ sở và phái sinh mới nhất, SSI đã sẵn sàng bắt đầu phát triển các giải pháp khác nhằm giành lại các lợi thế về công nghệ.

Trong giai đoạn nửa năm sau của năm 2018, SSI đã triển khai 6 dự án để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh:

1. Quản Lý Quan Hệ Khách Hàng (CRM): phục vụ cho việc quản lý khách hàng, và quy trình bán hàng cũng như tập trung vào việc duy trì khách hàng thông qua việc nâng cao sự hài lòng của khách hàng

2. Hệ Thống Giao Dịch Trực Tuyến Thế Hệ Mới (NGOT): nhằm mang lại cho khách hàng những sự trải nghiệm mới và tốt hơn với các chức năng tự giao dịch nâng cao

3. Bảng giá thế hệ mới iBoard: cổng thông tin tổng hợp tất cả các thông tin giao dịch cần thiết cho khách hàng

4. Hệ thống giao dịch giả lập iWin: hỗ trợ khách hàng trong việc thử nghiệm và thảo luận về các chiến lược đầu tư trên môi trường giả lập

5. iData, Giải Pháp Cung Cấp Dữ Liệu Hỗ Trợ Bên Thứ 3: nhằm giúp khách hàng có thể sử dụng ứng dụng cá nhân trong việc phân tích chiến lược đầu tư

6. Trí Tuệ Doanh Nghiệp (BI): nhằm mang lại một tầm nhìn tổng quan và bao quát cho các cấp lãnh đạo về các hoạt động cũng như mảng kinh doanh của Công ty

7. 3 dự án khác sẽ được triển khai trong 2019 nhằm cung cấp công nghệ tiên tiến cho các Nhà Đầu tư chuyên nghiệp cũng như Khách hàng Tổ chức

SSI cũng đang kế hoạch cải tiến hệ thống ERP nhằm bắt kịp và đáp ứng được các mô hình kinh doanh mới nhất và tận dụng hiệu quả tối đa các nguồn lực của Công ty.

Bên cạnh các dự án kể trên, SSI đã bắt đầu dự án nghiên cứu và mang lại các lợi ích tốt nhất cho khách hàng phù hợp với các hệ thống mới sắp được ra mắt trên Sàn giao dịch Chứng Khoán

Như vậy, SSI sẵn sàng để phục vụ khách hàng một cách toàn diện nhất theo nhu cầu ở tất cả các phân khúc.

SSI 2018 / YẾU TỐ THÚC ĐẨY THÀNH CÔNG

> "SSI CŨNG LIÊN TỤC RÀ SOÁT, CẬP NHẬT VÀ ĐIỀU CHỈNH LẠI CHÍNH SÁCH BẢO MẬT MỘT CÁCH CHẶT CHẼ HƠN"



QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC



"TỪ THƯƠNG HIỆU TRỞ THÀNH BIỂU TƯỢNG"

Đội ngũ - Niềm tin và Sự tự hào

Trong hành trình phát triển vượt thác ghềnh 18 năm, SSI không ngừng nỗ lực kiến tạo, khẳng định và duy trì một môi trường làm việc minh bạch, hiện đại, trung thực, với trung tâm là sự phát triển của đội ngũ, Niềm tin và Sự tự hào của Người SSI.

Đội ngũ là tài sản quý giá nhất.

Chiêu "Hiền tài"

Chào đón những tài năng trong ngành tài chính là một trong những định hướng, tạo nên dấu ấn và bản sắc của thương hiệu SSI trên thị trường và cộng đồng tài chính trong suốt những năm qua. Với ý chí đó, SSI luôn chào đón những ứng viên tài năng, nhiệt huyết, giàu khát vọng, sẵn sàng đón nhận những cơ hội và thách thức mới.

Trong bối cảnh thị trường nguồn nhân lực gặp phải những thách thức lớn xét trên cả 2 phương diện về quy mô và chất lượng, SSI chủ động kết nối mạnh mẽ với các ứng viên tiềm năng thông qua việc xây dựng Thương hiệu Nhà tuyển dụng chuyên nghiệp, hướng tới các cách tiếp cận thông tin mở và khai thác tối đa các dịch vụ chuyên nghiệp do thị trường cung cấp như dịch vụ "săn đầu người", đẩy mạnh và hoạt động có chiều sâu các "Hợp tác kết nối", đồng thời phát huy lợi thế về Niềm tin và Sự tự hào của người nội bộ về Thương hiệu và Uy tín của SSI để cùng tìm kiếm, thu hút và tuyển chọn nhân tài; đặc biệt đối với các nhân sự cấp cao, chuyên gia đầu ngành.

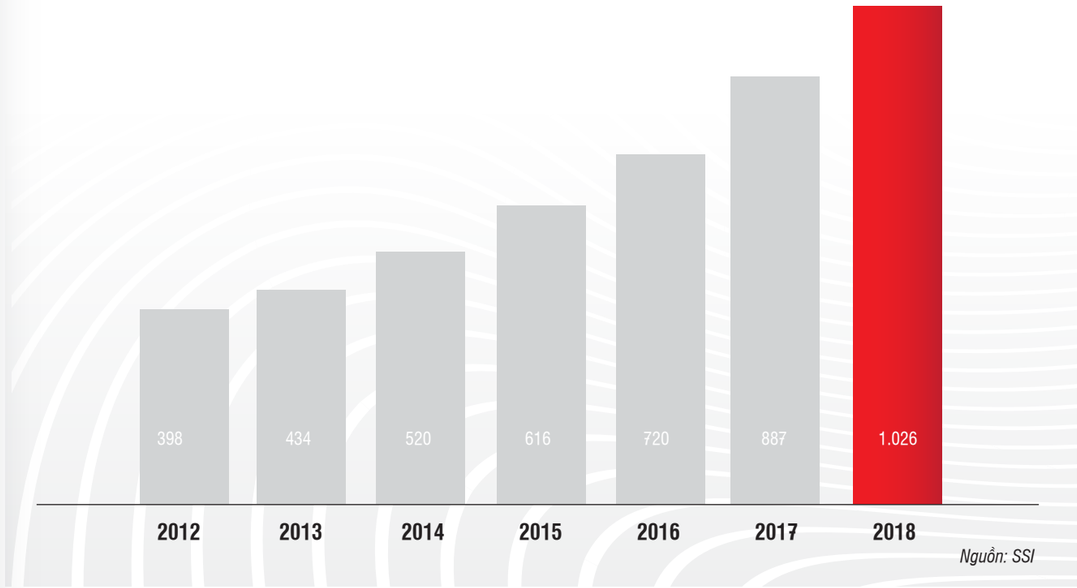
Không chỉ là "thực hiện một công việc" mà hơn cả là "xây dựng một sự nghiệp" trong hành trình phát triển cùng Công ty.

SSI đánh giá cao và hướng sự tuyển chọn của mình tới những ứng viên chủ động tìm hiểu, ứng tuyển, mong muốn gắn bó phát triển sự nghiệp và trưởng thành tại SSI.

Công ty tăng cường các hoạt động hợp tác đa chiều mạnh mẽ với các trường Đại học lớn tại Việt Nam, các cộng đồng du học sinh quốc tế trong lĩnh vực tài chính thông qua chuỗi các chương trình: Thực tập sinh, Talk show - định hướng nghề nghiệp, tài trợ, cấp học bổng v.v... nhằm truyền tải những Niềm tin và Sự tự hào khi gia nhập SSI và được cống hiến, đóng góp cho hành trình phát triển chung.

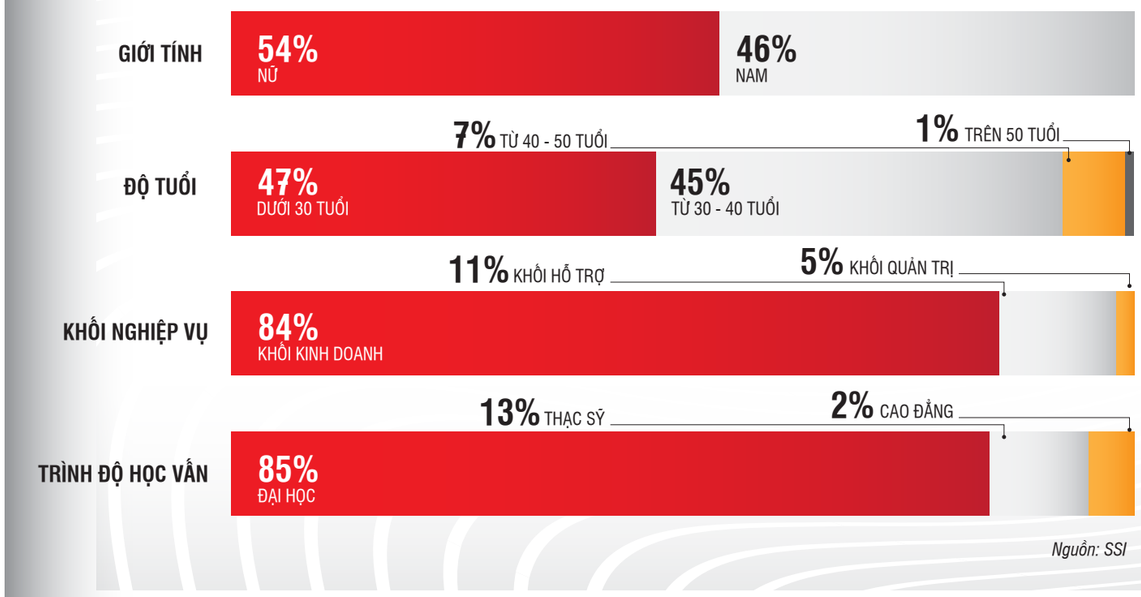
Để chuẩn bị cho các bước tiến mới và hoàn thành các nhiệm vụ trọng yếu trong giai đoạn chuyển nhịp sau 18 năm hình thành và phát triển, tính đến hết ngày 31/12/2018, quy mô nhân sự của SSI chạm mốc 1.026 nhân sự (Khối Kinh doanh chiếm 84%), tuyển mới 317 nhân sự với độ tuổi chủ yếu ở khoảng dưới 30 tuổi, được đào tạo bài bản (88% đại học và 12% sau đại học), năng động và giàu tính sáng tạo.

Số lượng nhân sự qua các năm



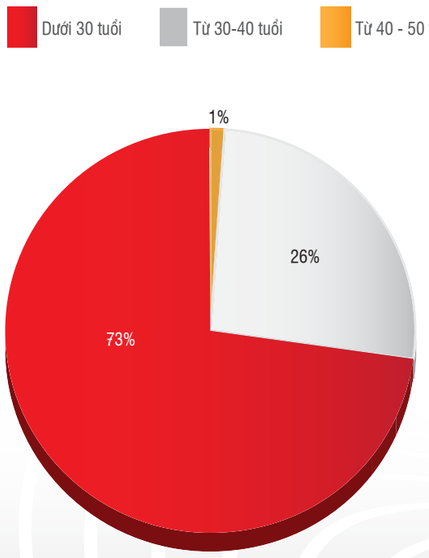
Nguồn: SSI

Cơ cấu nhân sự

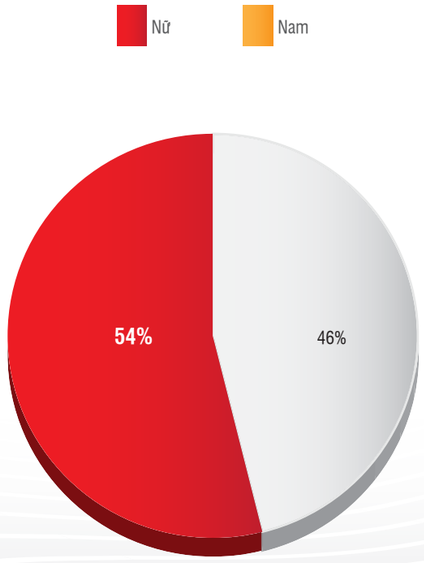


Nguồn: SSI

Cơ cấu nhân sự tuyển mới năm 2018 theo độ tuổi



Cơ cấu nhân sự tuyển mới năm 2018 theo giới tính



Nguồn: SSI

Xây nền tảng cho sự phát triển bền vững thông qua việc phát huy tối đa sức mạnh nội lực của tổ chức và thông điệp "cùng đồng hành phát triển"

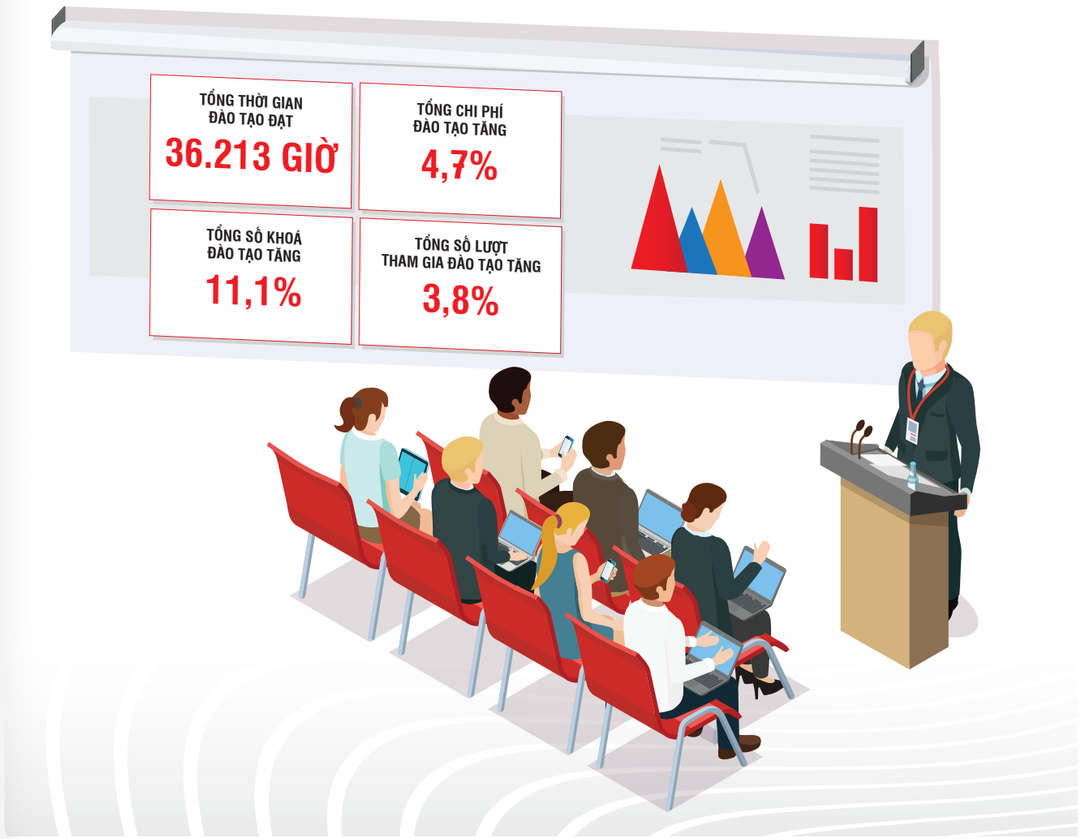
Khát vọng của tổ chức là tập hợp khát vọng của cá nhân. Tổ chức thành công khi các cá nhân thành công.

SSI xác định nguồn nhân lực chính là yếu tố tạo nên sự khác biệt, lợi thế cạnh tranh của Công ty. Trên cơ sở đó, SSI chủ động xây dựng Niềm tin với người lao động thông qua chuỗi các hoạt động, chương trình đồng hành, đào tạo và phát triển năng lực toàn diện giúp Nhân viên vững vàng về chuyên môn, am hiểu và vận dụng tốt các kỹ năng quản trị, phát triển tầm nhìn dài hạn để có những tiến bộ và thành tựu trong nghề nghiệp.

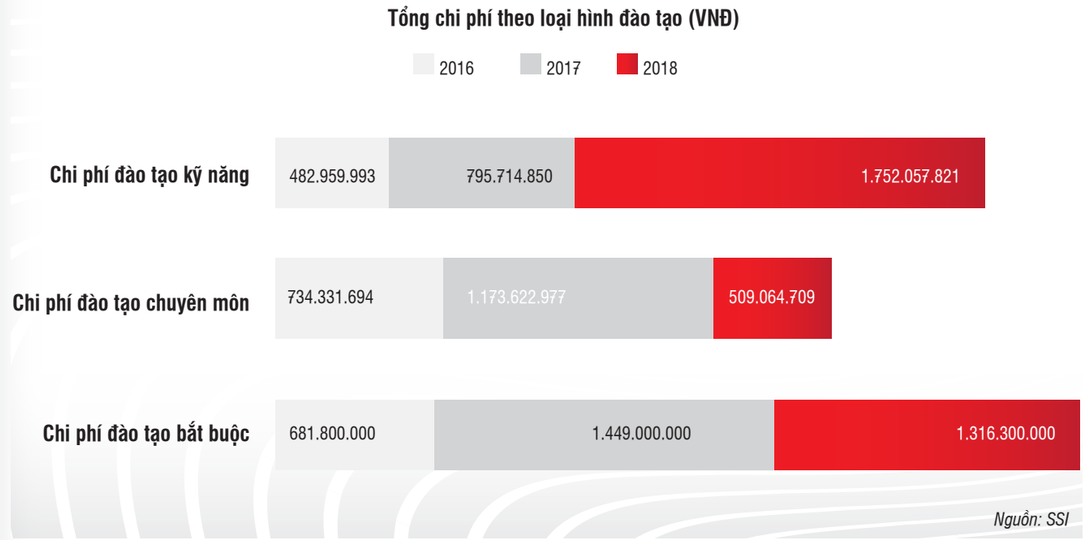
Toàn bộ các cấp đều được đào tạo về văn hóa doanh nghiệp, định hướng phát triển của tổ chức góp phần thúc đẩy quá trình gắn bó lâu dài, khẳng định Niềm tin và gia tăng Sự tự hào của các thành viên mới từ khi gia nhập và xuyên suốt trong hành trình phát triển nghề nghiệp.

Hoạt động đào tạo và phát triển tại SSI tiếp tục được thiết kế và triển khai đa diện, bao gồm các khóa đào tạo bắt buộc theo yêu cầu của UBCKNN, các khóa huấn luyện về kỹ năng chuyên môn chuyên biệt, các chương trình đào tạo phát triển nền tảng quản trị (khách hàng, đội ngũ, tổ chức) mang tính ứng dụng cao đã đóng góp không nhỏ vào sự trưởng thành của đội ngũ và sự thành công của SSI trong năm 2018.

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2017	Tăng trưởng
Tổng thời gian đào tạo (giờ)	**36.213**	33.054	9,6%
Tổng chi phí đào tạo (triệu VNĐ)	**3.578**	3.418	4,7%
Tổng số khoá đào tạo (khoá)	**90**	81	11,1%
Tổng số lượt tham gia đào tạo	**1.331**	1.282	3,8%



Tổng chi phí theo loại hình đào tạo (VNĐ)



Nguồn: SSI



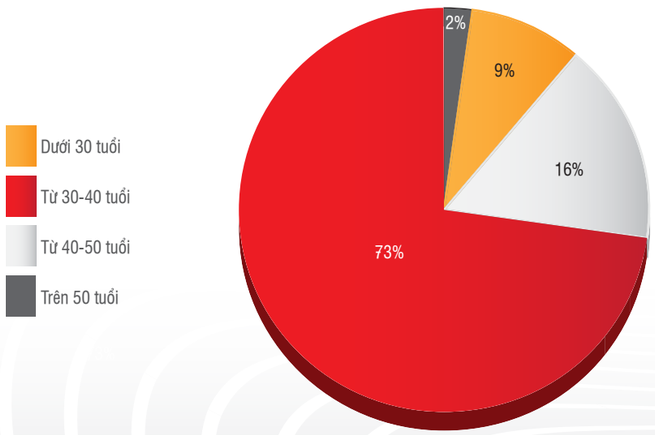
Cả tổ chức cùng tham gia học tập.

Công tác đào tạo nội bộ tiếp tục được đẩy mạnh trong các Khối Nghiệp vụ trên toàn hệ thống qua các buổi đào tạo chuyên môn, hội thảo chuyên đề, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm - trao đổi ý kiến, GALA (chương trình tổng kết cuối năm) v.v…; tạo điều kiện kết nối các thành viên hai miền Nam - Bắc, Lãnh đạo với Nhân viên, Nhân viên nội Khối và Nhân viên giữa các Khối để cùng chia sẻ định hướng hoạt động, kinh nghiệm vận hành, kết nối tinh thần, cùng nhau tạo dựng môi trường làm việc "minh bạch, trung thực, hiệu quả, sáng tạo", cùng đóng góp và xây dựng Công ty ngày càng vững mạnh, giữ vững vị thế định chế tài chính hàng đầu với đội ngũ nhân sự “tài năng, tiên phong và nhiệt huyết”.

SSI đi theo các thông lệ quản trị hiện đại.

SSI dành sự quan tâm đặc biệt tới công tác tìm kiếm và phát triển các nhân sự tiềm năng, tài năng nhằm phát triển và quy hoạch nguồn lực đáp ứng kế hoạch ngắn hạn và các chiến lược dài hạn của tổ chức.

Cơ cấu lãnh đạo công ty theo độ tuổi



Trong năm 2018, số lượng quản lý cấp trung (các vị trí Trưởng phòng trở lên) của Công ty là 187/1.026 người, chiếm 18,2% tổng số lượng Cán bộ Nhân viên SSI. Số lượt bổ nhiệm mới là 42 người, chủ yếu nằm trong độ tuổi từ 30 đến 40 tuổi

Nguồn: SSI

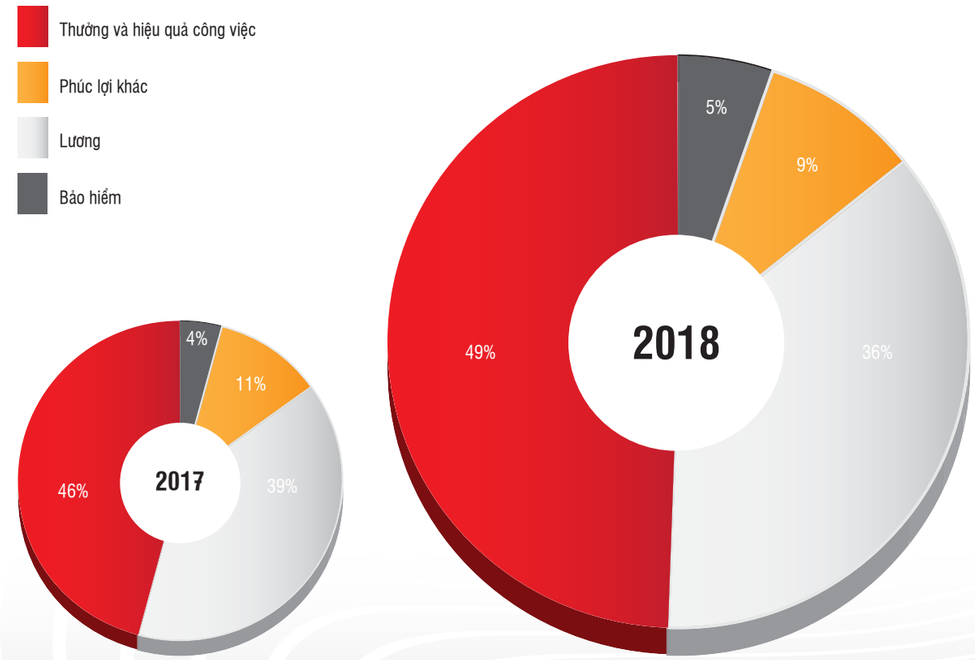
Các nhân sự mới được bổ nhiệm được tham gia các lớp đào tạo kỹ năng cần thiết nhằm bổ sung kiến thức, công cụ hỗ trợ cho công việc, bao gồm các lớp kỹ năng lãnh đạo, quản trị, xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh, đồng thời việc đồng hành và đào tạo trực tiếp qua công việc cũng được thực hiện thường xuyên giúp các Cán bộ được bổ nhiệm có điều kiện thuận lợi để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao cũng như tiếp tục phát triển.

Đào tạo và phát triển là một trong những yếu tố chủ chốt thúc đẩy các bước tiến trong nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Mỗi bước tiến nghề nghiệp của cá nhân là một nhịp cộng hưởng kiến thiết nên sự thành công chung của SSI.

365 ngày phúc lợi

Đãi ngộ được gắn liền với năng lực, thành tích và hiệu quả công việc.

Năm 2018, SSI tiếp tục gia tăng ngân sách và thực hiện chi trả hơn 480 tỷ VNĐ cho Cán bộ Nhân viên, trong đó hạng mục chi thưởng hiệu quả công việc chiếm 49% trên tổng số chi trả và gấp 1,35 lần hạng mục chi lương.



Nguồn: SSI

Chỉ tiêu (Đơn vị: triệu VNĐ)	**31/12/2018**	**31/12/2017**	**Tăng trưởng**
Lương	**175.042**	144.940	20,8%
Bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN v.v...)	**23.044**	16.711	37,9%
Thưởng hiệu quả công việc + Lương doanh số	**236.684**	172.317	37,4%
Phúc lợi khác	**45.542**	41.036	11,0%
Tổng chi trả	**480.312**	375.004	28,1%

SSI vận hành hệ thống thiết lập mục tiêu và ghi nhận kết quả thực hiện công việc của từng cá nhân tại tất cả các vị trí, cấp bậc nhằm ghi nhận thành tích, đóng góp của mỗi cá nhân vào thành tích chung, đồng thời theo dõi được lộ trình thực hiện và phát triển công việc của cá nhân gắn với các kế hoạch, chiến lược của từng Bộ phận, của Khối, của SSI.

Trên cơ sở thiết lập mục tiêu năm, cấp phụ trách thực hiện triển khai các kế hoạch hoạt động, chỉ tiêu cụ thể xuống từng cá nhân từ Chiến lược, Kế hoạch do Ban Lãnh Đạo giao; các cá nhân hiểu rõ mục tiêu của từng nhiệm vụ, cách thức đo lường kết quả công việc để phân bổ thời gian và nguồn lực triển khai công việc hiệu quả. Bằng phương thức này, Chiến lược của Công ty được kết nối, dẫn được hiện thực hóa, đi vào thực tiễn trong công tác vận hành hàng ngày của mỗi Cán bộ Nhân viên SSI.

Song song với việc duy trì các chính sách lương - thưởng cạnh tranh trên thị trường, trong năm qua, SSI thực hiện phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu, tiếp tục là đơn vị đi đầu trong Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của Nhân viên với tổ chức; thu hút, duy trì và thúc đẩy những Cán bộ Nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

Bên cạnh các đãi ngộ tài chính, SSI thiết lập và tăng cường hệ thống các chính sách đãi ngộ phi tài chính toàn diện dành cho Cán bộ nhân viên như Gói phúc lợi các ngày lễ tết trong năm, Chính sách bảo hiểm sức khỏe bổ sung cho cá nhân và người thân, Khám sức khỏe định kỳ, Tài trợ các câu lạc bộ như yoga, zumba, thi đấu bóng đá, bóng bàn v.v… với mục tiêu tạo động lực và thúc đẩy cán bộ nhân viên yên tâm làm việc, phấn đấu và gắn kết hơn với tập thể.

365 ngày phúc lợi



Hướng tới cuộc sống cân bằng & phát triển toàn diện (Work - life balance)

Không nằm ngoài xu hướng phát triển của nguồn nhân lực trên thế giới, đội ngũ nhân sự SSI chủ yếu nằm trong độ tuổi 25 đến 35 (thế hệ Millenials), họ quan tâm tới các thương hiệu mạnh, mong muốn tạo sự khác biệt và hướng tới một cuộc sống cân bằng.



SSI duy trì các chính sách 5 ngày làm việc/tuần, 14 ngày nghỉ phép/năm, tạo điều kiện cho Người lao động gia tăng quỹ thời gian thực hiện những sở thích cá nhân, chăm sóc người thân và tận hưởng cuộc sống bên gia đình.

SSI tiếp tục duy trì Chiến dịch Nơi làm việc tuyệt vời (The Great Workplace) - nơi biến những mối quan hệ đồng nghiệp trở thành những người bạn đồng hành tuyệt vời trong công việc cũng như trong các hoạt động của cuộc sống thường ngày.

Các sự kiện khác được SSI chú trọng phải kể đến: Trung thu và Tết Thiếu nhi cho các thành viên nhí, Quà tặng đặc biệt Tết Nguyên đán dành cho gia đình, Thực phẩm sạch và Ưu đãi giá dành cho người SSI, Ngày hội Gia đình SSI thường niên,… đã trở thành sự kiện được tất cả các thành viên mong đợi.

Với quan điểm, sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân sẽ hình thành sự phát triển bền vững của Công ty, SSI cam kết nỗ lực hết sức mình cho việc tạo dựng một môi trường làm việc cân bằng với cuộc sống bằng nhiều cách và sẽ tiếp tục nghiên cứu, triển khai những chính sách, hoạt động để đạt được sự cân bằng này

VĂN HÓA DOANH NGHIỆP



Trong suốt chặng đường hơn 18 năm hoạt động, bên cạnh những thành tựu đã ghi nhận từ các báo cáo, thống kê và giải thưởng thì văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc SSI chính là một trong những niềm tự hào lớn nhất của Công ty, là giá trị cốt lõi mang tính quyết định tới sự hình thành và phát triển của Công ty. Chính những nét riêng trong văn hóa của SSI là cầu nối gắn kết các tài năng, tạo tiền đề giúp Công ty vượt qua mọi khó khăn, thử thách, góp phần tạo nên "Đại gia đình SSI" vững mạnh như ngày hôm nay. Những nét văn hóa khác biệt, mang đậm dấu ấn SSI được thể hiện không chỉ ở 9 tôn chỉ kinh doanh, mà còn ở sự thống nhất trong truyền tải thông tin, nguồn nhân lực hạt nhân và sự đoàn kết, chung tầm nhìn sứ mệnh của từng cá nhân trong nội bộ SSI.

9 tôn chỉ kinh doanh của SSI luôn được khắc ghi trong từng hoạt động của Công ty, là dấu ấn và bản sắc của thương hiệu SSI

Ở SSI, 9 tôn chỉ kinh doanh được coi là giá trị cốt lõi của Công ty, là kim chỉ nam cho mỗi quyết định, hiện hữu trong mỗi hoạt động của doanh nghiệp. Những ý nghĩa bao hàm trong 9 tôn chỉ kinh doanh của SSI đã bao trọn các khía cạnh từ văn hóa làm việc, giao tiếp trong Công ty, với Khách hàng, và văn hóa ứng xử ra Cộng đồng và Xã hội. Đây chính là những giá trị bền vững không thay đổi bất chấp thời gian và ngoại cảnh.

1. Chúng tôi đặt hết tâm huyết vào sự thành công của Khách hàng.
2. Chúng tôi chú trọng đến thành quả đem lại cho Khách hàng, và luôn tự hào về điều đó.
3. Chúng tôi trân trọng giá trị đầu tư vào Công ty của các Cổ đông và Cộng sự, đồng thời đáp trả bằng những quyền lợi tương xứng.
4. Chúng tôi tuyển chọn và đãi ngộ những tài năng xuất chúng trong ngành tài chính.
5. Chúng tôi luôn khuyến khích và đánh giá cao năng lực chủ động sáng tạo của các Cộng sự.
6. Chúng tôi tuân thủ khắt khe các chuẩn mực đạo đức kinh doanh trên mọi phương diện.
7. Tinh thần hợp tác là phần tất yếu trong nét văn hóa Công ty.
8. Chúng tôi tận tâm trong mọi hoạt động vì sự tăng trưởng của ngành tài chính tại Việt Nam.
9. Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của Cộng đồng.

Cùng với Tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công" và Sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", những tôn chỉ kinh doanh trên giúp người SSI hiểu rõ được vị thế và trách nhiệm của mình, xây dựng niềm tự hào trong mỗi người đối với doanh nghiệp nơi mình cống hiến. Những giá trị này được truyền tải tới Nhân viên ngay từ buổi học định hướng gia nhập Công ty, và sau đó liên tục được nhắc đến trên các kênh truyền thông, sự kiện và đào tạo nội bộ, hay được đặt tại những vị trí trang trọng, dễ thấy trong các phòng làm việc để người SSI có thể thấm nhuần hơn mỗi ngày. Và đây cũng chính là di sản và động lực để người SSI trao truyền, duy trì cùng nhau qua thời gian.

Thống nhất trong truyền tải thông tin nội bộ là yếu tố quan trọng trong sự thành công của việc hình thành và phát triển văn hóa của SSI

Với quy mô ngày một mở rộng, việc truyền tải thông tin một cách thống nhất, thông suốt toàn hệ thống doanh nghiệp là một điều thiết yếu trong mọi hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, các kênh truyền tải thông tin nội bộ của SSI được đặc biệt chú trọng, duy trì hoạt động hiệu quả và thường xuyên cải tiến để ngày càng hoàn thiện, dễ tiếp cận, và thể hiện được vai trò gắn kết các thành viên.

Truyền thông Nội bộ là tiếng nói chung của người SSI. Không chỉ là kênh truyền tải thông tin hiệu quả từ Lãnh đạo tới các thành viên và ngược lại, Truyền thông Nội bộ còn là kênh liên lạc, kết nối giữa các thành viên trong Công ty, đóng vai trò quan trọng đối với sự đoàn kết trong nội bộ.

Hiểu được tính chất quan trọng của việc chia sẻ thông tin nội bộ, mọi thông tin từ Ban Lãnh Đạo, sự kiện và hoạt động của Công ty đều được gửi tới từng người SSI. Bản tin Nội bộ truyền tải thông điệp, các hoạt động và sự kiện của SSI được gửi tới từng Nhân viên 2 tuần/số qua hệ thống email nội bộ với nội dung chuẩn bị có chọn lọc trên hình ảnh được thiết kế công phu, ấn tượng và sinh động.

Các hạng mục nổi bật bao gồm cập nhật tin tức nội bộ; thông tin, nhận định về SSI và thị trường; phỏng vấn nhân vật hoặc các thông báo nội bộ quan trọng. Các thành viên có thể đóng góp các ý kiến, góc nhìn cá nhân, cung cấp thông tin mới mẻ để xây dựng sự đa dạng cho bản tin.

Nếu Bản tin Nội bộ cung cấp thông tin đơn thuần, thì Diễn đàn Nội bộ SSI Insider lại mở rộng tương tác giữa các thành viên hơn. Đây là nơi để người SSI sẻ chia không chỉ thông tin, sự kiện mà còn những kinh nghiệm trong công việc, trải nghiệm trong cuộc sống, những niềm vui và tiếng cười, và cả những nỗi buồn. Các tin bài được cập nhật liên tục, mở rộng mạng lưới tới các thành viên mới và kích thích giao lưu giữa các thành viên lâu năm. Cùng sự phát triển của công nghệ và các mạng xã hội, thông tin gửi tới người SSI trên các kênh nội bộ cũng được cải tiến, bắt kịp xu thế để truyền tải hiệu quả và cập nhật hơn tới cá nhân người SSI.

Đặc biệt, việc tương tác, chia sẻ thông tin hai chiều trong nội bộ SSI ngày càng được nâng cao và thu được hiệu quả đáng kể. Ban Lãnh Đạo SSI luôn nắm rõ tình hình kinh doanh và những chính sách mới để chủ động, nhanh chóng cập nhật thông tin tới từng Cán bộ Nhân viên, là tiếng nói thống nhất trong nội bộ Công ty nhằm định hướng thông tin chính xác. Việc đánh giá chất lượng môi trường làm việc và ý kiến đóng góp từ phía Nhân viên được Ban Lãnh Đạo đặc biệt chú trọng và lắng nghe. Thông qua các đợt khảo sát, gửi thư điện tử, các cuộc trưng cầu ý kiến, bình chọn trực tuyến hoặc góp ý trực tiếp trên các kênh Truyền thông Nội bộ, Nhân viên các cấp có thể bày tỏ quan điểm, đánh giá và mong muốn của mình để giúp SSI ngày một hoàn thiện và góp phần xây dựng nên một SSI vững mạnh hơn, bền vững hơn và phát triển hơn.

Bên cạnh đó, các giải thưởng, chương trình tài trợ/từ thiện, thành tựu của SSI được thường xuyên cập nhật và kịp thời trên các tất cả các kênh truyền thông để nuôi dưỡng niềm tự hào trong nội bộ Công ty.









Nuôi dưỡng và phát triển tinh thần văn hóa mang tính rất riêng của SSI

Người SSI không chỉ là những nhân tài trong giới tài chính với sự chuyên nghiệp và kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn vững vàng mà còn mang tinh thần làm hết sức, chơi hết mình - một nét văn hóa được chú trọng phát triển trong nội bộ Công ty.

SSI GALA – Ngày hội văn hoá doanh nghiệp là sự kiện thường niên lớn nhất, được duy trì mỗi cuối năm tài chính (tháng 4). Đây là dịp để các thành viên được cùng nhau thư giãn và tận hưởng những giây phút vui vẻ, sảng khoái với những hoạt động tập thể mang tính chất gắn kết tinh thần đồng đội;đồng thời, cùng nhau nhìn lại chặng đường đã đi qua, suy ngẫm về những điều đã đạt được và những vấn đề còn tồn tại trong hoạt động của năm trước, để từ đó được tiếp thêm động lực, cùng nhau quyết tâm, đồng lòng hướng tới mục tiêu của năm tới.

Giải thưởng Người SSI tiêu biểu – giải thưởng được đề cử và bình chọn trong toàn Công ty, tôn vinh các cá nhân ở SSI tại mọi vị trí có những đóng góp tiêu biểu cho sự phát triển chung của toàn Công ty, được coi là giải thưởng được mong chờ nhất trong năm. Giải thưởng nhấn mạnh giá trị cốt lõi của SSI là con người và khuyến khích sự phấn đấu, phát triển bản thân hơn nữa của các thành viên. Đặc biệt, các cá nhân có những cống hiến nổi bật, được vinh danh trong 3 kì GALA sẽ được trao cúp vinh danh riêng.

Hiểu rõ đội ngũ môi giới là lực lượng mũi nhọn, hàng năm SSI tổ chức Lễ Vinh danh Khối dịch vụ Chứng khoán, tôn vinh những cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh của Khối nói riêng và góp phần xây dựng SSI nói chung. Đây không chỉ là những nhân tài trong Công ty mà còn là những nhân sự chất lượng cao của ngành Tài chính - Chứng khoán Việt Nam.



Với đội ngũ nhân sự đa dạng độ tuổi nhưng chung nhau thái độ sống sôi nổi, tích cực, năm 2018 các thành viên SSI tiếp tục duy trì và phát triển các hoạt động thể chất ngoài giờ làm. Các Câu lạc bộ Bóng đá, Yoga, Nhiếp ảnh sinh hoạt đều đặn. Trong đó, CLB Nhiếp ảnh tổ chức thêm các cuộc thi về Nhiếp ảnh quy mô toàn Công ty, cùng các CLB khác có những hoạt động kết hợp hiệu quả. Bên cạnh Giải bóng đá mở rộng tổ chức thường niên, CLB Bóng đá và Bóng bàn SSI năm vừa qua còn tham gia các giải đấu giao hữu tiêu biểu như Giải Bóng đá các Công ty chứng khoán (xếp thứ hạng 3), Giải Bóng bàn VSD mở rộng lần 3 (hạng 2 đơn nam, hạng 3 đơn nữ và hạng 3 đôi nam nữ).

Không chỉ chăm sóc đời sống tinh thần của riêng Nhân viên, SSI còn có những chương trình dành cho gia đình và người thân. Những ngày lễ lớn Quốc tế Thiếu nhi 01/6 và Trung thu, SSI đều có hoạt động ngoại khoá dành cho SSIKids, là con của các thành viên SSI. Tháng 12 hàng năm, thời điểm kết thúc một năm cũng là lúc Ngày hội Gia đình SSI được diễn ra. Sự kiện được thiết kế dàn dựng công phu, với các hoạt động vui chơi giải trí vào buổi chiều và chương trình nghệ thuật vào buổi tối, nhằm tri ân những giá trị tinh thần từ sự ủng hộ mà gia đình dành cho người SSI.

Đi cùng chính sách phúc lợi, các sự kiện/hoạt động này đã góp phần không nhỏ trong việc phát triển sự gắn kết giữa các thành viên với Công ty. Không đơn thuần chỉ là nơi làm việc, SSI muốn mang tới một môi trường thực sự tích cực, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người SSI làm việc và gắn bó cả đời sống tinh thần với Công ty.

Sự đoàn kết chung từng cá tính, sáng tạo, sự chuyên nghiệp, nhiệt tình với công việc riêng của mỗi người SSI đã tạo nên sự hòa hợp, thống nhất và tinh thần đồng đội mang đậm bản sắc SSI

Người SSI với tinh thần nỗ lực học hỏi, trau dồi kiến thức luôn cố gắng chủ động, linh hoạt trong công việc để ngày càng chuyên nghiệp và nâng cao hiệu quả công việc. Tuy nhiên, từng cá nhân giỏi chưa đủ để làm nên một doanh nghiệp phát triển bền vững. Chính vì vậy, SSI luôn đề cao sự thống nhất trong toàn Công ty, tinh thần đoàn kết, tinh thần đồng đội, làm việc nhóm một cách đồng bộ, được thể hiện trong chính 9 tôn chỉ kinh doanh, sự đầu tư vào các kênh truyền tải thông tin nội bộ và các hoạt động nội bộ của Công ty.

Mỗi cá nhân là một mắt xích không thể thiếu để "bộ máy" SSI được vận hành trơn tru và hiệu quả. Các thành viên SSI bổ sung cho nhau để cùng thể hiện ý tưởng, thảo luận, cùng tìm ra tiếng nói chung trong sáng kiến công việc, giải pháp và cách thực hiện để đạt được kết quả tốt nhất.

Một doanh nghiệp phát triển bền vững thì phải chú trọng vào nội lực Công ty - chú trọng tới sự phát triển của từng cá nhân, nhưng cũng không bỏ qua yếu tố dung hoà nội bộ, để các thành viên đồng lòng đối với Tầm nhìn, Sứ mệnh của Công ty. Đội ngũ nhân viên không chỉ chuyên nghiệp, nhiệt huyết với công việc với niềm khát khao trở thành một nhân tố tích cực đóng góp cho sự phát triển của Công ty, mà còn đoàn kết, hợp tác, cùng sẻ chia định hướng phát triển, bổ sung cho nhau chính là niềm tự hào lớn nhất của SSI.

SSI 2019

VỮNG BỀN PHÁT TRIỂN



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG – DÀI HẠN

Ngay từ những ngày đầu thành lập, SSI đã luôn đặt ra và giữ vững **mục tiêu là định chế tài chính hàng đầu tại thị trường Việt Nam và dần vươn ra thị trường quốc tế, thực hiện sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", trong đó khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động của Công ty.** Kiên định với mục tiêu nhưng chiến lược hoạt động được điều chỉnh linh hoạt, nhạy bén theo từng giai đoạn phát triển của thị trường đã giúp Công ty không những trụ vững trước những thăng trầm của thị trường, mà còn ngày càng khẳng định vị thế của Công ty Chứng khoán số 1 tại Việt Nam. Bên cạnh đó, đi cùng với mỗi chiến lược phát triển 5 năm, luôn là một kế hoạch 3 năm hành động đã đưa SSI có những bước phát triển ấn tượng.

Chiến lược trung – dài hạn giai đoạn tiếp theo của từng mảng kinh doanh được đặt ra như sau:

Dịch vụ Chứng khoán

Dịch vụ Chứng khoán SSI đặt mục tiêu đứng vị trí số 1 về thị phần môi giới, số 1 về sự đa dạng và chất lượng sản phẩm dịch vụ, số 1 về hiệu quả nhân sự và môi trường làm việc tạo động lực, thông qua:

- Xây dựng những sản phẩm chuyên biệt cho từng phân nhóm khách hàng, tiên phong trong việc phát triển và cung cấp các sản phẩm mới;
- Phát triển đa dạng các nhóm khách hàng bao gồm các nhóm khách hàng truyền thống và mở rộng các phân nhóm khách hàng mới; nhóm khách hàng cần nền tảng giao dịch chất lượng với chi phí hợp lý; và nhóm khách hàng cần sử dụng các sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng, nhằm đạt được sự hài hòa về mục tiêu thị phần và lợi nhuận;
- Nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ Môi giới thông qua xây dựng các chương trình đào tạo huấn luyện và chương trình giám sát, quản trị công việc hiệu quả;
- Phát triển mạng lưới bán lẻ;
- Đầu tư phát triển hệ thống công nghệ, trong đó chú trọng đầu tư cho các kênh giao dịch trực tuyến tăng khả năng kết nối và hiệu quả giao dịch của khách hàng.

Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính

Khẳng định vị trí CTCK có uy tín và tiềm lực tài chính số 1 trên thị trường thông qua:

- Đảm bảo chất lượng quản lý nguồn vốn;
- Tổng tài sản tăng trưởng ổn định hàng năm;
- Cung cấp sản phẩm cấu trúc đa dạng, hiệu quả.

Quản lý quỹ

Nâng cao tổng tài sản quản lý, là Công ty Quản lý Quỹ hàng đầu tại Việt Nam với các định hướng:

- Hoàn thiện các sản phẩm hiện có & đi đầu trong phát triển sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu của Nhà đầu tư trong từng giai đoạn thị trường;
- Duy trì và phát triển các kênh phân phối trong và ngoài nước để tiếp cận tối đa các đối tượng Nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư vào TTCK Việt Nam.

Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Giữ vững vị thế dẫn đầu trong mảng ngân hàng đầu tư trên TTCK thông qua:

- Cung cấp các giải pháp tài chính toàn diện tới khách hàng;
- Thiết lập mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các tổ chức tài chính lớn trên thế giới;
- Chuyên môn hóa đội ngũ nhân sự.

Đầu tư

Hoạt động Đầu tư tiếp tục sẽ đóng góp lớn trong sự tăng trưởng tổng doanh thu toàn Công ty thông qua:

- Xác định chiến lược đầu tư giá trị nhưng linh hoạt và đi sát với thị trường, thường xuyên xem xét đánh giá yếu tố vĩ mô, bám sát nền tảng kinh doanh của các doanh nghiệp, xác định giá trị doanh nghiệp hợp lí;
- Việc phân bổ danh mục tận dụng sự tăng trưởng của thị trường đồng thời luôn đảm bảo phòng ngừa rủi ro biến động trong và ngoài nước;
- Cân bằng các khoản đầu tư chiến lược liên kết dài hạn và các khoản đầu tư thụ động.



NĂM 2019 CƠ HỘI LỚN THÁCH THỨC LỚN

Năm 2019 Việt Nam tiếp tục có triển vọng là điểm sáng về đầu tư nhờ dự báo tăng trưởng kinh tế cao hơn và lạm phát duy trì ở mức thấp hơn các quốc gia khác trong khu vực; sự kỳ vọng chuyển dịch các trung tâm sản xuất từ Trung Quốc sang Việt Nam; cũng như việc Việt Nam sẽ hạn chế được tác động tiêu cực từ bên ngoài nhờ tham gia các Hiệp định tự do thương mại (CPTPP và EVFTA). Bên cạnh đó, nền kinh tế cũng phải đối mặt với một loạt các vấn đề và trở ngại từ sự suy thoái kinh tế toàn cầu, chủ nghĩa bảo hộ gia tăng và chính sách tiền tệ thắt chặt.

Thị trường Chứng khoán Việt Nam 2019 được dự báo sẽ dao động trong biên độ rộng với các thông tin tích cực và tiêu cực đan xen; tuy vậy vẫn có nhiều yếu tố hấp dẫn, đặc biệt là đối với Nhà đầu tư nước ngoài. Mặt bằng cổ phiếu đã ở mức thấp và dự báo lợi nhuận của các Doanh nghiệp niêm yết có thể tăng 13,3% so với cùng kỳ là cơ sở để hỗ trợ TTCK tăng trưởng. Quá trình cổ phần hóa và thoái vốn tiếp tục diễn ra trong 2 năm tới sẽ hỗ trợ nguồn vốn cho kinh tế phát triển, đồng thời giúp TTCK tăng được nguồn cung cổ phiếu có vốn hóa lớn và chất lượng. Hoạt động tái cấu trúc TTCK ở tầm vĩ mô cũng là yếu tố giúp thị trường có mức thanh khoản tốt hơn và thu hút được nhà đầu tư. Hoạt động M&A được kỳ vọng sẽ tiếp tục sôi động năm 2019, tập trung vào các ngành hàng bán lẻ, sản xuất thực phẩm và hàng tiêu dùng nhanh, dược phẩm v.v… do tiềm năng tăng trưởng của các doanh nghiệp trong lĩnh vực này còn nhiều và nhu cầu tiêu dùng cao của thị trường.



Năm 2019 cũng sẽ chứng kiến sự cạnh tranh mạnh mẽ hơn trong hoạt động kinh doanh của các CTCK. Với việc ban ban hành Thông tư 128/2018/TT-BTC, thay thế cho Thông tư số 242/2016/TT-BTC trong đó, giá dịch vụ môi giới mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, chứng quyền có bảo đảm (áp dụng cho chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch) tối đa 0,5% giá trị giao dịch. Thay đổi này đồng nghĩa với việc sẽ không còn mức giá sàn dịch vụ mua, bán chứng khoán 0,15%. Quy định này sẽ tạo ra một cuộc cạnh tranh về phí môi giới trong thời gian tới. Thị trường cũng đón nhận ngày càng nhiều hơn sự tham gia của các CTCK nước ngoài có tiềm lực về nguồn vốn, nhân sự, công nghệ v.v… Bên cạnh đó là sự cạnh tranh trong ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo, phát triển hệ thống giao dịch - các yếu tố sẽ góp phần đáng kể vào kết quả kinh doanh của từng CTCK.

Trước những thách thức cũng như cơ hội lớn năm 2019, SSI đặt ra Kế hoạch Kinh doanh sẽ trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt vào cuối tháng 4/2019 như sau:

TỔNG DOANH THU (GỒM LỢI NHUẬN TỪ CÔNG TY LIÊN KẾT)

3.775 TỶ VNĐ

TỔNG CHI PHÍ

2.074,3 TỶ VNĐ

LỢI NHUẬN HỢP NHẤT TRƯỚC THUẾ

1.700,7 TỶ VNĐ

Để đạt được mục tiêu trên, các nhóm giải pháp cho từng mảng kinh doanh đã được xác lập cụ thể dựa trên tầm nhìn chiến lược dài hạn và tập trung vào các yếu tố tạo nên sự phát triển bền vững cho Công ty: Chất lượng sản phẩm dịch vụ, Phát triển nguồn nhân lực và Phát triển hệ thống. Khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động.

Kế hoạch hành động 2019 đối với từng mảng kinh doanh được trình bày như dưới đây.

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Phát triển đa dạng các phân khúc khách hàng bằng việc cung cấp các sản phẩm phù hợp cho từng phân khúc

Đối với khách hàng truyền thống, SSI tiếp tục tập trung vào nhóm là cổ đông các công ty niêm yết, các doanh nghiệp chuẩn bị niêm yết, cổ đông các công ty đại chúng, các nhà đầu tư hiện hữu trên thị trường v.v…Bên cạnh đó, kinh tế phát triển tạo ra những tầng lớp có thu nhập cao có nhu cầu đầu tư, SSI sẽ thiết kế các sản phẩm cạnh tranh với các kênh đầu tư khác để thu hút những nhóm Khách hàng mới này.

Việc phân loại khách hàng dựa trên nhu cầu của từng phân nhóm để xây dựng các chương trình kết nối và chăm sóc phù hợp cũng sẽ được chú trọng trong năm 2019. Các chương trình tìm hiểu nhu cầu, lắng nghe khách hàng, các chương trình về quà tặng, tri ân nhằm gắn kết giữa khách hàng và Công ty sẽ được định kỳ thực hiện. Và trên hết với mục tiêu đồng hành cùng khách hàng trong quá trình đầu tư, SSI tiếp tục thực hiện các chương trình đào tạo, hội thảo giúp khách hàng cá nhân có kiến thức chuyên môn về đầu tư và kiến thức không chỉ ở thị trường cơ sở mà cả thị trường phái sinh.

Chất lượng sản phẩm dịch vụ và sự đa dạng của sản phẩm là yếu tố quyết định trong sự lựa chọn của khách hàng

Trong xu thế cạnh tranh khốc liệt hơn, chất lượng và sự đa dạng của sản phẩm dịch vụ là yếu tố quyết định. Hiểu được vấn đề đó, SSI không ngừng nghiên cứu, phát triển và nỗ lực đưa ra các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, gia tăng nhiều tiện ích hỗ trợ cho khách hàng. Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm khuyến nghị và tư vấn đầu tư; đa dạng hóa các sản phẩm tài chính cung cấp giao dịch đòn bẩy cho khách hàng; phát triển và hoàn thiện các tính năng tính sức mua, giải ngân và quản lý nợ tự động. Cùng với đó, các công cụ để giao dịch sản phẩm mới như phái sinh hay chứng quyền có bảo đảm, các tiện ích hỗ trợ cung cấp cho khách hàng qua hệ thống giao dịch trực tuyến cũng sẽ được đầu tư không ngừng. Một sân chơi chứng khoán giả lập được mô phỏng giống như giao dịch trên thị trường thật đang được Công ty phát triển và sớm ra mắt nhà đầu tư, tạo cơ hội cho các nhà đầu tư mới thử nghiệm, tìm hiểu trước khi chính thức thực hiện các giao dịch đầu tư thật và các nhà đầu tư đã có kinh nghiệm có thể thử nghiệm áp dụng các chiến lược khác nhau trước khi có lựa chọn phù hợp.

Môi trường làm việc năng động, khát khao có động lực là yếu tố khác biệt trong việc thu hút và giữ nhân tài

Con người phù hợp là yếu tố quyết định trong sự thành công của một tổ chức. Hiểu được vấn đề trên, SSI đã xây dựng những tiêu chí tuyển dụng rõ ràng, phù hợp với yêu cầu của công việc và phù hợp với văn hóa Công ty. Quy trình tuyển dụng được sàng lọc kỹ phù hợp với các tiêu chí đã xác định sẵn. Công ty tập trung vào đối tượng sinh viên các trường đại học chính quy, xây dựng lộ trình đào tạo kể từ khi còn trên ghế nhà trường, đào tạo trong quá trình thực tập và đến khi ra trường có thể tiếp nhận công việc hiệu quả. Các nhân sự mới được đào tạo về định hướng, văn hóa, chuyên môn và kỹ năng phù hợp với yêu cầu thực tế của công việc. Bên cạnh các chương trình đào tạo, để xây dựng văn hóa học tập không ngừng, các buổi thảo luận, chia sẻ nội bộ về chuyên môn và kỹ năng được thực hiện thường xuyên tại các Chi nhánh/ Phòng Giao dịch.

Để nâng cao hiệu quả nhân sự, bên cạnh đào tạo, việc quản lý hiệu quả công việc được chú trọng thông qua xây dựng mục tiêu đầu kỳ, giám sát thực hiện, có phản hồi thường xuyên trong quá trình triển khai để có những hỗ trợ kịp thời và ghi nhận thành quả.

Phát triển đội ngũ lãnh đạo kế thừa từ nội bộ

Sau khi thuần thục với công việc được giao, các nhân sự xuất sắc có khuynh hướng tìm kiếm những thử thách mới. Hiểu được nhu cầu đó, cùng với việc mong muốn bảo vệ văn hóa và giá trị cốt lõi của Công ty, SSI chú trọng quá trình tìm kiếm, đào tạo và bồi dưỡng cho những ứng viên có thành tích làm việc tốt và năng lực lãnh đạo để bổ nhiệm vào những vị trí lãnh đạo để tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển và mở rộng đội ngũ môi giới có chất lượng. Các quy định về tiêu chuẩn đánh giá năng lực, quy định, chính sách về lộ trình thăng tiến từ nội bộ Công ty được quy định rõ ràng.



DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC

Về Khách hàng

SSI tiếp tục đẩy mạnh cung cấp dịch vụ tới các loại hình khách hàng mới tại các thị trường truyền thống – là các trung tâm tài chính lớn trên thế giới như Mỹ, Anh, Singapore, Hong Kong, Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc; song song với việc phát triển thị trường mới có quan tâm đến Việt Nam, mở rộng cơ hội đầu tư tại Việt Nam cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân quốc tế. Một mặt, Công ty nhanh chóng hoàn thiện Hệ thống Quản trị Quan hệ Khách hàng (CRM) để phân bổ nguồn lực phục vụ Khách hàng hiệu quả, chính xác, đầy đủ hơn, mặt khác liên tục mở rộng mối quan hệ với các nhóm đối tác, đặc biệt là tổ chức tài chính và CTCK quốc tế để kết hợp phục vụ các thị trường mới. Trong các nỗ lực của Chính phủ nhằm đưa Việt Nam nâng hạng vào nhóm các thị trường mới nổi, lượng vốn đầu tư được đổ vào TTCK sẽ theo đó ngày một gia tăng, đòi hỏi các tổ chức cung cấp dịch vụ phải ngày một đổi mới và chuyên nghiệp hóa dịch vụ của mình. Mỗi nhóm khách hàng hoặc thị trường có định hướng đầu tư khác nhau, do đó SSI liên tục cải tiến quy trình phục vụ, đưa ra những giải pháp mới để tối ưu hóa quá trình phục vụ Khách hàng cũng như đề xuất những nhóm sản phẩm mới phù hợp với từng loại Khách hàng qua từng thời kỳ.

Cũng trong định hướng khách hàng, năm 2019 DVCK Khách hàng Tổ chức SSI sẽ quyết liệt hơn nữa trong việc đẩy mạnh việc hợp tác sâu rộng với các đối tác quốc tế sẵn có cũng như phát triển thêm các đối tác toàn cầu chất lượng khác dựa trên nguyên tắc hợp tác các bên cùng có lợi. Những chính sách hợp tác phù hợp được áp dụng với từng đối tượng hợp nhằm đảm bảo cân đối hài hòa giữa lợi ích của SSI cũng như đối tác.

Về sản phẩm

Giai đoạn 2017 – 2018 cho thấy hiệu quả vượt trội của việc hợp tác nội bộ và thực hiện bán chéo sản phẩm. Các thương vụ IPO và tư vấn niêm yết với sự tham gia của nhiều bộ phận kinh doanh đã mang lại giá trị vượt trội về doanh thu cũng như tên tuổi của SSI. Trong thời gian tới, việc thực hiện các sản phẩm bán chéo là ưu tiên lớn đối với DVCK Khách hàng Tổ chức để đón đầu xu hướng của các thương vụ IPO lớn hơn, cũng như làn sóng cổ phần hóa được Nhà nước tiếp tục thực hiện thông qua sự vận hành của tổ chức Siêu Ủy Ban quản lý Vốn Nhà nước mới được thành lập. Khi TTCK Việt Nam phát triển hơn, danh mục đầu tư phong phú và chất lượng dịch vụ là hai yếu tố tiên quyết để thu hút và giữ chân Khách hàng. SSI đang làm rất tốt nhiệm vụ này.

Thêm vào đó, bên cạnh các cơ hội trên thị trường cổ phiếu, SSI cũng đa dạng hóa danh mục sản phẩm với ETF, trái phiếu doanh nghiệp, hợp đồng tương lai (futures) và chứng quyền có đảm bảo (covered warrants). SSI luôn giữ tinh thần tiên phong trong việc phối hợp với UBCK và các Sở Giao dịch Chứng khoán phát triển các sản phẩm mới hay đề xuất ý tưởng hỗ trợ Nhà đầu tư và cải tiến thị trường. Để làm được những việc này, công tác nhân sự ưu tiên tiếp theo để thực hiện các chiến lược ngắn, trung và dài hạn.



Đối với sản phẩm truyền thống, DVCK Khách hàng Tổ chức xây dựng chính sách sản phẩm phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Chính sách sản phẩm, dịch vụ cũng được chỉnh sửa theo các thay đổi của các quy định trong nước và quốc tế. Ví dụ, với việc Định hướng Công cụ Tài chính thị trường thuộc Liên minh Châu Âu EU (MIFID) có hiệu lực từ 2018, SSI sẽ có sản phẩm giao dịch, môi giới, phân tích & tư vấn đầu tư phù hợp cho đối tượng khách hàng phải tuân thủ theo MIFID II.

Về nhân sự

Mỗi thị trường quốc tế khác nhau có những tính chất và đòi hỏi khác nhau, do đó việc đa dạng hóa bộ máy nhân sự với các chuyên viên cao cấp quốc tế am hiểu địa phương là yêu cầu cần thiết để phục vụ Khách hàng thấu đáo và hiệu quả. Trong năm 2019, SSI tiếp tục bổ sung nhân sự nước ngoài phục vụ nhóm thị trường Châu Âu và chuyên viên phụ trách mảng phái sinh để hỗ trợ Khách hàng giao dịch hợp đồng tương lai (futures) và chứng quyền có đảm bảo (covered warrants). Chính sách lương thưởng cho bộ máy trong năm 2018 có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thu hút thêm nhiều nhân sự chất lượng cao tham gia SSI.

Về hệ thống

Tối ưu hóa hệ thống giao dịch và đặt lệnh là ưu tiên hàng đầu để duy trì sự ổn định của bộ máy vận hành và đảm bảo quyền lợi của khách hàng. Trong giai đoạn 1 – 2 năm tới, SSI tiếp tục hoàn thiện hệ thống giao dịch hiện có cho các giao dịch cổ phiếu và giao dịch phái sinh, đồng thời, phát triển các kênh đặt lệnh mới và kết nối nhanh chóng hơn với hệ thống giao dịch của các Khách hàng quốc tế. Bên cạnh đó, DVCK Khách hàng Tổ chức sẽ liên tục quảng bá kênh đặt lệnh giá rẻ DMA, giao dịch theo thuật toán cho các nhóm khách hàng có nhu cầu, và đưa vào thử nghiệm hệ thống giao dịch lập trình (program trading) phiên bản đơn giản.

Hoàn thiện Hệ thống Quản trị Quan hệ Khách hàng (CRM) cũng là mục tiêu cần được hoàn tất trong năm 2019 để phân bổ nguồn lực, phát triển sản phẩm mới phục vụ các nhóm khách hàng thấu đáo, chuyên nghiệp hơn, tạo tiền đề hoàn thiện quy trình phục vụ và chăm sóc mạng lưới nhà đầu tư rộng khắp toàn cầu.

NGUỒN VỐN VÀ KINH DOANH TÀI CHÍNH

Đảm bảo thanh khoản, tìm kiếm các nguồn vốn mới nhằm giảm chi phí đồng thời tăng lợi nhuận dài hạn cho SSI

Tối ưu lợi thế từ nền tảng sẵn có là quy mô tổng tài sản lớn nhất trên thị trường đã giúp khẳng định vị thế và uy tín của SSI trong việc tiếp cận nguồn vốn đa dạng từ các định chế tài chính lớn trong và ngoài nước. SSI luôn luôn đề cao nhiệm vụ đảm bảo an toàn và chất lượng nguồn vốn, đồng thời cung ứng thanh khoản cho toàn Công ty cũng như khách hàng.

Song song với việc xây dựng và thiết lập quan hệ tín dụng thuần tuý, SSI cũng tiếp tục tìm kiếm các cơ hội phát hành trái phiếu bằng cả nội tệ hoặc ngoại tệ cho các định chế trong và ngoài nước, hoặc nhà đầu tư cá nhân nhằm đa dạng hoá và giảm thiểu hơn chi phí vốn vay của Công ty.

Trong thời gian qua, quy mô giao dịch của thị trường cũng như của SSI ngày càng lớn, nhằm giảm thiểu rủi ro và hiện đại hoá các khâu thủ tục phục vụ khách hàng, SSI vẫn luôn không ngừng cải tiến quy trình, quy chế và chính sách quản trị nội bộ theo thông lệ thị trường, phù hợp với pháp luật và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Phát triển sản phẩm tài chính mới đáp ứng nhu cầu của Khách hàng

Năm 2019, cùng với định hướng phát triển mảng quản lý tài sản cao cấp (Private Wealth Management) của SSI, bộ phận Sản phẩm Cấu trúc tiếp tục thiết kế các gói sản phẩm tài chính một cách đa dạng đáp ứng các nhu cầu của khách hàng. Kết hợp cùng với thế mạnh sẵn có về mạng lưới khách hàng của đội ngũ môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI mong muốn mang đến cho khách hàng thêm các sản phẩm về trái phiếu, sản phẩm phái sinh nhằm phục vụ cả mục đích đầu tư và phòng ngừa rủi ro tài chính.

QUẢN LÝ QUỸ

Năm 2019, SSIAM tiếp tục phát triển các kênh phân phối thông qua hệ thống Ngân hàng Thương mại để tiếp cận tới tệp Khách hàng tiềm năng của các ngân hàng này. Một số Ngân hàng Thương mại hiện có quan điểm cởi mở hơn trong việc giới thiệu đến khách hàng những sản phẩm đầu tư ngoài sản phẩm truyền thống sẽ là các đối tác mà SSIAM hướng tới. Công ty xác định áp lực cạnh tranh lớn từ thị trường sẽ tạo ra nhiều thách thức cũng như động lực cho đội ngũ của Công ty trong việc tương tác, phối hợp toàn diện với đội ngũ bán hàng của các đối tác để đạt hiệu quả về huy động vốn trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

Theo đánh giá của SSIAM, ngành quản lý quỹ năm 2019 sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong việc huy động vốn ở các sản phẩm có tài sản đầu tư là cổ phiếu nên SSIAM sẽ đẩy mạnh sản phẩm chứng chỉ quỹ mở trái phiếu và danh mục đầu tư trái phiếu, đẩy mạnh phân phối chứng chỉ quỹ ETF tới đối tượng Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Tổ chức nước ngoài.

Với lợi thế là Công ty Quản lý quỹ nội địa hàng đầu tại Việt Nam cùng hệ thống đối tác lớn, SSIAM sẽ tìm kiếm các cơ hội đầu tư vào các doanh nghiệp tư nhân, tiếp cận các cơ hội trong các thương vụ IPO tiềm năng của các doanh nghiệp nhà nước để giới thiệu tới tệp khách hàng có giá trị tài sản lớn, nhằm đa dạng hóa sự lựa chọn cho khách hàng.

Bên cạnh đó, trong thời gian chờ đợi khung pháp lý và khả năng vận hành thực tế của **quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện** được hoàn thiện, SSIAM có kế hoạch tiếp cận dần tới các doanh nghiệp và đối tác có quan tâm đến sản phẩm này đồng thời hoàn thiện mô hình cho sản phẩm này chuẩn bị cho việc triển khai khi điều kiện thị trường phù hợp.

DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ

Năm 2019, Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI sẽ hướng đến **hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu** trong nước, trái phiếu quốc tế và các công cụ nợ cho các doanh nghiệp tư nhân bên cạnh các hoạt động tư vấn huy động vốn cổ phần vốn là điểm mạnh của SSI trong những năm qua.

Bên cạnh đó, SSI sẽ tiếp tục thực hiện các **hợp đồng tư vấn cho bên mua và bên bán trong các giao dịch mua bán – sáp nhập (M&A)**, bao gồm tư vấn cấu trúc giao dịch và tư vấn thực hiện giao dịch.

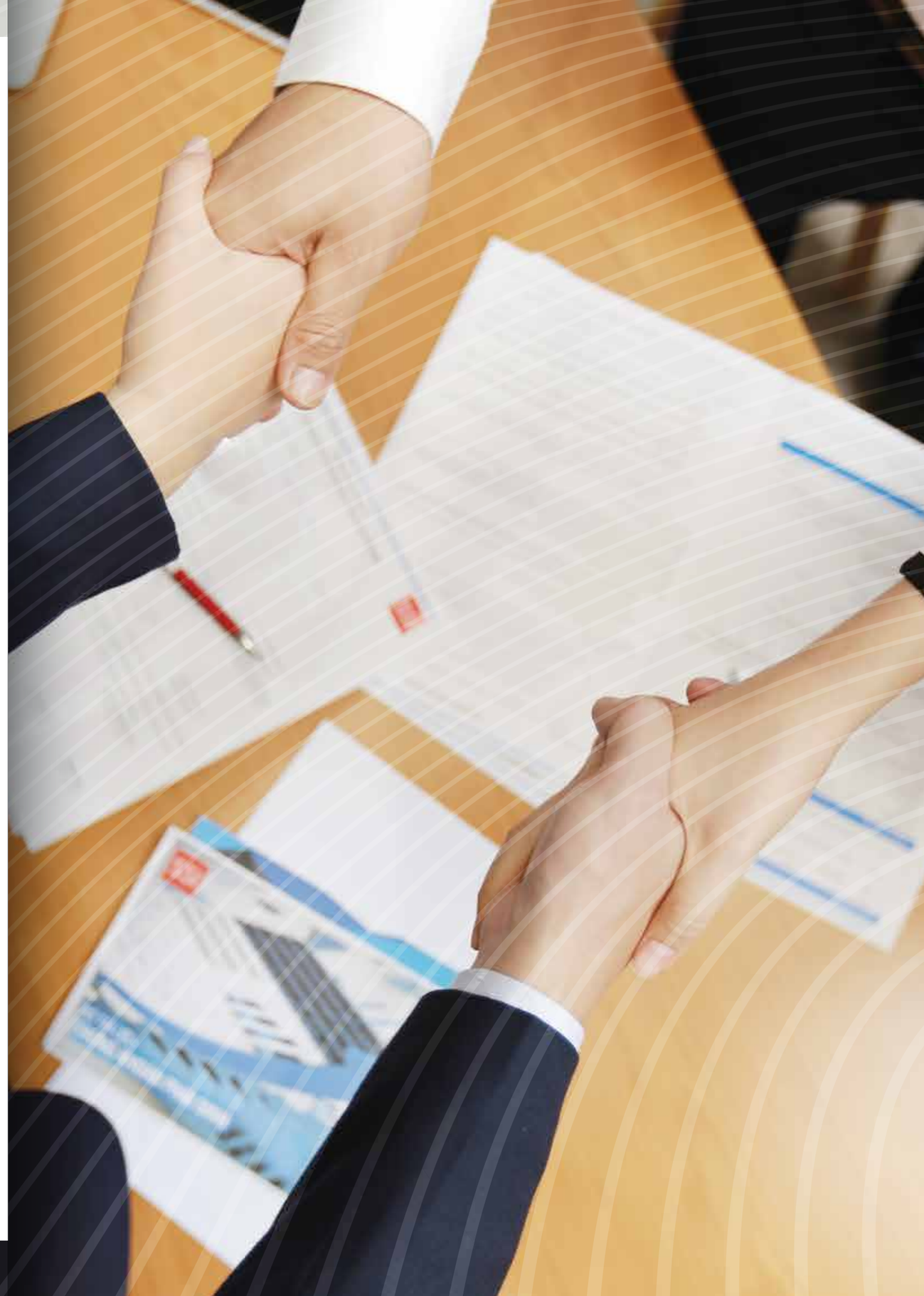
HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

SSI tiếp tục lựa chọn chiến lược đầu tư năng động với danh mục đầu tư linh hoạt bám sát diễn biến thị trường

Cụ thể, SSI bám sát phương pháp đầu tư giá trị với nền tảng kinh doanh của Công ty và định giá hợp lý; cân bằng giữa các khoản đầu tư chiến lược dài hạn và danh mục đầu tư linh hoạt. Tiêu chí đầu tư cũng điều chỉnh thêm các điều kiện mới của nền kinh tế như: các Hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương, cơ hội cho Việt Nam hưởng lợi từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung v.v…Đầu tư tập trung vào các nhóm ngành có tăng trưởng bền vững như Bán lẻ, Sản xuất, Viễn thông, Dịch vụ Hàng không… Ngoài ra, SSI tiếp tục tìm hiểu các cơ hội đến từ kế hoạch IPO, thoái vốn Nhà nước hay niêm yết cổ phiếu mới trong 2019, đồng thời tham gia phát hành và đầu tư các sản phẩm cấu trúc như phái sinh, chứng quyền có bảo đảm v.v…

Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực thoái vốn các khoản đầu tư đã đạt mức lợi nhuận kỳ vọng, các khoản đầu tư không nằm trong chiến lược đầu tư dài hạn của SSI.

Trong năm 2019, dựa trên nền tảng sẵn có là nguồn vốn chủ sở hữu dồi dào, Khối Đầu tư SSI xác định hỗ trợ cộng hưởng với các Khối kinh doanh khác của SSI nhiều hơn: Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (trong bảo lãnh phát hành, cùng đầu tư (co – invest)), Dịch vụ Chứng khoán (trong sản phẩm mới), đồng thời cùng SSIAM tìm kiếm các cơ hội đầu tư mới.



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2018, Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) SSI tiếp tục duy trì hoạt động tốt theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty.

HĐQT gồm 06 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập: ông Ngô Văn Điểm và ông Bùi Quang Nghiêm. Cơ cấu HĐQT được cân đối và phù hợp giữa các thành viên có kinh nghiệm, được đào tạo bài bản và hiểu biết về quản trị, pháp luật, tài chính và chứng khoán cũng như vai trò của các thành viên đó (thành viên điều hành, thành viên không điều hành và thành viên độc lập), trong đó có 1/3 số thành viên HĐQT là thành viên HĐQT độc lập và không điều hành để bảo đảm tính độc lập, khách quan trong hoạt động của HĐQT.

Các thành viên HĐQT vẫn duy trì hoạt động trong nhiệm kỳ và không có sự kiện bất thường dẫn đến thay đổi thành viên trong năm 2018. Ngoài ra, 04 trong số 06 thành viên HĐQT đã hoàn thành khóa đào tạo về quản trị công ty đã được UBCKNN cấp chứng chỉ theo quy định.



Ông Nguyễn Duy Hưng

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

Ông Hưng là người sáng lập Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI. Ông đồng thời cũng là người sáng lập và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) - Công ty dẫn đầu trong lĩnh vực Nông nghiệp và Thực phẩm đóng gói chất lượng cao.



Ông Nguyễn Hồng Nam

Thành Viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc; Người được ủy quyền công bố thông tin.

Ông Nam là nhà quản lý doanh nghiệp thành công trong nhiều lĩnh vực kinh doanh. Ông Nam có bằng Thạc sĩ Khoa học tại Trường Đại học Bách khoa Lugansk – Ukraina.



Ông Ngô Văn Điểm

Thành Viên HĐQT

Ông Điểm có kinh nghiệm nhiều năm làm việc trong lĩnh vực đầu tư trong nước và nước ngoài, cải cách doanh nghiệp nhà nước, phát triển khu công nghiệp và hội nhập kinh tế ở các chức vụ trung, cao cấp trong các cơ quan của Chính phủ.

Ông Điểm tốt nghiệp Đại học tổng hợp Leipzig và là tiến sĩ kinh tế Đại học Martin Luther University Halle tại Đức.

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG / BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Bùi Quang Nghiêm

Thành Viên HĐQT

Ông Nghiêm hiện nay là Giám Đốc Công ty Luật Hợp danh Nghiêm & Chính, Phó Chủ nhiệm Đoàn Luật sư TP. HCM. Ông Nghiêm tốt nghiệp trường Đại học Martin Luther Halle tại Đức.



Ông Nguyễn Duy Khánh

Thành Viên HĐQT

Ông Khánh tốt nghiệp Cử nhân Tài chính, Đại học The George Washington, Hoa Kỳ.

Ông Khánh đã có thời gian cùng làm việc với SSI trong giai đoạn triển khai dự án Chuyển đổi do McKinsey tư vấn (năm 2010). Ông cũng là người giúp sáng lập SSI International Corp. và có đóng góp nhiều vào những thành công của SSI International Corp. Ông đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE).



Ông Hironori Oka

Thành Viên HĐQT

Ông Hironori Oka đã có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán với nhiều vị trí tại các quốc gia như Nhật Bản, Hồng Kông, Mỹ, Singapore và Đài Loan. Ông từng giữ nhiều vị trí cao cấp tại Tập đoàn Daiwa và bắt đầu đảm nhiệm các nhiệm vụ, trọng trách là người đứng đầu từ năm 1994. Hiện nay, ông Oka giữ vị trí Giám Đốc điều hành và Trưởng khu vực Châu Á & Châu Đại Dương kiêm Chủ tịch, Tổng Giám Đốc Daiwa Capital Markets Hong Kong Limited.

Danh sách thành viên HĐQT cùng tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết trong Công ty:

STT	Thành viên	Chúc danh	Năm sinh	Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 01/01/2018 (*)(**)		Số cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2018 (*)(***)	
				Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	1962	4.884.400	0,98%	6.783.400	1,33%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	1967	1.000.000	0,20%	1.400.000	0,27%
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT *Thành viên độc lập* *Thành viên không điều hành*	1951	150.000	0,03%	200.000	0,04%
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT *Thành viên độc lập* *Thành viên không điều hành*	1957	263.174	0,053%	263.174	0,05%
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT *Thành viên không điều hành*	1991	500.000	0,10%	700.000	0,14%
6	Hironori Oka	Thành viên HĐQT *Thành viên không điều hành*	1963	0	0,00%	0	0,00%

(*) Toàn bộ số cổ phần nêu trên là cổ phần phổ thông

(**) Tỷ lệ được tính trên 500.063.684 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 01/01/2018

(***) Tỷ lệ được tính trên 510.063.684 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31/12/2018

VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT luôn xác định vai trò lãnh đạo, định hướng, chỉ đạo, quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên (ĐHĐCĐ) theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT hoạt động bằng cách ban hành nghị quyết và chỉ đạo Ban Lãnh Đạo thực hiện nghị quyết. Chính sách quản trị của Công ty được thể hiện thông qua việc tuân thủ Pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty, và bằng các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT. Những tài liệu này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, được công bố thông tin theo quy định.

Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT phải tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Quy chế Quản trị Công ty. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Năm 2018, HĐQT đã duy trì hoạt động theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty. Bên cạnh đó, HĐQT đã có những nỗ lực để hoàn thiện năng lực quản trị công ty tuân thủ quy định hiện hành và phù hợp với thông lệ của khu vực cũng như trên thế giới. Cụ thể:

- HĐQT đảm bảo số lượng các cuộc họp HĐQT, số lượng thành viên triệu tập cuộc họp đáp ứng yêu cầu về tính pháp lý và hiệu quả, xác định vai trò của mỗi thành viên HĐQT, giữa thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT điều hành để bảo đảm lợi ích theo pháp luật cho các Cổ đông.

- HĐQT thông qua các Nghị quyết phù hợp với tầm nhìn của Công ty và chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn, đảm bảo lợi ích cho Khách hàng, Cổ đông và quyền lợi của Người lao động, tôn trọng Đối tác, chung tay xây dựng cộng đồng doanh nghiệp vững mạnh, từ đó đóng góp giá trị cho xã hội, từng bước hoàn thành sứ mệnh của Công ty.
- HĐQT giám sát việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các nghị quyết của Công ty; thường xuyên rà soát các chính sách, quy định của Công ty và kịp thời điều chỉnh để phù hợp với tình hình hoặc yêu cầu mới.
- HĐQT đưa ra định hướng, chỉ đạo và giám sát thường xuyên đối với hoạt động của Ban Lãnh Đạo cũng như các bộ phận hỗ trợ Ban Lãnh Đạo, bảo đảm sự điều hành phù hợp với các quy định và chính sách của Công ty.

Trong năm 2018, HĐQT đã tiến hành 06 cuộc họp, bao gồm 03 cuộc họp trực tiếp và 03 cuộc họp bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản (cuộc họp trực tiếp ngày 18/12/2018 tổng kết quản trị công ty nhưng không ra nghị quyết). Tất cả các cuộc họp HĐQT đều được 100% thành viên HĐQT tham gia, thảo luận và đưa ra ý kiến biểu quyết về từng vấn đề.

Nội dung các Nghị quyết được HĐQT thông qua cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/2018/NQ-HĐQT Lấy ý kiến bằng văn bản	22/01/2018	Phát hành trái phiếu chuyển đổi theo phương án phát hành quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/01/2018 của ĐHĐCĐ
2	02/2018/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	08/03/2018	Thông qua chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2018
3	03/2018/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	08/03/2018	Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định việc thành lập các Phòng Giao dịch, tên, ngành nghề kinh doanh và địa điểm của các Phòng Giao dịch của Công ty
4	04/2018/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	08/03/2018	Thay đổi phạm vi hoạt động của Chi nhánh Hải Phòng bao gồm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán
5	05/2018/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	08/03/2018	Thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm
6	06/2018/NQ-HĐQT Lấy ý kiến bằng văn bản	09/04/2018	Bổ sung phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động vào Chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên 2018
7	08/2018/NQ-HĐQT Lấy ý kiến bằng văn bản	10/08/2018	Thay đổi địa điểm Chi nhánh Nguyễn Công Trứ của Công ty
8	09/2018/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	05/09/2018	Ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Điều 9 Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ
9	10/2018/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	05/09/2018	Ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty
10	11/2018/NQ-HĐQT Biểu quyết tại cuộc họp	05/09/2018	Quyết định thời điểm đổi tên Công ty là 18/12/2018 và thực hiện các thủ tục cần thiết về việc đổi tên Công ty; Tổ chức lại Khối Dịch vụ Chứng khoán thành Khối Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức và Khối Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và thành lập Khối Đầu tư

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mô hình quản trị Công ty được xây dựng chưa bao gồm các Tiểu ban độc lập trực thuộc HĐQT phụ trách các vấn đề về Quản trị rủi ro (QTRR), Kiểm toán nội bộ (KTNB). Tuy nhiên, HĐQT đã chỉ định thành viên HĐQT độc lập phụ trách QTRR và KTNB.

Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập phụ trách quản trị rủi ro:

- Tiến hành rà soát và cho ý kiến trước khi trình HĐQT phê duyệt định các chính sách, hạn mức rủi ro;
- Xem xét báo cáo của Tổng Giám Đốc và Bộ phận QTRR và các bộ phận khác có liên quan đến hoạt động QTRR;
- Đánh giá hiệu quả hoạt động QTRR của toàn Công ty.

Hoạt động của Thành viên HĐQT độc lập phụ trách kiểm toán nội bộ:

- Rà soát, thẩm định trước khi HĐQT phê duyệt, quyết định các vấn đề liên quan tới cơ cấu tổ chức về KTNB; dự thảo chiến lược và chính sách KTNB;
- Kiểm tra, đánh giá mức độ tuân thủ quy trình, chuẩn mực kế toán, nguyên tắc hoạt động của KTNB;
- Báo cáo HĐQT về hoạt động và hiệu quả hoạt động của công tác KTNB đã thực hiện trong năm; đề xuất phương án khắc phục các tồn tại, hạn chế nhằm hoàn thiện hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Tư vấn cho HĐQT trong việc ban hành chiến lược và chính sách KTNB.

Ngoài ra, các thành viên HĐQT độc lập khi tham gia các cuộc họp của HĐQT góp ý kiến, phản biện đề xuất chiến lược, kế hoạch kinh doanh.

HOẠT ĐỘNG CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lãnh đạo chung mọi hoạt động của HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty cũng như theo quy định hiện hành của Pháp luật, cụ thể là:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ, các cuộc họp HĐQT.

Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT hiện đang kiêm nhiệm vị trí Tổng Giám Đốc SSI với nhiệm vụ lãnh đạo Ban Lãnh Đạo cùng toàn thể cán bộ nhân viên thực hiện một cách hiệu quả các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và các hoạt động khác. Việc kiêm nhiệm này đều đã được trình ĐHĐCĐ phê chuẩn trong đại hội hàng năm.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Thành viên HĐQT độc lập được phân công thực hiện nhiệm vụ về QTRR và KTNB như đã trình bày tại nội dung về hoạt động của các tiểu ban. Ngoài ra, các thành viên này còn tham gia các cuộc họp của HĐQT phản biện các đề xuất định hướng chiến lược, kế hoạch kinh doanh; theo dõi hoạt động và lập báo cáo hàng tháng về hoạt động của HĐQT, kết quả giám sát Ban Tổng Giám Đốc gửi các thành viên của HĐQT theo Điều lệ của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2018 là một năm thăng trầm của thị trường chứng khoán Việt Nam. Vn-Index vượt đỉnh lịch sử, xác lập mức kỷ lục ngày 10/04/2018 với 1.211 điểm. Nhưng cũng từ mức đỉnh mới này, thị trường giảm điểm mạnh, kết thúc phiên giao dịch cuối năm 2018, VN-Index dừng ở mức 892,54 điểm, giảm 26,3% so với đỉnh, và giảm 9,32% so với mức cuối năm 2017.

Tuy nhiên, với vị thế CTCK lớn nhất trên thị trường, có chiến lược phát triển bền vững cùng với sự nỗ lực làm việc, đóng góp của tất cả nhân viên, lãnh đạo Công ty, kết quả kinh doanh của Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch. Tổng doanh thu Công ty mẹ năm 2018 đạt 4.060 tỷ VNĐ, tăng trưởng 37,2% so với năm 2017. Lợi nhuận kế toán trước thuế đạt 1.738 tỷ VNĐ, tăng 36%. Tổng doanh thu hợp nhất đạt hơn 3.997 tỷ VNĐ và lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 1.623 tỷ VNĐ, đều vượt kế hoạch kinh doanh năm 2018. Tại thời điểm kết thúc năm, tổng tài sản của SSI đạt 23.825,6 tỷ VNĐ, tăng 30% so với mức đầu năm.

Ngày 18 tháng 12 năm 2018, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn kỷ niệm 18 năm thành lập và chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI, thống nhất tên gọi Công ty với tên viết tắt và mã chứng khoán trên thị trường chứng khoán. Đây được xem là một bước thay đổi cần thiết nhằm tăng nhận diện thương hiệu SSI đối với nhà đầu tư, trong bối cảnh SSI đang dần trở thành một thương hiệu có giá trị, được định giá 30,8 triệu USD.

Sau 18 năm thành lập và phát triển, SSI vững vàng tại vị trí số 1 trên thị trường với mạng lưới gồm 14 Chi nhánh và Phòng Giao dịch. Chưa dừng ở đó, tính tới đầu năm 2018, SSI là CTCK dẫn đầu về giá trị tổng tài sản và vốn điều lệ khi lần lượt vượt 1 tỷ USD và hơn 5.000 tỷ VNĐ. Vươn ra tầm khu vực, SSI hiện thuộc top các CTCK lớn nhất khu vực ASEAN dựa trên các tiêu chí về vốn hóa, tổng tài sản, doanh thu, và lợi nhuận.

SSI tuân thủ pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, thuộc top 100 Công ty tư nhân nộp thuế nhiều nhất, thực hiện tốt trách nhiệm xã hội, trước hết là công tác từ thiện.

Hoạt động quản trị Công ty công khai, minh bạch và đặt lợi ích của Công ty trong sự kết hợp hài hòa với lợi ích của Cổ đông, Khách hàng, Đối tác, Nhân viên và Cộng đồng. Cuối năm 2018, Công ty có hơn 1.000 nhân sự đang làm việc, được đào tạo bài bản, chuyên môn vững, có đạo đức, văn hóa kinh doanh, phục vụ tận tình và luôn giữ được chữ tín với khách hàng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT đánh giá cao và ghi nhận kết quả điều hành kinh doanh năm 2018 của Ban Tổng Giám Đốc. Ban Tổng Giám Đốc đoàn kết, sáng tạo đã chủ động tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, hiệu quả Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Ban Tổng Giám Đốc duy trì giao ban hàng tháng để có những chỉ đạo sát hợp, phát huy kết quả đạt được, khắc phục yếu kém, đồng thời đưa ra những định hướng, ý tưởng sáng tạo cần thực hiện trong tháng.

Công tác kiểm toán, kiểm soát nội bộ được thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa và kiểm soát được rủi ro.

SSI đã hình thành được đạo đức kinh doanh, văn hóa Công ty thông qua việc xây dựng quy chế, tổ chức các hoạt động gắn bó, đoàn kết thành viên, kỹ năng làm việc nhóm.

Lễ kỷ niệm 18 năm thành lập Công ty được tổ chức tốt, nhằm nhìn lại sự phát triển trong 18 năm qua với những thành tựu đạt được kể trên, đồng thời tri ân Khách hàng đã đồng hành cùng Công ty gần 2 thập kỷ qua và phát triển Khách hàng mới. Khách hàng luôn là trung tâm mà hoạt động SSI hướng tới.

Quan hệ với Công chúng, Nhà đầu tư, các Cơ quan truyền thông luôn được quan tâm và ngày càng hoàn thiện làm cho hình ảnh của Công ty đến với Công chúng nhiều hơn, rõ hơn.

ĐỊNH HƯỚNG VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2019

Định hướng kinh doanh năm 2019 của SSI: phát huy lợi thế vị trí dẫn đầu; đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, nỗ lực vươn lên, sáng tạo hơn nữa; giữ vững vị trí số 1 về thị phần môi giới; cung cấp những sản phẩm, dịch vụ tốt nhất, phù hợp với từng phân khúc khách hàng.

Công ty tiếp tục theo đuổi chiến lược mở rộng mạng lưới môi giới, Chi nhánh và Phòng Giao dịch, phát triển sản phẩm và dịch vụ nhằm cung cấp cho Khách hàng thêm các sản phẩm linh hoạt hỗ trợ Khách hàng tối ưu hóa vốn kinh doanh, bảo đảm an toàn vốn trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ (margin).

Năm 2019, cổ phần hóa và thoái vốn của Doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh. Nghị định mới của Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi cho phát hành trái phiếu doanh nghiệp, cùng với sự phát triển và mở rộng thị trường chứng khoán đang tạo thêm cơ hội cho hoạt động của ngân hàng đầu tư. Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư SSI nắm bắt và khai thác tốt cơ hội này, nâng cao năng lực cạnh tranh cung cấp những nghiệp vụ tư vấn, bảo lãnh phát hành, môi giới chứng khoán cũng như các cơ hội đầu tư chứng khoán.

Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI (SSIAM) tiếp tục nghiên cứu sản phẩm mới liên quan tới trái phiếu và các công cụ có lãi suất cố định, quỹ hưu trí để triển khai khi điều kiện thị trường phù hợp. Với mảng Khách hàng Cá nhân, SSIAM sẽ tăng cường hợp tác với CTCK và ngân hàng thương mại để giới thiệu sản phẩm quỹ đầu tư/danh mục đầu tư tới công chúng. Với mảng khách hàng Tổ chức, SSIAM tăng cường tiếp cận các tổ chức và các công ty bảo hiểm, chủ động tăng chiều sâu hợp tác với các Khách hàng tổ chức đang có, để không những có thể nâng quy mô tài sản ủy thác của khách hàng mà còn khai thác cơ hội bán chéo sản phẩm giữa hai bên để hai bên cùng phát triển mạnh mẽ hơn.

Nâng cao chất lượng hoạt động của công nghệ thông tin, bảo đảm bảo mật và an toàn thông tin trong bất kỳ tình huống nào. Phát triển đội ngũ đi đôi với việc tinh gọn, nâng cao hiệu quả, năng lực hoạt động của bộ máy.

SSI tiếp tục thực hiện quản trị Công ty công khai, minh bạch, tuân thủ pháp luật, thực hiện trách nhiệm xã hội, hài hòa lợi ích của Công ty, Người lao động, Nhà đầu tư, Cổ đông và Cộng đồng.

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Khải

Ông Khải tham gia vào Ban Kiểm Soát (BKS) SSI từ năm 1999 và liên tục được tín nhiệm bầu là Trưởng BKS qua các nhiệm kỳ.

Ông Khải là người có nhiều kinh nghiệm trong quản lý, điều hành doanh nghiệp. Ông là Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An (LAF – HOSE) và Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (ABT – HOSE).

Ông Khải có bằng Thạc sỹ Quản lý công nghệ.



Ông Đặng Phong Lưu

Ông Lưu trở thành thành viên BKS SSI từ năm 2005. Ông đã từng giữ chức vụ Giám Đốc Chi Nhánh Tân Bình - Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB). Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Ông tốt nghiệp Đại Học Ngân Hàng, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông hiện điều hành doanh nghiệp do mình thành lập là Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại An Bảo với chức danh Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên.



Bà Lê Cẩm Bình

Bà Bình có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và tư vấn. Bà giữ chức vụ Giám Đốc KTNB từ tháng 05/2017. Trước đó, bà từng có thời gian làm việc tại Công ty kiểm toán và tư vấn A&C, phụ trách quản lý các hợp đồng kiểm toán doanh nghiệp bảo hiểm, tài chính.

Bà Bình tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Kế toán - Trường Đại học Thăng Long. Bà được Bộ Tài chính cấp chứng chỉ kiểm toán viên quốc gia (CPA) năm 2005 và được ICAEW cấp chứng chỉ IFRS tháng 02 năm 2017.

Họ và tên	Chức danh	Năm sinh	Mức độ độc lập	Tỉ lệ sở hữu cổ phần (*)	
				Cổ phần	Tỉ lệ
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	1967	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	130.455	0,03%
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	1967	Không phải là người lao động của Công ty. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	60.068	0,01%
Bà Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS	1979	Là Giám Đốc KTNB SSI. Có sở hữu cổ phiếu SSI.	142.500	0,03%

(*) Tỷ lệ được tính trên 510.063.684 cổ phiếu tương đương 100% vốn điều lệ Công ty tại thời điểm 31/12/2018

HOẠT ĐỘNG CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Phân công nhiệm vụ của các thành viên Ban Kiểm Soát

- Ông Nguyễn Văn Khải, Trưởng BKS phụ trách chung và giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc, tham gia các cuộc họp của HĐQT, lập báo cáo trình ĐHĐCĐ; chủ trì trong việc giải quyết các khiếu nại, yêu cầu của Cổ đông;
- Ông Đặng Phong Lưu, Thành viên BKS phụ trách giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; cùng xem xét, thẩm định báo cáo của bộ phận KTNB, Kiểm soát Nội bộ (KSNB) và QTRR;
- Bà Lê Cẩm Bình, Thành viên BKS phụ trách kiểm tra, xem xét sổ sách kế toán, thẩm định về báo cáo tài chính của Công ty; cùng xem xét, thẩm định báo cáo của bộ phận KTNB, KSNB, và QTRR.

Tóm tắt hoạt động của Ban Kiểm Soát năm 2018

- Thực hiện báo cáo cho Cổ đông việc giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2018 và kế hoạch hoạt động cho năm 2019 của BKS.
- Ông Nguyễn Văn Khải, Trưởng BKS, đại diện cho BKS đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT trong năm 2018.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc lập các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017, các báo cáo tài chính quý, báo cáo bán niên và báo cáo cả năm 2018.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và những người điều hành doanh nghiệp trong năm 2018.
- Giám sát việc thực hiện phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành chứng quyền và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018.
- Ngày 01 tháng 06 năm 2018, BKS đã tiến hành cuộc họp định kỳ và thông qua các nội dung:
  - Quy chế hoạt động của BKS;
  - Phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS;
  - Thống nhất khuyến nghị HĐQT chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam để kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong năm 2018.
- Ngày 15 tháng 08 năm 2018, BKS đã tiến hành cuộc họp định kỳ và thông qua các nội dung:
  - Đánh giá hoạt động giám sát hoạt động của HĐQT và điều hành của Ban Tổng Giám Đốc;
  - Đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ;
  - Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính bán niên 2018.

Trong hoạt động đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị nội bộ, BKS đã xem xét các báo cáo của các bộ phận KSNB, KTNB, QTRR, làm việc với các bộ phận và lưu ý đến các bộ phận một số hoạt động của Công ty trong năm 2018 bao gồm:

- Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, nâng cao kiến thức, kỹ năng của nhân viên KSNB nhằm đảm bảo phù hợp với tình hình phát triển thị trường chứng khoán nói chung và đáp ứng với sự phát triển các sản phẩm mới nói riêng;
- Phổ biến, tuyên truyền về đạo đức nghề nghiệp, cập nhật liên tục các quy định mới của pháp luật có liên quan đến các nghiệp vụ của Công ty nhằm nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên;
- Bộ phận QTRR triển khai quy trình quản trị rủi ro bài bản, chuyên nghiệp trên các phương diện về nghiệp vụ và hoạt động nội bộ.

Giám sát việc tuân thủ pháp luật, chấp hành Điều lệ Công ty và thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông

Hoạt động của Công ty trong năm 2018 tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ. Công ty chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với CTCK, đồng thời là công ty niêm yết tại HOSE. Những người nội bộ thực hiện đầy đủ quy định về công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu SSI.

Công ty đã triển khai đầy đủ các quyết định của ĐHĐCĐ, cụ thể hoàn tất việc phát hành 1.200.000 trái phiếu chuyển đổi theo Nghị quyết 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, phát hành 10.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 của ĐHĐCĐ vào tháng 12 năm 2018. Cổ tức được thanh toán cho Cổ đông trong trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên.

Điều lệ Công ty đã được sửa đổi, bổ sung các nội dung về phát hành chứng quyền, đổi tên Công ty theo tên mới và vốn điều lệ, cổ phần mới sau đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động phù hợp với các quyết định của ĐHĐCĐ và Giấy phép sửa đổi của UBCKNN.

Triển khai thực hiện đổi tên Công ty, Chi nhánh, Phòng Giao dịch và các thủ tục liên quan một cách nhanh chóng, kịp thời nhằm đảm bảo việc đổi tên sẽ nâng cao sự nhận diện thương hiệu đến Nhà đầu tư.

Giám sát về mặt tài chính

Công ty đã lập và công bố các báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của UBCKNN. Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tỉ lệ an toàn tài chính và Báo cáo tài chính năm 2018 được soát xét và kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đúng theo quy định hiện hành của UBCKNN và Bộ Tài chính. Số liệu báo cáo tài chính bán niên trước và sau soát xét không có sự khác biệt nào.

Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu trong năm, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Việc trích lập các quỹ và chi thù lao HĐQT và BKS trong năm thực hiện theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018.

BKS đã thực hiện họp định kỳ 6 tháng cuối năm 2018 vào ngày 23 tháng 3 năm 2019 và đánh giá công tác kế toán, ghi nhận sổ sách của Công ty được thực hiện trên cơ sở thận trọng. Số liệu tài chính của Công ty công bố là minh bạch.

Giám sát đối với thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc và Ban Lãnh Đạo

HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc đã điều hành hoạt động Công ty theo đúng mục tiêu đã được ĐHĐCĐ đề ra trong cuộc họp thường niên. BKS chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người điều hành doanh nghiệp. Các giao dịch của người nội bộ, người có liên quan được công bố thông tin đầy đủ theo quy định.

Trong hoạt động quản lý, điều hành, không có ghi nhận từ các cơ quan quản lý về sự vi phạm hay sai sót nào. BKS lưu ý tình hình thị trường kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán nói riêng có nhiều biến động, do đó, Ban Lãnh Đạo cần thận trọng, duy trì các thành tích đã đạt được và có giải pháp để đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.

Giải quyết các kiến nghị của Cổ đông đối với Công ty

Trong năm 2018, BKS không nhận được kiến nghị hoặc khiếu nại nào của Cổ đông về tình hình hoạt động cũng như công tác quản trị Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám Đốc và các Cổ đông

Trong năm 2018, BKS nhận được sự phối hợp chặt chẽ và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình từ phía HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý của Công ty, thông qua việc được cung cấp đầy đủ các báo cáo, tài liệu liên quan đến tình hình quản trị công ty, các hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.

THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & BAN KIỂM SOÁT

Quỹ hoạt động của HĐQT và BKS năm 2018 của SSI được ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2018 thông qua là 3.000.000.000 VNĐ (3 tỷ VNĐ) theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2018 của ĐHĐCĐ 2018.

Tại thời điểm 31/12/2018, SSI có 06 thành viên HĐQT trong đó Kiêm điều hành 02 người; Không điều hành 04 người. BKS có 03 thành viên không điều hành, trong đó có 01 thành viên là người nội bộ - Bà Lê Cẩm Bình - được bổ nhiệm từ ngày 20/04/2018.

STT	Họ tên	Chức danh	Không điều hành	Kiêm điều hành	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng thành tích	Hưởng phúc lợi
Hội Đồng Quản Trị								
1	Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch		√	√		√	√
2	Ông Nguyễn Hồng Nam	Thành viên		√	√		√	√
3	Ông Ngô Văn Điểm	Thành viên	√		√		√	√
4	Ông Bùi Quang Nghiêm	Thành viên	√			√		√
5	Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên	√			√	√	
6	Ông Hironori Oka	Thành viên	√			√		
Ban Kiểm Soát								
1	Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	√					√
2	Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	√					√
3	Bà Lê Cẩm Bình	Thành viên	√		√		√	√

Về chế độ tiền thưởng và phúc lợi theo kỳ của thành viên HĐQT và BKS

Các thành viên HĐQT kiêm điều hành, các thành viên HĐQT tham gia công việc của Công ty và thành viên BKS cũng nhận được thưởng & phúc lợi các kỳ của quỹ phúc lợi được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2018 đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Chế độ đãi ngộ khác đối với thành viên HĐQT và BKS

Hiện tại các chế độ chi phí (chế độ sử dụng ô tô của Công ty; chế độ thanh toán chi phí điện thoại thực tế phát sinh; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các loại hình bảo hiểm khác; chế độ khám sức khỏe định kỳ,…) và các đãi ngộ khác được quy định trong các quy chế nội bộ Công ty chỉ áp dụng cho Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT kiêm điều hành, thành viên HĐQT và BKS tham gia vào các công việc của Công ty. Các thành viên HĐQT và BKS còn lại chỉ hưởng chế độ công tác phí (nếu có)

Phân bổ ESOP đối với các thành viên HĐQT và BKS

Năm 2018 SSI thực hiện chương trình Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy những cán bộ nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Trong khuôn khổ chương trình, các thành viên HĐQT và BKS đã thực hiện mua số lượng ESOP như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ/Mối quan hệ	Số lượng cổ phiếu đăng ký mua
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	1.899.000
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ/ Người được ủy quyền CBTT	700.000
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	50.000
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	30.000
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	200.000
6	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	30.000
7	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	15.000
8	Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS	70.000

Tổng thu nhập của các thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc trong năm là **13.126.800.000 VNĐ**

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO

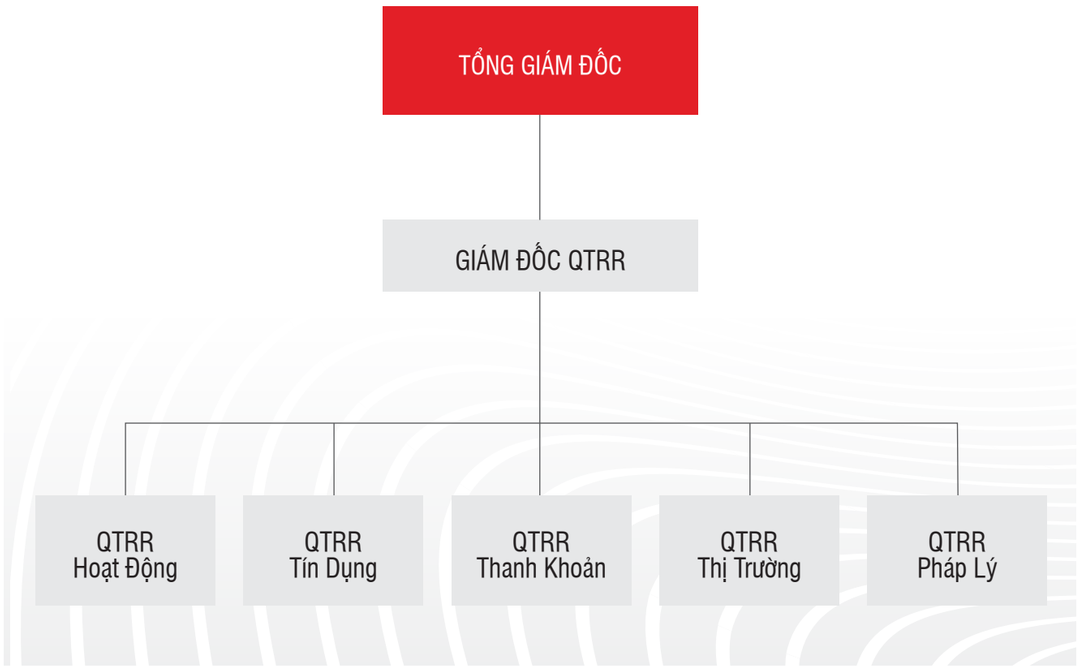
TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Năm 2018, hệ thống chính sách, quy trình về QTRR của Công ty tiếp tục được hoàn thiện và cập nhật nhằm đảm bảo hoạt động QTRR phù hợp với thực tế kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR, các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro đã được tiến hành phổ biến rộng rãi đến toàn bộ nhân viên trong Công ty.

Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT với việc xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng Bộ phận Nghiệp vụ, cụ thể như sau:

- Xây dựng và truyền tải văn hóa QTRR đến từng nhân viên theo định hướng tất cả các nhân viên đều tham gia và đóng góp cho hoạt động QTRR;
- Xây dựng một cơ cấu quản trị mạnh mẽ và minh bạch nhằm xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận trong cơ cấu tổ chức;
- Xây dựng cơ chế ủy quyền kiểm soát và giám sát rủi ro trong hạn mức cho phép;
- Ban hành các tài liệu khuôn khổ chính sách và phương pháp xác định nhằm xác định, đo lường, kiểm soát và giảm thiểu các rủi ro trọng yếu.

Hoạt động QTRR không chỉ được thực hiện bởi Bộ phận QTRR mà còn được thực hiện ngay từ các Khối Kinh doanh, song song đó có sự kiểm tra, giám sát từ các Bộ phận KSNB và KTNB.



Hoạt động QTRR được tiến hành cụ thể theo tiến trình 5 bước như sau:

1. Nhận diện rủi ro

Các rủi ro được xác định dựa trên những yếu tố chỉ báo hoặc những khu vực tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Dữ liệu đầu vào để xác định rủi ro như sau:

- Cơ sở dữ liệu về các rủi ro trong kinh doanh đã xảy ra, đã được nhận diện, và các rủi ro đã được báo cáo, phát hiện dựa trên các hoạt động KSNB, KTNB, và Kiểm Toán Độc Lập. Dựa trên các dữ liệu này, Công ty có thể đánh giá dự đoán các rủi ro có khuynh hướng/khả năng xảy ra trong tương lai.
- Dựa trên việc phân tích dữ liệu quá khứ về các rủi ro đã xảy ra và xu hướng rủi ro xảy ra để xác định những nơi có khả năng phát sinh rủi ro cao. Việc này góp phần nâng cao khả năng QTRR dựa trên tính kế thừa từ những kinh nghiệm và những bài học trong quá khứ.
- Những thay đổi trong chiến lược kinh doanh, trong quy trình vận hành cũng như việc phát triển các sản phẩm mới, các hoạt động kinh doanh mới hoặc trong trường hợp tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh.
- Những khuyến cáo, nhận xét của Cơ Quan Quản Lý Nhà Nước, Kiểm Toán Độc Lập, KTNB, KSNB.
- Những thay đổi trong môi trường kinh doanh, chính sách pháp luật.

2. Đo lường và đánh giá rủi ro

SSI sử dụng phương pháp đánh giá định tính và/hoặc định lượng để đo lường phù hợp cho từng loại rủi ro cụ thể.

Các mô hình định lượng được ưu tiên sử dụng để lượng hóa rủi ro. Các mô hình này có thể tính toán, ước lượng được các giá trị rủi ro, cụ thể như giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro hoạt động, giá trị rủi ro thanh khoản, và các giá trị rủi ro khác. Các giá trị rủi ro này được định lượng bằng một con số cụ thể hay một tỷ lệ % cụ thể. Một số mô hình tiêu biểu SSI sử dụng để đo lường rủi ro như sau:

- Các mô hình chuẩn quy định tại Thông tư 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 và Thông tư 165/2012/TT-BTC ngày 09/10/2012 của Bộ Tài chính.
- Mô hình định lượng VaR (Value-at-Risk) được sử dụng để tính toán mức độ biến động tối đa cho một cổ phiếu, danh mục đầu tư trong một khoảng thời gian xác định, hoặc xác định độ biến động của chỉ số phái sinh với một độ tin cậy và một khoảng thời gian xác định trước.
- Mô hình stress testing được sử dụng nhằm đánh giá mức độ tổn thất tối đa có thể xảy ra cho Công ty theo các kịch bản xác định trước, để từ đó Công ty có các biện pháp hạn chế tổn thất xảy ra nếu cần.
- Mô hình chấm điểm cơ bản, và định lượng cổ phiếu dựa trên dữ liệu quá khứ về biến động giá cổ phiếu, biến động thanh khoản của cổ phiếu.
- Mô hình thẩm định và xếp hạng ngân hàng để từ đó xây dựng hạn mức tiền gửi cho từng ngân hàng.

3. Xác định hạn mức rủi ro

Nhằm đảm bảo rủi ro được giới hạn ở mức thấp nhất Công ty có thể chấp nhận được cũng như để nâng cao hiệu quả của hoạt động giám sát rủi ro, Công ty đã xây dựng bộ chỉ báo rủi ro cùng hạn mức cho các rủi ro trọng yếu.

Hạn mức rủi ro được xác định bằng phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Trong đó, ưu tiên sử dụng phương pháp định lượng.

Hạn mức cho từng loại rủi ro được xác định dựa trên:

- Dữ liệu và các sự kiện lịch sử liên quan đến các rủi ro được giám sát.
- Khẩu vị rủi ro và mong muốn của HĐQT.
- Tình hình thực tế vận hành của các Khối Kinh doanh và Bộ phận Nghiệp vụ liên quan dựa trên ý kiến của các Giám đốc khối/Trưởng Bộ phận.

Giám đốc QTRR đề xuất hạn mức rủi ro đối với từng loại rủi ro theo đặc trưng của từng Bộ phận Kinh doanh, Bộ phận Nghiệp vụ lên Tổng Giám Đốc phê duyệt.

Tổng Giám Đốc đề xuất tổng hạn mức rủi ro cùng với hạn mức rủi ro của từng Khối lên HĐQT phê duyệt.

4. Giám sát rủi ro

Công tác giám sát rủi ro được thực hiện hàng ngày chủ yếu thông qua các chỉ báo rủi ro và hạn mức của các chỉ báo. Một số hạn mức rủi ro được cài đặt và giới hạn một cách tự động trên hệ thống, và một số khác dựa trên các báo cáo QTRR hàng ngày theo biểu mẫu định trước hoặc cả hai.

Việc này được thực hiện đầu tiên bởi chính các Bộ phận Nghiệp vụ, các Khối Kinh doanh - nơi trực tiếp phát sinh rủi ro, sau đó chịu sự giám sát của các bộ phận độc lập như QTRR, KSNB và cuối cùng là KTNB.

Khi các trạng thái rủi ro tiệm cận với các ngưỡng cảnh báo rủi ro, Bộ phận QTRR sẽ đưa ra cảnh báo và yêu cầu các biện pháp xử lý cụ thể từ các Bộ phận Nghiệp vụ phát sinh rủi ro, bên cạnh đó phối hợp với bộ phận phát sinh rủi ro để đưa kế hoạch hành động nhằm đưa trạng thái rủi ro về lại ngưỡng an toàn.

5. Xử lý rủi ro

Hoạt động xử lý rủi ro dựa trên việc xem xét và đánh giá các yếu tố như mức độ nghiêm trọng của rủi ro cần xử lý, tần suất xảy ra rủi ro, chi phí để giảm thiểu rủi ro, đặc tính của rủi ro v.v…

Công ty thực hiện một số biện pháp xử lý rủi ro cơ bản như sau:

- *Chấp nhận rủi ro:* Khi chi phí để xử lý rủi ro lớn hơn rất nhiều so với tổn thất có thể xảy ra từ rủi ro này thì sẽ không tiến hành xử lý rủi ro.
- *Tránh rủi ro:* Không thực hiện bất kỳ hoạt động nào có thể dẫn tới phát sinh rủi ro mà HĐQT có hạn mức chấp nhận rủi ro bằng không hoặc rất thấp, hoặc nếu rủi ro có khả năng gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới hình ảnh và hoạt động của Công ty.
- *Giảm thiểu rủi ro:* Áp dụng các biện pháp nhằm giảm tác động của rủi ro đến Công ty, hoặc giảm thiểu khả năng xảy ra rủi ro, hoặc cả hai.
- *Chia sẻ rủi ro:* Chuyển tất cả hoặc một phần rủi ro cho đối tượng khác như tiến hành mua bảo hiểm (nếu có dịch vụ tương ứng) cho các hoạt động kinh doanh.
- *Xây dựng hệ thống giám sát và cảnh báo rủi ro* để kịp thời phát hiện các rủi ro tiềm tàng, rủi ro gia tăng, từ đó có các biện pháp xử lý rủi ro kịp thời.

Quy trình xử lý rủi ro tổng quát:

- Tìm hiểu nguyên nhân làm tăng trạng thái rủi ro, nguyên nhân gây ra sự kiện rủi ro.
- Lựa chọn và xây dựng kế hoạch xử lý, trong đó xác định rõ đơn vị có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, tiến độ thực hiện, kết quả mong muốn, hoạch định và xem xét nguồn lực cũng như thủ tục thực hiện.
- Thực hiện xử lý rủi ro theo kế hoạch đã lựa chọn.
- Xem xét cập nhật những chính sách và quy trình liên quan để không xảy ra sự cố tương tự.
- Điều chỉnh những hạn mức liên quan (nếu cần) để phù hợp với thực tế.





RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Các hoạt động kinh doanh chính của SSI liên quan đến rủi ro thị trường là các hoạt động đầu tư trái phiếu, cổ phiếu, đầu tư tiền gửi, cho vay ký quỹ, và sản phẩm chứng khoán phái sinh.

Doanh thu từ các hoạt động này bị ảnh hưởng bởi những biến động về lãi suất, giá cổ phiếu, có thể do tình hình thị trường, có thể do những thay đổi về chính sách tiền tệ, chính sách vĩ mô của chính phủ Việt Nam hoặc của các nước liên quan khác, có thể do những biến động về chính trị như tình hình bất ổn trên Biển Đông, cũng như những quy định pháp lý khác. Khi lãi suất và giá cổ phiếu biến động ngoài dự kiến, có thể dẫn tới rủi ro giảm sút doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

Để giảm thiểu các rủi ro này, SSI đảm bảo duy trì công tác QTRR mang tính chuyên sâu, tách bạch theo từng loại rủi ro và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận liên quan tới QTRR từ việc theo dõi, đánh giá, nhận định, dự báo thị trường, chiến lược đầu tư, chiến lược phân tán rủi ro, đến hệ thống hạn mức, cảnh báo và quy trình xử lý rủi ro.

Nghiệp vụ đầu tư tiền gửi/ kỳ phiếu/ trái phiếu/ cho vay ký quỹ

Với vốn chủ sở hữu tính đến cuối năm 2018 gần 9.156 tỷ VNĐ, tổng tài sản lên tới trên 23.825 tỷ VNĐ, trạng thái số dư tiền gửi của Nhà đầu tư trung bình ở mức 3.373 tỷ VNĐ, số dư nợ vay ký quỹ bình quân là hơn 5.633 tỷ VNĐ, dòng tiền ra vào, tăng giảm do hoạt động thanh toán, vay/trả của khách hàng và giải ngân đầu tư diễn ra thường xuyên hàng ngày không giới hạn trong một khung thời hạn nào. Điều này dẫn tới việc SSI phải cân đối nguồn vốn và lãi suất sao cho tối ưu hóa lợi nhuận và phù hợp với dự đoán về xu thế lãi suất. Biến động lãi suất trong năm 2018 không lớn nhưng Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính SSI vẫn tối ưu hóa được hoạt động kinh doanh lãi suất, đóng góp nguồn doanh thu đáng kể cho Công ty mà vẫn bảo đảm tuyệt đối an toàn.

Nhằm dự đoán trước các rủi ro biến động giá cổ phiếu ảnh hưởng đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, Công ty thực hiện các đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, rủi ro hệ thống của thị trường, các thay đổi trong quy định pháp lý, chính sách của chính phủ liên quan tới từng nhóm ngành cụ thể, các vấn đề địa chính trị, các vấn đề về kinh tế và thương mại thế giới có thể ảnh hưởng tới thị trường hay ảnh hưởng tới các nhóm ngành cụ thể một cách định kỳ hoặc đột xuất khi xảy ra các sự kiện, để từ đó có những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

> "SSI DUY TRÌ CÔNG TÁC QTRR MANG TÍNH CHUYÊN SÂU, TÁCH BẠCH VÀ CÓ SỰ PHỐI HỢP CHẶT CHẼ GIỮA CÁC BỘ PHẬN LIÊN QUAN VỚI BỘ PHẬN QTRR"

Nghiệp vụ đầu tư cổ phiếu

Danh mục đầu tư cổ phiếu chịu tác động trực tiếp từ những yếu tố nội tại của nền kinh tế cũng như các biến động quốc tế. Các biến động ngoài dự kiến của các yếu tố vĩ mô có thể khiến giá cổ phiếu sụt giảm và ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả kinh doanh của CTCK.

Trong năm 2018, SSI đã tận dụng tốt các cơ hội của thị trường để thoái vốn các khoản đầu tư đạt lợi nhuận kỳ vọng, bên cạnh đó đầu tư vào những công ty thuộc những ngành cơ bản và thiết yếu của nền kinh tế, có tiềm năng phát triển ổn định. Ngoài ra, hoạt động quản lý các khoản đầu tư sau giải ngân cũng được thực hiện một cách chặt chẽ và sâu sát, điển hình là việc phân công nhân viên chuyên trách cho từng nhóm doanh nghiệp, thực hiện việc thăm doanh nghiệp thường xuyên, trực tiếp làm việc với lãnh đạo cấp cao của doanh nghiệp nhằm hiểu rõ tầm nhìn, chiến lược, và kế hoạch hoạt động của những doanh nghiệp này. Đặc biệt, SSI sẽ cử đại diện tham gia vào các vị trí HĐQT và/hoặc BKS và/hoặc Ban Lãnh Đạo tại doanh nghiệp mà SSI có tỷ lệ sở hữu đủ lớn. Nhờ vậy, Công ty có thể đồng hành cùng doanh nghiệp trong mọi hoạt động, và cũng nhằm mục đích quản lý tốt hơn các trạng thái đầu tư của Công ty.

Nghiệp vụ chứng khoán phái sinh

Năm 2017 thị trường chứng khoán phái sinh đã chính thức được đưa vào vận hành và SSI là một trong những CTCK đầu tiên được cấp phép kinh doanh chứng khoán phái sinh. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng về con người, hệ thống, quy trình thì các rủi ro từ việc biến động mạnh của các chỉ số phái sinh trong năm 2018 đã được xử lý và đảm bảo an toàn cho Công ty.

Bộ phận QTRR luôn giám sát hàng ngày các diễn biến thị trường để có thể kịp thời đưa ra các biện pháp ứng phó nhằm hạn chế rủi ro nếu cần.



RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng của SSI phát sinh chính từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, đầu tư tiền của Công ty thông qua các kênh tiền gửi ngân hàng và đầu tư trái phiếu. Rủi ro phát sinh khi đối tác không thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ nợ với SSI khi đến hạn.

Hoạt Động Đầu Tư Tiền Gửi

Hoạt động đầu tư tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại được xem là có khả năng xảy ra rủi ro tín dụng thấp nhất; tuy nhiên, nếu rủi ro xảy ra thì có thể sẽ gây ra thiệt hại lớn. Chính vì vậy, SSI vẫn luôn xem xét thận trọng trước khi tiến hành giao dịch với các ngân hàng dựa trên việc đánh giá kết quả xếp hạng tín nhiệm của Ngân hàng, cùng với việc đánh giá lại được thực hiện một cách định kỳ. Tùy theo mức độ tín nhiệm khác nhau, mỗi Ngân hàng Thương mại sẽ được áp dụng hạn mức tiền gửi khác nhau, kèm theo những điều kiện nhất định nhằm tăng tính bảo toàn vốn. Đồng thời, SSI cũng triển khai cơ chế xây dựng hạn mức vay thấu chi với nhiều ngân hàng để duy trì song song với hoạt động tiền gửi, vừa đảm bảo duy trì khả năng thanh khoản, vừa linh hoạt hóa sử dụng vốn, vừa phòng tránh rủi ro tín dụng do các hợp đồng tiền gửi luôn luôn có cơ chế rút thấu chi linh hoạt. Trong suốt 18 năm hoạt động, SSI không phát sinh khoản tiền gửi nào bị mất khả năng thanh toán. Thành tựu này đã thể hiện hiệu quả QTRR tín dụng rất cao tại SSI.

Cho Vay Giao Dịch Ký Quỹ

Cho vay giao dịch ký quỹ là hoạt động cho vay dựa trên tài sản đảm bảo là danh mục cổ phiếu khách hàng đang sở hữu mà được SSI cũng như UBCK chấp nhận cho vay giao dịch ký quỹ. Rủi ro tín dụng phát sinh khi Công ty không thể thu hồi đủ nợ sau khi xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo của khách hàng, hoặc không thể xử lý tài sản đảm bảo do cổ phiếu mất thanh khoản và giá giảm sâu hoặc bị hủy niêm yết, bên cạnh đó khách hàng không chịu bổ sung tài sản đảm bảo. Để giảm thiểu rủi ro này, SSI thực hiện một loạt các biện pháp phối hợp như sau:

- Lập danh mục cho vay thận trọng trên cơ sở tuân thủ các quy định của UBCKNN, đồng thời chấm điểm các cổ phiếu dựa trên các yếu tố thanh khoản, biến động giá và định giá cổ phiếu dựa trên báo cáo phân tích tình hình tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp. Dựa trên kết quả chấm điểm cổ phiếu, Công ty sẽ tiến hành cho vay theo một tỷ lệ cũng như hạn mức cho vay phù hợp với chất lượng cổ phiếu.
- Danh mục cổ phiếu làm tài sản bảo đảm được đánh giá lại hàng tháng để kịp thời cập nhật tình hình biến động của cổ phiếu. Đồng thời, các trường hợp cá biệt cũng được đánh giá ngay khi cổ phiếu xuất hiện thông tin xấu.



- Xây dựng hệ thống hạn mức đan chéo để kiểm soát mức độ tập trung dư nợ cũng như các mức cảnh báo để kịp thời xử lý thu hồi nợ:
  - tổng hạn mức cho vay ký quỹ,
  - hạn mức tối đa trên 1 Khách hàng,
  - hạn mức tối đa trên 1 mã cổ phiếu,
  - tỷ lệ cảnh báo ngưỡng an toàn,
  - tỷ lệ cảnh báo ngưỡng ép bán thu hồi nợ, v.v…
- Giám sát tình hình dư nợ, mức độ tập trung dư nợ theo khách hàng, theo cổ phiếu và tỷ lệ rủi ro hàng ngày để kịp thời phát hiện các dấu hiệu rủi ro, áp dụng các biện pháp linh hoạt xử lý ngay các dấu hiệu rủi ro đó. Ví dụ: dư nợ có độ tập trung cao trên 1 khách hàng, trên 1 cổ phiếu, cổ phiếu có biến động giá bất thường, cổ phiếu có thông tin bất thường, cổ phiếu có biến động giao dịch bất thường và nghi vấn trong phiên giao dịch, v.v...
- Chấm điểm và đánh giá khách hàng sử dụng giao dịch ký quỹ phải đảm bảo các tiêu chí theo các nguyên tắc do SSI quy định, ràng buộc trách nhiệm của Môi giới chăm sóc khách hàng trong việc cảnh báo và thu hồi nợ vay, v.v...
- Không chạy đua tăng trưởng thị phần, tăng trưởng dư nợ bằng việc mở rộng quá linh hoạt với dịch vụ cho vay ký quỹ.

Trong năm 2018, thị trường chung đã có những phiên biến động mạnh tuy nhiên với chiến lược đa dạng hóa danh mục khách hàng cho vay giao dịch ký quỹ, tăng cường cho vay các cổ phiếu tốt đầu ngành và có thanh khoản cao, dư nợ cho vay ký quỹ của Công ty có sự tăng trưởng mạnh từ mức trung bình hơn 4.154 tỷ VNĐ năm 2017 lên mức trung bình hơn 5.633 tỷ VNĐ trong năm 2018, với mức cao nhất lên tới hơn 7.043 tỷ VNĐ; tuy nhiên, rủi ro đã được quản lý tốt, không phát sinh nợ xấu trong năm 2018.

Hoạt Động Đầu Tư Trái Phiếu

Hoạt động đầu tư trái phiếu gắn liền với rủi ro tổ chức phát hành trái phiếu mất khả năng thanh toán khi đến hạn hoặc tổ chức phát hành phát sinh yếu tố làm trái phiếu có nguy cơ mất thanh khoản. Để hạn chế các rủi ro này, về quy trình, SSI đánh giá chi tiết các khía cạnh của một đề xuất đầu tư trái phiếu tương tự như thẩm định tín dụng trước khi thực hiện đầu tư. SSI thẩm định rất kĩ càng, chỉ đầu tư trái phiếu của các tổ chức phát hành uy tín và có tài sản đảm bảo hợp lý.

Trong bối cảnh mặt bằng lãi suất duy trì ở mức thấp trong nửa đầu năm 2018, lợi suất đầu tư Trái phiếu Chính phủ cũng trở nên kém hấp dẫn. Trong khi đó, rủi ro lãi suất trên thị trường vẫn luôn tồn tại do tác động từ kế hoạch tăng lãi suất của Cục dự trữ Liên bang Mỹ và bất ổn về tỷ giá từ nguy cơ Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Do đó, để hạn chế rủi ro lãi suất và rủi ro tín dụng đối với các hoạt động đầu tư trái phiếu, chiến lược của SSI trong năm 2018 tập trung chủ yếu vào trái phiếu có trái tức thả nổi của các tổ chức phát hành là các Ngân hàng có xếp hạng tín dụng cao (khối Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà nước và các Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tư nhân lớn).

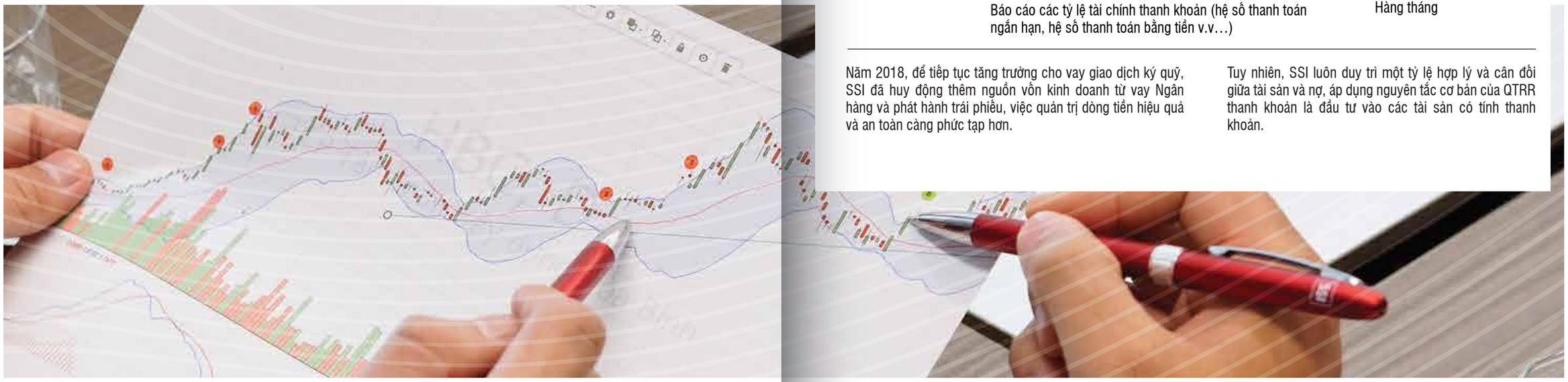
RỦI RO THANH KHOẢN

Rủi ro thanh khoản xảy ra khi SSI mất khả năng thực hiện các nghĩa vụ thanh toán một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ đến hạn, không đáp ứng được nhu cầu thanh toán tiền mua chứng khoán của nhà đầu tư sử dụng vốn vay ký quỹ (margin), và chậm trễ hoặc không đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động thanh toán của các nhà đầu tư trên tài khoản họ duy trì tại SSI. Với số lượng khách hàng ngày càng gia tăng qua các năm, lên tới trên 153 nghìn tài khoản giao dịch trên thị trường cơ sở năm 2018, rải rác tại các chi nhánh của SSI tại các thành phố khác nhau đi liền với hàng trăm yêu cầu thanh toán mỗi ngày, SSI phải bảo đảm vận hành hoạt động thanh toán cho Nhà đầu tư một cách nhanh chóng, an toàn và tiết kiệm chi phí nhất. Nhằm phục vụ khách hàng được linh hoạt, SSI đã kết nối với hàng chục ngân hàng để quản lý số dư tiền gửi nhà đầu tư bình quân hơn 3.373 tỷ VNĐ trong sự an toàn tuyệt đối.

Năm 2018, dịch vụ cho vay ký quỹ của SSI tiếp tục duy trì tăng trưởng mạnh, số dư nợ trung bình cả năm tăng 35,6% so với trung bình cả năm 2017 đòi hỏi sự linh hoạt cao độ trong việc cân đối dòng tiền hàng ngày giữa giải ngân (cho vay ký quỹ) kịp thời và sử dụng hiệu quả dòng tiền vào khi Nhà đầu tư trả nợ vay ký quỹ. SSI cũng là Công ty có trạng thái đầu tư chứng khoán lớn nhất thị trường, do đó việc quản lý các khoản đầu tư có thanh khoản thấp cũng đòi hỏi cân đối cơ cấu của nguồn vốn chủ sở hữu một cách hợp lý, sao cho không ảnh hưởng đến nhu cầu tái đầu tư nguồn vốn khi gianh được cơ hội đầu tư hiệu quả. Năm 2018 tiếp tục là năm an toàn tuyệt đối của SSI về quản lý thanh khoản, không phát sinh bất kỳ sự cố rủi ro nào. Tỷ lệ vốn khả dụng vẫn luôn luôn duy trì ở mức cao từ 326% đến 490%, cao hơn so với tỷ lệ theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước là 180%.

Tỷ lệ Vốn khả dụng năm 2018

Tháng	Tỷ lệ vốn khả dụng
1	451%
2	481%
3	490%
4	450%
5	422%
6	434%
7	438%
8	394%
9	356%
10	341%
11	359%
12	326%



Thành tựu này được duy trì nhờ một quy trình quản lý dòng tiền hết sức chặt chẽ, trên nguyên tắc chú trọng QTRR thanh khoản một cách đặc biệt và có sự phối hợp chặt chẽ đồng bộ giữa các khối tại SSI.

Một hệ thống báo cáo thường xuyên và chi tiết được các bộ phận nghiệp vụ nắm chắc để kịp thời cập nhật thông tin.

	Báo cáo	Tần suất
Kế Toán	Báo cáo số dư tiền các tài khoản Ngân hàng	Hàng ngày
	Báo cáo số dư tiền Nhà đầu tư tại SSI	Hàng ngày
	Báo cáo số tiền dự chi/dự thu	Hàng ngày
Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính	Báo cáo dòng tiền đầu ngày	Hàng ngày
	Báo cáo kế hoạch dòng tiền	Hàng tháng, khi có phát sinh hoặc đề nghị/ Hàng ngày
Dịch Vụ Chứng Khoán	Báo cáo tình hình ứng trước tiền bán chứng khoán của Khách hàng	Hàng ngày
	Báo cáo thanh toán cổ tức	Khi có phát sinh
	Báo cáo thanh toán bù trừ phái sinh	Hàng ngày
	Báo cáo số tiền giải ngân/ thu nợ cho vay ký quỹ	Hàng ngày và khi có phát sinh
	Báo cáo chuyển/rút/nộp/báo có số tiền lớn của Nhà đầu tư	Khi có phát sinh
	Báo cáo thanh toán bù trừ	Hàng ngày
	Báo cáo các khoản chuyển tiền quyền mua	Khi có phát sinh
	Báo cáo nguồn cho vay ký quỹ còn lại	Hàng ngày
Quản Trị Rủi Ro	Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng	Hàng tháng
	Báo cáo tình hình dự trữ thanh khoản	Hàng ngày/ Hàng tháng
	Báo cáo các tỷ lệ tài chính thanh khoản (hệ số thanh toán ngắn hạn, hệ số thanh toán bằng tiền v.v…)	Hàng tháng

Năm 2018, để tiếp tục tăng trưởng cho vay giao dịch ký quỹ, SSI đã huy động thêm nguồn vốn kinh doanh từ vay Ngân hàng và phát hành trái phiếu, việc quản trị dòng tiền hiệu quả và an toàn càng phức tạp hơn.

Tuy nhiên, SSI luôn duy trì một tỷ lệ hợp lý và cân đối giữa tài sản và nợ, áp dụng nguyên tắc cơ bản của QTRR thanh khoản là đầu tư vào các tài sản có tính thanh khoản.

RỦI RO HỆ THỐNG & AN TOÀN THÔNG TIN

Hàng năm, SSI rà soát lại Chính sách đảm bảo khả năng hoạt động liên tục (Business Continuity Plan - BCP) của Công ty cũng như triển khai diễn tập cho các lĩnh vực quan trọng. Thông qua việc chuyển đổi sang hệ thông giao dịch chứng khoán cơ sở mới vào năm 2018, BCP đã được chỉnh sửa và cập nhật đáng kể. Hầu hết các lĩnh vực quan trọng đã được diễn tập để kiểm tra khả năng hoạt động liên tục trong năm 2018. Một số vấn đề cụ thể nằm trong kế hoạch cải tiến sẽ triển khai vào những tháng đầu năm 2019.

SSI tiếp tục duy trì chính sách cảnh báo liên tục về các vấn đề bảo mật: các dấu hiệu rủi ro về truy cập vật lý, tấn công, và rò rỉ thông tin.

Năm 2018, SSI đã phối hợp với một công ty tư vấn quốc tế để rà soát lại toàn bộ hạ tầng và môi trường hệ thống. Mục đích nhằm xem xét và đề xuất các cải tiến dựa trên 3 tiêu chí – tổ chức vận hành; tính ổn định và sẵn sàng; và an ninh bảo mật. SSI đang triển khai nhiều biện pháp tinh chỉnh các chính sách về an ninh bảo mật và các hạng mục khác.

Năm nay, SSI cũng trang bị các thiết bị và giải pháp mới phục vụ cho việc kiểm soát rủi ro về bảo mật bao gồm: Hệ thống giám sát an toàn thông tin (SIEM), và Trung tâm Điều hành Bảo mật (SOC), v.v... Những hệ thống này cho phép SSI có các phản ứng kịp thời với các rủi ro về bảo mật trong giai đoạn đầu của các đợt tấn công nhằm tránh mọi thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty.

RỦI RO TUÂN THỦ

Rủi ro tuân thủ là rủi ro mà Công ty phải đối mặt trong trường hợp Công ty, nhân viên của Công ty vi phạm hoặc không tuân thủ các quy định của Pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty, vi phạm các Quy định nội bộ, Quy trình nghiệp vụ, Quy chế, kể cả các Quy định về đạo đức nghề nghiệp.

Phòng ngừa, hạn chế rủi ro tuân thủ được xem là công tác quan trọng của Công ty. Một số biện pháp được Công ty thực hiện nhằm phòng ngừa rủi ro tuân thủ bao gồm:

- Thiết kế quy trình, bộ máy vận hành có sự kiểm tra chéo lẫn nhau giữa các cá nhân, bộ phận để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và phát hiện sớm các sai phạm có thể xảy ra.
- Xây dựng các quy trình trên tinh thần phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn hoạt động. Mỗi nhân viên trong quá trình làm việc đều được khuyến khích chủ động đóng góp xây dựng quy trình mới và sửa đổi các quy trình. Bên cạnh đó, các quy trình nội bộ cũng thường xuyên được kiểm tra, rà soát để đảm bảo cập nhật theo các quy định mới của pháp luật.
- Nâng cao ý thức tuân thủ của nhân viên. Công tác đào tạo, tuyên truyền về tuân thủ được chú trọng. Việc đào tạo được thực hiện bắt buộc đối với nhân viên mới và triển khai định kỳ trong quá trình làm việc. Nội dung đào tạo bao gồm phổ biến và kiểm tra các quy trình, quy chế hoạt động chung, các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, cũng như các kiến thức pháp luật có liên quan.
- Thiết lập hệ thống kiểm tra, giám sát nội bộ.
- Áp dụng kỷ luật nghiêm khắc đối với các trường hợp vi phạm quy định của Công ty.

Năm 2018, SSI đã thực hiện 42 đợt kiểm soát tại các Bộ phận để kiểm tra việc tuân thủ quy trình, quy chế nội bộ, tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan. Dựa vào các dữ kiện, đánh giá rủi ro, mục tiêu của các Bộ phận, SSI KSNB sẽ lên chương trình kiểm soát để đảm bảo việc kiểm soát được triển khai toàn diện, khách quan và hạn chế được rủi ro. Kết quả kiểm soát được báo cáo cho Tổng Giám Đốc, Giám Đốc các Khối phụ trách và Bộ phận Luật & Kiểm soát tuân thủ của Công ty để kịp thời xử lý vi phạm, cập nhật, chỉnh sửa quy trình nghiệp vụ nhằm hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu suất công việc. Ngoài ra nhằm nâng cao ý thức tuân thủ, SSI KSNB định kỳ đã đưa các nội dung về hệ thống KSNB vào chương trình đào tạo.

Song song với hoạt động KSNB, SSI KTNB cũng đã thực hiện 37 cuộc kiểm toán nội bộ trong năm 2018 liên quan đến chứng từ kế toán, thuế và báo cáo tài chính. Hoạt động KTNB đã kịp thời phát hiện các sai sót và đề xuất thực hiện các biện pháp tuân thủ cho Tổng Giám Đốc. Các hoạt động KTNB đã làm tăng hiệu quả quản trị rủi ro tuân thủ cho Công ty. Các báo cáo tài chính, báo cáo thuế và báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty công bố đều đảm bảo thông tin trung thực, khách quan, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và quy định của pháp luật.

Công ty duy trì hàng năm tổ chức đào tạo trực tiếp cho toàn bộ nhân viên Công ty về đạo đức nghề nghiệp, kiểm soát nội bộ và phòng, chống rửa tiền. Các bộ phận Tài chính Kế toán cũng được đào tạo cập nhật kiến thức pháp luật kế toán, pháp luật thuế, tham gia các khóa đào tạo, hội thảo do các Cơ quan Quản lý tổ chức v.v…Trong năm 2019, Công ty có kế hoạch tăng cường công tác đào tạo thông qua các hệ thống, kênh đào tạo trực tuyến, nhằm hỗ trợ nhân viên tiếp cận nhanh chóng với các quy định pháp luật và chính sách nội bộ, đồng thời cũng là kênh kiểm tra về trình độ, đạo đức và kỹ năng của nhân viên để nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm phục vụ tốt nhất các nhà đầu tư.

Một số rủi ro tuân thủ phát sinh đã được Công ty nhận diện và xây dựng biện pháp kiểm soát trong năm 2018

Rủi ro tiềm tàng và biện pháp kiểm soát rủi ro tuân thủ

TT	Rủi ro tiềm tàng	Biện pháp kiểm soát
1	Nhân viên môi giới vi phạm đạo đức nghề nghiệp, lạm dụng tài khoản của Khách hàng	Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; Phân quyền truy cập thông tin khách hàng; Thiết kế quy trình quản lý tài khoản có sự kiểm tra chéo; Khuyến khích khách hàng giao dịch qua internet; Thông báo kịp thời thay đổi số dư tài khoản cho khách hàng qua tin nhắn, email; Kiểm soát nghiệp vụ từ trung tâm; Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp; Luân chuyển các vị trí kiểm soát, phê duyệt.
2	Nhân viên môi giới vi phạm đạo đức nghề nghiệp, tham gia làm giá chứng khoán	Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; Giám sát tài khoản giao dịch của nhân viên và người thân; Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp; Kiểm tra lịch sử làm việc của nhân viên khi tuyển dụng.
3	Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Khách hàng và Nhân viên môi giới	Đào tạo nâng cao ý thức về đạo đức nghề nghiệp; Giám sát tài khoản giao dịch của nhân viên và người thân.
4	Vi phạm quy định về phòng chống rửa tiền, đặc biệt là nhận biết Khách hàng	Ban hành quy định về phòng chống rửa tiền, lồng ghép các quy định về phòng chống rửa tiền vào các quy trình nghiệp vụ; Hàng năm đào tạo cho Nhân viên nâng cao nhận thức về phòng, chống rửa tiền; Từ chối khách hàng không cung cấp thông tin nhận biết theo quy định của Pháp luật; Chủ động phân loại độ rủi ro của khách hàng trong phòng, chống rửa tiền.
5	Nhân viên vi phạm quy trình nghiệp vụ	Đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên mới, đào tạo định kỳ bắt buộc cho tất cả nhân viên; Bắt buộc thiết lập bước kiểm soát phê duyệt trong các quy trình xử lý công việc; Rà soát, cập nhật quy trình thường xuyên và khi phát hiện các vi phạm để hoàn thiện quy trình, giảm thiểu rủi ro; Tăng tần suất kiểm soát nội bộ đối với các Bộ phận được đánh giá là có khả năng xảy ra rủi ro.

Nhờ tăng cường đào tạo nâng cao ý thức tuân thủ, tăng tần suất kiểm soát và kịp thời cập nhật, hoàn thiện quy trình nên trong năm 2018 số lượng vi phạm, sai sót được kiểm soát chặt chẽ và không phát sinh sai sót trọng yếu.



RỦI RO THƯƠNG HIỆU

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành Tài chính – Chứng khoán, SSI hiểu rõ thương hiệu không chỉ đơn thuần là dấu hiệu để nhận biết và định vị sản phẩm/dịch vụ doanh nghiệp mà đã trở thành một tài sản có giá trị đặc biệt của Công ty. Rủi ro thương hiệu chính là những tổn thất, thiệt hại về giá trị do sự thay đổi trong quan niệm của khách hàng về Công ty, có thể ảnh hưởng lớn đến nhu cầu sử dụng sản phẩm và dịch vụ, cũng như các hoạt động chung của toàn Công ty.

Trong bối cảnh thương hiệu SSI được định giá lên đến 30,8 triệu USD và là CTCK duy nhất nằm trong Top 40 thương hiệu giá trị nhất Việt Nam, SSI luôn nhận thức rõ những rủi ro có thể xảy ra cho thương hiệu của Công ty, đồng thời xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển và quản lý thương hiệu một cách hiệu quả.

SSI hiểu rằng, thương hiệu không chỉ đến từ các hình ảnh, thông tin của SSI trên các kênh truyền thông bên ngoài cũng như nội bộ, mà chính là các sản phẩm, dịch vụ, các tương tác dù là nhỏ nhất giữa đại diện hình ảnh SSI và Khách hàng. Vì thế "đại sứ thương hiệu" được nhìn một cách rộng hơn – mỗi Cá nhân trong tập thể SSI đều là một đại sứ để truyền thông điệp về thương hiệu SSI không chỉ đến Khách hàng mà còn ra đại chúng. SSI luôn cố gắng để những thông điệp này đều thống nhất và theo đúng chiến lược của Công ty - Tầm nhìn "Chúng ta cùng thành công", sứ mệnh "Kết nối vốn và Cơ hội đầu tư" cùng định hướng luôn xây dựng SSI là định chế tài chính minh bạch.

Trong thời buổi bão thông tin, SSI tuân theo một tôn chỉ duy nhất về truyền thông để giảm thiểu tối đa rủi ro thương hiệu, đó là tính minh bạch. Để có được niềm tin của Cổ đông và Nhà đầu tư, minh bạch là điểm mấu chốt: thông tin tích cực hay tiêu cực đều được SSI xử lý thống nhất, để đưa đến cho Nhà đầu tư và Cổ đông những cái nhìn trung thực nhất. Khi có thông tin không chính xác về SSI được đưa ra công luận, SSI cũng luôn tuân theo tính minh bạch để xử lý: sẵn sàng đối thoại trực tiếp, đưa ra những thông tin xác thực và tin tưởng để giải quyết sự việc.

Trong năm 2018, đã có đến hơn 112.000 lượt thảo luận trên mạng xã hội và trên các phương tiện truyền thông về SSI. Trong đó có hơn 620 tin/bài liên quan đến thương hiệu SSI trên báo chí chính thống. Những con số này đã cho thấy được phần nào sự quan tâm của các cổ đông và nhà đầu tư đến với các hoạt động của SSI. Cùng với việc tôn trọng giá trị đầu tư của các cổ đông, SSI luôn nhận thức rõ ràng trách nhiệm của mình trong việc cung cấp thông tin cho cổ đông và nhà đầu tư một cách minh bạch, đầy đủ, chính xác và kịp thời.

Khi mà những tác động của mạng xã hội đến thương hiệu đang ngày càng mạnh mẽ, thay bằng việc thụ động ứng phó với các luồng thông tin, SSI cũng đã kết hợp với những đơn vị tư vấn hàng đầu để có thể lắng nghe được chi tiết nhất những bàn luận của Nhà đầu tư, của Khách hàng, không những chỉ về thương hiệu SSI, mà còn chung về TTCK. Các thông tin này không chỉ giúp SSI luôn chủ động trong việc ứng phó với các thông tin sai lệch, đây còn là nguồn thông tin quý giá để SSI nhìn rõ các định hướng thông tin trên thị trường, nhằm giúp SSI tiếp tục đi tiếp con đường minh bạch hóa thị trường, là người tiên phong của thị trường.

Để giảm thiểu tối đa rủi ro cho thương hiệu, SSI đã và đang xây dựng quy trình và kế hoạch truyền thông một cách có hệ thống và chuyên nghiệp. Hàng năm, SSI đều hoạch định các kế hoạch truyền thông rõ ràng để mọi thông tin cần thiết được truyền tải kịp thời và đầy đủ. Mọi tài liệu, thông điệp, phát ngôn từ phía SSI đều được lựa chọn kĩ càng, mang tính nhất quán cao. SSI đã ban hành và thực hiện nhiều quy định, quy chế khác nhau về báo cáo và công bố thông tin với quy định cụ thể về trả lời phỏng vấn với các phương tiện thông tin đại chúng, việc đưa thông tin và bài viết liên quan đến hoạt động kinh doanh của SSI. Đặc biệt, SSI đã có quy trình cụ thể về việc đính chính thông tin sai lệch về SSI trên phương tiện truyền thông với quy định cụ thể mọi nhân viên SSI đều có trách nhiệm thông báo ngay khi có thông tin sai lệch. SSI cũng chú trọng trong việc đưa ra các kịch bản xử lý khủng hoảng, với tinh thần sẵn sàng hợp tác và chia sẻ thông tin, đối thoại với báo chí và cộng đồng.

RỦI RO QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Một trong những nguyên tắc quan trọng trong hệ thống quản trị của SSI là sự minh bạch.

SSI nhận định: nhân sự là một trong những nguồn lực và tài sản quan trọng tạo ra các giá trị gia tăng, định hình sự phát triển của tổ chức. Rủi ro liên quan tới nguồn lực con người có ảnh hưởng lớn tới kết quả kinh doanh, lợi ích của doanh nghiệp.

SSI hướng tới một hệ thống QTRR nguồn nhân lực toàn diện với các mục tiêu:

Hạng mục QTRR	Mục tiêu hướng tới
Chiến lược nhân sự	Đảm bảo chiến lược nhân sự được kết nối với chiến lược chung của SSI, cộng hưởng với chiến lược của các Bộ phận khác tạo ra giá trị cho tổ chức; Thích ứng và linh hoạt với những biến động của rủi ro hoạt động, thị trường nguồn lực. Đảm bảo hoạch định và sử dụng nguồn lực của tổ chức phù hợp, hiệu quả theo từng giai đoạn. Đảm bảo các hoạt động quản trị phát triển tổ chức dài hạn, quản trị được rủi ro trong các giai đoạn chuyển giao đội ngũ.
Chính sách của Nhà nước và Pháp luật Lao động Việt Nam	Tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước liên quan tới lao động. Quản trị các rủi ro liên quan tới Người lao động khi chính sách mới của Nhà nước ban hành.
Chính sách nhân sự	Tuân thủ các mô hình QTRR chung tại SSI, và đồng bộ với các chính sách liên quan để tạo ra hiệu quả.
Vận hành	Thiết lập các công cụ và hệ thống quản lý thông tin nhân sự hiệu quả, chính xác. Xây dựng mô hình dự phòng (back-up) ở các Bộ phận khi có rủi ro về nhân sự . Tối ưu các thủ tục nhân sự, giảm thiểu các rủi ro do thủ tục vận hành. Vận dụng đúng đắn Pháp luật lao động vào quản lý. Truyền thông các thông điệp quản trị đúng đắn, rõ ràng, minh bạch.
Tài chính	Hiệu quả chi phí nhân sự đầu người. Đãi ngộ đúng người, gắn đãi ngộ với thành tích và kết quả thực hiện công việc.

Các giải pháp QTRR nguồn nhân lực

Thiết lập hệ thống danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong hoạt động quản trị nhân sự giúp dễ dàng nhận diện, đánh giá, kiểm soát và có kịch bản xử lý QTRR phù hợp:

Hoạt động quản trị nhân sự	Các vấn đề quản trị hướng tới
Tuyển dụng	Nhằm đảm bảo tuyển dụng đúng người, tuân thủ các nguyên tắc tuyển dụng minh bạch, trung thực, công bằng, đúng quy trình - yêu cầu và tăng tỷ lệ nhân sự đạt yêu cầu sau thời gian thử việc.
Đào tạo	Nhằm trang bị đầy đủ các kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp Nhân viên hạn chế các sai sót, tránh vi phạm các chuẩn mực trong công việc.
Bố trí nhân sự	Nhằm đảm bảo việc tổ chức nhân sự đúng người - đúng việc, hạn chế các rủi ro phát sinh do các nhân sự không đáp ứng yêu cầu về năng lực - kỹ năng tại vị trí đảm nhiệm.
Lương, thưởng và chế độ phúc lợi	Đảm bảo các khoản mục chi trả cho Người lao động nằm trong Ngân sách đã được duyệt. Bố trí các cấp kiểm soát khi thực hiện phê duyệt các khoản chi trả nhằm mục tiêu giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng liên quan tới tính chính xác về số liệu, thông tin nhân sự, phân cấp phê duyệt và các chính sách do Luật định.
Quản lý thông tin Nhân viên	Đảm bảo thông tin về Nhân viên được quản lý đầy đủ kể từ khi bắt đầu gia nhập Công ty tới khi kết thúc công việc tại SSI: Lý lịch cá nhân, quá trình làm việc, khen thưởng - kỷ luật, thành tích trong công việc v.v… nhằm cung cấp thông tin chính xác, toàn diện về Cán bộ Nhân viên đáp ứng mục tiêu quản trị của SSI và/hoặc các yêu cầu của Cơ quan Nhà nước.
An toàn lao động và chăm sóc sức khỏe	Định kỳ tổ chức khám sức khỏe, duy trì gói Bảo hiểm sức khỏe toàn diện để theo dõi tình hình sức khỏe của Người lao động và hỗ trợ Người lao động có điều kiện khám chữa bệnh tốt nhất. Tuân thủ luật Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đảm bảo các quyền lợi của Người lao động khi ốm đau, thai sản v.v... theo quy định của Nhà nước. Thường xuyên kiểm tra đảm bảo cung cấp môi trường và các điều kiện làm việc an toàn - chuyên nghiệp.

Thiết lập các quy trình, công cụ và bộ Chỉ số đo lường hiệu quả công việc (KPIs), Cam kết chất lượng dịch vụ (SLAs) nhằm hướng dẫn tác nghiệp, đo lường kết quả hoạt động và nhận diện các rủi ro đối với hoạt động vận hành hàng ngày liên quan tới từng nghiệp vụ: Tuyển dụng, Đào tạo, Điều chuyển, Bổ nhiệm.

Kiểm tra tính tuân thủ của các Bộ phận trong việc thực hiện các quy chế, quy định, quy trình làm việc đảm bảo thực hiện đúng các quy định của Pháp luật và Nhà nước, chính sách của SSI.

Định kỳ hoặc đột xuất (theo yêu cầu hoặc thực tế công tác quản trị) đưa ra các cảnh báo và giải pháp quản trị, giảm thiểu rủi ro tài chính, rủi ro hoạt động dựa trên danh mục những rủi ro có thể gặp phải trong hoạt động quản trị nhân sự của SSI.

Xây dựng văn hóa QTRR trong doanh nghiệp thông qua các chương trình phổ biến quy tắc đạo đức nghề nghiệp, quy định tài chính, công nghệ thông tin; các chương trình đào tạo QTRR.

Với hệ thống QTRR hiệu quả, SSI thúc đẩy mạnh mẽ việc triển khai các cơ hội cho đội ngũ tiềm năng được thử sức trong các chương trình thử thách - phát triển đội ngũ, các dự án và chương trình hành động, sáng kiến cải tiến hàng năm.

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý là rủi ro xảy ra cho Công ty xuất phát từ các nguyên nhân chủ quan do ý thức tuân thủ pháp luật của mỗi nhân viên và nguyên nhân khách quan từ bên ngoài do sự thay đổi các quy định pháp luật, sự kiện bất khả kháng trong quá trình hoạt động hàng ngày của Công ty. HĐQT và Ban Lãnh Đạo SSI đặc biệt coi trọng vấn đề này nên không chấp nhận bất cứ rủi ro nào do việc cố tình vi phạm các quy định pháp lý gây ra. Vì vậy, Công ty đã thiết lập các biện pháp để nhận diện, phòng ngừa và hạn chế rủi ro phát sinh như:

- Xây dựng quy chế, quy trình nội bộ đáp ứng yêu cầu hoạt động và tuân thủ pháp luật, cụ thể hóa các công việc nội bộ thành các quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ; thường xuyên rà soát để chỉnh sửa, cập nhật các quy chế, quy trình nội bộ phù hợp với sự thay đổi của Pháp luật; đảm bảo các quy chế, quy trình nội bộ, sản phẩm, đến các cam kết, hợp đồng v.v… của Công ty trước khi được ban hành hoặc triển khai đều được kiểm tra và cho ý kiến từ Bộ phận Luật.
- Phổ biến, cập nhật các quy định pháp luật mới đến các Phòng ban có liên quan. Các quy định được cập nhật không chỉ liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, mà bao gồm các lĩnh vực khác có ảnh hưởng đến toàn bộ hoạt động của Công ty như các lĩnh vực kế toán, thuế, lao động v.v… Bộ phận Luật sẽ hỗ trợ các phòng ban trả lời các thắc mắc hoặc xin ý kiến từ các cơ quan có thẩm quyền, nhằm đảm bảo các quy định của pháp luật được hiểu và thực hiện đúng.
- Công ty rất chú trọng việc xây dựng hệ thống, phòng ban chuyên môn về luật. Để đảm bảo hạn chế rủi ro phát sinh do thay đổi pháp luật hoặc tuân thủ, SSI tổ chức Bộ phận Luật với các Luật sư có chứng chỉ hành nghề cũng như sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật của tổ chức tư vấn pháp lý chuyên nghiệp trong trường hợp cần thiết. Bộ phận Luật có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các phòng ban có liên quan, nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật từ giai đoạn dự thảo đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp. Bộ phận Luật cũng chịu trách nhiệm tham gia góp ý dự thảo các văn bản pháp quy có liên quan mật thiết đến hoạt động của Công ty được lấy ý kiến rộng rãi, tham gia các buổi hội thảo, phối hợp cùng các đơn vị trong ngành, thành viên các hiệp hội ngành nghề để góp ý chương trình xây dựng pháp luật, tổng kết các vướng mắc phát sinh từ việc áp dụng các quy định hiện tại để báo cáo Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và đề xuất giải pháp xử lý khả thi.

Tuân thủ pháp luật là một tiêu chí trong bộ đạo đức nghề nghiệp của Công ty được toàn thể Ban Lãnh Đạo, nhân viên Công ty cam kết thực hiện. Trong năm 2018, toàn thể nhân viên Công ty đã tuân thủ nghiêm túc các biện pháp được đề ra, nên Công ty không phát sinh các trường hợp vi phạm các hạn mức rủi ro pháp lý.



RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

Công ty cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, không sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên nên rủi ro về môi trường đối với Công ty là không đáng kể.

KẾ HOẠCH 2019

Trong năm 2018, hệ thống QTRR SSI đã cơ bản hoàn thiện với sự bổ sung và cập nhật một số các chính sách, quy trình QTRR cho từng mảng rủi ro cụ thể, bên cạnh đó là hệ thống giám sát, cảnh báo rủi ro cũng được nâng cao.

Hoạt động QTRR năm 2019 sẽ tiếp tục được nâng cao và hoàn thiện để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế cũng như thực tế kinh doanh của SSI.

Với đội ngũ nhân sự, hệ thống mạng lưới chi nhánh, cũng như số lượng khách hàng lớn và liên tục gia tăng, cùng với đó là sự gia tăng các hệ thống phần mềm giao dịch và phần mềm hỗ trợ, dự kiến trong năm 2019 thì Công ty phải đối mặt nhiều hơn với các vấn đề liên quan đến rủi ro hoạt động, đặc biệt là từ nguyên nhân hệ thống và con người.

Bên cạnh đó, vẫn tồn tại nhiều yếu tố rủi ro, biến động bất ngờ từ bên ngoài làm cho rủi ro thị trường tăng cao, và có thể dẫn tới những đợt biến động giá mạnh trên toàn thị trường hoặc tại một số cổ phiếu hay nhóm ngành cụ thể. Từ việc rủi ro thị trường tăng cao sẽ dẫn tới rủi ro tín dụng liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, chứng khoán phái sinh, và chi phí phòng ngừa rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm dự kiến ra mắt trong năm 2019 sẽ tăng cao.

Với quy mô tổng tài sản ở mức 1 tỷ USD và được phân bổ cho một số hoạt động kinh doanh khác nhau một cách linh hoạt để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính thì vẫn tiềm ẩn rủi ro thanh khoản.

Chính vì vậy, trọng tâm của năm 2019 là tiếp tục nâng cao hiệu quả của việc QTRR hoạt động cùng với việc tiến hành các hoạt động đào tạo nâng cao văn hóa về phòng chống rủi ro cho toàn bộ nhân viên, với mục tiêu mỗi nhân viên như một nhà QTRR trong từng hoạt động của mình. Tiếp theo đó là tăng cường giám sát thị trường, đánh giá thường xuyên các rủi ro thị trường, rủi ro tập trung dư nợ liên quan đến hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ để có sự điều chỉnh kịp thời. Bên cạnh đó thị trường phái sinh cũng được giám sát hàng ngày để kịp thời điều chỉnh, và xử lý nếu có các yếu tố thị trường có thể gây ra mức biến động mạnh của các chỉ số phái sinh.

Hoạt động QTRR thanh khoản luôn được chú trọng để đảm bảo Công ty không xảy ra rủi ro thanh khoản cũng như nguồn lực tài chính được thực hiện điều phối và sử dụng một cách kiệu quả.

Năm 2019 sản phẩm chứng quyền có bảo đảm dự kiến sẽ được đưa vào kinh doanh nên việc QTRR cho hoạt động phát hành chứng quyền cũng sẽ được chú trọng hoàn thiện.

Khó khăn khi thực hiện hoạt động QTRR

Để thành công trong công tác QTRR cần sự chính xác và hiệu quả trong hoạt động nhận diện, đo lường, giám sát, cảnh báo và xử lý rủi ro. Bên cạnh đó, nhận thức của toàn bộ các cấp lãnh đạo cũng như nhân viên về tầm quan trọng của hoạt động QTRR, cùng với ý thức tham gia đóng góp vào công tác QTRR của toàn bộ nhân viên SSI cũng quan trọng không kém.

Do QTRR là một lĩnh vực đặc thù mới tại Việt Nam, cũng như là một lĩnh vực đang phát triển trên thế giới, nên còn tồn tại những vấn đề có thể có những cách nhìn khác nhau, nhanh chóng thay đổi hoặc được cập nhật liên tục, một số mô hình đo lường rủi ro cũng còn có những điểm hạn chế, cũng như nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động QTRR của đa số người lao động còn thấp. Vì vậy, hoạt động QTRR sẽ gặp một số khó khăn như sau:

- Khi đo lường các rủi ro bằng phương pháp định lượng, chúng ta cần sử dụng các dữ liệu quá khứ. Tuy nhiên, hiện nay nguồn dữ liệu còn rất hạn chế hoặc không có nên hoạt động đo lường rủi ro bằng phương pháp định lượng gặp nhiều khó khăn, thiếu chính xác hoặc có thể không thực hiện được. Bên cạnh đó, bản thân các mô hình đo lường rủi ro định lượng cũng có những hạn chế và có nhiều cách thức đo lường khác nhau. Ví dụ như: Phương pháp VaR (value-at-risk) có thể giúp đo lường giá trị thiệt hại tối đa theo một độ tin cậy nhất định trong một khoảng thời gian cụ thể; tuy nhiên, khi rủi ro xảy ra nằm ngoài độ tin cậy đó thì giá trị này không xác định được và thường rất lớn. Ngoài ra, VaR cũng có nhiều cách đo lường khác nhau tùy vào điều kiện cụ thể nên đòi hỏi người sử dụng phải áp dụng phương pháp đo lường thích hợp.
- Do nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động QTRR còn chưa đạt được như kỳ vọng nên hiệu quả đóng góp cho hoạt động QTRR từ toàn bộ Nhân viên chưa cao, hoạt động QTRR chủ yếu thực hiện bởi Bộ phận QTRR và một phần từ các Bộ phận Kinh doanh trực tiếp phát sinh rủi ro.
- Các hệ thống phần mềm hỗ trợ đo lường rủi ro hiện nay đều có chi phí rất cao, thường chỉ các Ngân hàng hoặc Tập đoàn tài chính lớn trên thế giới mới có đủ quy mô và chi phí để sử dụng một cách hiệu quả nên vẫn tồn tại một số tính toán bán thủ công.

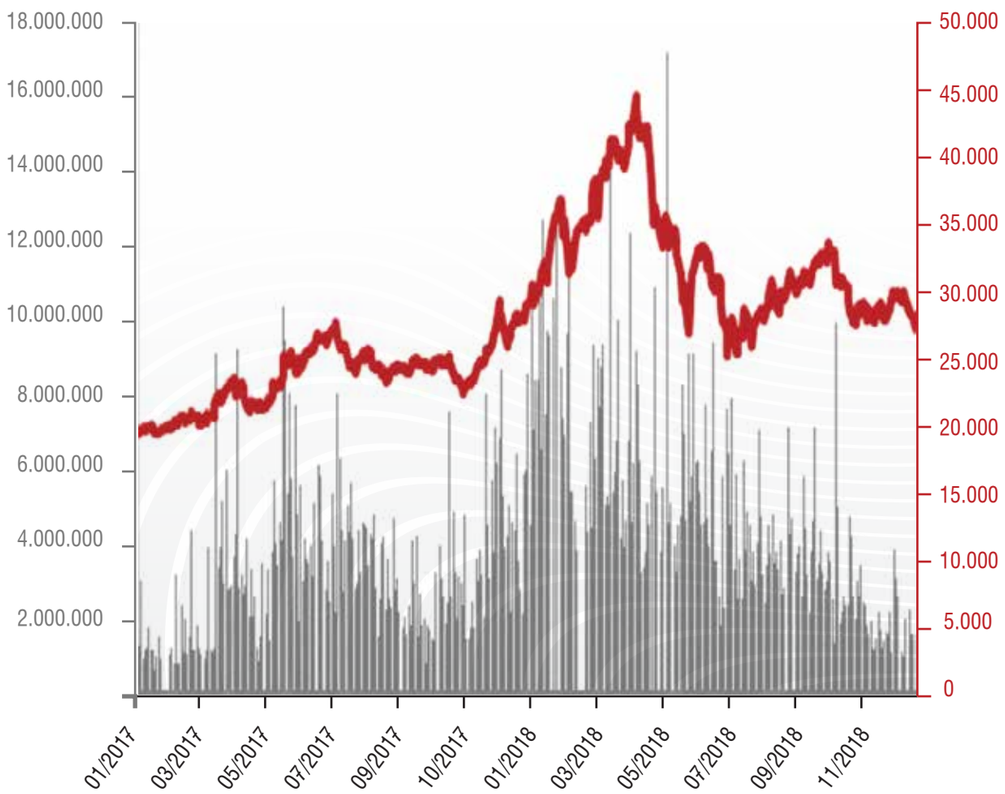
QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP BỀN VỮNG / HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ RỦI RO



THÔNG TIN CỔ PHIẾU & HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

THÔNG TIN CỔ PHIẾU NĂM 2018

Diễn biến giá cổ phiếu SSI và khối lượng giao dịch năm 2018

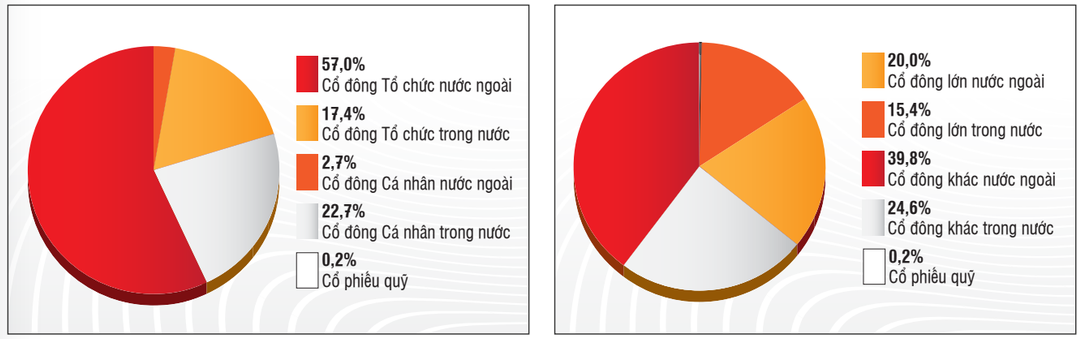


Nguồn: SSI

Mã chứng khoán niêm yết:	SSI
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE)
Số lượng cổ phiếu phổ thông (tại thời điểm 31/12/2018):	510.063.684 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (tại thời điểm 31/12/2018):	509.170.307 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ (tại thời điểm 31/12/2018):	893.377 cổ phiếu
Giá giao dịch (giá đóng cửa ngày 28/12/2018)	26.650 VNĐ/cổ phiếu
Chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền mặt	10%/cổ phiếu (01 cổ phiếu được nhận 1.000 VNĐ)
Ngày giao dịch không hưởng quyền	04/10/2018
Ngày chốt danh sách cổ đông	05/10/2018
Ngày thực hiện thanh toán	19/10/2018
Tăng vốn điều lệ do phát hành cổ phiếu ESOP năm 2018	100.000.000.000 VNĐ
Ngày phát hành	25/12/2018
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VNĐ/cổ phiếu
Giá phát hành	10.000 VNĐ/cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Hạn chế chuyển nhượng	Hạn chế chuyển nhượng 100% trong hai năm đầu tiên và 50% trong năm thứ ba kể từ ngày phát hành
Tạm ứng cổ tức năm 2018	Không có tạm ứng cổ tức năm 2018

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Biểu đồ cơ cấu cổ đông*



(*) Số liệu tại ngày 01/04/2019
Nguồn: SSI

Thông tin cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên)*

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Tầng 16, toà tháp ICON4, 243A Đê La Thành, P. Láng Thượng, Q. Đống Đa, Hà nội	48.194.727	9,45%
2	Daiwa Securities Group Incorporation	9-1 Marunouchi 1-chome, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	101.978.121	19,99%
3	Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	236/43/2 Điện Biên Phủ, P17, Q.Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh	30.454.063	5,97%
	TỔNG CỘNG		**180.626.911**	**35,41%**

(*) tỷ lệ sở hữu tính trên 510.063.684 cổ phiếu - tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty. Số liệu tại ngày 01/04/2019

Nguồn: SSI

Các thông tin chi tiết về cổ đông, giao dịch của người nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan, tỷ lệ sở hữu của người nội bộ sẽ được cung cấp tại phụ lục 01 và 02 của báo cáo này.



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ NĂM 2018

Với mục tiêu **"tối đa hóa lợi ích Cổ đông"**, năm 2018, SSI tiếp tục duy trì và đẩy mạnh các hoạt động nhằm tăng cường tính minh bạch, bảo vệ quyền lợi và đảm bảo sự bình đẳng giữa các nhóm cổ đông, chủ động chia sẻ thông tin, tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư. Công ty đã nhận được sự tin tưởng từ cổ đông hiện hữu, tiếp cận thêm nhiều Nhà đầu tư tiềm năng, góp phần tạo nên thương hiệu SSI minh bạch tại thị trường Việt Nam và trong khu vực.

Minh bạch hóa thông tin

Để đảm bảo tính minh bạch thông tin tới nhà đầu tư, SSI có quy trình công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời mọi vấn đề quan trọng và những vấn đề có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu cũng như quyết định của nhà đầu tư - tuân thủ Thông tư 155/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư là đơn vị đầu mối tiếp nhận và phản hồi các yêu cầu, thắc mắc của nhà đầu tư thông qua nhiều kênh như điện thoại, thư điện tử hay sắp xếp gặp mặt trực tiếp. Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức hàng chục cuộc họp (trực tiếp hoặc qua điện đàm) với các chuyên gia quản lý danh mục, chuyên gia phân tích đến từ nhiều Quỹ trong và ngoài nước. Các cuộc họp này đều có sự tham gia của đại diện lãnh đạo cấp cao, giúp nhà đầu tư tìm hiểu hoạt động kinh doanh hiện tại, định hướng phát triển trong tương lai của Công ty, cũng như giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính, chiến lược hoạt động, v.v…

Các thông tin cập nhật và phân tích kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý tiếp tục được gửi tới từng cổ đông qua email giúp cổ đông có nhận định chính xác và đưa ra quyết định đầu tư đúng đắn. Những thông tin này đồng thời được gửi rộng rãi tới các cơ quan thông tấn, báo chí, đảm bảo các nhà đầu tư tiềm năng cá nhân hoặc tổ chức cũng nắm bắt được thông tin cập nhật nhất.

Cũng trong năm 2018, SSI ra mắt Trang Thông tin Điện tử tại địa chỉ www.ssi.com.vn với giao diện hoàn toàn mới, hiện đại cùng cách trình bày thông tin rõ ràng, cập nhật. Đây chính là kênh truyền thông thông tin vô cùng hiệu quả, giúp nhà đầu tư có thể tìm thấy toàn bộ các thông tin được công bố ra công chúng, dữ liệu tài chính, tài liệu họp ĐHĐCĐ, các báo cáo cùng các văn bản quan trọng khác như Điều lệ, Quy chế Quản trị Công ty v.v… từ khi thành lập Công ty tới nay, theo hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh.

Báo cáo thường niên và Báo cáo Phát triển Bền vững được xuất bản hàng năm, cung cấp cái nhìn toàn diện về chiến lược hoạt động của Công ty, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị cũng như các hoạt động phát triển bền vững. Báo cáo của SSI liên tục lọt Top những Báo cáo thường niên tốt nhất trong cuộc bình chọn Báo cáo thường niên do HOSE tổ chức.

Bảo vệ quyền lợi cổ đông

Tại SSI, việc thực hiện các chính sách để bảo vệ quyền lợi cổ đông cũng như đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông luôn được Công ty chú trọng hàng đầu.

Để tạo điều kiện cho cổ đông được cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin quan trọng, ảnh hưởng tới quyết định đầu tư, trong những năm vừa qua SSI luôn nỗ lực đa dạng hóa các kênh giao tiếp với nhà đầu tư, như gặp gỡ trực tiếp, cổng thông tin điện tử, email, các phương tiện thông tin đại chúng, hội thảo đầu tư v.v…Đặc biệt, trong nhiều năm nay công ty luôn đảm bảo việc công bố thông tin song song ít nhất 2 ngôn ngữ Việt – Anh, đảm bảo sự bình đẳng về mặt tiếp cận thông tin doanh nghiệp giữa các cổ đông trong và ngoài nước.

Các quyền khác của cổ đông như quyền được tham gia, bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ, bầu chọn & bãi nhiệm thành viên HĐQT, chính sách biểu quyết vắng mặt của cổ đông đều được đảm bảo. Điều lệ & Quy chế Quản trị Công ty có những quy định rõ về việc ứng xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng cổ đông nào, việc biểu quyết được thực hiện theo số lượng cổ phiếu sỡ hữu.

Trong những năm vừa qua, SSI luôn duy trì một mức chi trả cổ tức đều đặn 10% với mong muốn đảm bảo nguồn thu nhập định kỳ và ổn định cho Cổ đông.

Chủ động tham gia kết nối với cộng đồng đầu tư

Năm 2018, Công ty tiếp tục đón tiếp nhiều đoàn chuyên gia phân tích, chuyên gia quản lý danh mục đầu tư từ một số Quỹ đầu tư trong nước và nước ngoài có trụ sở tại Nhật Bản, Mỹ, Hongkong, Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc v.v… đến tham quan, gặp gỡ đại diện Ban Lãnh Đạo và trao đổi, tìm hiểu về chiến lược phát triển, các nghiệp vụ kinh doanh, hoạt động đầu tư cũng như những thông tin kinh tế - tài chính chuyên sâu khác.

Bên cạnh đó, đại diện Ban Lãnh Đạo Công ty cũng chủ động tham dự nhiều hội thảo, gặp gỡ, chia sẻ thông tin phân tích & góc nhìn về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như giới thiệu hoạt động của Công ty tới cộng đồng Nhà đầu tư nước ngoài.



ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN

SSI luôn tin rằng hoạt động quản trị doanh nghiệp tốt là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp, giúp mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cổ đông.

Song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật về quản trị công ty tại Việt Nam nói chung (bao gồm Luật Doanh nghiệp 2014, Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Thông tư 95/2017/TT-BTC), các quy định áp dụng riêng đối với Công ty niêm yết, công tác quản trị của SSI được từng bước hoàn thiện theo những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới như Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN.

Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN được xây dựng dựa trên các quy tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) và khuôn khổ luật pháp quản trị công ty của các nước tham gia dự án, gồm: Malaysia, Singapore, Thái Lan, Indonesia, Philippines và Việt Nam. Theo đó, có 5 khía cạnh được đưa ra để đánh giá một cách toàn diện các hoạt động quản trị công ty, bao gồm: Quyền của Cổ đông, Đối xử công bằng với các Cổ đông, Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan, Công bố thông tin minh bạch, và Vai trò và trách nhiệm của HĐQT.

Trong thời gian qua, đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tại thẻ điểm này, SSI đã có nhiều nỗ lực trong việc cải thiện tình hình quản trị công ty của mình, tiệm cận dần với các chuẩn mực tốt trong khu vực. Cụ thể, có 4 khía cạnh SSI thực hiện tốt bao gồm: *Quyền của Cổ đông* (đạt 20/21 tiêu chí – tăng 1 so với bản tự đánh giá năm 2017), *Đối xử bình đẳng với Cổ đông* (đạt 14/15 tiêu chí – tăng 1 so với bản tự đánh giá năm 2017), *Vai trò với các bên liên quan* (đạt 11/13 – tăng 2 so với bản tự đánh giá năm 2017) và *Công bố thông tin minh bạch* (đạt 30/32). Sau khi Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty được ban hành, SSI đã chủ động xây dựng Quy chế về Quản trị công ty và trình ĐHĐCĐ phê duyệt, ban hành rộng rãi vào tháng 4/2018. Quy chế này được tham chiếu các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, theo đó có quy định chi tiết về quyền của Cổ đông, đối xử bình đẳng với Cổ đông trong các hoạt động, cùng các vấn đề liên quan tới thành viên HĐQT/BKS và hoạt động của HĐQT/ BKS.

Bên cạnh đó, đối với khía cạnh Trách nhiệm của HĐQT, SSI cần tiếp tục cải thiện để nâng cao thực hành quản trị công ty tốt. Về vấn đề này Công ty đã có lộ trình cụ thể và kế hoạch hành động để đáp ứng được các tiêu chuẩn: *thành lập tiểu ban, đánh giá thành viên HĐQT, hoạt động của thành viên HĐQT độc lập.*

Dưới đây là phần đánh giá chi tiết:

A. QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2018	Diễn giải chi tiết (nếu có)
A.1. Quyền cơ bản của cổ đông				
A.1.1	Công ty có trả cổ tức (kỳ giữa và kỳ cuối hàng năm) một cách bình đẳng và kịp thời; nghĩa là, tất cả Cổ đông được đối xử bình đẳng và được trả trong vòng 30 ngày sau khi được (i) công bố đối với cổ tức giữa kỳ và (ii) được Cổ đông thông qua tại các ĐHĐCĐ đối với cổ tức cuối năm? Trong trường hợp Công ty công bố phương án chọn lựa chi trả cổ tức cổ phiếu (script dividend), Công ty có trả cổ tức trong vòng 60 ngày kể từ ngày công bố hay không?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI đã thực hiện trả cổ tức một cách bình đẳng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên, tuy nhiên thời gian thực hiện nhiều hơn 30 ngày.
A.2. Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi quan trọng của Công ty.				
Cổ đông có quyền tham gia:				
A.2.1	Sửa đổi Quy chế công ty?	Có	Thực hiện tốt	
A.2.2	Biểu quyết phát hành thêm cổ phiếu?	Có	Thực hiện tốt	
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của Công ty, dẫn đến việc bán công ty?	Có		Trường hợp bán phần lớn tài sản, bán công ty chưa xảy ra tại SSI. Tuy nhiên, Điều lệ công ty có quy định bán tài sản trị giá từ 35% tổng tài sản trở lên hoặc hợp nhất, sáp nhập công ty phải thông qua ĐHĐCĐ với tỉ lệ phiếu biểu quyết 65%, những người có liên quan không được biểu quyết.
A.3. Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, và phải được thông tin về quy định họp ĐHĐCĐ, bao gồm cả thủ tục biểu quyết.				
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, thù lao, các hình thức quyền lợi hiện vật hoặc các bổng lộc khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên/ủy viên HĐQT không điều hành?	Có	Thực hiện tốt	Tổng thù lao cho HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định hàng năm
A.3.2	Công ty có cho phép Cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên/ủy viên HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	
A.3.3	Công ty có cho phép Cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục biểu quyết được sử dụng trước khi đại hội tiến hành?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được ghi nhận trong Biên bản họp ĐHĐCD. Thủ tục đề cử, biểu quyết được công bố khi trong tài liệu họp và tại Đại hội.
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng Cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và câu hỏi cùng câu trả lời có được ghi nhận?	Có	Thực hiện tốt	Biên bản họp ĐHĐCĐ lần gần nhất có ghi nhận chương trình thảo luận với Cổ đông, đồng thời ghi nhận tất cả các câu hỏi của Cổ đông và câu trả lời của Chủ tọa cũng như ý kiến của Cổ đông tham dự cuộc họp.
A.3.6	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phản đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được ghi nhận trong Biên bản họp ĐHĐCĐ.
A.3.7	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	Biên bản họp ĐHĐCĐ có ghi tên từng thành viên HĐQT tham gia cuộc họp và Biên bản này được công bố thông tin trong vòng 24 tiếng sau cuộc họp.
A.3.8	Công ty có công bố rằng tất cả thành viên HĐQT và Tổng Giám Đốc/Giám Đốc Điều hành (nếu Tổng Giám Đốc/Giám Đốc Điều hành không phải là thành viên HĐQT) có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	Biên bản họp ĐHĐCĐ có ghi tên từng thành viên HĐQT và BGĐ tham gia cuộc họp và Biên bản này được công bố thông tin trong vòng 24 tiếng sau cuộc họp.
A.3.9	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	Có	Thực hiện tốt	Công ty cho phép biểu quyết thông qua người được ủy quyền hợp lệ. Mẫu giấy ủy quyền được gửi kèm theo Thư mời họp.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2018	Diễn giải chi tiết (nếu có)
A.3.10	Công ty sử dụng hình thức biểu quyết căn cứ theo số phiếu biểu quyết của Cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	Có	Thực hiện tốt	Các vấn đề được trình bày, thảo luận và xin ý kiến Cổ đông đều đưa ra biểu quyết theo số phiếu biểu quyết của Cổ đông (không phải bằng cách giơ tay). Vấn đề này được ghi nhận trong Biên bản họp ĐHĐCĐ. Cách thức bỏ phiếu trong cuộc họp ĐHĐCĐ được công bố đầy đủ trong tài liệu họp bằng cả ngôn ngữ tiếng Anh – tiếng Việt, đảm bảo các Cổ đông được tiếp nhận thông tin một cách đầy đủ, bình đẳng.
A.3.11	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (kiểm tra, giám sát viên) tham gia ban kiểm phiếu để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?	Có	Thực hiện tốt	Công ty có thành lập và công bố trước Đại hội về Ban kiểm phiếu. Thành phần Ban kiểm phiếu được Cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội. Vấn đề này được ghi nhận trong Biên bản họp ĐHĐCĐ.
A.3.12	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả Nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	Có	Thực hiện tốt	Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố thông tin trong vòng 24 tiếng sau cuộc họp lên Cổng thông tin của UBCK, HOSE, đồng thời đăng tải trên website của Công ty.
A.3.13	Công ty có thông báo ĐHĐCĐ và ĐHCĐ bất thường trước tối thiểu 21 ngày?	Có	Thực hiện tốt	
A.3.14	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được Cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?	Có	Thực hiện tốt	Mỗi vấn đề thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ đều có tờ trình trình bày rõ ràng lý do, cơ sở cho Nghị quyết.
A.3.15	Cổ đông có được cho cơ hội để đóng góp (các) vấn đề thảo luận vào trong chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ?	Có	Thực hiện tốt	Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty có quy định Cổ đông có quyền kiến nghị bổ sung chương trình họp ĐHĐCĐ.
A.4. Thị trường giao dịch thâu tóm Công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch				
A.4.1	Trong các trường hợp sáp nhập, mua lại và/hoặc thâu tóm cần được Cổ đông thông qua, thành viên/ủy viên HĐQT của công ty được đề nghị có bổ nhiệm một bên độc lập đánh giá sự hợp lý của giá giao dịch sáp nhập, mua lại?			Trường hợp này chưa xảy ra tại SSI
A.5. Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức				
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/thực hành nhằm khuyến khích tham gia của Cổ đông bên ngoài khuôn khổ ĐHĐCĐ?	Có	Thực hiện tốt	Quy chế Quản trị Công ty có quy định cụ thể về Quyền của Cổ đông liên quan tới việc yêu cầu cung cấp thông tin, yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể và việc hẹn làm việc trực tiếp với HĐQT, BKS hoặc TGĐ. Quy chế này đã được công bố thông tin tại các cổng thông tin của UBCK, HOSE và tại website của Công ty. Công ty cũng tích cực tham gia các hoạt động trao đổi thông tin với các Cổ đông, nhà đầu tư tiềm năng (song phương và đa phương); cùng với nỗ lực công bố thông tin song song tiếng Anh – tiếng Việt, tạo điều kiện khuyến khích Cổ đông tham gia và đóng góp cho hoạt động Công ty. Các hoạt động này được công bố chi tiết hơn tại nội dung về Quan hệ Nhà đầu tư – Báo cáo thường niên hàng năm.

B. ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2018	Diễn giải chi tiết (nếu có)
B.1. Cổ phiếu và Quyền biểu quyết				
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của Công ty có một phiếu biểu quyết?	Có	Thực hiện tốt	
B.1.2	Trong trường hợp Công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, Công ty có công bố quyền bỏ phiếu tương ứng cho từng loại cổ phiếu?	Có	Thực hiện tốt	SSI chỉ có 1 loại cổ phiếu. Tuy nhiên, Điều lệ có quy định về các loại cổ phiếu có thể phát hành và quyền biểu quyết của từng loại.
B.2. Thông báo ĐHĐCĐ				
B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?	Có	Thực hiện tốt	Cổ đông biểu quyết để thông qua từng vấn đề được thảo luận tại cuộc họp ĐHĐCĐ, không biểu quyết gộp nhiều nội dung.
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu tiếng Việt?	Có	Thực hiện tốt	Toàn bộ tài liệu ĐHĐCĐ của Công ty là tài liệu song ngữ.
Thông báo về ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:				
B.2.3	Có cung cấp tiểu sử của ứng cử viên cho HĐQT hoặc các thành viên hết nhiệm kỳ cần bầu chọn lại (tối thiểu là tuổi, trình độ chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm và nhiệm kỳ thành viên HĐQT trong các công ty niêm yết khác)?	Có	Thực hiện tốt	Tiểu sử của các ứng cử viên HĐQT, các thành viên hết nhiệm kỳ cần bầu chọn lại được đưa vào tài liệu ĐHĐCĐ công bố.
B.2.4	Kiểm toán viên/công ty kiểm toán chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	Có	Thực hiện tốt	Tài liệu họp có bao gồm Tờ trình về việc lựa chọn Công ty Kiểm toán, trong đó có cung cấp danh sách và thông tin các Công ty Kiểm toán. Công ty Kiểm toán được đưa ra trình ĐHĐCĐ đều là nhóm các Công ty Kiểm toán độc lập quốc tế, có danh tiếng và uy tín cao nhiều năm trên thị trường
B.2.5	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	Có	Thực hiện tốt	Thư mời họp gửi qua đường bưu điện và thư điện tử đều có kèm theo Giấy Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ. Mẫu này cũng được đăng trên website Công ty. Có mẫu ủy quyền tiếng Anh và tiếng Việt.
B.3. Cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân				
B.3.1	Công ty có chính sách và/hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và Nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ và Quy tắc Đạo đức Nghề nghiệp của Công ty.
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	Có	Thực hiện tốt	Năm 2018 không có trường hợp thành viên HĐQT nào vi phạm.
B.4. Giao dịch bên liên quan của thành viên HĐQT và cán bộ quản lý cấp cao				
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với Công ty?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty
B.4.2	Công ty có chính sách yêu cầu lập một tiểu ban bao gồm thành viên HĐQT độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu/quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của Công ty và Cổ đông không?	Không	Chưa thực hiện	
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2018	Diễn giải chi tiết (nếu có)
B.5. Bảo vệ Cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng				
B.5.1	Công ty có công bố về việc giao dịch bên liên quan được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	Có	Thực hiện tốt	Các giao dịch với bên liên quan được công bố thông tin đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định.
B.5.2	Trong trường hợp cần có phê duyệt của Cổ đông thông qua các giao dịch các bên liên quan, việc biểu quyết phê duyệt phải được biểu quyết bởi các Cổ đông không liên quan lợi ích.	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty.
C. VAI TRÒ CỦA BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN				
C.1. Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng				
Công ty có công bố chính sách và các thực hành về:				
C.1.1	Công bố chính sách và các thực hành nhằm bảo vệ quyền lợi Khách hàng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong Báo cáo Phát triển Bền vững (BCPTBV) SSI
C.1.2	Công bố chính sách và các thực hành, qui trình và thủ tục lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	Có	Thực hiện tốt	SSI có văn bản nội bộ quy định về quy trình làm việc với Nhà cung cấp. Tùy thuộc vào mỗi hoạt động đầu tư, dựa trên quy trình nội bộ này, Công ty sẽ công bố đến các Nhà cung cấp/N-hà thầu chính sách và thủ tục để đảm bảo tính công khai. Quy trình này cũng đã được đăng tải tại website Công ty, khu vực công bố các Quy định & Điều lệ.
C.1.3	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của Công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của Công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCPTBV SSI.
C.1.4	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả nỗ lực của Công ty trong việc tương tác với Cộng đồng nơi Công ty hoạt động?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCPTBV SSI
C.1.5	Công bố chính sách và các thực hành phòng chống tham nhũng của Công ty?	Có	Thực hiện tốt	SSI có văn bản nội bộ quy định về quy trình phòng chống tham nhũng, nội dung này cũng được cụ thể hóa trên các hợp đồng với các Nhà cung cấp. Năm 2018, SSI cũng đã công bố Chính sách phòng chống tham nhũng tại website Công ty, khu vực Điều lệ & Quy định.
C.1.6	Công bố chính sách và các thực hành, mô tả cách thức bảo vệ quyền lợi của Chủ nợ?	Không	Chưa thực hiện	Thực hiện theo quy định của Pháp luật và các cam kết của SSI với Chủ nợ. SSI không ban hành văn bản riêng về nội dung này.
C.1.7	Công ty có viết báo cáo/nội dung riêng mô tả các nỗ lực về các vấn đề về môi trường/kinh tế và xã hội?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCPTBV SSI.
C.2. Khi lợi ích của các bên liên quan được Pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm				
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của Công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (VD: Khách hàng, Nhà cung cấp…) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	Có	Thực hiện tốt	Đầu mối liên hệ được cung cấp đầy đủ trên website và trong BCTN của Công ty. Khách hàng có thể liên hệ qua tổng đài theo số hotline 1900545471.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2018	Diễn giải chi tiết (nếu có)
C3. Các cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của Người lao động cần được phép xây dựng				
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về sức khỏe, an toàn, và phúc lợi cho Nhân viên?	Có	Thực hiện tốt	Các thông tin liên quan đến chính sách, chương trình về sức khỏe, an toàn, phúc lợi cho Nhân viên; các chương trình đào tạo – phát triển; chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả công việc không những được công bố rõ ràng trong BCTN, BCPTBV SSI và các quy định nội bộ; mà còn được truyền tải kịp thời đến từng Nhân viên thông qua các kênh truyền thông nội bộ (diễn đàn, bảng tin, email v.v...).
C.3.2	Công ty có công bố rõ ràng chính sách và thực hành, nỗ lực về các chương trình đào tạo và phát triển cho Nhân viên?	Có	Thực hiện tốt	
C.3.3	Công ty có chính sách khen thưởng gắn với hiệu quả hoạt động của Công ty trong dài hạn hơn là trong ngắn hạn?	Có	Thực hiện tốt	
C.4. Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả Người lao động và Tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên HĐQT và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ				
C.4.1	Công ty có chính sách tố giác bao gồm quy trình khiếu nại dành cho Nhân viên và các bên liên quan về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức và cung cấp thông tin liên hệ khiếu nại chi tiết được đề cập trên trang web Công ty hoặc Báo cáo thường niên?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Quy tắc Đạo đức Nghề nghiệp của SSI.
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ Nhân viên/Cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?	Không	Chưa thực hiện	Thực tiễn áp dụng, SSI khuyến khích Nhân viên cung cấp thông tin liên quan đến việc vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật. Các thông tin được cung cấp và thông tin về người cung cấp thông tin luôn được bảo mật tuyệt đối.
D. CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH				
D.1. Cấu trúc sở hữu minh bạch				
D.1.1	Công ty có công bố thông tin sở hữu: danh tính Cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định tại các Báo cáo Quản trị, Báo cáo thường niên (BCTN)
D.1.2	Công ty có công bố thông tin về sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của Cổ đông lớn?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định tại các Báo cáo Quản trị, BCTN
D.1.3	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của thành viên HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định tại các Báo cáo Quản trị, Báo cáo Tài chính
D.1.4	Công ty có công bố việc sở hữu cổ phần trực tiếp và (được cho là) gián tiếp của Ban Điều Hành?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định tại các Báo cáo Quản trị, Báo cáo Tài chính
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên kết, Công ty liên doanh và doanh nghiệp/Công ty có mục đích đặc biệt?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ tại các BCTN và Báo cáo Tài chính Hợp nhất
D.2. Chất lượng của Báo cáo Thường niên				
Báo cáo thường niên của công ty có công bố những nội dung sau:				
D.2.1	Mục tiêu của Công ty	Có	Thực hiện tốt	
D.2.2	Chỉ số hiệu quả tài chính	Có	Thực hiện tốt	
D.2.3	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	Có	Thực hiện tốt	

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2018	Diễn giải chi tiết (nếu có)
D.2.4	Chính sách cổ tức	Có	Thực hiện tốt	
D.2.5	Chi tiết tiểu sử (tối thiểu tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và vị trí thành viên HĐQT nào khác đang nắm giữ tại các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	Có	Thực hiện tốt	
D.2.6	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT trong các cuộc họp HĐQT đã thực hiện trong năm	Có	Thực hiện tốt	
D.2.7	Tổng thù lao của mỗi thành viên HĐQT	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI đã công bố tổng thù lao của các thành viên HĐQT/BKS
Tuyên bố Khẳng định về Quản trị Công ty				
D.2.8	Báo cáo thường niên có phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của Công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định và giải thích lý do cho mỗi vấn đề?	Có	Thực hiện tốt	
D.3. Công bố Giao dịch bên liên quan				
D.3.1	Công ty có công bố chính sách về rà soát và phê duyệt giao dịch bên liên quan trọng yếu/ quan trọng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định rõ trong Điều 49 - Điều lệ Công ty, được công bố thông tin đầy đủ theo quy định và được đăng tải trên website Công ty.
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan và mối quan hệ cho mỗi giao dịch bên liên quan trọng yếu/ quan trọng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại BCTN và công bố khi phát sinh giao dịch theo quy định của Pháp luật.
D.4. Thành viên HĐQT giao dịch cổ phiếu Công ty				
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của Công ty do người trong Công ty thực hiện?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố tại website, BCTN và các Báo cáo Quản trị theo quy định
D.5. Kiểm toán độc lập và Báo cáo kiểm toán				
D.5.1	Phí kiểm toán và phi kiểm toán có được công bố công khai?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Công ty có công bố về việc ký kết hợp đồng với Công ty Kiểm toán, tuy nhiên không công bố mức phí.
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?	Không	Thực hiện tốt	
D.6. Phương tiện truyền thông				
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây?				
D.6.2	Báo cáo Quý	Có	Thực hiện tốt	
D.6.3	Trang thông tin điện tử của Công ty	Có	Thực hiện tốt	
D.6.4	Đánh giá của Chuyên gia phân tích	Có	Thực hiện tốt	
D.6.5	Thông tin trên phương tiện truyền thông/họp báo?	Có	Thực hiện tốt	Các thông tin liên quan đến doanh nghiệp, kết quả kinh doanh quý, và các sự kiện nổi bật đều được đăng tải rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2018	Diễn giải chi tiết (nếu có)
D.7. Nộp/công bố Báo cáo thường niên/Báo cáo tài chính đúng hạn				
D.7.1	Báo cáo tài chính có được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính?	Có	Thực hiện tốt	
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính?	Có	Thực hiện tốt	
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc Ban Điều Hành Công ty khẳng định?	Có	Thực hiện tốt	
D.8. Trang thông tin điện tử của Công ty				
Công ty có trang thông tin điện tử công bố thông tin cập nhật về:				
D.8.1	Báo cáo Tài chính (quý gần nhất)	Có	Thực hiện tốt	
D.8.2	Tài liệu của chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông?	Có	Thực hiện tốt	Các Báo cáo phân tích được đăng tải trên website Công ty.
D.8.3	Báo cáo thường niên có thể được tải về	Có	Thực hiện tốt	
D.8.4	Thông báo và tài liệu họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	Có	Thực hiện tốt	
D.8.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	Có	Thực hiện tốt	
D.8.6	Điều lệ Công ty có thể được tải về	Có	Thực hiện tốt	
D.9. Quan hệ Nhà Đầu tư				
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ như số điện thoại, fax và email của Lãnh đạo/Bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung đã được công bố trên website và BCTN.

E. TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

E.1. Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT				
Trách nhiệm của HĐQT và chính sách quản trị công ty được xác định rõ ràng				
E.1.1	Công ty có công bố chính sách quản trị công ty/ điều lệ hoạt động của HĐQT?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, được công bố thông tin đầy đủ theo quy định và được đăng tải trên website Công ty.
E.1.2	Các loại quyết định có phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ theo quy định.
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT có được quy định rõ ràng?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế Quản trị Công ty, được công bố thông tin đầy đủ theo quy định và được đăng tải trên website Công ty. Ngoài ra, vai trò và trách nhiệm của HĐQT cũng được cụ thể hóa tại Quy chế hoạt động của HĐQT SSI – quy chế ban hành nội bộ, chưa công bố ra bên ngoài.

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2018	Diễn giải chi tiết (nếu có)
Tầm nhìn/ Sứ mệnh Công ty				
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được công bố đầy đủ trong Báo cáo thường niên và trên website Công ty.
E.1.5	Thành viên HĐQT có đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình xây dựng/theo dõi chiến lược của Công ty ít nhất một năm?	Có	Thực hiện tốt	SSI có tổ chức các cuộc họp rà soát chiến lược hoạt động hàng năm và lên kế hoạch kinh doanh cho năm tiếp theo, kế hoạch này cũng được đưa ra họp bàn và thống nhất trong cuộc họp HĐQT. Kế hoạch kinh doanh cũng được đưa ra xin ý kiến tại ĐHĐCĐ.
E.1.6	Thành viên HĐQT có giám sát/theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty?	Có	Thực hiện tốt	HĐQT giám sát việc thực hiện và rà soát định kỳ chiến lược kinh doanh tại các cuộc họp HĐQT. Kết quả giám sát có được trình bày tại Báo cáo thường niên.
E.2. Cơ cấu Hội đồng Quản trị				
Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử				
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	SSI có Bộ Quy tắc Đạo đức Nghề nghiệp trong đó quy định rõ các nguyên tắc, nội dung và hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp, và được phổ biến rộng rãi tới toàn thể thành viên HĐQT, Ban Lãnh Đạo và Nhân viên Công ty. SSI cũng đăng tải nội dung này trên website Công ty.
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, Lãnh đạo cấp cao và Nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?	Có	Thực hiện tốt	
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?	Có	Thực hiện tốt	
E.2.4	Thành viên HĐQT độc lập có chiếm tối thiểu 50% số thành viên HĐQT?	Không	Chưa thực hiện	SSI chưa đáp ứng nội dung này
E.2.5	Công ty có giới hạn về nhiệm kỳ tối đa 9 năm hoặc ít hơn hoặc tối đa 2 nhiệm kỳ 5 năm đối với mỗi thành viên HĐQT độc lập?	Không	Chưa thực hiện	
E.2.6	Công ty có đặt ra giới hạn tối đa 5 vị trí HĐQT mà 1 thành viên HĐQT độc lập/không điều hành có thể nắm giữ đồng thời tại những công ty khác không?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung được quy định tại Điều lệ Công ty
E.2.7	Công ty có thành viên HĐQT điều hành nào phục vụ tại hơn 2 HĐQT của các Công ty niêm yết ngoài tập đoàn?	Không	Thực hiện tốt	
Tiểu ban Nhân sự				
E.2.8	Công ty có Tiểu ban Nhân sự hay không?	Không	Chưa thực hiện	SSI hiện chưa có nhưng đang trong lộ trình thành lập Tiểu ban Nhân sự
E.2.9	Tiểu ban Nhân sự có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?			
E.2.10	Chủ tịch của Tiểu ban Nhân sự có phải là thành viên HĐQT độc lập?			
E.2.11	Công ty có công bố quy chế hoạt động/ cơ cấu quản trị/ điều lệ của Tiểu ban Nhân sự?			
E.2.12	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Nhân sự có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Nhân sự có họp tối thiểu hai lần trong năm?			
Tiểu ban Thù lao				
E.2.13	Công ty có Tiểu ban Thù lao không?	Không	Chưa thực hiện	SSI hiện chưa có nhưng đang trong lộ trình thành lập Tiểu ban Thù lao.
E.2.14	Tiểu ban Thù lao có bao gồm đa số thành viên HĐQT độc lập?			
E.2.15	Chủ tịch của Tiểu ban Thù lao có phải là thành viên HĐQT độc lập?			
E.2.16	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Thù lao?			
E.2.17	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Thù lao có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Thù lao có họp tối thiểu 2 lần trong năm?			

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2018	Diễn giải chi tiết (nếu có)
Tiểu ban Kiểm toán				
E.2.18	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán không?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	Mô hình quản trị công ty tại SSI được xây dựng bao gồm các tiểu ban độc lập phụ trách về Kiểm toán nội bộ và Quản lý rủi ro, và hoạt động của các Tiểu ban vẫn đang dần hoàn thiện để đạt chuẩn mực.
E.2.19	Tiểu ban Kiểm toán có bao gồm toàn bộ thành viên HĐQT không điều hành với đa số thành viên/ủy viên HĐQT độc lập?	Không		
E.2.20	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Có		
E.2.21	Công ty có công bố quy chế hoạt động/cơ cấu quản trị/điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán?	Không		
E.2.22	Tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập của Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về kế toán không (trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm kế toán)?	Có		
E.2.23	Sự tham gia của thành viên trong các cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán có được công bố công khai, nếu có, Tiểu ban Kiểm toán có họp tối thiểu 4 lần trong năm?	Không		
E.2.24	Tiểu ban Kiểm toán có trách nhiệm chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm, và miễn nhiệm kiểm toán độc lập?	Không		
E.3. Quy trình Hội đồng Quản trị				
Họp và tham dự HĐQT				
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?	Có	Thực hiện tốt	
E.3.2	HĐQT có họp tối thiểu 6 lần trong năm?	Có	Thực hiện tốt	Năm 2018, HĐQT đã tiến hành 06 buổi họp bao gồm 03 cuộc họp trực tiếp và 03 cuộc họp với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	Có	Thực hiện tốt	Năm 2018, các cuộc họp HĐQT đều được 100% thành viên HĐQT tham gia.
E.3.4	Công ty có yêu cầu cần có 2/3 thành viên HĐQT tham dự họp trong các cuộc họp có thông qua Nghị quyết HĐQT	Có	Thực hiện tốt	Điều lệ SSI quy định HĐQT cuộc họp phải có ¾ số thành viên tham dự.
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của Công ty có họp riêng tối thiểu 1 lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?	Có	Thực hiện tốt	Thành viên HĐQT không điều hành có tiến hành cuộc họp thường niên (không có mặt thành viên điều hành).
Tiếp cận thông tin				
E.3.6	Văn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu 5 ngày làm việc trước cuộc họp	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định trong Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty và được cập nhật các vấn đề mới có liên quan các nội dung trên?	Có	Thực hiện tốt	Thư ký Công ty là Luật sư và đã có chứng chỉ đào tạo về Quản trị Công ty
Bổ nhiệm và tái cử thành viên HĐQT				
E.3.9	Công ty có công bố các tiêu chí sử dụng để lựa chọn thành viên HĐQT mới?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty.
E.3.10	Công ty có công bố quy trình được áp dụng để bổ nhiệm thành viên HĐQT mới?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế Quản trị Công ty.
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT có được bầu lại tối thiểu 3 năm, hoặc 5 năm đối với công ty niêm yết ở những quốc gia có pháp luật quy định nhiệm kỳ 5 năm một lần? (Nhiệm kỳ 5 năm phải được yêu cầu bởi các đạo luật đã có từ trước khi có Thẻ Điểm Quản trị Công ASEAN vào năm 2011)	Có	Thực hiện tốt	

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2018	Diễn giải chi tiết (nếu có)
Các vấn đề về thù lao				
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách và biện pháp khuyến khích hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGĐ?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?	Có	Thực hiện tốt	Thù lao cho HĐQT được trình xin ý kiến tại ĐHĐCĐ thường niên.
E.3.15	Công ty có các chính sách, tiêu chuẩn có thể đo lường để gắn mức thù lao chi trả dựa trên thành tích của các thành viên HĐQT điều hành hoặc Ban Điều Hành với lợi ích lâu dài của Công ty, chẳng hạn như áp dụng điều khoản thu hồi, chính sách khoản thưởng hoãn lại (Clawback provision, deffered bonus)?	Có	Thực hiện tốt	Công ty phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho họ với điều khoản hạn chế chuyển nhượng từ 2-3 năm.
Kiểm toán nội bộ				
E.3.16	Công ty có chức năng kiểm toán nội bộ riêng?	Có	Thực hiện tốt	Công ty có Bộ phận Kiểm toán Nội bộ và HĐQT có thành viên phụ trách về Kiểm toán Nội bộ.
E.3.17	Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ có được công bố, hoặc nếu được thuê ngoài, tên của công ty bên ngoài có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Trưởng Bộ phận Kiểm toán Nội bộ được công bố trong danh sách nhân sự chủ chốt tại BCTN SSI.
E.3.18	Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm của kiểm toán nội bộ có phải được Tiểu ban Kiểm toán thông qua?	Không	Chưa thực hiện	
Giám sát rủi ro				
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro và định kỳ xem xét tính hiệu quả của hệ thống mà Công ty đang thực hiện?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI
E.3.20	Báo cáo thường niên có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của Công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống QTRR	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro quan trọng (như tài chính, vận hành bao gồm công nghệ thông tin, môi trường, xã hội và kinh tế)?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI
E.3.22	Báo cáo thường niên/Báo cáo quản trị công ty có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	Không	Chưa thực hiện	SSI chưa có nội dung này trong BCTN
E.4. Nhân sự trong Hội đồng Quản trị				
Chủ tịch Hội đồng Quản trị				
E.4.1	2 người khác nhau đảm nhiệm vị trí chủ tịch HĐQT và TGĐ?	Không	Chưa thực hiện	Hiện nay, Chủ tịch HĐQT SSI đồng thời giữ chức vụ Tổng Giám Đốc tuy nhiên việc này đều được đưa ra trình lấy ý kiến ĐHĐCĐ thường niên.
E.4.2	Chủ tịch có phải là thành viên HĐQT độc lập?	Không	Chưa thực hiện	
E.4.3	Có bất kỳ thành viên HĐQT là nguyên Tổng Giám Đốc/Giám Đốc Điều Hành của công ty trong 2 năm trước?	Có	Chưa thực hiện	
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch có được công bố công khai?	Có	Thực hiện tốt	Nội dung này được công bố trong BCTN SSI.
Trưởng thành viên HĐQT độc lập				
E.4.5	Nếu chủ tịch không phải là thành viên HĐQT độc lập, HĐQT có bầu chọn Trưởng thành viên độc lập (Lead independent director) và vai trò của vị trí này có được xác định rõ ràng?	Không	Chưa thực hiện	

Mã	Nội dung Câu hỏi	Trả lời câu hỏi	Đánh giá về tình hình thực hiện tới năm 2018	Diễn giải chi tiết (nếu có)
Kỹ năng và năng lực				
E.4.6	Công ty có tối thiểu một thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm làm việc trước đó trong lĩnh vực chính mà công ty đang hoạt động?	Có	Thực hiện tốt	
E.5. Hiệu quả Hội đồng Quản trị				
Phát triển thành viên Hội đồng Quản trị				
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5.
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	
Bổ nhiệm và hiệu quả của Tổng Giám Đốc/ Ban Điều hành				
E.5.3	Công ty có công bố cách thức thành viên HĐQT xây dựng quy hoạch kế nhiệm cho vị trí TGĐ/GĐ Điều Hành/Chủ tịch và nhân sự chủ chốt?	Không	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5.
E.5.4	Thành viên HĐQT có thực hiện đánh giá hiệu quả hàng năm đối với TGĐ/Giám Đốc Điều Hành/Chủ tịch?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	
Đánh giá Hội đồng Quản trị				
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hằng năm đối với HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5.
Đánh giá thành viên Hội đồng Quản trị				
E.5.6	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với từng thành viên HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5.
Đánh giá Tiểu Ban				
E.5.7	Công ty có tiến hành đánh giá năng lực hàng năm đối với các tiểu ban của HĐQT và công bố quy trình đánh giá cũng như các tiêu chí dùng trong đánh giá?	Có	Đã thực hiện nhưng chưa đầy đủ	SSI có tiến hành và công bố một số nội dung trên BCTN, tuy nhiên cần bổ sung để xây dựng các quy trình, tiêu chuẩn đánh giá và tiến hành công bố như các tiêu chí E.5.

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Báo cáo Phát triển Bền vững (BCPTBV) là bức tranh tổng quát thể hiện các công bố, xem xét và đánh giá lại hoạt động phát triển bền vững của SSI theo định hướng chiến lược đối với các vấn đề phát triển bền vững.

Năm 2018 là năm thứ 2 Công ty lập BCPTBV tuân theo theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo Phát triển Bền vững - Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative GRI) – phiên bản mới nhất GRI Sustainability Reporting Standards. Đây cũng là năm thứ 2 SSI lập BCPTBV độc lập thay vì tích hợp cùng Báo cáo Thường niên. Thông qua đó, Công ty muốn thể hiện nỗ lực công khai, minh bạch trong công bố các nội dung phát triển bền vững; tạo điều kiện thuận lợi cho việc tra cứu thông tin của cổ đông, nhà đầu tư; góp phần củng cố lòng tin, gia tăng giá trị mang lại cho các bên liên quan; khẳng định uy tín và thương hiệu SSI.

Báo cáo được lập theo niên độ kế toán, kết thúc vào ngày 31/12/2018. Các số liệu trong báo cáo được thu thập từ số liệu hoạt động thực tế của SSI, tại Hội sở và các Chi nhánh/Phòng Giao dịch của Công ty trên toàn quốc, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018. Các số liệu tài chính trong Báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018.

Nhóm phụ trách Báo cáo Phát triển Bền vững SSI bao gồm các thành viên đến từ một số Bộ phận chịu trách nhiệm về các thông tin được đưa ra trong Báo cáo như Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư, Truyền thông, Tài chính – Kế toán, Thư ký HĐQT.

Cách thức xác định nội dung báo cáo

Báo cáo được lập tuân theo các tiêu chuẩn tại Bộ tiêu chuẩn GRI Sustainability Reporting Standards của Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI) với tùy chọn Cốt lõi.

Cách tiếp cận với các vấn đề bền vững của SSI xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của Công ty, kết hợp với mục tiêu phát triển môi trường kinh doanh và xã hội, từ đó đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

Nội dung Phát triển Bền vững được SSI trao đổi với các bên liên quan nhằm nhận diện những vấn đề được các bên quan tâm. Những vấn đề này được SSI tiếp tục đánh giá và xem xét trong bối cảnh phát triển bền vững chung cùng mối tương quan với hoạt động hiện tại, chiến lược phát triển bền vững của Công ty, từ đó xác định ra các vấn đề trọng yếu để thực hiện rà soát, cải tiến cũng như thể hiện trong Báo cáo. Nội dung này cũng được xem xét trong mối liên hệ chặt chẽ với 17 mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên Hợp Quốc để phù hợp với xu hướng chung trên thế giới, hành động gắn liền với hoạt động chung của toàn xã hội.

Báo cáo được xác định theo các nguyên tắc sau:

Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo	Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo	
Gắn kết các bên liên quan	Chính xác	So sánh
Bối cảnh phát triển bền vững	Cân bằng	Tin cậy
Mức độ trọng yếu	Rõ ràng	Cập nhật

Liên hệ

Các ý kiến đóng góp hoặc những câu hỏi liên quan xin vui lòng liên hệ:

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư

Email: investorrelation@ssi.com.vn

Điện thoại: (+84-24) 3936 6321

Địa chỉ: 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SSI luôn xác định rằng hoạt động quản trị công ty tốt là một trong những yếu tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Vì vậy, công tác quản trị của SSI đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện dựa trên những thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực và trên thế giới, song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của Pháp luật Việt Nam về quản trị công ty đại chúng. Hoạt động quản trị rủi ro và kiểm soát tuân thủ cũng được chú trọng, tạo nên cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt, nhằm giám sát, điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả.

Năm 2018, SSI đã có nhiều nỗ lực để hoạt động quản trị công ty tiệm cận dần với những chuẩn mực tốt nhất trong khu vực. Đối chiếu với các tiêu chí đánh giá tại Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN, Công ty đã thực hiện tốt trong các khía cạnh bảo vệ quyền lợi của Cổ đông; đối xử bình đẳng với Cổ đông, bảo vệ các bên có quyền lợi liên quan và công bố thông tin minh bạch. Sau khi Nghị định 71/2017/NĐ-CP và Thông tư 95/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản trị công ty được ban hành, SSI đã chủ động xây dựng Quy chế về Quản trị công ty và trình ĐHĐCĐ phê duyệt, ban hành rộng rãi vào tháng 4/2018. Quy chế này được tham chiếu các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, theo đó có quy định chi tiết về quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng với cổ đông trong các hoạt động, cùng các vấn đề liên quan tới thành viên HĐQT/BKS và hoạt động của HĐQT/BKS.

Quản trị rủi ro

Năm 2018 chứng kiến những biến động mạnh của TTCK Việt Nam cũng như chịu tác động của nhiều yếu tố bất lợi từ thị trường quốc tế. Trong bối cảnh đó, hệ thống chính sách, quy trình về QTRR của SSI tiếp tục được hoàn thiện và cập nhật, phù hợp với mức độ tăng trưởng cũng như biến động mạnh của thị trường, thực tế kinh doanh cũng như các rủi ro phát sinh từ các hoạt động kinh doanh mới như CKPS. Bên cạnh đó, nhằm nâng cao hiệu quả của hoạt động QTRR, các hoạt động đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro đã được tiến hành phổ biến rộng rãi đến toàn bộ nhân viên. Hoạt động QTRR được thực hiện thông suốt từ trên xuống dưới, khởi nguồn từ HĐQT với việc xây dựng chiến lược kinh doanh cũng như đề ra hạn mức chấp nhận rủi ro cho từng loại rủi ro tới từng bộ phận nghiệp vụ. Hoạt động này không chỉ được thực hiện bởi Bộ phận QTRR, mà còn được thực hiện ngay từ các bộ phận kinh doanh, song song đó có sự kiểm tra, giám sát từ các bộ phận KSNB và KTNB.

Hoạt động QTRR được tiến hành cụ thể theo tiến trình 5 bước:



Theo đó, các loại rủi ro có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động doanh nghiệp được nhận diện và có phương pháp phòng ngừa, xử lý là: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro hệ thống & an toàn thông tin, rủi ro tuân thủ, rủi ro pháp lý, rủi ro thương hiệu, rủi ro nguồn nhân lực.

Kiểm soát tuân thủ

Công tác kiểm soát tuân thủ tại SSI được thực hiện thông qua sự giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc & Ban Lãnh Đạo; của HĐQT đối với Ban Lãnh Đạo. Trong hoạt động hàng ngày, Ban Lãnh Đạo có Bộ phận KSNB để thực hiện công tác kiểm soát tuân thủ trong Công ty.

Điều lệ Công ty phân định rạch ròi quyền sở hữu của cổ đông và quyền quản lý doanh nghiệp, đồng thời giao quyền hạn cho các bộ phận trong bộ máy quản lý doanh nghiệp kèm theo các nghĩa vụ và biện pháp kiểm soát các bộ phận này một cách hữu hiệu. Bên cạnh đó, quy trình nghiệp vụ và bộ máy hoạt động được thiết kế với mục đích có sự kiểm tra chéo lẫn nhau để tăng cường kiểm tra, giám sát nội bộ, hạn chế sự lạm quyền và sớm phát hiện các sai phạm có thể xảy ra.

Bộ phận KSNB được tổ chức tại Hội sở, có chức năng kiểm soát các bộ phận trong Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của nhân viên và bộ phận tuân thủ nghiêm túc mọi quy định của pháp luật có liên quan và các quy chế và quy trình nghiệp vụ. Năm 2018, Bộ phận KSNB của Công ty đã thực hiện 42 đợt kiểm soát tại các bộ phận để kiểm tra việc tuân thủ quy trình, quy chế nội bộ, tuân thủ quy định của Pháp luật có liên quan. Báo cáo kết quả kiểm soát được gửi cho Trưởng bộ phận để ghi nhận ý kiến của bộ phận được kiểm soát, sau đó sẽ được gửi cho Ban Tổng Giám Đốc, các Giám Đốc Khối có liên quan và Trưởng bộ phận được kiểm soát. Song song với hoạt động KSNB, Kiểm toán Nội bộ cũng đã thực hiện 37 cuộc kiểm toán nội bộ trong năm 2018 liên quan đến chứng từ kế toán, thuế và Báo cáo tài chính. Ngoài ra, giao dịch của Công ty với người có liên quan cũng được kiểm soát chặt chẽ. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty, tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty hoặc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Công ty hay lũng đoạn giá cả. Số liệu về các giao dịch với người có liên quan được công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Bộ phận Luật thực hiện chức năng tư vấn pháp luật và kiểm tra, giám sát việc ban hành các sản phẩm, quy trình, quy chế nội bộ cũng như các giao dịch của Công ty đối với bên thứ ba đúng pháp luật và hạn chế rủi ro pháp lý cho Công ty. Bộ phận Luật cũng có trách nhiệm cập nhật các văn bản pháp quy mới ban hành cho HĐQT, Ban Lãnh Đạo và các bộ phận có liên quan, nghiên cứu sự ảnh hưởng của các văn bản pháp luật trong giai đoạn dự thảo sắp được ban hành đến các hoạt động của Công ty để có sự chuẩn bị thích hợp.

Bảo vệ quyền lợi Cổ đông

Những quyền cơ bản của cổ đông như quyền được chi trả cổ tức, quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, quyền tham gia vào những quyết định liên quan đến sự thay đổi cơ bản của Công ty v.v… được quy định rõ trong Điều lệ và Quy chế Quản trị Công ty, và thực hiện tốt trong nhiều năm trở lại đây. Việc đối xử bình đẳng với các cổ đông, không có ưu đãi cho một đối tượng nào cũng được đảm bảo, các quyết định do ĐHĐCĐ đưa ra đều dựa vào kết quả biểu quyết thực hiện theo số lượng cổ phiếu sở hữu.

Công ty luôn nỗ lực đa dạng hóa các kênh giao tiếp với cổ đông như thông qua website, email, các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, báo cáo thường niên v.v…, tạo điều kiện cho cổ đông/nhà đầu tư tiếp nhận thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời, tránh ảnh hưởng tới các quyết định đầu tư. Việc công bố thông tin song song bằng cả hai ngôn ngữ Anh – Việt đã được thực hiện tốt trong nhiều năm trở lại đây. Năm 2018, SSI ra mắt website Công ty với giao diện hoàn toàn mới, hiện đại cùng cách trình bày thông tin rõ ràng, cập nhật. Đây chính là một kênh truyền thông thông tin vô cùng hiệu quả, tạo điều kiện để cổ đông và Nhà đầu tư tiềm năng có thể tìm thấy toàn bộ các thông tin công bố, dữ liệu tài chính, các báo cáo, tài liệu họp cùng các văn bản quan trọng khác theo cả hai ngôn ngữ tiếng Anh và tiếng Việt. Trong năm 2019, Công ty có kế hoạch cung cấp một số thông tin cốt lõi theo 2 ngôn ngữ tiếng Trung, tiếng Nhật, nhằm giúp các Nhà đầu tư nước ngoài tiếp cận một cách tốt hơn với thông tin của SSI.

SSI duy trì chính sách chi trả cổ tức ổn định hàng năm theo hướng cân bằng về lợi ích, đáp ứng một phần nhu cầu sinh lợi từ nguồn vốn đầu tư của cổ đông và duy trì nguồn vốn tích lũy cho sự phát triển của Công ty về lâu dài. Trong năm 2018, Công ty tiếp tục thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 10%.

TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG VỀ MẶT KINH TẾ

Hoạt động kinh doanh hiệu quả & Đóng góp cho ngân sách nhà nước

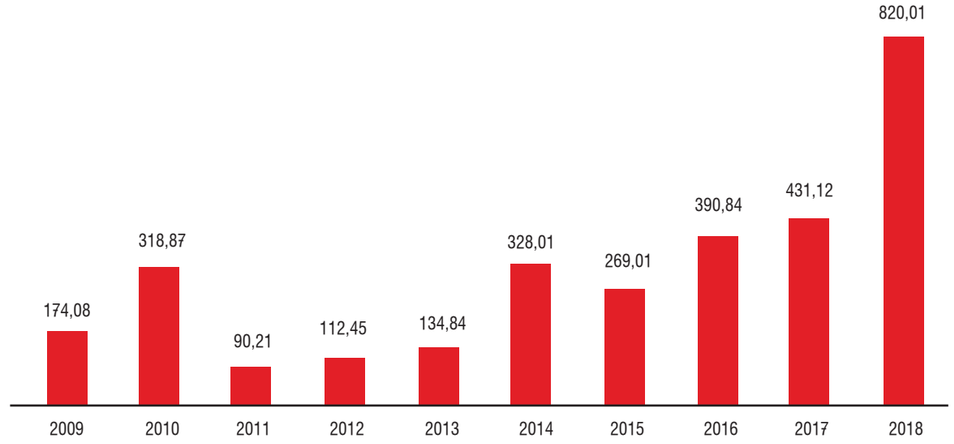
Năm 2018, SSI ghi nhận tổng doanh thu hoạt động và thu nhập khác hợp nhất năm 2018 đạt 3.997 tỷ VNĐ, tăng trưởng 30,9% so với năm 2017, vượt kế hoạch kinh doanh 17,2%. Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2018 đạt hơn 1.623 tỷ VNĐ, tăng trưởng 15,5% và cũng vượt kế hoạch kinh doanh. Tổng tài sản tăng trưởng mạnh mẽ, ở mức 23.825,6 tỷ VNĐ, vốn chủ sở hữu đạt 9.155,6 tỷ VNĐ. Cơ cấu tài chính lành mạnh với dư nợ ngân hàng cao nhưng đối ứng là số dư tiền gửi lớn tương đương. Chi phí vận hành được kiểm soát chặt chẽ.

- TOP 10 CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TIÊU BIỂU TẠI HNX VÀ HOSE
- TOP 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN LỚN NHẤT VIỆT NAM (VNR500) TRONG 11 NĂM LIÊN TIẾP (2008 –2018)
- TOP 500 DOANH NGHIỆP TĂNG TRƯỞNG NHANH NHẤT VIỆT NAM (FAST500) NĂM 2016 – 2017 – 2018 – 2019
- TOP 500 DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN CÓ LỢI NHUẬN TỐT NHẤT VIỆT NAM (PROFIT500) NĂM 2018



Kể từ khi thành lập, SSI luôn chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước với mức đóng có xu hướng tăng dần qua các năm. Trong nhiều năm trở lại đây, Công ty thường xuyên thuộc nhóm các Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, đồng thời là Công ty dẫn đầu trong Ngành Chứng khoán.

Thuế và các khoản phải nộp cho Ngân sách nhà nước (tỷ VNĐ)



Nguồn: Báo cáo Tài chính Hợp nhất SSI

Top 1000 Doanh nghiệp nộp thuế thu nhập doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000) trong 7 năm liên tiếp

Thành công trong việc kết nối vốn và cơ hội đầu tư

Hoạt động với sứ mệnh "Kết nối vốn và cơ hội đầu tư", SSI luôn nỗ lực giúp các doanh nghiệp huy động vốn qua TTCK, góp phần hình thành kênh dẫn vốn và phân phối vốn dài hạn theo cơ chế thị trường cho nền kinh tế, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy kinh tế phát triển. Năm 2018, SSI đã tư vấn thành công hàng loạt thương vụ với giá trị cao và hình thức giao dịch đa dạng, thậm chí nhiều thương vụ trở thành kinh điển tại Việt Nam và khu vực, có thể kể đến như tư vấn chào bán cổ phần của Công ty Cổ phần Vinhomes (VHM – HOSE) cho các Nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị bán đạt trên 1.349 tỷ USD, Tư vấn thoái vốn của SCIC tại Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP – HOSE) với tổng giá trị giao dịch đạt 103 triệu USD, Tư vấn chào bán riêng lẻ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TPB – HOSE), với tổng giá trị đạt trên 94 triệu USD, Tư vấn chào bán riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN (PAN – HOSE) với tổng giá trị đạt 35 triệu USD, hay Tư vấn cấu trúc giao dịch và là đại lý thực hiện chào mua công khai cổ phiếu Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang (DHG – HOSE) cho Công ty Cổ phần Chế tạo thuốc Taisho (Nhật Bản) với tổng giá trị giao dịch đạt 48 triệu USD.

Chủ động, tích cực tham gia xây dựng thị trường

Năm 2018, SSI tham gia đóng góp ý kiến cho nhiều dự thảo Luật, Nghị định, Thông tư và các Quy chế hướng dẫn nhằm đưa ra các quy định, hướng dẫn thực hiện rõ ràng hơn đối với các hoạt động trên TTCK, như Luật Chứng khoán sửa đổi, Nghị định 163/2018/NĐ-CP về trái phiếu doanh nghiệp; Dự thảo Đề án Phát triển thị trường chứng khoán và bảo hiểm 2017-2020 v.v…

SSI tiếp tục là thành viên tích cực của Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán, với đại diện tham gia Ban chấp hành Hiệp hội, là thành viên nòng cốt tại các Câu lạc bộ trực thuộc như Câu lạc bộ Luật, Câu lạc bộ Tư vấn Đầu tư, Câu lạc bộ Đào tạo. Công ty cũng là thành viên của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam, Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, Câu lạc Bộ Quản lý Quỹ Việt Nam.

HÀNH ĐỘNG VÌ KHÁCH HÀNG



SSI hiểu rằng, sự tin tưởng và tín nhiệm từ khách hàng chính là nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy, khách hàng luôn là trọng tâm trong mọi hoạt động.

Tài sản của Nhà đầu tư luôn được quản lý an toàn, minh bạch

Trong bối cảnh TTCK có nhiều biến động mạnh và sự cạnh tranh gay gắn từ các CTCK trong thời gian qua, SSI luôn kiên định với nguyên tắc tôn trọng khách hàng, không chỉ tập trung kinh doanh có lãi mà còn phải bảo vệ nhà đầu tư tránh không thất thoát tài sản, xây dựng một TTCK minh bạch. Trong suốt hơn 18 năm qua, SSI đã quản lý tài sản cho Nhà đầu tư trong nước và quốc tế hiệu quả, góp phần giữ trọn niềm tin của các nhà đầu tư vào TTCK Việt Nam, xây dựng một nền kinh tế ổn định. Tính đến cuối năm 2018, Công ty đang quản lý hơn 153.000 tài khoản, chiếm 7% tổng số tài khoản của toàn thị trường. Các tài khoản khách hàng đều được quản lý theo quy định chặt chẽ, quy trình quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ được vận hành bài bản, chuyên nghiệp, không chỉ tuân thủ các quy định của pháp luật mà còn đảm bảo giảm thiểu tối đa xung đột lợi ích, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư. Trong mảng quản lý tài sản, SSIAM đã và đang nỗ lực không ngừng trong việc huy động từ khách hàng mới cũng như quản lý hiệu quả tài sản của Khách hàng hiện tại. Cuối năm 2018, tổng tài sản quản lý của SSIAM đạt 5.573 tỷ VNĐ.

Nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ, đi đầu trong phát triển sản phẩm mới

Năm 2018, SSI đã chính thức ra mắt và vận hành hệ thống giao dịch chứng khoán thị trường cơ sở mới nhằm đáp ứng một cách tốt hơn nhu cầu của khách hàng với công nghệ hiện đại, khả năng kết nối tốt, kết hợp với tự động hóa nghiệp vụ, quản lý đa dạng sản phẩm, tính ổn định cao. Bảng giá iBoard sử dụng công nghệ bảng giá mới nhất hiện nay giúp việc theo dõi giá và giao dịch của khách hàng được thực hiện nhanh và chính xác nhất.

Công ty cũng tiến hành nâng cấp webtrading phái sinh, hướng tới 3 tâm điểm quan trọng: Tốc độ, Lệnh điều kiện và Tiện ích.

Trong nửa cuối năm 2018, nhiều dự án trên nền tảng công nghệ mới đã được triển khai như Hệ thống Giao dịch Trực tuyến thế hệ mới (NGOT) nhằm mang lại cho khách hàng những sự trải nghiệm mới và tốt hơn với các chức năng tự giao dịch nâng cao, Hệ thống giao dịch giả lập iWin hỗ trợ việc thử nghiệm và thảo luận các chiến lược đầu tư trên môi trường giả lập, iData cung cấp dữ liệu hỗ trợ bên thứ 3 nhằm giúp khách hàng có thể sử dụng ứng dụng cá nhân trong việc phân tích chiến lược đầu tư. Công ty cũng đã hoàn tất việc chuẩn bị hệ thống và quy trình vận hành sản phẩm chứng quyền có đảm bảo, sẵn sàng cung cấp sản phẩm đến Nhà đầu tư trong năm 2019 theo lộ trình của HOSE.

Đối với mảng dịch vụ cho Khách hàng Tổ chức, SSI tiếp tục tăng cường mở rộng mạng lưới đối tác toàn cầu thông qua các CTCK và Ngân hàng quốc tế để cung cấp thông tin về thị trường, cũng như giới thiệu nhiều cơ hội đầu tư cho Khách hàng quốc tế. Chỉ tính riêng trong năm 2018, đội ngũ chuyên viên môi giới đã tiến hành hơn 2.000 cuộc trao đổi và tiếp xúc với các Quỹ đầu tư quốc tế, thực hiện 20 chuyến công tác tại các thị trường tài chính truyền thông như Mỹ, Anh, Singapore, Hong Kong, Hàn Quốc, Nhật Bản và Thái Lan, đồng tổ chức 2 hội thảo tài chính lớn với Citi Group và Goldman Sachs để giới thiệu gần 40 doanh nghiệp Việt Nam ra thế giới.

Cơ chế chăm sóc khách hàng linh hoạt và năng động

Sau một thời gian chuẩn bị nguồn lực, năm 2018, Dịch vụ Chứng khoán (DVCK) SSI chính thức phân tách cơ cấu quản lý thành hai khối chuyên biệt là DVCK Khách hàng Cá nhân và DVCK Khách hàng Tổ chức, nhằm chuyên môn hóa và nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ. Trong đó, DVCK Khách hàng Cá nhân tuyển dụng thêm 87 nhân viên môi giới - nâng tổng số nhân viên môi giới lên 566 nhân sự vào cuối năm 2018, đồng thời mở thêm 02 Phòng Giao dịch (PGD) mới: PGD Cách Mạng Tháng Tám và PGD Nguyễn Hữu Cảnh - nâng tổng số lên 17 Chi nhánh/ PGD và nhóm dự án. DVCK Khách hàng Tổ chức cũng tuyển dụng nhiều nhân sự chất lượng cao, đồng thời bổ nhiệm 02 Giám Đốc Khối đồng quản lý - 01 Giám Đốc người Mỹ có nhiều kinh nghiệm trên thị trường tài chính quốc tế, cùng 01 Giám Đốc người Việt đã có trên 10 năm kinh nghiệm làm việc tại SSI, rất am hiểu thị trường địa phương và khách hàng.

SSI tiếp tục thực hiện định kỳ các đợt khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng thông qua nhiều hình thức: gửi phiếu khảo sát qua email, gọi điện qua tổng tài, và gặp mặt trực tiếp để lắng nghe đa chiều những phản hồi của khách hàng về các dịch vụ Công ty đang cung cấp. Năm 2018, có khoảng 1000 khách hàng, Nhà đầu tư trên diện rộng đã tham gia các cuộc khảo sát này, giúp SSI nhận diện và tổng hợp được các tương tác giữa khách hàng và Công ty, hiểu hơn về nhu cầu, sở thích của từng đối tượng khách hàng, hướng tới mục tiêu đem lại trải nghiệm tốt nhất của khách hàng tại SSI.

Tích cực chia sẻ thông tin thị trường, cơ hội đầu tư thông qua truyền thông & các hội thảo

Hoạt động dựa trên nguyên tắc bảo vệ Khách hàng tránh thất thoát tài sản, xây dựng một TTCK minh bạch, năm 2018, SSI tiếp tục tổ chức các chuỗi hội thảo phi lợi nhuận, cũng như tích cực chia sẻ thông tin thị trường thông qua các cơ quan truyền thông.

Kể từ khi thành lập vào tháng 8/2017, TTCK Phái sinh duy trì tốc độ tăng trưởng và khối lượng giao dịch cao, liên tục ghi nhận những kỷ lục mới về quy mô giao dịch. Tuy nhiên, đây vẫn còn là một khái niệm khá mới với các nhà đầu tư cá nhân, đồng thời chứa đựng nhiều yếu tố rủi ro. Nắm bắt được thực tế này, năm 2018, SSI đã triển khai chuỗi Hội thảo Hướng dẫn đầu tư phái sinh tại tất cả các chi nhánh và phòng giao dịch của SSI trên cả nước. Với tên gọi "Chia sẻ chiến lược giao dịch hiệu quả trên Thị trường Chứng khoán Phái sinh", chương trình đào tạo tập trung vào việc giúp khách hàng lên một kế hoạch hiệu quả bao gồm: xác định xu hướng, các nguyên tắc khi nào mua – bán, bán do lỗ, bán khi lời, khi nào nên hạn chế giao dịch; cách thức xây dựng nguyên tắc quản trị rủi ro để giữ mức lỗ tối thiểu và để tăng lợi nhuận – đây chính là các yếu tố nâng cao khả năng chiến thắng của nhà đầu tư trên một thị trường mới. Năm 2018, các hội thảo được triển khai với quy mô nhỏ, tập trung vào khách hàng của từng Phòng môi giới. Bước sang năm 2019, chuỗi hội thảo sẽ được nâng cấp với quy mô Chi nhánh/ Phòng Giao dịch, và được thực hiện định kỳ hàng tháng, đảm bảo nhà đầu tư luôn có kiến thực cập nhật về TTCK Phái sinh.

Bên cạnh các hoạt động đào tạo trực tiếp, với vai trò là CTCK số 1 trên thị trường, SSI đã và đang tếp tục đồng hành, chia sẻ và phối hợp chặt chẽ với hơn 40 cơ quan báo chí và truyền thông trong và ngoài nước để tăng cường nhận thức của Cộng đồng về các vấn đề liên quan đến thị trường, đóng góp sự phát triển bền vững của TTCK Việt Nam. Công ty luôn chủ động liên hệ cùng các cơ quan báo chí để kịp thời chia sẻ các báo cáo vĩ mô, báo cáo thị trường chứng khoán, thị trường tiền tệ, báo cáo ngành do đội ngũ Chuyên gia Phân tích SSI thực hiện. Bên cạnh đó, công ty cũng định kỳ tham gia vào các bản tin tài chính của các cơ quan truyền thông lớn như VTV1, Thời báo tài chính, Truyền hình Quốc hội v.v… nhằm kịp thời đưa tin, xây dựng lòng tin cho Nhà đầu tư vào thị trường, đặc biệt là vào những giai đoạn thị trường có nhiều biến động nhạy cảm trong năm.

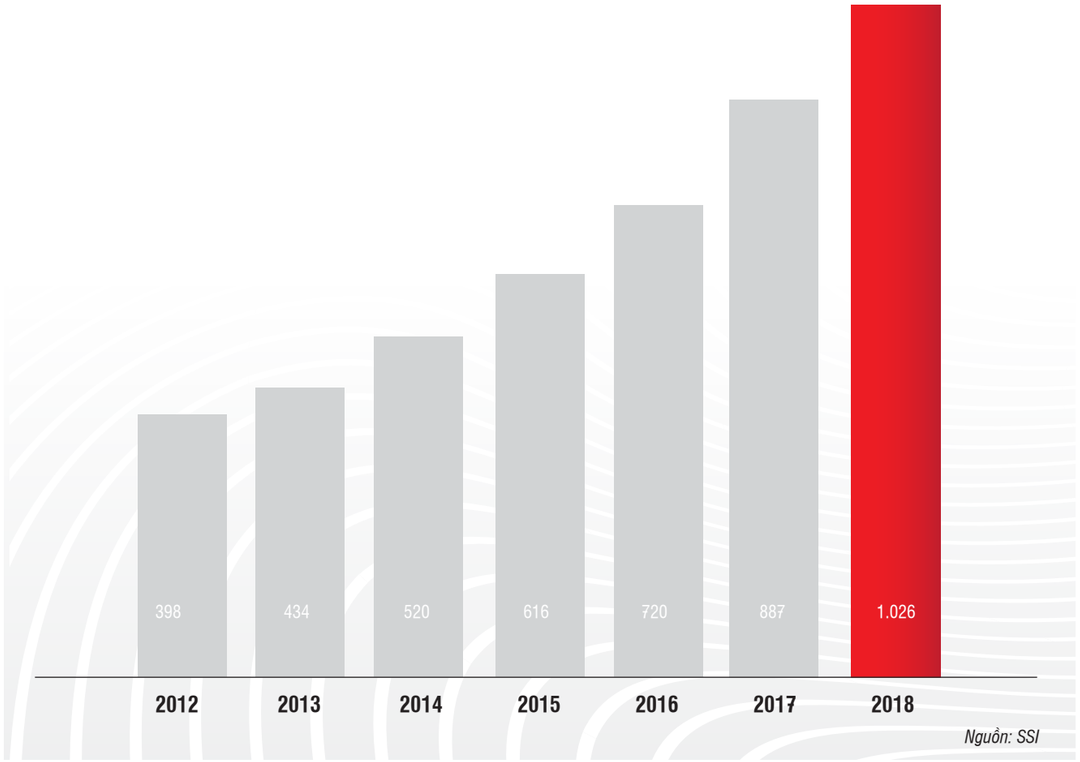
Năm 2018, SSI thực hiện 36 chiến dịch truyền thông chủ động, cùng hơn 970 tin bài có liên quan đến SSI trên báo chí chính thống.

GẮN KẾT ĐỘI NGŨ VÌ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với quan điểm "uy tín và thương hiệu của tổ chức là nền tảng cho sự phát triển của mỗi cá nhân" và bằng các chiến lược, chính sách nhân sự đi đầu trong thời gian qua, SSI đã chủ động nâng tầm thương hiệu trở thành biểu tượng trên thị trường và cộng đồng tài chính, gia tăng niềm tin và sự tự hào của các thành viên mới khi gia nhập tổ chức, thu hút thế hệ trẻ khát khao trải nghiệm, quy tụ các tài năng đầy đam mê, hoài bão và khát vọng muốn khẳng định vị thế của bản thân.

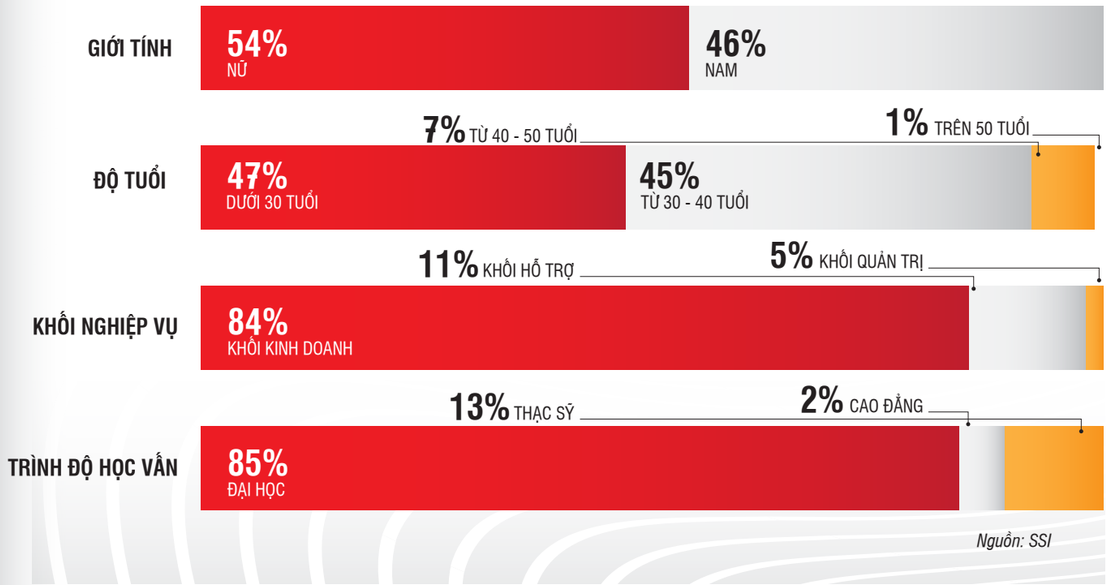
Tính đến hết ngày 31/12/2018, quy mô nhân sự Công ty đã vượt mốc 1.000 người (Khối kinh doanh chiếm 84%), trong đó tuyển mới 317 nhân sự với độ tuổi chủ yếu là khoảng dưới 30 tuổi – năng động, nhiệt huyết và được đào tạo bài bản.

Thống kê số lượng nhân sự qua các năm



Nguồn: SSI

Cơ cấu nhân sự năm 2018



Nguồn: SSI

Cách tiếp cận của SSI đơn giản là cung cấp một môi trường mà ở đó, các cá nhân đa dạng có thể khai thác và thể hiện mọi tiềm năng mà họ có. Công đã xây dựng và phát triển những bộ tiêu chí phục vụ công tác tuyển dụng để đảm bảo tính minh bạch, công bằng, mang lại cơ hội đồng đều cho ứng viên và tiếp tục khẳng định lòng tin cũng như sự tự hào khi gia nhập SSI của thành viên mới. Tại SSI, chúng tôi:

- Tôn trọng tối đa những quyền lợi của ứng viên tuyển dụng (về việc tiếp cận thông tin, yêu cầu, mô tả công việc, trao đổi và đàm phán)

- Chọn lựa những ứng viên đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tuyển dụng

- Các quyết định tuyển dụng đều dựa trên sự đánh giá cẩn trọng, công tâm và rõ ràng về khả năng, thái độ trong công việc và những động lực của ứng viên.

Gia tăng thu nhập cho người lao động thông qua hệ thống đãi ngộ và phúc lợi toàn diện

SSI đi theo các thông lệ quản trị hiện đại, đãi ngộ và phúc lợi được gắn liền với năng lực, thành tích và hiệu quả công việc. 100% cán bộ nhân viên được đánh giá hiệu quả công việc định kỳ hàng năm, riêng Khối Kinh doanh được đánh giá hiệu quả công việc định kỳ hàng tháng, quý, năm.

Công ty vận hành hệ thống thiết lập mục tiêu và ghi nhận kết quả thực hiện công việc của từng cá nhân tại tất cả các vị trí nhằm ghi nhận thành tích, đóng góp của mỗi cá nhân vào thành tích chung đảm bảo tính minh bạch và công bằng; đồng thời theo dõi được lộ trình thực hiện và phát triển công việc của mỗi cá nhân gắn với các kế hoạch, chiến lược phát triển của từng Bộ phận, của Khối, của SSI. Cụ thể, trên cơ sở thiết lập mục tiêu năm, cấp phụ trách thực hiện triển khai các kế hoạch hoạt động, chỉ tiêu cụ thể xuống từng cá nhân từ Chiến lược, Kế hoạch do Ban Lãnh Đạo giao; các cá nhân hiểu rõ mục tiêu của từng nhiệm vụ, cách thức đo lường kết quả công việc để phân bổ thời gian và nguồn lực triển khai công việc hiệu quả. Bằng phương thức này, Chiến lược của Công ty được kết nối, dần được hiện thực hóa, đi vào thực tiễn trong công tác vận hành hàng ngày của mỗi cán bộ nhân viên SSI.

Trong năm 2018, SSI đã thực hiện chi trả hơn 480 tỷ VNĐ cho Người lao động bao gồm lương, các khoản bảo hiểm và phúc lợi khác, thưởng hiệu quả công việc sau đánh giá cuối năm (so sánh với con số năm 2017 là 375 tỷ VNĐ), trong đó hạng mục chi thưởng hiệu quả công việc chiếm 49% trên tổng số chi trả, gấp 1,35 lần hạng mục chi lương.

Cũng trong năm này, SSI thực hiện phát hành thành công 10 triệu cổ phiếu – tiếp tục là đơn vị đi đầu trong Chương trình phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động (ESOP), nhằm mục đích gắn kết lợi ích của Nhân viên với tổ chức, thu hút, duy trì và thúc đẩy những Nhân viên có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

Bên cạnh các đãi ngộ tài chính, Công ty thiết lập và tăng cường hệ thống các chính sách đãi ngộ phi tài chính toàn diện dành cho người lao động như "Gói phúc lợi các ngày lễ tết trong năm", Tài trợ các câu lạc bộ như yoga, zumba, thi đấu bóng đá .. với mục tiêu tạo động lực và thúc đẩy cán bộ nhân viên yên tâm làm việc, phấn đấu và gắn kết hơn với tập thể.



Chăm sóc sức khỏe và an toàn cho nhân viên

Bên cạnh thực hiện đầy đủ chính sách bảo hiểm y tế theo quy định của Luật Lao Động, từ nhiều năm qua Công ty tiếp tục và liên tục tăng cường chương trình bảo hiểm sức khỏe và tai nạn bổ sung cho nhân viên để nhân viên yên tâm công tác, góp phần chia sẻ gánh nặng tài chính trong trường hợp nhân viên gặp những rủi ro về sức khỏe. Đối tác của SSI lựa chọn và hợp tác luôn là những đơn vị bảo hiểm uy tín và chuyên nghiệp để triển khai chương trình bảo hiểm bổ sung cho nhân viên và người thân.

Các chương trình khám sức khỏe định kỳ được thực hiện nghiêm túc, với sự lựa chọn kỹ càng các cơ sở y tế uy tín và chất lượng nhằm theo dõi sức khỏe của cán bộ nhân viên và phát hiện kịp thời các vấn đề về sức khỏe để sớm có phương án xử lý. Thông tin khám sức khỏe được theo dõi qua các năm và sử dụng như dữ liệu đầu vào để thiết kế chương trình bảo hiểm sức khỏe bổ sung một cách hiệu quả, giúp nhân viên yên tâm trong công tác.

Các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe của nhân viên được Ban Lãnh Đạo Công ty khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi, thông qua việc tài trợ và tổ chức các câu lạc bộ như yoga, zumba, các giải nội bộ và giao hữu, thi đấu bóng đá, bóng bàn v.v… Các hoạt động này được tổ chức bài bản, giúp nhân viên rèn luyện sức khỏe, thư giãn tái tạo năng lượng và gắn kết hơn với tập thể

SSI thường xuyên nghiêm túc tổ chức các buổi diễn tập về phòng chống cháy nổ tại các trụ sở của Công ty nhằm xây dựng nhận thức về an toàn trong các tình huống hỏa hoạn. Trong quá trình quản lý và nâng cấp cải tạo cơ sở vật chất, Công ty dành nhiều sự quan tâm đến việc trang bị, kiểm thử và bảo hành bảo trì định kỳ hệ thống phòng cháy chữa cháy để đảm bảo an toàn cho nhân viên. Đối với các văn phòng tại các khu cao ốc, Công ty nghiêm túc tuân thủ các quy định chung về phòng cháy chữa cháy do ban quản lý quy định.

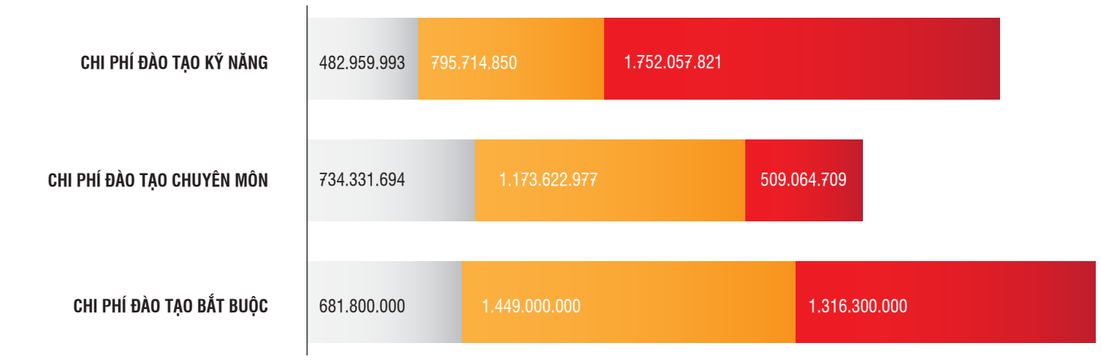
Đầu tư cho tương lai

Nguồn nhân lực chính là yếu tố mang lại tính cạnh tranh cho SSI. Vì vậy, hoạt động đào tạo và phát triển được Ban Lãnh đạo Công ty đặc biệt chú trọng và quan tâm với mong muốn kiến tạo đội ngũ nhân sự "tài năng, tiên phong và nhiệt huyết", có khả năng thích ứng, dẫn dắt những thay đổi của thị trường tạo ra những đột phá trong mọi hoạt động; kiến tạo đội ngũ nhân sự vững mạnh luôn sẵn sàng nhận nhiệm vụ mới, hoàn thành tốt các kế hoạch kinh doanh.

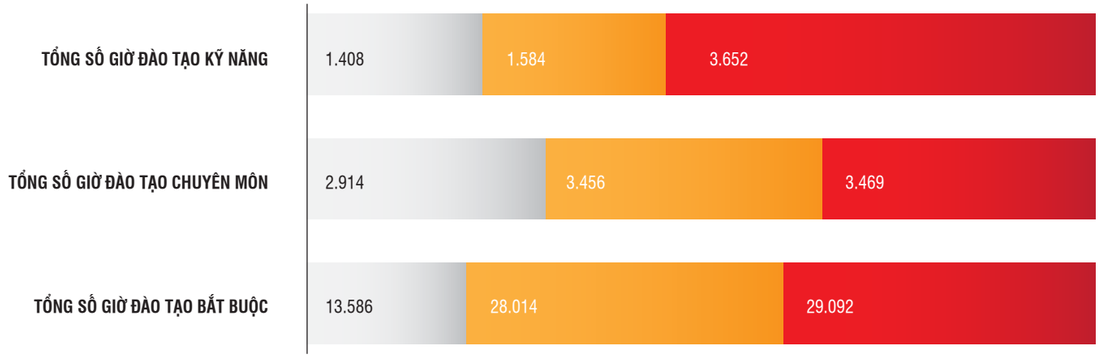
SSI đã xây dựng hàng loạt các chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên ở tất cả các cấp bậc phù hợp với yêu cầu tại vị trí, nhằm đảm bảo cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết để có thể hoàn thành nhiệm vụ hiện tại của họ, cũng như khuyến khích họ tiếp tục trau dồi và phát triển sự nghiệp tại SSI. Xây dựng văn hóa của một tổ chức luôn sẵn sàng học hỏi, đào tạo vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của mỗi cá nhân trong tập thể. Năm 2018, Công ty dành ngân sách trên 3,5 tỷ VNĐ cho các hoạt động đào tạo thông qua các lớp học trực tiếp, lớp học từ xa, và thông qua việc đào tạo trực tiếp trong công việc. Các chương trình đào tạo liên tục được hoàn thiện, đổi mới để đáp ứng yêu cầu; đẩy mạnh đào tạo cấp chứng chỉ quốc tế để cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn theo chuẩn quốc tế cho đội ngũ nhân sự làm việc trong lĩnh vực không chỉ trong các Khối Kinh doanh mà còn tại các Khối Quản trị, Hỗ trợ.



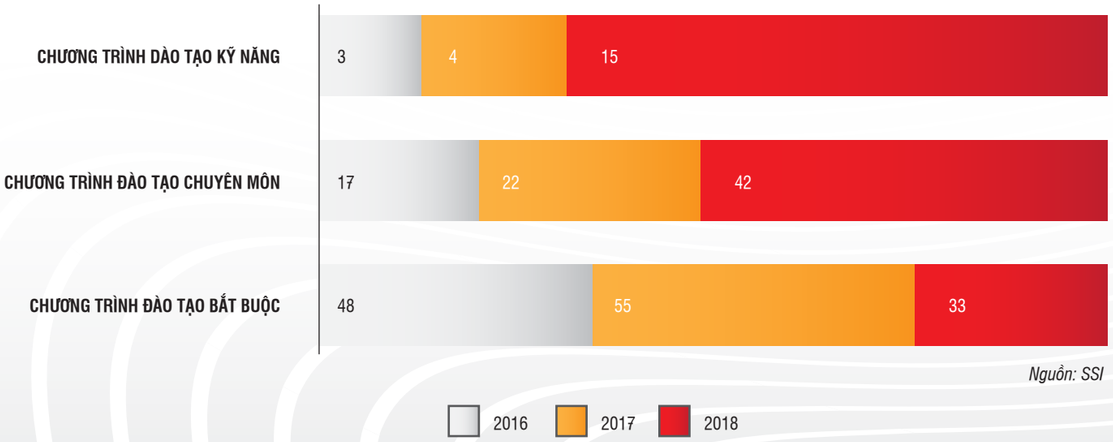
Thống kê chi phí đào tạo qua các năm (VNĐ)



Thống kê số giờ đào tạo qua các năm

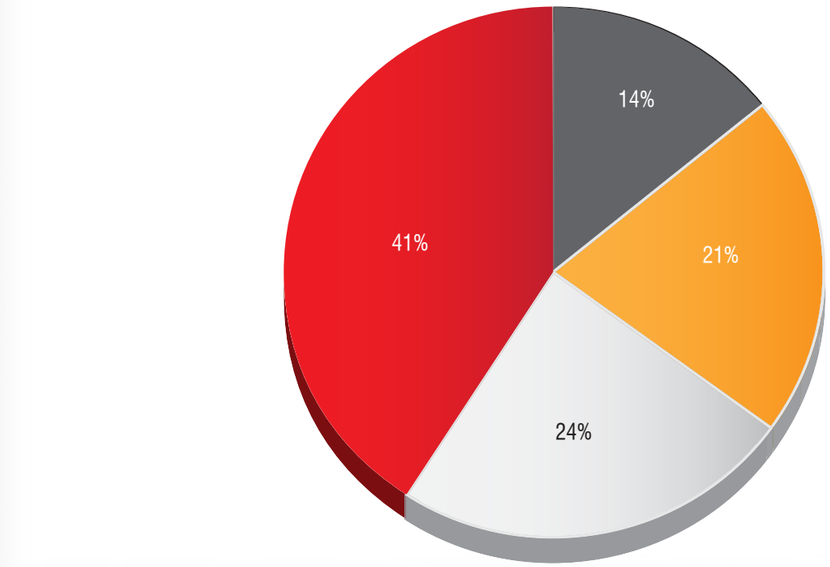


Thống kê số lượng chương trình đào tạo theo các năm



Nguồn: SSI

Thống kê số giờ đào tạo theo Khu vực năm 2018



Nguồn: SSI

Gắn kết bền vững

Song hành với mục tiêu phát triển các hoạt động kinh doanh, SSI đề cao và luôn đảm bảo môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động. Môi trường làm việc lý tưởng là môi trường mà ở đó chắp cánh cho những sáng tạo và nỗ lực của nhân viên, nhưng cũng đồng thời phải đảm bảo sự cân bằng giữa cuộc sống và công việc. Điều này đặc biệt được chú trọng với những cán bộ lãnh đạo cấp cao. Nhân viên tại SSI được khuyến khích làm việc hiệu quả, nghỉ ngơi hợp lý và tham gia các hoạt động thể dục thể thao, các hoạt động xã hội, hoạt động tập thể để cân bằng giữa công việc và cuộc sống, tạo niềm vui và yêu thích trong công việc và nâng cao tính gắn bó đoàn kết trong đội ngũ. Các câu lạc bộ nhiếp ảnh, yoga, zumba, bóng đá, phong trào văn hóa văn nghệ tại SSI luôn hoạt động rất sôi nổi. Sang năm thứ 5, Ngày hội Gia đình SSI đã thực sự là nơi gia đình của nhân viên có thể đến chung vui, chia sẻ và kết nối. Đây là sự kiện thường niên được mong đợi của cả gia đình SSI bao gồm những thành viên SSI mở rộng – những hậu phương vững chắc cho mỗi người SSI yên tâm công tác. Những sự kiện như vậy giúp tăng cường tình cảm gia đình của nhân viên, và cũng để mối liên kết giữa gia đình và Công ty bền chặt hơn nữa.

Trong hành trình phát triển vượt thác ghềnh 18 năm, SSI không ngừng nỗ lực kiến tạo, khẳng định và duy trì một môi trường làm việc minh bạch, hiện đại, trung thực, với trung tâm là sự phát triển của đội ngũ, niềm tin và sự tự hào của Người SSI. Niềm tin và sự tự hào ấy tiếp tục xây nền tảng cho sự phát triển bền vững của SSI nối tiếp qua từng dấu ấn, từng giai đoạn và từng bước tiến mới.

MỘT SỐ CÔNG BỐ VỀ SỐ LIỆU NHÂN SỰ THEO TIÊU CHUẨN GRI

Số lượng nhân viên trung bình năm 2018
975,92 người



GRI 401: VIỆC LÀM

GRI 401-1: Số lượng nhân viên tuyển mới và tỷ lệ thôi việc

Số lượng nhân viên tuyển mới **317** người, tỷ lệ tuyển mới **32,48%**

Theo độ tuổi

Dưới 30 tuổi	**231** người	Tỷ lệ **23,67%**
Từ 30-50 tuổi	**86** người	Tỷ lệ **8,81%**

Theo giới tính

Nam	**146** người	Tỷ lệ **14,96%**
Nữ	**171** người	Tỷ lệ **17,52%**

Số lượng nhân viên nghỉ việc **180** người, tỷ lệ nghỉ việc **18,44%**

Theo độ tuổi

Dưới 30 tuổi	**106** người	Tỷ lệ **10,86%**
Từ 30 -50 tuổi	**72** người	Tỷ lệ **7,38%**
Trên 50 tuổi	**2** người	Tỷ lệ **0,20%**

Theo giới tính

Nam	**100** người	Tỷ lệ **10,25%**
Nữ	**80** người	Tỷ lệ **8,20%**

GRI 401-2: Phúc lợi cung cấp cho nhân viên toàn thời gian theo địa điểm hoạt động

Phúc lợi bằng tiền

Miền Nam	**34.031.398.407 VNĐ**
Miền Bắc	**34.554.890.768 VNĐ**

Cổ phiếu ESOP

Miền Nam	**3.795.000** cổ phiếu
Miền Bắc	**6.205.000** cổ phiếu

GRI 405: SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

GRI 405-1: Sự đa dạng của cấp quản lý và nhân viên

Thành phần cấp quản lý của tổ chức (PC từ 51 trở lên) **132** người

Theo độ tuổi

Dưới 30 tuổi	**8** người	Tỷ lệ **6,1%**
Từ 30-50 tuổi	**118** người	Tỷ lệ **89,4%**
Trên 50 tuổi	**6** người	Tỷ lệ **4,6%**

Theo giới tính

Nam	**60** người	Tỷ lệ **45,45%**
Nữ	**72** người	Tỷ lệ **54,55%**

Thành phần nhân viên toàn Công ty **1.026** người

Theo độ tuổi

Dưới 30 tuổi	**483** người	Tỷ lệ **47,08%**
Từ 30-50 tuổi	**533** người	Tỷ lệ **51,95%**
Trên 50 tuổi	**10** người	Tỷ lệ **0,97%**

Theo giới tính

Nam	**474** người	Tỷ lệ **46,20%**
Nữ	**552** người	Tỷ lệ **53,80%**

GRI 405-2: Tỷ lệ lương cơ bản và thù lao của phụ nữ so với nam giới và theo địa điểm hoạt động

Tổng lương cơ bản: **175.042.062.828** VNĐ

Nam	85.285.617.697 VNĐ	**48,72%**	**51,28%**	89.756.445.130 VNĐ — Nữ
Miền Nam	82.537.663.255 VNĐ	**47,15%**	**52,85%**	92.504.399.573 VNĐ — Miền Bắc

Tổng chi phí trực tiếp cho nhân sự: **480.312.281.012** VNĐ

Nam	238.949.491.055 VNĐ	**49,75%**	**50,25%**	241.362.789.957 VNĐ — Nữ
Miền Nam	274.043.655.772 VNĐ	**57,06%**	**42,94%**	206.268.625.240 VNĐ — Miền Bắc



HOẠT ĐỘNG VÌ CỘNG ĐỒNG

Với tôn chỉ hoạt động "Chúng tôi tình nguyện thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, chung sức vì sự phát triển của cộng đồng", SSI luôn chủ động đầu tư, xây dựng các chương trình phát triển giáo dục và thể chất cho thế hệ trẻ, cũng như chung tay cùng Cộng đồng để góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.



Công ty đã dành ngân sách hơn 70 tỷ VNĐ trong hơn 18 năm cho các hoạt động cộng đồng – với xấp xỉ 64% dành cho tài trợ phát triển giáo dục, bởi SSI hiểu rằng, đầu tư cho thế hệ kế cận chính là góp phần giúp đất nước phát triển vững bền. Từng giai đoạn phát triển 3 năm của SSI đều có ghi dấu những dự án lớn, đóng góp hiệu quả vào sự phát triển của giáo dục và đời sống người dân trên nhiều địa phương. Có thể điểm lại các chương trình nổi bật mà Công ty đã triển khai:



2007 - 2009

Tài trợ xây trường PTDT Nội Trú THCS - THPT Bắc Hà (Tỉnh Lào Cai) với tổng mức tài trợ 10 tỷ VNĐ

Tài trợ xây nhiều trường THPT DTNT tại Lai Châu, Sơn La, Điện Biên, Bắc Kạn, Lào Cai với tổng mức tài trợ 1 tỷ VNĐ



2010 - 2012

Tài trợ xây trường mầm non, tiểu học kiêm nơi tránh lũ ở 4 huyện miền núi tỉnh Hà Tĩnh với mức tài trợ gần 10 tỷ VNĐ

Tài trợ xây dựng Trung tâm giáo dục cộng đồng tại xã Quang Hán, huyện Trà Lĩnh, tỉnh Cao Bằng với tổng mức tài trợ gần 3 tỷ VNĐ



2013 - 2015

Tặng 100 con bò, 40 con lợn, 3.000 con gà giống cho nông dân và tài trợ xây dựng trạm y tế tại xã Vĩnh Thạch - huyện Vĩnh Linh - tỉnh Quảng Trị với tổng mức tài trợ gần 5 tỷ VNĐ

Hỗ trợ ngư dân tại tỉnh Quảng Nam - Quảng Ngãi với mức tài trợ 2 tỷ VNĐ



2016 - 2018

Tặng 3.300 con lợn nái giống cho các hộ dân nghèo ở 9 huyện biên giới tỉnh Cao Bằng với tổng mức tài trợ gần 5 tỷ VNĐ

Tài trợ chương trình bê tông hóa đường nông thôn tại xã Mỹ Hạnh Nam - huyện Đức Hòa - tỉnh Long An với tổng mức tài trợ 2 tỷ VNĐ

Tài trợ hơn 1 tỷ VNĐ cho sinh viên nghèo & học giỏi thông qua Quỹ học bổng NDH









Đầu tư phát triển giáo dục

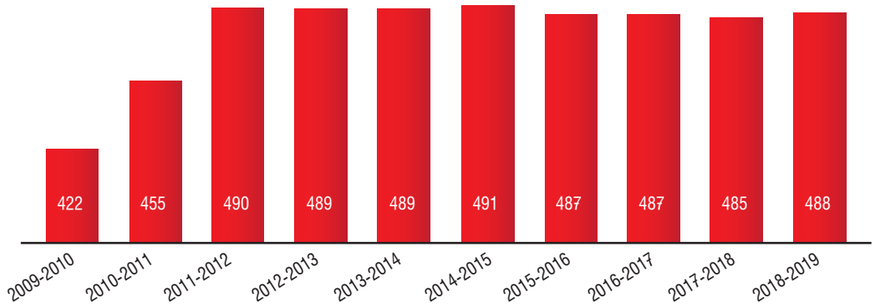
Các dự án xây trường

Tính từ năm 2007 tới nay, SSI đã xây được 10 trường học tại khu vực phía Bắc và Bắc Trung Bộ để giúp phát triển giáo dục tại các vùng này. Các địa điểm xây trường của SSI đều là những điểm trọng yếu của khu vực, nơi học sinh cần có nhiều hỗ trợ để đến trường thêm thuận tiện.

Hàng năm SSI đều thăm hỏi và có những tài trợ kịp thời cho các trường để tiếp tục mở rộng, tiếp tục sẽ là những mái trường mang đến nhiều tương lai cho đất nước.

Tính riêng về Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà, sau khi đưa vào khánh thành từ năm 2010, số học sinh tại trường đã tăng và giữ ở mức ổn định, tiếp tục đóng góp vào việc phát triển giáo dục.

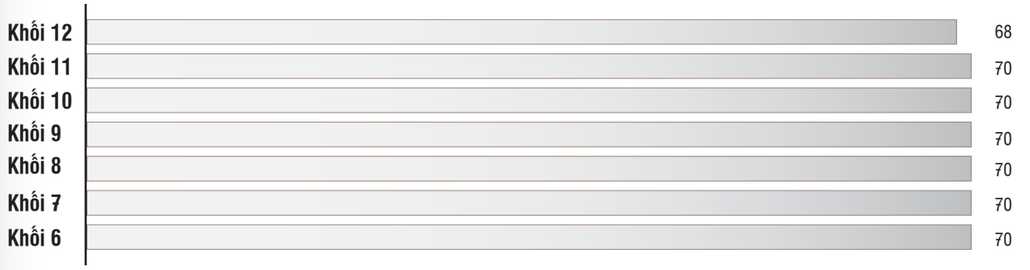
Tổng số học sinh toàn trường



Nguồn: Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà

Trường tập hợp được học sinh từ rất nhiều dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện (Dao, Giáy, Hmông, La Chi, Nùng, Phù Lá, Tày, Thái), các em kiên trì theo học đến hết cấp, số lượng học sinh giữa các khối đồng đều và nhiều em đỗ vào các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, nghề chuyên nghiệp.

Số lượng học sinh các khối học năm 2018 - 2019



Nguồn: Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà

Số học sinh đi học đại học, cao đẳng, trung cấp, nghề chuyên nghiệp trong 3 năm học gần đây nhất:

Năm học	Số học sinh tốt nghiệp	Số học sinh đi học đại học, cao đẳng, trung cấp, nghề chuyên nghiệp
2015-2016	70	35 (50%)
2016-2017	70	55 (78,6%)
2017- 2018	68	47 (69,1%)

Nguồn: Trường PTDT Nội trú THCS & THPT Bắc Hà

Dự án tài trợ học bổng thông qua Quỹ học bổng NDH

Với nhận thức xã hội phát triển là xã hội dựa trên nền tảng của tri thức và lòng bác ái, SSI tiếp tục kết hợp cùng Quỹ học bổng NDH trao học bổng cho các sinh viên nghèo và học giỏi đã được lựa chọn từ năm học 2015. Năm 2018, 30 sinh viên được lựa chọn của 6 Trường Đại học lớn tiếp tục được tài trợ học bổng để các em có thể yên tâm học tập, rèn luyện, sẽ có thể đóng góp cho sự phát triển của xã hội bằng tri thức của mình, cũng như tiếp tục hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn như mình trong tương lai để tinh thần bác ái được lan tỏa rộng rãi cho thế hệ mai sau.

Tổng giá trị học bổng: Gần 1,3 tỷ VNĐ



Phát triển thu hút nhân tài

Với phương châm dành nhiều quan tâm đến những thế hệ nguồn nhân lực kế cận của đất nước, SSI trong nhiều năm đã đồng hành cùng Hội Thanh niên – sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ nhằm hỗ trợ, đinh hướng nghề nghiệp và chung tay phát triển những ý tưởng kinh doanh táo bạo của các bạn sinh viên để có thể áp dụng vào thực tế. Cụ thể, SSI là nhà tài trợ cho Cuộc thi VietChallenge để ủng hộ sứ mệnh nuôi dưỡng và phát triển các công ty khởi nghiệp có tính đột phá, cạnh tranh cao, góp phần giải quyết các thách thức của nền kinh tế Việt Nam và thế giới. Từ năm 2015 đến 2018, SSI đồng hành cùng Chương trình "Vòng tay nước Mỹ" – Hội thảo nghề nghiệp thường niên của Hội Thanh niên - sinh viên Việt Nam tại Hoa Kỳ. Không chỉ tài trợ chi phí để các em có thể tổ chức các chương trình giao lưu, gắn kết trong cộng đồng, SSI còn có các anh chị lãnh đạo cao cấp tham gia các buổi nói chuyện về định hướng nghề nghiệp để thế hệ nhân sự tương lai này có cái nhìn đúng đắn về các lựa chọn nghề nghiệp của mình.

Các chương trình tài trợ giáo dục cho các khu vực khó khăn

Đối với hoạt động phát triển giáo dục ở các khu vực khó khăn, SSI càng dành sự quan tâm sâu sắc. Đặc biệt đối với những trường học ở các tỉnh vùng cao phía Bắc – địa bàn gặp nhiều bất lợi do địa hình và khí hậu khắc nghiệt, SSI thường xuyên quan tâm bằng những chương trình thiết thực, phần nào giúp học sinh và thầy cô giáo khắc phục những khó khăn trong học tập, giảng dạy và cuộc sống.

Trường PTDT Bán trú THCS xã Dương Hưu - huyện Sơn Động - tỉnh Bắc Giang.	Trường tiểu học Gia Phú 5 – Thôn Nậm Trà – Xã Gia Phú – Huyện Bảo Thắng – Tỉnh Lào Cai.	Học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại tỉnh Bình Phước, Đăk Lăk, Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, học sinh dân tộc Chăm tại Thành phố Hồ Chí Minh.
Tài trợ áo ấm, chăn đệm, thực phẩm cho học sinh và giáo viên của trường.	Tài trợ kinh phí xây nhà ăn bán trú của trường.	Tài trợ học bổng, xe đạp, phương tiện học tập cho các em học sinh

Phòng chống thiên tai

Việt Nam có địa hình biến đổi phức tạp từ Bắc vào Nam, từ Đông sang Tây, trải dài bên thềm lục địa biển Đông nên thường xuyên đối mặt với những thách thức thiên tai. Hoạt động phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai luôn là ưu tiên của Đảng và Chính phủ trong công cuộc xây dựng đất nước.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của phòng chống thiên tai, SSI luôn đi đầu triển khai các hoạt động tài trợ phòng chống thiên tai tại nhiều địa phương trên cả nước. Năm 2018, SSI đã ủng hộ kịp thời cho tỉnh Yên Bái 1 tỷ VNĐ nhằm khắc phục hậu quả của cơn bão số 3 xảy ra trong tháng 7/2018. Một dự án nổi bật được SSI bắt đầu thực hiện là Chương trình Hỗ trợ xây dựng nhà ở an toàn phòng chống thiên tai và Tài trợ trang thiết bị cho Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn của 9 tỉnh duyên hải miền Trung.

Hỗ trợ xây dựng nhà ở an toàn phòng chống thiên tai cho khoảng 30 hộ dân	Tài trợ trang thiết bị cho Văn phòng BCH Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn	
Tỉnh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	Tỉnh Thừa Thiên - Huế
Tỉnh Quảng Bình	Tỉnh Nghệ An	Tỉnh Quảng Nam
Tỉnh Thừa Thiên - Huế	Tỉnh Hà Tĩnh	Tỉnh Quảng Ngãi
	Tỉnh Quảng Bình	Tỉnh Bình Định
	Tỉnh Quảng Trị	

Những chương trình tài trợ từ SSI là sự ủng hộ thiết thực đối với các địa phương, giúp người dân và cơ quan chức năng trên địa bàn kịp thời ứng phó trước những thách thức thiên tai thường xuyên rình rập.

Xóa đói giảm nghèo, chung tay khắc phục các khó khăn

Năm 2017- 2018, SSI đã hoàn thành tài trợ 4 giai đoạn với tổng mức tài trợ 2 tỷ VNĐ cho Chương trình Bê tông hóa các tuyến đường giao thông ngõ xóm trên địa bàn xã Mỹ Hạnh Nam – huyện Đức Hòa – tỉnh Long An, góp phần giúp xã thực hiện một trong những tiêu chí quan trọng của chương trình xây dựng nông thôn mới. Đến cuối năm 2018, toàn xã đã hoàn thành thi công toàn bộ 4.567m đường như kế hoạch đề ra. Các tuyến đường mới được bê tông hóa hứa hẹn sẽ mang lại cho bà con xã Mỹ Hạnh Nam sự thuận tiện trong giao thông liên xã cũng như kết nối với các địa bàn xung quanh, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa của xã.

Cũng trong năm 2018, SSI đã hỗ trợ các hộ dân nghèo ở 9 huyện biên giới tỉnh Cao Bằng phát triển kinh tế gia đình qua chương trình tặng 3.300 con lợn nái giống. Đến cuối năm, gần 100 con lợn nái giống đã bắt đầu sinh sản và dự kiến trong năm 2019, đàn lợn từ 3.300 con sẽ sinh sôi gấp nhiều lần, mang lại giá trị kinh tế to lớn cho bà con vùng biên.

Bên cạnh đó, hàng năm SSI đều phối hợp với Trung tâm phát huy Bình An thuộc tổ chức Bạn trẻ em đường phố (FFSC) tặng quà và tổ chức tiệc vui trung thu cho các em kém may mắn ở TP. HCM do Trung tâm bảo trợ. Năm 2018, thông qua Trung tâm, SSI đã ủng hộ cho các em hơn 500 phần quà bánh, gần 300 phần gạo và nước mắm, góp phần mang đến cho các em một mùa trung thu rộn ràng niềm vui.

Tài trợ y tế

Những chương trình ủng hộ bệnh nhân và các cơ sở y tế cũng được SSI đều đặn thực hiện trong nhiều năm qua, Trong năm 2018, SSI đã tới thăm hỏi, động viên 500 bệnh nhi có hoàn cảnh khó khăn đang điều trị nội trú tại Bệnh viện Nhi Trung Ương, tặng quà và hỗ trợ cho các cháu một phần kinh phí điều trị, đồng thời tài trợ cho Bệnh viện một số trang thiết bị y tế, góp phần giúp bệnh viện nâng cao chất lượng khám chữa bệnh.

SSI thực hiện trách nhiệm xã hội của mình không chỉ dừng lại ở các hoạt động nhường cơm, sẻ áo mà còn hướng đến đích góp phần thực hiện một số chủ trương, đường lối chính sách quan trọng của Đảng như xây dựng nông thôn mới, nghĩa tình biên giới, hải đảo, bảo vệ chủ quyền quốc gia; đặc biệt chú trọng phát triển giáo dục cho thế hệ trẻ, tiếp tục đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của Xã hội, của Cộng đồng.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các văn bản sửa đổi khác.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018, Công ty chính thức thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn) theo Giấy phép số 104/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 12 năm 2018 điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 03/GPHĐKD.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.100.636.840.000 VND theo Giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại Số 72 Đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu, Nha Trang và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp, một (01) công ty con sở hữu gián tiếp và một (01) công ty liên kết.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu lại ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Hồng Nam	Ủy viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Ngô Văn Điểm	Ủy viên	Được bầu lại ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Bùi Quang Nghiêm	Ủy viên	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Duy Khánh	Ủy viên	Được bầu ngày 23 tháng 4 năm 2015
Ông Hironoki Oka	Ủy viên	Được bầu ngày 23 tháng 4 năm 2015

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày được bầu
Ông Nguyễn Văn Khải	Trưởng ban	Được bầu lại ngày 25 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Phong Lưu	Thành viên	Được bầu lại ngày 23 tháng 4 năm 2015
Bà Lê Cẩm Bình	Thành viên	Được bầu ngày 20 tháng 4 năm 2018

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 3 năm 2007
Ông Nguyễn Hồng Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2003

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này là Ông Nguyễn Duy Hưng, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số tham chiếu: 60755007/20372418-HN

Kính gửi: Các cổ đông

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI

(trước đây là "Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn")

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") và các công ty con, được lập ngày 22 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 87, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2018-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | B01-CTCK/HN

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**22.270.357.215.928**	**17.227.983.148.329**
110	***I. Tài sản tài chính***		***22.237.874.265.510***	***17.092.445.491.929***
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	612.880.138.860	345.985.713.191
111.1	*1.1. Tiền*		*312.863.700.842*	*231.504.310.415*
111.2	*1.2. Các khoản tương đương tiền*		*300.016.438.018*	*114.481.402.776*
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	2.039.985.819.918	1.431.143.096.100
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.3	12.326.240.312.685	7.882.154.213.938
114	4. Các khoản cho vay	7.4	5.966.651.185.939	5.764.072.330.098
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	1.265.085.272.300	1.534.863.599.300
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	8	(29.666.132.207)	(23.071.577.500)
117	7. Các khoản phải thu		301.712.370.797	27.842.003.070
117.1	*7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính*	*9*	*300.141.137.920*	*26.678.453.070*
117.2	*7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*	*9*	*1.571.232.877*	*1.163.550.000*
117.3	*7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận*		-	-
117.4	*7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*		*1.571.232.877*	*1.163.550.000*
118	8. Trả trước cho người bán	9	31.348.740.192	18.082.112.403
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	31.161.533.678	55.404.562.922
122	10. Các khoản phải thu khác	9	4.513.763.962	71.271.331.370
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(312.038.740.614)	(15.301.892.963)
130	***II. Tài sản ngắn hạn khác***	***10***	***32.482.950.418***	***135.537.656.400***
131	1. Tạm ứng		3.843.488.923	9.001.649.610
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		2.959.982.619	53.710.015
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		21.364.723.566	10.575.869.709
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		856.602.610	931.717.910
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		3.458.152.700	114.974.709.156

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**1.555.269.509.433**	**1.536.392.023.519**
210	***I. Tài sản tài chính dài hạn***		***1.065.902.838.568***	***943.369.693.465***
212	1. Các khoản đầu tư	11	1.065.902.838.568	943.369.693.465
212.1	*1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*		*301.622.077.596*	*130.424.472.600*
212.3	*1.2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*		*764.280.760.972*	*812.945.220.865*
220	***II. Tài sản cố định***		***118.742.648.730***	***161.101.323.414***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	84.097.724.124	32.942.324.482
222	*1.1. Nguyên giá*		*175.652.952.614*	*115.198.707.424*
223a	*1.2. Giá trị khấu hao lũy kế*		*(91.555.228.490)*	*(82.256.382.942)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	34.644.924.606	128.158.998.932
228	*2.1. Nguyên giá*		*101.372.221.724*	*186.932.181.501*
229a	*2.2. Giá trị hao mòn lũy kế*		*(66.727.297.118)*	*(58.773.182.569)*
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***14***	***214.561.642.609***	***218.230.726.962***
231	1. Nguyên giá		278.818.031.178	272.917.757.575
232a	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(64.256.388.569)	(54.687.030.613)
240	***IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***	***15***	***4.923.184.107***	***47.154.474.755***
250	***V. Tài sản dài hạn khác***		***151.139.195.419***	***166.535.804.923***
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		23.978.605.906	19.416.533.466
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	16	40.312.468.926	35.571.900.952
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17	51.848.120.587	76.547.370.505
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	18	20.000.000.000	20.000.000.000
255	5. Tài sản dài hạn khác		15.000.000.000	15.000.000.000
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**23.825.626.725.361**	**18.764.375.171.848**

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**14.669.962.197.728**	**10.148.125.475.946**
310	***I. Nợ phải trả ngắn hạn***		***13.469.410.255.114***	***9.354.274.432.825***
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	20	11.193.158.753.866	8.503.887.663.684
312	*1.1. Vay ngắn hạn*		*11.193.158.753.866*	*8.503.887.663.684*
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	21	255.000.000.000	199.871.666.661
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	23	20.890.746.200	-
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn	24	9.871.570.085	7.858.964.987
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		56.096.109.184	5.119.599.349
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25	69.950.280.972	131.662.750.256
323	7. Phải trả người lao động		42.813.281.214	39.122.549.261
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		60.982.952	8.662.352
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	26	113.892.022.048	93.014.814.252
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.255.230.000	-
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	27	1.490.328.981.368	188.798.899.963
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		216.092.297.225	184.928.862.060
340	***II. Nợ phải trả dài hạn***		***1.200.551.942.614***	***793.851.043.121***
345	1. Trái phiếu chuyển đổi dài hạn – cấu phần nợ	22	1.068.320.391.534	-
346	2. Trái phiếu phát hành dài hạn	21	-	569.300.000.000
348	3. Người mua trả tiền trước dài hạn		2.415.081.980	-
351	4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	28	51.187.159.357	33.511.108.968
352	5. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		255.695.000	-
356	6. Thuế Thu nhập Doanh nghiệp hoãn lại phải trả	17	78.373.614.743	191.039.934.153

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**29**	**9.155.664.527.633**	**8.616.249.695.902**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***9.155.664.527.633***	***8.616.249.695.902***
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.235.152.952.935	5.027.878.981.200
411.1	*1.1. Vốn góp của chủ sở hữu*		*5.100.636.840.000*	*5.000.636.840.000*
411.1a	*a. Cổ phiếu phổ thông*		*5.100.636.840.000*	*5.000.636.840.000*
411.2	*1.2. Thặng dư vốn cổ phần*		*29.470.756.034*	*29.482.756.034*
411.3	*1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – cấu phần vốn*		*113.779.095.785*	-
411.5	*1.4. Cổ phiếu quỹ*		*(8.733.738.884)*	*(2.240.614.834)*
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	41	277.801.019.026	637.896.244.067
413	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		41.038.039.125	33.179.513.213
414	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		412.057.165.307	355.412.398.796
415	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		327.549.570.623	270.904.804.112
417	6. Lợi nhuận chưa phân phối	29.1	2.795.105.924.402	2.212.624.960.292
417.1	*6.1 Lợi nhuận đã thực hiện*		*3.056.176.268.973*	*2.235.685.451.553*
417.2	*6.2 Lợi nhuận chưa thực hiện*		*(261.070.344.571)*	*(23.060.491.261)*
418	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		66.959.856.215	78.352.794.222
440	**TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**23.825.626.725.361**	**18.764.375.171.848**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (CTCK) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	Ngoại tệ các loại	30.1		
	USD		*6.556.662,33*	*5.163.658,21*
	EUR		*84.345,41*	*84.352,36*
	GBP		*37.151,64*	*38.197,09*
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	29.4	509.170.307	499.849.370
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)	29.4	893.377	214.314
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	30.2	872.947.970.000	892.517.220.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK (VND)	30.3	10.482.230.000	10.485.780.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	30.4	10.135.100.000	5.520.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK (VND)	30.5	913.425.310.000	380.192.020.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VND)		39.095.130.000	660.000
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư (VND)	30.6	42.493.662.500.000	33.276.995.380.000
021.1	*Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng*		*34.656.128.250.000*	*27.586.903.680.000*
021.2	*Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng*		*548.270.620.000*	*572.565.500.000*
021.3	*Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*		*6.641.685.800.000*	*4.435.948.560.000*
021.4	*Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*		*305.694.280.000*	*30.525.850.000*
021.5	*Tài sản tài chính chờ thanh toán*		*341.883.550.000*	*651.051.790.000*

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	30.7	376.706.850.000	1.537.141.910.000
022.1	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*		*324.305.840.000*	*1.382.746.250.000*
022.2	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng*		*52.256.010.000*	*52.256.010.000*
022.3	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, cầm cố*		-	*102.139.650.000*
022.4	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ*		*145.000.000*	-
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	30.8	248.603.350.000	558.055.700.000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư	30.9	66.834.410.000	587.746.830.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	30.10	161.868.940.000	20.760.290.000
026	Tiền gửi của khách hàng	30.11	3.283.456.420.063	4.016.678.482.634
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.11	2.666.193.777.876	3.834.955.125.947
027.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		610.905.763.675	145.075.049.045
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	30.11	4.553.932.668	17.567.220.094
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	30.12	1.802.945.844	19.081.087.548
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.13	3.277.099.541.551	3.980.030.174.992
031.1	*Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*2.769.817.505.805*	*3.834.932.579.377*
031.2	*Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*507.282.035.746*	*145.097.595.615*
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	30.14	101.060	17.697.679.784
034	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	30.15	1.802.844.784	1.383.407.764

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | B02-CTCK/HN

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		646.758.445.125	668.205.714.750
01.1	*1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*	*31.1*	*309.260.483.503*	*258.242.105.970*
01.2	*1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*31.2*	*249.068.059.560*	*363.520.691.804*
01.3	*1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*31.3*	*88.429.902.062*	*46.442.916.976*
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	31.3	716.061.639.277	450.841.549.874
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	31.3	710.869.164.035	519.650.863.341
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	31.3	209.534.611.481	259.243.270.357
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.130.951.456.889	779.655.966.567
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		2.294.659.091	6.970.000.000
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		27.181.454.886	25.112.954.614
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		16.196.356.140	13.106.660.608
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		125.202.889.557	104.386.740.785
11	10. Thu nhập hoạt động khác	33	87.787.382.263	70.904.085.725
20	**Cộng doanh thu hoạt động**		**3.672.838.058.744**	**2.898.077.806.621**
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		622.002.974.602	486.473.323.551
21.1	*1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*31.1*	*110.639.931.937*	*157.754.346.488*
21.2	*1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*31.2*	*510.162.874.917*	*328.000.178.020*
21.3	*1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*		*1.200.167.748*	*718.799.043*
23	2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		974.544.960	1.468.135.635
24	3. Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	32	39.672.379.770	(50.808.499.167)
26	4. Chi phí hoạt động tự doanh		8.175.909.551	6.529.060.758
27	5. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	34	772.657.137.549	515.662.908.804
28	6. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	34	644.244.526	448.237.668
29	7. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	34	20.611.871.141	17.339.245.420
30	8. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	34	22.252.011.562	18.364.941.338
31	9. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	34	52.479.927.302	62.842.511.908
32	10. Chi phí hoạt động khác	34, 35	111.558.768.564	79.077.162.741
40	**Cộng chi phí hoạt động**		**1.651.029.769.527**	**1.137.397.028.656**
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		3.303.149.879	498.596.335
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		23.823.241.348	39.095.125.630
43	3. Lãi bán, thanh lý các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết		164.457.327.326	-
44	4. Doanh thu khác về đầu tư		74.240.555.353	105.518.563.847
50	**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**	**36**	**265.824.273.906**	**145.112.285.812**

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		4.697.732.904	1.868.541.862
52	2. Chi phí lãi vay		536.540.563.261	343.581.229.539
55	3. Chi phí tài chính khác		5.680.695.698	-
60	**Cộng chi phí tài chính**	**37**	**546.918.991.863**	**345.449.771.401**
62	**VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ**	**38**	**173.683.645.242**	**168.028.766.259**
70	**VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**1.567.029.926.018**	**1.392.314.526.117**
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác		58.417.373.996	13.087.665.727
72	Chi phí khác		2.233.836.059	380.782.811
80	**Cộng kết quả hoạt động khác**	**39**	**56.183.537.937**	**12.706.882.916**
90	**IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**1.623.213.463.955**	**1.405.021.409.033**
91	Lợi nhuận đã thực hiện		1.883.886.823.081	1.369.674.291.631
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		(260.673.359.126)	35.347.117.402
100	**X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**	**40**	**320.276.221.397**	**243.916.813.210**
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	40.1	319.845.580.653	227.147.912.674
100.2	(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	40.2	430.640.744	16.768.900.536
200	**XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**1.302.937.242.558**	**1.161.104.595.823**
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu		1.304.930.180.565	1.161.852.985.813
202	2. Lợi nhuận sau thuế trích các Quỹ		91.345.112.639	79.628.651.193
203	3. Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(1.992.938.007)	(748.389.990)
300	**XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**			
301	1. (Lỗ)/lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	41	(360.095.225.041)	(14.896.631.308)
400	**Tổng thu nhập toàn diện**		**(360.095.225.041)**	**(14.896.631.308)**
401	Thu nhập toàn diện khác phân bổ cho chủ sở hữu		(360.062.946.570)	(14.843.959.968)
402	Thu nhập toàn diện khác phân bổ cho cổ đông không nắm quyền kiểm soát		(32.278.471)	(52.671.340)
500	**XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**		**1.213.585.067.924**	**1.082.224.334.621**
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	43	2.428	2.208
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/1 cổ phiếu)	44	2.417	2.208

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | B03b-CTCK/HN

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế TNDN**		**1.623.213.463.955**	**1.405.021.409.033**
02	**2. Điều chỉnh cho các khoản:**		**(988.899.808.584)**	**(730.566.500.836)**
03	Khấu hao TSCĐ		30.828.467.858	20.947.213.144
04	Các khoản dự phòng		32.917.256.564	(620.599.691)
05	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(421.456.231)	173.396.382
06	Chi phí lãi vay		536.868.896.600	343.901.229.535
07	Lãi từ hoạt động đầu tư (đầu tư vào công ty con, liên kết và HTM dài hạn)		(763.332.907.195)	(495.229.118.735)
08	Dự thu tiền lãi		(829.220.813.597)	(599.043.514.417)
09	Các khoản điều chỉnh khác		3.460.747.417	(695.107.054)
10	**3. Tăng các chi phí phi tiền tệ**		**517.731.974.584**	**324.108.886.222**
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		510.162.874.917	328.000.178.020
13	Lỗ/(Hoàn nhập) suy giảm giá trị các khoản cho vay		6.594.554.707	(5.359.427.433)
14	Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		974.544.960	1.468.135.635
18	**4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ**		**(428.680.923.541)**	**(589.814.228.061)**
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(249.068.059.560)	(363.520.691.804)
20	Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		(179.612.863.981)	(226.293.536.257)

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
30	**5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**723.364.706.414**	**408.749.566.358**
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(346.083.790.863)	379.032.638.757
32	Tăng các khoản đầu tư HTM		(4.083.037.234.365)	(491.170.678.200)
33	Tăng các khoản cho vay		(202.578.855.841)	(1.984.894.287.302)
34	(Tăng)/giảm tài sản tài chính AFS		(445.708.310.733)	226.707.855.613
35	Giảm phải thu bán các tài sản tài chính		15.429.702.300	26.807.894.500
37	Giảm/(tăng) phải thu dịch vụ CTCK cung cấp		24.323.340.163	(19.296.504.894)
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		20.336.239.684	(26.310.583.847)
40	Giảm/(tăng) các tài sản khác		80.690.619.476	(49.085.053.601)
41	(Giảm)/tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(13.942.799.723)	8.403.545.245
42	Tăng chi phí trả trước		(15.524.532.352)	(12.588.940.046)
43	Thuế TNDN đã nộp		(363.396.519.872)	(194.330.165.299)
44	Lãi vay đã trả		(469.660.001.949)	(321.966.912.179)
46	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		1.701.043.929	(3.610.395.170)
47	Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		52.320.600	(159.934.200)
48	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(18.161.381.502)	25.027.050.340
49	Giảm phải trả người lao động		3.690.731.953	34.395.805.093
51	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		1.373.712.132.778	(151.380.652.608)
52	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		829.878.907.015	598.129.706.117
	- Tiền lãi đã thu		*829.611.523.015*	*598.012.964.417*
	- Tiền thu khác		*267.384.000*	*116.741.700*
53	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(53.255.868.974)	(28.447.874.665)
60	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(2.938.169.551.862)**	**(1.575.987.919.988)**

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(57.359.665.687)	(35.106.376.598)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		207.083.032.942	541.299.081
63	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(7.310.033.500.304)	(6.253.000.320.400)
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		7.059.305.313.000	4.028.100.000.000
65	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn		433.034.276.448	383.362.668.183
70	**Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư**		**332.029.456.399**	**(1.876.102.729.734)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		213.767.095.785	100.469.064.000
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		(53.493.124.050)	-
73	Tiền vay gốc		85.775.993.676.758	49.501.155.932.980
73.2	*- Tiền vay khác*		*85.775.993.676.758*	*49.501.155.932.980*
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(82.565.001.682.361)	(45.623.408.947.381)
74.3	*- Tiền chi trả gốc vay khác*		*(82.565.001.682.361)*	*(45.623.408.947.381)*
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(498.231.445.000)	(488.704.651.000)
80	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**2.873.034.521.132**	**3.489.511.398.599**
90	**TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**266.894.425.669**	**37.420.748.877**
101	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**	**5**	**345.985.713.191**	**308.564.964.314**
101.1	Tiền		231.375.853.648	200.205.959.021
101.2	Các khoản tương đương tiền		114.481.402.776	107.413.029.168
102	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		128.456.767	945.976.125
103	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM**	**5**	**612.880.138.860**	**345.985.713.191**
103.1	Tiền		309.402.953.426	231.375.853.648
103.2	Các khoản tương đương tiền		300.016.438.018	114.481.402.776
104	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.460.747.416	128.456.767

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã Số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		233.089.481.103.978	158.362.644.597.181
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(197.409.880.869.375)	(151.564.405.275.980)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng (nhận/rút số năm trước)		194.868.357.805.337	(4.094.047.857.546)
07.1	4. Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		465.830.714.626	145.075.049.043
08	5. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(231.704.962.865.131)	-
09	6. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(14.784.414.818)	(11.620.149.721)
12	7. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		2.943.124.849.302	1.893.296.516.813
13	8. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(2.970.388.386.490)	(2.345.252.169.108)
20	**(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm**		**(733.222.062.571)**	**2.385.690.710.682**
30	**II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**		**4.016.678.482.634**	**1.630.987.771.952**
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		4.016.678.482.634	1.630.987.771.952
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		3.980.030.174.992	1.616.354.145.533
	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		*145.075.049.043*	-
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		17.567.220.094	5.034.657.285
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		19.081.087.548	9.598.969.134
40	**III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)**		**3.283.456.420.063**	**4.016.678.482.634**
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		3.283.456.420.063	4.016.678.482.634
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.11	3.277.099.541.551	3.980.030.174.992
	Trong đó Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		*610.905.763.675*	*145.075.049.043*
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	30.11	4.553.932.668	17.567.220.094
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	30.12	1.802.945.844	19.081.087.548

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 | B04-CTCK/HN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối năm	
				Năm trước		Năm nay			
		Ngày 01/01/2017	Ngày 01/01/2018	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Ngày 31/12/2017	Ngày 31/12/2018
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.927.409.917.200	5.027.878.981.200	100.290.896.034	178.167.966	207.285.971.735	(12.000.000)	5.027.878.981.200	5.235.152.952.935
1.1. Cổ phiếu phổ thông	*29.2*	*4.900.636.840.000*	*5.000.636.840.000*	*100.000.000.000*	*-*	*100.000.000.000*	*-*	*5.000.636.840.000*	*5.100.636.840.000*
1.2. Thặng dư vốn cổ phần		*29.265.860.000*	*29.482.756.034*	*290.896.034*	*(74.000.000)*	*-*	*(12.000.000)*	*29.482.756.034*	*29.470.756.034*
1.3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn		*-*	*-*	*-*	*-*	*113.779.095.785*	*-*	*-*	*113.779.095.785*
1.4. Cổ phiếu quỹ		*(2.492.782.800)*	*(2.240.614.834)*	*-*	*252.167.966*	*(6.493.124.050)*	*-*	*(2.240.614.834)*	*(8.733.738.884)*
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		311.560.605.893	355.412.398.796	43.851.792.903	-	56.644.766.511	-	355.412.398.796	412.057.165.307
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		227.053.011.209	270.904.804.112	43.851.792.903	-	56.644.766.511	-	270.904.804.112	327.549.570.623
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		652.792.875.375	637.896.244.067	607.628.548.568	(622.525.179.876)	36.935.488.132	(397.030.713.173)	637.896.244.067	277.801.019.026
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		34.056.420.954	33.179.513.213	-	(876.907.741)	7.858.525.912	-	33.179.513.213	41.038.039.125
6. Lợi nhuận chưa phân phối		1.674.837.853.150	2.212.624.960.292	1.505.851.030.724	(968.063.923.582)	1.796.597.754.474	(1.214.116.790.364)	2.212.624.960.292	2.795.105.924.402
6.1. Lợi nhuận đã thực hiện	*29.1*	*1.727.170.255.230*	*2.235.685.451.553*	*1.147.456.542.194*	*(638.941.345.871)*	*1.543.064.033.874*	*(722.573.216.454)*	*2.235.685.451.553*	*3.056.176.268.973*
6.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	*29.1*	*(52.332.402.080)*	*(23.060.491.261)*	*358.394.488.530*	*(329.122.577.711)*	*253.533.720.600*	*(491.543.573.910)*	*(23.060.491.261)*	*(261.070.344.571)*
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		79.101.184.212	78.352.794.222	-	(748.389.990)	-	(11.392.938.007)	78.352.794.222	66.959.856.215
TỔNG CỘNG		**7.906.811.867.993**	**8.616.249.695.902**	**2.301.474.061.132**	**(1.592.036.233.223)**	**2.161.967.273.275**	**(1.622.552.441.544)**	**8.616.249.695.902**	**9.155.664.527.633**
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS		652.792.875.375	637.896.244.067	607.628.548.568	(622.525.179.876)	36.935.488.132	(397.030.713.173)	637.896.244.067	277.801.019.026
TỔNG CỘNG	**41, 42**	**652.792.875.375**	**637.896.244.067**	**607.628.548.568**	**(622.525.179.876)**	**36.935.488.132**	**(397.030.713.173)**	**637.896.244.067**	**277.801.019.026**



Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng



Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO TÀI CHÍNH / BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày | B05-CTCK/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Thành lập công ty cổ phần số 3041/GP-UB do Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 1999 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056679 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu vào ngày 30 tháng 12 năm 1999. Công ty hoạt động theo Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 03/GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 4 năm 2000 và các văn bản sửa đổi khác.

Ngày 17 tháng 12 năm 2018, Công ty chính thức thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn) theo Giấy phép số 104/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 17 tháng 12 năm 2018 điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty chứng khoán số 03/GPHĐKD.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 6.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.100.636.840.000 VND theo giấy phép điều chỉnh số 03/GPĐC-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, có hiệu lực kể từ ngày 23 tháng 1 năm 2019.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty có trụ sở chính tại Số 72 Đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng, Vũng Tàu và Nha Trang và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 1.026 người (31 tháng 12 năm 2017: 887 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng vốn điều lệ của Công ty là 5.100.636.840.000 VND, vốn chủ sở hữu bao gồm cả lợi ích cổ đông không kiểm soát là 9.155.664.527.633 VND, và tổng tài sản là 23.825.626.725.361 VND.

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết có quy mô lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán; tự doanh chứng khoán; bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán phái sinh. Công ty hoạt động với mục tiêu là trở thành đối tác của khách hàng cùng thành công, tập trung mọi nguồn lực và sáng kiến của Công ty để đem thành công đến cho khách hàng, đội ngũ nhân viên và cộng đồng nơi Công ty hoạt động.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán, Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu chính phủ.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có hai (02) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% Sở hữu
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 19/UBCK-GP ngày 3 tháng 8 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 38/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 12 năm 2013	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	30 tỷ VND	100%
Quỹ Đầu tư Thành viên SSI (SSI IMF)	Thông báo về việc xác nhận thành lập quỹ thành viên số 130/TB-UBCK ngày 27 tháng 7 năm 2010 và giấy phép điều chỉnh số 4557/UBCK-QLQ ngày 24 tháng 7 năm 2018	Đầu tư vào chứng khoán hoặc các dạng tài sản đầu tư khác, kể cả bất động sản	343 tỷ VND	80%

Ngoài ra, tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có một (01) công ty con là Công ty Quốc tế SSI, sở hữu gián tiếp qua Quỹ Đầu tư Thành viên SSI.

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có một (01) công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất như sau

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ VND
Công ty Cổ phầnTập đoàn PAN (PAN)	Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0301472704 ngày 23 tháng 10 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp (đăng ký thay đổi lần thứ 17). Ban đầu, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003790 ngày 31 tháng 08 năm 2005. Là doanh nghiệp niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp; Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Dịch vụ sau thu hoạch; và Hoạt động dịch vụ trồng trọt; Dịch vụ vệ sinh nhà cửa; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); Dịch vụ tư vấn quản lý (trừ tư vấn Tài chính, kinh tế, pháp luật); Dịch vụ nghiên cứu thị trường.	1.361.016.300.000

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2018 của Công ty là 1.302.937.242.559 VND, tăng 12,2% (tương ứng mức tăng 141.832.646.336 VND) so với năm 2017, do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Mặc dù thị phần môi giới cùng với quy mô giao dịch của thị trường sụt giảm vào Quý 4 nhưng nhìn chung cả năm 2018, doanh thu nghiệp vụ môi giới của công ty vẫn tăng ở mức 45,1%, tương ứng với 351.295.490.322 VND. Trong đó, chi phí nghiệp vụ môi giới tăng 256.994.228.745 VND. Ngoài ra, doanh thu lãi từ các khoản cho vay ký quỹ tăng 36,8%, tương ứng với 191.218.300.694 VND.
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) tăng 58,8% tương ứng với 265.220.089.403 VND, tăng cao hơn so với mức tăng chi phí lãi vay là 192.959.333.722 VND.
- Doanh thu hoạt động tài chính đạt 265.824.273.906 VND chủ yếu có được từ lãi thanh lý các khoản đầu tư vào công ty liên kết PDN và VFG.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất cho các giao dịch tương tự.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.2 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;

c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM) (tiếp theo)

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.4 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và phải thu;

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;

c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.6 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCom") thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung ("OTC") tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 146/2014/TT-BTC.

4.7 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Phân loại lại tài sản tài chính (tiếp theo)

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.9 Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá gốc. Trường hợp khi mua khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá mua khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại. Lợi thế thương mại âm được kết chuyển ngay vào khoản mục "Doanh thu khác về đầu tư (phần lãi/(lỗ) trong công ty liên kết)" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lợi thế thương mại dương được phản ánh vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Trong quá trình xác định giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết, Công ty áp dụng các nguyên tắc và giả định sau:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được xác định dựa trên đánh giá về khả năng thu hồi, theo đó, Công ty ước tính giá trị hợp lý xấp xỉ giá trị ghi sổ trừ đi số dư các khoản dự phòng đã trích lập;
- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính được xác định theo giá thị trường;
- Giá trị hợp lý của tài sản cố định được xác định bằng nguyên giá trừ khấu hao lũy kế;
- Giá trị hợp lý các khoản mục bị ngoại trừ trên báo cáo kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty liên kết được xác định bằng không (0);
- Giá trị hợp lý của các khoản mục tài sản và nợ khác không trọng yếu được xác định xấp xỉ bằng giá trị ghi sổ.

Sau ngày ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua. Các thay đổi trong tài sản thuần của công ty liên kết, bao gồm thay đổi phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản cố định và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh của công ty liên kết không được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty mà được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận chưa phân phối" thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

4.10 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4.12 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.13 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.14 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất vô thời hạn	không khấu hao
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 5 năm

4.15 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và khấu trừ bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản. Thời gian khấu hao là 27,5 năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.16 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.17 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng.

4.18 Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được xem như là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

4.19 Các khoản vay và phát hành trái phiếu không chuyển đổi

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.20 Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính và vốn chủ sở hữu theo điều khoản hợp đồng.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các năm sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp lãi suất thực tế. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

4.21 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.22 Lợi ích của nhân viên

4.22.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.22.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 1 tháng 5 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.22.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.23 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.24 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.25 Chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ

Báo cáo tài chính của công ty con được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền kế toán của công ty mẹ được chuyển đổi sang đồng tiền kế toán của công ty mẹ cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tài sản, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Đối với các khoản mục nợ phải trả, tỷ giá giao dịch thực tế sử dụng để chuyển đổi báo tài chính là tỷ giá bán của ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Trường hợp tỷ giá bán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm báo cáo chênh lệch không quá 0,2% thì được áp dụng tỷ giá mua – bán bình quân.
- Các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp tỷ giá bình quân năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch (chênh lệch không quá 1%) thì được áp dụng tỷ giá bình quân. Trường hợp biên độ dao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu năm và cuối năm trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con được phản ánh luỹ kế tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trong phần Vốn chủ sở hữu của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.26 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.26 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu từ cho thuê bất động sản

Doanh thu từ hoạt động cho thuê bất động sản được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.27 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

4.28 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.29 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.30 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên toàn Công ty.

4.31 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên toàn Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.32 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền	312.863.700.842	231.504.310.415
- Tiền mặt tại quỹ	*280.482.251*	*329.526.695*
- Tiền gửi ngân hàng	*312.583.218.591*	*231.174.783.720*
Các khoản tương đương tiền	300.016.438.018	114.481.402.776
TỔNG CỘNG	**612.880.138.860**	**345.985.713.191**

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	**313.458.204**	**30.184.034.925.480**
- Cổ phiếu	*57.058.204*	*2.546.975.025.480*
- Trái phiếu	*255.800.000*	*27.628.764.900.000*
- Chứng khoán khác	*600.000*	*8.295.000.000*
b. Của nhà đầu tư	**16.108.926.404**	**565.408.649.269.359**
- Cổ phiếu	*16.037.620.894*	*562.413.562.416.359*
- Trái phiếu	*22.022.000*	*2.276.236.179.000*
- Chứng khoán khác	*49.283.510*	*718.850.674.000*
TỔNG CỘNG	**16.422.384.608**	**595.592.684.194.839**

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh 4.6.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7.1 Tài sản tài chính FVTPL

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu và CCQ niêm yết	**1.611.962.128.767**	**1.371.412.475.370**	**1.112.681.613.424**	**1.138.043.211.380**
GEX	276.761.361.866	217.207.440.750	4.693.285	6.349.500
DBC	253.132.982.078	227.429.176.000	251.330.479.988	254.267.187.300
ELC	191.789.331.478	68.215.027.200	204.171.484.764	128.615.243.800
FPT	190.787.384.353	169.652.186.800	66.533.044.267	65.851.317.300
TMS	164.303.643.459	174.863.373.000	-	-
OPC	163.962.651.004	169.413.760.000	-	-
HPG	117.763.041.323	102.632.180.800	21.461.319.460	30.578.713.900
PLX	70.261.715.727	67.150.258.000	180.274.333.463	290.288.850.000
Cổ phiếu và CCQ niêm yết khác	183.200.017.479	174.849.072.820	388.906.258.197	368.435.549.580
Cổ phiếu và CCQ chưa niêm yết	**120.582.017.570**	**112.889.392.928**	**105.931.465.352**	**88.374.404.720**
CCQ SSIBF	40.000.000.000	44.449.000.000	40.000.000.000	41.600.600.000
CCQ SSISCA	26.500.000.000	33.915.293.454	26.500.000.000	38.567.128.950
CTCP Xây dựng Công nghiệp Descon	17.456.571.492	-	17.456.571.492	8.182.129.000
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	36.625.446.078	34.525.099.474	21.974.893.860	24.546.770
Trái phiếu chưa niêm yết	**560.731.951.620**	**555.683.951.620**	**204.725.480.000**	**204.725.480.000**
TỔNG CỘNG	**2.293.276.097.957**	**2.039.985.819.918**	**1.423.338.558.776**	**1.431.143.096.100**

(1) Trong số cổ phiếu niêm yết thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, có 3.217.818 cổ phiếu với giá trị mệnh giá là 32.178.180.000 VND được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7.2 Tài sản tài chính AFS

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	**486.920.806.635**	**837.473.225.400**	**573.611.017.959**	**1.355.733.972.000**
SGN	186.719.487.791	514.959.000.000	188.296.511.801	673.461.151.200
DHC	52.055.585.738	86.572.890.000	48.060.985.032	102.335.269.400
HAH	26.089.909.120	12.979.264.500	26.089.630.020	19.228.100.000
IDC	21.761.298.400	21.667.499.700	21.761.298.400	25.982.239.900
Cổ phiếu niêm yết khác	200.294.525.586	201.294.571.200	289.402.592.706	534.727.211.500
Cổ phiếu chưa niêm yết	**388.517.146.900**	**388.517.146.900**	**162.207.227.300**	**179.129.627.300**
CTCP PAN Farm	53.408.921.300	53.408.921.300	53.408.921.300	53.408.921.300
CTCP ConCung	42.241.999.000	42.241.999.000	28.109.556.000	28.109.556.000
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	292.866.226.600	292.866.226.600	80.688.750.000	97.611.150.000
Trái phiếu chưa niêm yết	**39.094.900.000**	**39.094.900.000**	**-**	**-**
TỔNG CỘNG	**914.532.853.535**	**1.265.085.272.300**	**735.818.245.259**	**1.534.863.599.300**

7.3 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	12.326.240.312.685	7.882.154.213.938

Trong số tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, có 4.145 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và 7.167 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

7.4 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (4) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (4) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ (1)	5.887.782.972.702	5.858.116.840.495	5.632.705.629.670	5.609.634.052.170
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (2)	73.246.329.906	73.246.329.906	126.735.539.319	126.735.539.319
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán theo hợp đồng môi giới chứng khoán (3)	5.621.883.331	5.621.883.331	4.631.161.109	4.631.161.109
TỔNG CỘNG	**5.966.651.185.93**	**5.936.985.053.732**	**5.764.072.330.098**	**5.741.000.752.598**

(1) Chứng khoán của nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của nhà đầu tư với Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017, giá trị mệnh giá của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 6.486.103.208.000 VND và 6.040.499.840.000 VND, giá trị thị trường của chứng khoán làm tài sản cầm cố cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ lần lượt là 16.535.868.540.430 VND và 16.549.831.922.670 VND.

(2) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(3) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng môi giới bán trái phiếu được nắm giữ bởi khách hàng, theo đó Công ty ứng trước tiền bán trái phiếu cho khách hàng trong thời gian chờ bán trái phiếu.

(4) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.5 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Các loại tài sản tài chính	Số cuối năm				Số đầu năm			
		Chênh lệch đánh giá				Chênh lệch đánh giá		
	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
FVTPL	**2.293.276.097.957**	**40.156.043.224**	**(293.446.321.263)**	**2.039.985.819.918**	**1.423.338.558.776**	**154.500.481.381**	**(146.695.944.057)**	**1.431.143.096.100**
Cổ phiếu và CCQ niêm yết	1.611.962.128.767	28.291.749.774	(268.841.403.171)	1.371.412.475.370	1.112.681.613.424	140.832.752.940	(115.471.154.984)	1.138.043.211.380
Cổ phiếu và CCQ chưa niêm yết	120.582.017.570	11.864.293.450	(19.556.918.092)	112.889.392.928	105.931.465.352	13.667.728.441	(31.224.789.073)	88.374.404.720
Trái phiếu chưa niêm yết	560.731.951.620	-	(5.048.000.000)	555.683.951.620	204.725.480.000	-	-	204.725.480.000
AFS	**914.532.853.535**	**363.756.998.724**	**(13.204.579.959)**	**1.265.085.272.300**	**735.818.245.259**	**805.931.474.854**	**(6.886.120.813)**	**1.534.863.599.300**
Cổ phiếu niêm yết	486.920.806.635	363.756.998.724	(13.204.579.959)	837.473.225.400	573.611.017.959	789.009.074.854	(6.886.120.813)	1.355.733.972.000
Cổ phiếu chưa niêm yết	388.517.146.900	-	-	388.517.146.900	162.207.227.300	16.922.400.000	-	179.129.627.300
Trái phiếu chưa niêm yết	39.094.900.000	-	-	39.094.900.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	**3.207.808.951.492**	**403.913.041.948**	**(306.650.901.222)**	**3.305.071.092.218**	**2.159.156.804.035**	**960.431.956.235**	**(153.582.064.870)**	**2.966.006.695.400**

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	(29.666.132.207)	(23.071.577.500)

Đây là khoản dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay giao dịch ký quỹ.

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	300.141.137.920	26.678.453.070
Trong đó các khoản phải thu về bán các tài sản tài chính không có khả năng thu hồi (1)	*299.429.263.720*	*2.531.847.570*
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.571.232.877	1.163.550.000
Trong đó các khoản phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	-
3. Trả trước cho người bán	31.348.740.192	18.082.112.403
4. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	31.161.533.678	55.404.562.922
Trong đó phải thu khó đòi các dịch vụ CTCK cung cấp	*12.087.959.417*	*12.248.527.916*
5. Phải thu khác	4.513.763.962	71.271.331.370
Trong đó phải thu khác khó đòi	*521.517.477*	*521.517.477*
6. Dự phòng phải thu khó đòi	(312.038.740.614)	(15.301.892.963)
TỔNG CỘNG	**56.697.668.015**	**157.298.116.802**

(1) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thực hiện trình bày giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ từ khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" về khoản mục "Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính" và lập dự phòng cho khoản mục này theo quy định.

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các loại tài sản tài chính	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm VND	Số dự phòng đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Số dự phòng cuối năm VND	Giá trị phải thu khó đòi đầu năm VND
Dự phòng phải thu bán các tài sản tài chính khó đòi	299.429.263.720	2.531.847.570	296.897.416.150	-	299.429.263.720	2.531.847.570
- Khách hàng Đặng Văn Sỹ	*2.531.847.570*	*2.531.847.570*	-	-	*2.531.847.570*	*2.531.847.570*
- Công ty TNHH TMXD Phúc Bảo Minh (1)	*296.897.416.150*	-	*296.897.416.150*	-	*296.897.416.150*	-
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	12.087.959.417	12.248.527.916	2.680.799	163.249.298	12.087.959.417	12.248.527.916
- CTCP Công nghệ mới Kim Tự Tháp Việt Nam	*525.000.000*	*525.000.000*	-	-	*525.000.000*	*525.000.000*
- CTCP Thái Hòa	*80.000.000*	*80.000.000*	-	-	*80.000.000*	*80.000.000*
- Công ty Liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam	*80.000.000*	*80.000.000*	-	-	*80.000.000*	*80.000.000*
- CTCP Hàng hải Sài Gòn	*270.000.000*	*270.000.000*	-	-	*270.000.000*	*270.000.000*
- Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam (Vneco)	*150.000.000*	*150.000.000*	-	-	*150.000.000*	*150.000.000*
- Phải thu giao dịch ký quỹ quá hạn - khách hàng cá nhân	*10.982.959.417*	*11.143.527.916*	*2.680.799*	*163.249.298*	*10.982.959.417*	*11.143.527.916*
Phải thu khác khó đòi	521.517.477	521.517.477	-	-	521.517.477	521.517.477
- Tiền bán tài sản	*309.521.422*	*309.521.422*	-	-	*309.521.422*	*309.521.422*
- Phải thu CTCP Công nghệ mới Kim Tự Tháp Việt Nam	*133.000.000*	*133.000.000*	-	-	*133.000.000*	*133.000.000*
- Phải thu khác	*78.996.055*	*78.996.055*	-	-	*78.996.055*	*78.996.055*
TỔNG CỘNG	**312.038.740.614**	**15.301.892.963**	**296.900.096.949**	**163.249.298**	**312.038.740.614**	**15.301.892.963**

(1) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thực hiện trình bày giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ từ khoản mục "Tài sản ngắn hạn khác" về khoản mục "Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính" và khoản mục "Dự phòng phải thu khó đòi" theo quy định.

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tạm ứng	3.843.488.923	9.001.649.610
Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	2.959.982.619	53.710.015
Chi phí trả trước ngắn hạn	21.364.723.566	10.575.869.709
- Chi phí trả trước mua công cụ, vật liệu văn phòng	*1.137.753.651*	*1.506.651.233*
- Chi phí trả trước dịch vụ	*20.226.969.915*	*9.069.218.476*
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	856.602.610	931.717.910
Tài sản ngắn hạn khác	3.458.152.700	114.974.709.156
- Giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ (1)	-	*111.806.519.156*
- Tiền gửi kí quỹ phái sinh của CTCK	*2.446.190.000*	*2.446.190.000*
- Khác	*1.011.962.700*	*722.000.000*
TỔNG CỘNG	**32.482.950.418**	**135.537.656.400**

(1) Đây là giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ ngắn hạn liên quan đến hợp đồng bán cổ phiếu Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai (tên cũ là Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh Gia Lai) giữa Công ty và khách hàng. Theo đó, khách hàng sẽ thực hiện thanh toán cho Công ty theo tiến độ quy định tại hợp đồng mua bán cổ phiếu. Quyền kiểm soát cổ phiếu sẽ được chuyển giao từ bên bán sang bên mua theo tiến độ thanh toán quy định tại hợp đồng. Cổ phiếu sau khi được chuyển nhượng sẽ được phong tỏa làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán theo tiến độ của khách hàng, quy định tại hợp đồng mua bán cổ phiếu. Giá trị của khoản đầu tư nhận hoàn vốn đầu năm được xác định bằng hiệu số giữa giá trị gốc của khoản đầu tư đã bán, chờ hoàn vốn và khoản dự phòng suy giảm giá trị tài sản đảm bảo tính theo giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo tại thời điểm báo cáo. Công ty đã thực hiện bán cổ phiếu làm tài sản đảm bảo để thu hồi một phần giá trị đầu tư theo các điều kiện thỏa thuận trong hợp đồng. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã thực hiện trình bày giá trị đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ từ khoản mục mục "Tài sản ngắn hạn khác" về khoản mục "Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính" và khoản mục "Dự phòng phải thu khó đòi" theo quy định.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			301.622.077.596	130.424.472.600
- Tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm (1)			*301.622.077.596*	*80.407.742.840*
- Trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn			-	*50.016.729.760*
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)			764.280.760.972	812.945.220.865
- Công ty Cổ phần tập đoàn PAN (PAN)	*20,00%*	*19,93%*	*764.280.760.972*	*559.300.480.680*
- Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	-	-	-	*83.455.067.730*
- Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam (VFG)	-	-	-	*170.189.672.455*
TỔNG CỘNG			**1.065.902.838.568**	**943.369.693.465**

(1) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, trong số tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi có kì hạn còn lại trên 1 năm có 200 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và 100 tỷ VND được dùng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của công ty.

(2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, trong số cổ phiếu đầu tư vào công ty liên kết, có 13.880.120 cổ phiếu với giá trị mệnh giá 138.801.200.000 VND được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty.

Tình hình biến động các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	812.945.220.865	709.336.586.920
Mua trong năm	187.750.420.302	320.400
Thanh lý công ty liên kết trong năm	(258.184.136.754)	-
Điều chỉnh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con của công ty liên kết	(24.489.167.761)	14.509.242.199
Chênh lệch do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	(6.321.512.555)	-
Lãi từ công ty liên kết ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm	69.602.389.875	105.518.563.847
- Phần chia sẻ lãi trong năm (thuyết minh 36)	*69.602.389.875*	*105.518.563.847*
Cổ tức thực nhận	(17.022.453.000)	(16.419.492.501)
SỐ DƯ CUỐI NĂM	**764.280.760.972**	**812.945.220.865**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.609.391.520	93.744.345.562	17.551.416.700	1.293.553.642	115.198.707.424
Tăng trong năm	-	64.748.613.242	-	947.677.315	65.696.290.557
Mua trong năm		*64.748.613.242*	-	*947.677.315*	*65.696.290.557*
Giảm trong năm	(2.609.391.520)	(2.564.893.847)	-	(67.760.000)	(5.242.045.367)
Thanh lý, nhượng bán	*(2.609.391.520)*	*(2.564.893.847)*	-	*(67.760.000)*	*(5.242.045.367)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	155.928.064.957	17.551.416.700	2.173.470.957	175.652.952.614
Khấu hao lũy kế					
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	2.609.391.520	68.516.165.866	9.895.271.914	1.235.553.642	82.256.382.942
Tăng trong năm	-	12.632.489.744	1.779.126.354	129.274.817	14.540.890.915
Khấu hao trong năm	-	*12.632.489.744*	*1.779.126.354*	*129.274.817*	*14.540.890.915*
Giảm trong năm	(2.609.391.520)	(2.564.893.847)		(67.760.000)	(5.242.045.367)
Thanh lý, nhượng bán	*(2.609.391.520)*	*(2.564.893.847)*	-	*(67.760.000)*	*(5.242.045.367)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	78.583.761.763	11.674.398.268	1.297.068.459	91.555.228.490
Giá trị còn lại					
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	-	25.228.179.696	7.656.144.786	58.000.000	32.942.324.482
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	-	77.344.303.194	5.877.018.432	876.402.498	84.097.724.124

Các thông tin khác về tài sản cố định hữu hình:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	62.386.967.415	66.733.888.938

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm VND	Quyền sử dụng đất VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	70.536.407.659	109.671.558.000	6.724.215.842	186.932.181.501
Tăng trong năm	21.603.113.723	-	2.508.484.500	24.111.598.223
Mua mới	*21.603.113.723*	-	*2.508.484.500*	*24.111.598.223*
Giảm trong năm	-	(109.671.558.000)	-	(109.671.558.000)
Thanh lý, nhượng bán	-	*(109.671.558.000)*	-	*(109.671.558.000)*
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	92.139.521.382	-	9.232.700.342	101.372.221.724
Hao mòn lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	53.608.778.776	-	5.164.403.793	58.773.182.569
Tăng trong năm	6.896.002.040	-	1.058.112.509	7.954.114.549
Hao mòn trong năm	*6.896.002.040*	-	*1.058.112.509*	*7.954.114.549*
Giảm trong năm	-	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	60.504.780.816	-	6.222.516.302	66.727.297.118
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	16.927.628.883	109.671.558.000	1.559.812.049	128.158.998.932
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	31.634.740.566	-	3.010.184.040	34.644.924.606

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Quyền sử dụng đất đã dùng để thế chấp cho trái phiếu Công ty phát hành	-	109.671.558.000
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	50.185.404.651	49.423.625.651
TỔNG CỘNG	**50.185.404.651**	**159.095.183.651 t**

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà và đất VND
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	272.917.757.575
Tăng trong năm	5.900.273.603
- Đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con	*5.900.273.603*
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	278.818.031.178
Khấu hao lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	54.687.030.613
Tăng trong năm	9.569.357.956
- Khấu hao trong năm	*8.333.462.393*
- Chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo công ty con	*1.235.895.563*
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	64.256.388.569
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2018	218.230.726.962
Ngày 31 tháng 12 năm 2018	214.561.642.609

Bất động sản đầu tư bao gồm các tòa nhà tại Mỹ mà Công ty Quốc tế SSI ("SSIIC") đã mua với mục đích cho thuê. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, nguyên giá của các toà nhà được ghi nhận bằng đô la Mỹ và được quy đổi trong báo cáo tài chính của SSIIC sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại ngân hàng nơi quỹ mở tài khoản. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá khi chuyển đổi báo cáo tài chính của SSIIC từ USD sang VND được ghi nhận vào mục chênh lệch tỷ giá thuộc vốn chủ sở hữu. Doanh thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 4.217.739.297 VND.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phát triển phần mềm	4.923.184.107	21.147.664.427
Chi phí xây dựng cơ bản khác (máy móc thiết bị)	-	26.006.810.328
TỔNG CỘNG	**4.923.184.107**	**47.154.474.755**

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí trả trước dịch vụ và công cụ dài hạn	40.312.468.926	35.571.900.952

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm các chi phí trang trí nội thất, trang thiết bị văn phòng, chi phí thi công sửa chữa và trang trí ngoại thất của Công ty. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong thời gian tối đa 36 tháng.

17. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI/ THUẾ TNDN HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ thuế của các khoản mục sau đây:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Dự phòng chứng khoán không niêm yết trong năm tạm thời không được khấu trừ thuế	1.009.600.000	3.970.000.000
Dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn thanh toán tạm thời chịu thuế	29.689.741.615	-
Dự phòng giảm giá trị khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ tạm thời không được khấu trừ thuế	-	30.641.602.244
Dự phòng giảm giá trị các khoản cho vay tạm thời không được khấu trừ thuế	6.135.183.665	6.414.053.999
Doanh thu tạm thời chịu thuế phát sinh năm 2015	-	25.774.769.047
Chi phí tạm thời chịu thuế phát sinh	5.820.133.662	4.088.693.648
Doanh thu chưa thực hiện do hợp nhất báo cáo tài chính	9.193.461.645	5.658.251.567
TỔNG CỘNG	**51.848.120.587**	**76.547.370.505**
Phải trả thuế TNDN hoãn lại		
Thu nhập của công ty con tạm thời không chịu thuế	(2.405.911.387)	(800.808.029)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL và AFS	80.779.526.130	191.840.742.182
TỔNG CỘNG	**78.373.614.743**	**191.039.934.153**

18. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 03 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền nộp ban đầu	6.087.814.535	6.087.814.535
Tiền nộp bổ sung	7.872.720.527	7.872.720.527
Tiền lãi phân bổ	6.039.464.938	6.039.464.938
TỔNG CỘNG	**20.000.000.000**	**20.000.000.000**

19. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay:

Tài sản	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn	**11.344.178.180.000**	**8.108.665.060.000**	
- Tài sản tài chính FVTPL (tính theo mệnh giá)	32.178.180.000	183.670.880.000	Vay ngắn hạn
- Tài sản tài chính AFS (tính theo mệnh giá)	-	92.994.180.000	Trái phiếu do Công ty phát hành và vay ngắn hạn
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	9.742.000.000.000	7.832.000.000.000	Vay thấu chi và vay ngắn hạn
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	1.570.000.000.000	-	Vay thấu chi và vay ngắn hạn
Dài hạn	**438.801.200.000**	**398.600.928.000**	
- Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm	-	70.000.000.000	Vay ngắn hạn
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm	300.000.000.000	-	Vay thấu chi và vay ngắn hạn
- Đầu tư vào công ty liên kết (tính theo mệnh giá)	138.801.200.000	218.929.370.000	Vay ngắn hạn
- Tài sản cố định vô hình	-	109.671.558.000	Trái phiếu do Công ty phát hành
TỔNG CỘNG	**11.782.979.380.000**	**8.507.265.988.000**	

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Lãi suất vay %/năm	Số đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số đã trả trong năm VND	Số cuối năm VND
Vay thấu chi	0,8 – 7	1.933.357.663.684	58.018.568.772.543	56.223.471.682.361	3.728.454.753.866
Vay ngắn hạn	1,75 – 8,5	6.570.530.000.000	26.724.828.000.000	25.830.654.000.000	7.464.704.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		*3.099.000.000.000*	*11.335.000.000.000*	*11.734.000.000.000*	*2.700.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam		*290.000.000.000*	-	*290.000.000.000*	-
- Ngân hàng Sinopac - Hồng Kông (1)		*136.530.000.000*	*279.828.000.000*	*276.654.000.000*	*139.704.000.000*
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP.HCM		*110.000.000.000*	*775.000.000.000*	*770.000.000.000*	*115.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		*2.285.000.000.000*	*9.041.000.000.000*	*8.126.000.000.000*	*3.200.000.000.000*
- Ngân hàng TMCP Quốc dân		*200.000.000.000*	-	*200.000.000.000*	-
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á		-	*1.195.000.000.000*	*895.000.000.000*	*300.000.000.000*
- Shinhanbank - Chi nhánh Hà Nội		-	*680.000.000.000*	*680.000.000.000*	-
- Ngân hàng TNHH Indovina		-	*300.000.000.000*	*300.000.000.000*	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam		-	*974.000.000.000*	*624.000.000.000*	*350.000.000.000*
- Maybank - Chi nhánh TP.HCM		-	*135.000.000.000*	*135.000.000.000*	-
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex		*450.000.000.000*	*1.800.000.000.000*	*1.800.000.000.000*	*450.000.000.000*
- CTCP bất động sản Hướng Việt (2)		-	*210.000.000.000*	-	*210.000.000.000*
TỔNG CỘNG		**8.503.887.663.684**	**84.743.396.772.543**	**82.054.125.682.361**	**11.193.158.753.866**

(1) Khoản vay tại Ngân hàng Sinopac - Hồng Kông có số hợp đồng là BFL/HK/161019/238 với tổng giá trị theo nguyên tệ là 6.000.000 USD, lãi suất ban đầu là 2,97%/năm và kỳ hạn 3 tháng. Tại ngày 20 tháng 12 năm 2018, khoản vay này được quay vòng với kỳ hạn mới nhất từ ngày 20 tháng 12 năm 2018 đến ngày 20 tháng 03 năm 2019 và lãi suất là 4,58963%/năm. Khoản vay được Công ty phòng ngừa rủi ro tỷ giá thông qua hợp đồng mua bán ngoại tệ kỳ hạn ký ngày 20 tháng 12 năm 2018 với Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam với tổng giá trị hợp đồng là 6.068.844,45 USD, có kỳ hạn tương ứng số ngày hợp đồng vay Ngân hàng Sinopac và tỷ giá kỳ hạn là 23.436 VND/USD. Khoản chênh lệch giữa tỷ giá hợp đồng kỳ hạn và tỷ giá ngày nhận vay được phân bổ trong thời hạn hợp đồng và được ghi nhận là một khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh trong năm.

(2) Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI vay ngân hàng TMCP Phương Đông theo hợp đồng số 0324/2018/HDTD-OCB-DN ngày 2 tháng 8 năm 2018. Tại ngày 27 tháng 12 năm 2018 khoản vay Ngân hàng TMCP Phương Đông đã chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho Công ty Cổ phần Bất động sản Hướng Việt.

21. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	**255.000.000.000**	**199.871.666.661**
Trái phiếu SSIBOND012016	-	200.000.000.000
Trái phiếu SSIBOND012017	255.000.000.000	-
Phí thu xếp phát hành trái phiếu SSIBOND012016	-	(128.333.339)
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	**569.300.000.000**
Trái phiếu SSIBOND012017	-	269.500.000.000
Trái phiếu SSIBOND022017	-	300.000.000.000
Phí thu xếp phát hành trái phiếu SSIBOND022017	-	(200.000.000)
TỔNG CỘNG	**255.000.000.000**	**769.171.666.661**

Trái phiếu SSIBOND012016 là trái phiếu thường phát hành đợt 1 vào tháng 8 năm 2016 theo Nghị quyết số 03/2016/NQ/HĐQT ngày 28 tháng 7 năm 2016 với số lượng 200 trái phiếu có mệnh giá 1 tỷ VND/trái phiếu. Đây là trái phiếu có tài sản đảm bảo bằng các cổ phiếu niêm yết sở hữu của Công ty theo hợp đồng mua bán trái phiếu, kỳ hạn 2 năm với lãi suất bằng tổng của 1,2%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau được công bố tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Chi nhánh Lý Thường Kiệt, Hà Nội). Trong năm 2018 toàn bộ trái phiếu đã đáo hạn với tổng giá trị theo mệnh giá là 200.000.000.000 VND.

Trái phiếu SSIBOND012017 là trái phiếu thường phát hành đợt 1 vào tháng 1 năm 2017 theo Nghị quyết số 01/2017/NQ/HĐQT ngày 16 tháng 1 năm 2017 với số lượng 600 trái phiếu có mệnh giá 500 triệu VND/trái phiếu. Đây là trái phiếu không có tài sản đảm bảo có kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành cố định là 8,5%/năm. Trong thời gian còn lại của trái phiếu, lãi suất trái phiếu bằng tổng của 2%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau được công bố tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch). Trường hợp vào Ngày xác định lãi suất có bất kỳ Ngân hàng Tham chiếu nào không công bố Lãi suất Tham chiếu thì lãi suất Trái phiếu sẽ được tính trên cơ sở trung bình cộng của Lãi suất Tham chiếu do các Ngân hàng Tham chiếu còn lại công bố vào Ngày xác định lãi suất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số trái phiếu mà Công ty đã mua lại là 90 trái phiếu với tổng giá trị theo mệnh giá là 45.000.000.000 VND.

Trái phiếu SSIBOND022017 là trái phiếu thường phát hành đợt 2 vào tháng 4 năm 2017 theo Nghị quyết số 05/2017/NQ/HĐQT ngày 21 tháng 4 năm 2017 với số lượng 600 trái phiếu có mệnh giá 500 triệu VND/trái phiếu. Đây là trái phiếu có tài sản đảm bảo bằng các cổ phiếu niêm yết và các bất động sản thuộc sở hữu của Công ty theo hợp đồng mua bán trái phiếu, có kỳ hạn 2 năm. Lãi suất trái phiếu bằng tổng của tối đa 1,2%/năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bằng đồng Việt Nam, trả lãi sau được công bố tại các ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch 1), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch) và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Hội sở chính). Trong năm 2018 Công ty đã mua lại toàn bộ trái phiếu với tổng giá trị theo mệnh giá là 300.000.000.000 VND.

22. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Giá trị trái phiếu chuyển đổi phát hành	**1.150.000.000.000**	**-**
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	113.779.095.785	-
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	1.036.220.904.215	-
Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu vào cơ cấu nợ gốc		
Số đầu năm	-	-
Số phân bổ tăng trong năm	*32.099.487.319*	-
Số cuối năm	*32.099.487.319*	-
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm	**1.068.320.391.534**	**-**

Ngày 9 tháng 2 năm 2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành riêng lẻ trái phiếu chuyển đổi với tổng mệnh giá là 1.150 tỷ VND với kỳ hạn 3 năm, lãi suất phát hành 4%/năm và trả lãi định kỳ 6 tháng một lần vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi theo Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 1 năm 2018 của Đại Hội đồng Cổ đông. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty cho đến khi đáo hạn trái phiếu, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Số lượng trái phiếu chuyển đổi mỗi lần không ít hơn 30% tổng giá trị trái phiếu phát hành và số lần chuyển đổi không nhiều hơn 03 lần. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

Việc hạch toán các cấu phần vốn chủ sở hữu và cấu phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, với lãi suất chiết khấu sử dụng xác định cấu phần nợ gốc ban đầu và chi phí lãi trái phiếu là 7,76%/năm. Phần chênh lệch giữa chi phí lãi trái phiếu theo lãi suất chiết khấu và lãi danh nghĩa phải trả được định kỳ phân bổ vào cấu phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi.

23. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán (Phải trả về mua các tài sản tài chính)	20.890.746.200	-

24. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Độ Phân Giải Cao	2.122.697.771	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại TTT	974.748.881	-
Công ty TNHH Tích Hợp Hệ Thống CMC	1.783.887.600	-
Công ty TNHH Hoàng Long	841.879.940	-
Công ty TNHH Công Nghệ Giao Dịch Việt Nam	736.482.780	2.209.448.340
Phải trả người bán khác	3.411.873.113	5.649.516.647
TỔNG CỘNG	**9.871.570.085**	**7.858.964.987**

25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	815.853.250	8.686.432.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.748.215.998	84.299.155.217
Thuế thu nhập cá nhân	23.980.857.101	34.307.983.524
Thuế nhà thầu	4.405.354.623	4.369.178.622
TỔNG CỘNG	**69.950.280.972**	**131.662.750.256**

25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

Chi tiết thuế và các khoản phải nộp nhà nước:

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
I	**Thuế**	**131.662.750.256**	**756.612.733.056**	**818.325.202.341**	**69.950.280.972**
1	Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	8.686.432.893	26.257.330.752	34.127.910.395	815.853.250
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	(Thuyết minh số 40.1)	84.299.155.217	319.845.580.653	363.396.519.872	40.748.215.998
3	Các loại thuế khác	38.677.162.146	410.509.821.651	420.800.772.074	28.386.211.724
	Thuế thu nhập cá nhân	*11.500.991.532*	*67.768.968.944*	*73.106.352.373*	*6.163.608.103*
	Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	*22.806.991.992*	*276.660.165.747*	*281.649.908.744*	*17.817.248.995*
	Thuế môn bài	-	*20.000.000*	*20.000.000*	-
	Thuế khác	*4.369.178.622*	*66.060.686.960*	*66.024.510.957*	*4.405.354.626*
II	**Các khoản phải nộp khác**	**-**	**1.687.258.028**	**1.687.258.028**	**-**
TỔNG CỘNG		**131.662.750.256**	**758.299.991.084**	**820.012.460.369**	**69.950.280.972**

26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	10.258.172.942	15.590.197.526
Chi phí lãi trái phiếu thường phải trả	20.969.732.878	44.326.050.038
Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phải trả	19.038.888.887	-
Chi phí lãi vay phải trả	50.361.178.367	11.252.507.067
Chi phí lãi hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán, hợp đồng quản lý tiền gửi	4.130.279.305	602.246.575
Phí dịch vụ	1.015.000.000	760.000.000
Phí hoa hồng phải trả cho đối tác	5.656.129.033	10.173.691.278
Các khoản khác	2.462.640.636	10.310.121.768
TỔNG CỘNG	**113.892.022.048**	**93.014.814.252**

27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư để mua chứng khoán (1)	57.500.000.000	180.000.000.000
Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi (2)	1.420.841.254.925	-
Phải trả cổ tức, lãi trái phiếu	7.769.771.206	6.965.055.240
- Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty	*7.079.819.750*	*6.264.934.750*
- Phải trả trái tức cho trái chủ của Công ty	*689.951.456*	*700.120.490*
Phải trả khác	4.217.955.237	1.833.844.723
TỔNG CỘNG	**1.490.328.981.368**	**188.798.899.963**

(1) Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư bao gồm các khoản đặt cọc theo các hợp đồng môi giới chứng khoán và đặt mua chứng khoán. Công ty nhận tiền đặt cọc của khách hàng để thực hiện việc tìm mua chứng khoán theo yêu cầu của khách hàng.

(2) Phải trả gốc hợp đồng quản lý tiền gửi là các khoản tiền của nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý theo quy định của hợp đồng.

28. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (BBC)	8.144.100.724	8.144.100.724
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (SSC)	19.186.831.881	19.186.831.881
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (LAF)	1.688.248.597	1.688.248.597
Thanh lý cổ phiếu công ty liên kết (VFG)	12.890.045.591	-
Bán cổ phiếu khác cho công ty liên kết	9.277.932.564	4.491.927.766
TỔNG CỘNG	**51.187.159.357**	**33.511.108.968**

Đây là các khoản thu nhập chưa thực hiện phát sinh do Công ty bán cổ phiếu cho công ty liên kết, số liệu trình bày ở trên tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty liên kết thực hiện mua cổ phiếu.

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU

29.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lợi nhuận đã thực hiện	3.056.176.268.973	2.235.685.451.553
Lợi nhuận chưa thực hiện	(261.070.344.571)	(23.060.491.261)
- Lợi nhuận chưa thực hiện và thuế hoãn lại trên đánh giá lại TSTC FVTPL	*(261.318.404.420)*	*(22.887.094.879)*
- Lợi nhuận chưa thực hiện từ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	*248.059.849*	*(173.396.382)*
TỔNG CỘNG	**2.795.105.924.402**	**2.212.624.960.292**

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

29.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu – Cấu phần vốn VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	5.000.636.840.000	29.482.756.034	-	(2.240.614.834)	637.896.244.067	33.179.513.213	355.412.398.796	270.904.804.112	2.212.624.960.292	78.352.794.222	8.616.249.695.902
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	1.302.937.242.558	-	1.302.937.242.558
Phát hành cổ phiếu tăng vốn theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Cổ tức bằng tiền năm 2017	-	-	-	-	-	-	-	-	(499.170.330.000)	-	(499.170.330.000)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	124.000.000	-	124.000.000
Chi phí phát hành cổ phiếu tăng vốn	-	(12.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-	(12.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(6.493.124.050)	-	-	-	-	-	-	(6.493.124.050)
Đánh giá lại TSTC AFS	-	-	-	-	(360.095.225.041)	-	-	-	-	-	(360.095.225.041)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 5% LNST theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	-	56.644.766.511	-	(56.644.766.511)	-	-
Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 5% LNST theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	-	-	56.644.766.511	(56.644.766.511)	-	-
Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ	-	-	-	-	-	-	-	-	(79.302.673.115)	-	(79.302.673.115)
Phát hành trái phiếu chuyển đổi theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	-	-	113.779.095.785	-	-	-	-	-	-	-	113.779.095.785
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính SSIIC	-	-	-	-	-	7.858.525.912	-	-	-	-	7.858.525.912
Chênh lệch do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con của công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	(24.489.167.763)	-	(24.489.167.763)
Chênh lệch do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.321.512.555)	-	(6.321.512.555)
Giảm vốn góp của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-	1.992.938.007	(1.992.938.007)	-
Số dư cuối năm	**5.100.636.840.000**	**29.470.756.034**	**113.779.095.785**	**(8.733.738.884)**	**277.801.019.026**	**41.038.039.125**	**412.057.165.307**	**327.549.570.623**	**2.795.105.924.402**	**66.959.856.215**	**9.155.664.527.633**

29. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

29.3 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước (tại 1/1/2018 và 1/1/2017)	2.235.685.451.553	1.727.170.255.230
2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2018 và 31/12/2017)	(293.198.261.406)	(146.869.340.452)
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	1.543.064.033.874	1.147.456.542.194
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm ((4)=(1)+(2)+(3))	3.485.551.224.021	2.727.757.456.972
5. Số trích từ lợi nhuận	(223.402.886.455)	(149.096.095.870)
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	*(56.644.766.511)*	*(43.851.792.903)*
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	*(56.644.766.511)*	*(43.851.792.903)*
- Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng	*(79.302.673.115)*	*(61.392.510.064)*
- Các khoản khác làm giảm lợi nhuận chưa phân phối	*(30.810.680.318)*	-
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	(499.170.330.000)	(489.845.250.000)
Lợi nhuận tối đa còn có thể phân phối (1)	**2.762.978.007.566**	**2.088.816.111.102**

(1) Bao gồm lợi nhuận đã thực hiện cuối năm và lỗ chưa thực hiện cuối năm. Xem thêm tại Thuyết minh số 7.5 và 29.1.

29.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm (cổ phiếu)	Số đầu năm (cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	**510.063.684**	**500.063.684**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**510.063.684**	**500.063.684**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	510.063.684	500.063.684
- Cổ phiếu phổ thông	*510.063.684*	*500.063.684*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	**(893.377)**	**(214.314)**
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(893.377)	(214.314)
- Cổ phiếu phổ thông	*(893.377)*	*(214.314)*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**509.170.307**	**499.849.370**
- Cổ phiếu phổ thông	*509.170.307*	*499.849.370*
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

30. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

30.1 Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
USD	6.556.662,33	5.163.658,21
EUR	84.345,41	84.352,36
GBP	37.151,64	38.197,09

30.2 Tài sản tài chính niêm yết lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD") của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	665.060.300.000	395.764.690.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	35.908.790.000	-
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	170.979.380.000	495.594.430.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	999.500.000	1.158.100.000
TỔNG CỘNG	**872.947.970.000**	**892.517.220.000**

30.3 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	9.482.230.000	9.485.780.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	1.000.000.000	1.000.000.000
TỔNG CỘNG	**10.482.230.000**	**10.485.780.000**

30.4 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	10.135.100.000	5.520.000

30.5 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chứng chỉ quỹ	59.459.920.000	59.459.920.000
Cổ phiếu	298.965.390.000	70.732.100.000
Trái phiếu	555.000.000.000	250.000.000.000
TỔNG CỘNG	**913.425.310.000**	**380.192.020.000**

30.6 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	34.656.128.250.000	27.586.903.680.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	548.270.620.000	572.565.500.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	6.641.685.800.000	4.435.948.560.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	305.694.280.000	30.525.850.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	341.883.550.000	651.051.790.000
TỔNG CỘNG	**42.493.662.500.000**	**33.276.995.380.000**

30. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

30.7. *Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	324.305.840.000	1.382.746.250.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	52.256.010.000	52.256.010.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	-	102.139.650.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, phong tỏa, tạm giữ	145.000.000	-
TỔNG CỘNG	**376.706.850.000**	**1.537.141.910.000**

30.8 *Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	248.603.350.000	558.055.700.000

30.9 *Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	66.834.410.000	587.746.830.000

30.10 *Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cổ phiếu	161.868.940.000	20.760.290.000

30.11 *Tiền gửi Nhà đầu tư*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.666.193.777.876	3.834.955.125.947
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	*2.448.286.368.784*	*3.689.941.868.332*
- Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	*217.907.409.092*	*145.013.257.615*
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	610.905.763.675	145.075.049.045
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	4.553.932.668	17.567.220.094
TỔNG CỘNG	**3.281.653.474.219**	**3.997.597.395.086**

30.12 *Tiền gửi của Tổ chức phát hành*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	101.060	17.697.679.784
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.802.844.784	1.383.407.764
TỔNG CỘNG	**1.802.945.844**	**19.081.087.548**

30.13 *Phải trả nhà đầu tư của CTCK*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.277.099.541.551	3.980.030.174.992
- Của Nhà đầu tư trong nước	*2.769.817.505.805*	*3.834.932.579.377*
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	*507.282.035.746*	*145.097.595.615*
TỔNG CỘNG	**3.277.099.541.551**	**3.980.030.174.992**

30.14 *Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	101.060	17.697.679.784

30.15 *Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu*

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	1.802.844.784	1.383.407.764

31. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

31.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
I	**LÃI BÁN**						
1	**Cổ phiếu và CCQ niêm yết**	**27.992.559**		**981.430.332.539**	**750.927.050.581**	**230.503.281.958**	**129.772.544.897**
	PLX	4.340.550	81.319	352.970.451.000	211.622.053.837	141.348.397.163	20.621.967.621
	SSC	1.633.613	67.070	109.566.513.857	89.053.771.363	20.512.742.494	18.117.036.414
	CTD	756.280	152.064	115.003.313.000	105.685.326.652	9.317.986.348	13.782.804.000
	HPG	1.747.580	45.885	80.188.038.000	70.896.121.979	9.291.916.021	25.393.618.652
	MBB	300.000	21.774	6.532.288.500	6.092.809.208	439.479.292	2.241.562.296
	FPT	55.020	60.727	3.341.206.000	3.077.440.958	263.765.042	20.939.985.375
	Cổ phiếu và CCQ niêm yết khác	19.159.516		313.828.522.182	264.499.526.584	49.328.995.598	28.675.570.539
2	**Cổ phiếu chưa niêm yết và khác**	**1.300.000**		**31.920.000.000**	**27.900.000.000**	**4.020.000.000**	**31.392.777.999**
3	**Trái phiếu niêm yết**	**33.000.000**		**3.718.315.700.000**	**3.687.978.872.727**	**30.336.827.273**	**41.082.840.274**
	TP_TD1825102	3.000.000	105.600	316.798.500.000	309.078.500.000	7.720.000.000	-
	TP_TD1823088	4.000.000	99.071	396.284.000.000	391.286.172.727	4.997.827.273	-
	TP_TL1535300	3.500.000	137.843	482.449.500.000	478.250.000.000	4.199.500.000	1.382.000.000
	TP_TD1621470	7.000.000	109.132	763.924.000.000	759.990.000.000	3.934.000.000	-
	Trái phiếu niêm yết khác	15.500.000		1.758.859.700.000	1.749.374.200.000	9.485.500.000	39.700.840.274
4	**Trái phiếu chưa niêm yết và CCTG**	**163.622**		**9.325.754.444.461**	**9.285.101.260.189**	**40.653.184.272**	**55.355.877.800**
5	**Lãi vị thế của hợp đồng CKPS**					**3.747.190.000**	**638.065.000**
	TỔNG CỘNG	**62.456.181**		**14.057.420.477.000**	**13.751.907.183.497**	**309.260.483.503**	**258.242.105.970**
II	**LỖ BÁN**						
1	**Cổ phiếu niêm yết**	**15.323.576**		**337.410.182.272**	**386.499.081.587**	**(49.088.899.315)**	**(86.483.874.398)**
	VAF	3.569.288	9.500	33.908.236.000	66.339.779.234	(32.431.543.234)	(1.336.452.161)
	VCG	1.220.464	22.678	27.677.441.654	32.966.091.479	(5.288.649.825)	(2.433.885.702)
	ELC	547.480	14.850	8.130.078.000	12.698.326.650	(4.568.248.650)	(1.024.322.117)
	Cổ phiếu niêm yết khác	9.986.344		267.694.426.618	274.494.884.224	(6.800.457.606)	(81.689.214.418)
2	**Cổ phiếu chưa niêm yết**	**199.650**		**399.300.000**	**4.650.000.000**	**(4.250.700.000)**	**(23.392.649.200)**
3	**Trái phiếu niêm yết**	**93.900.000**		**10.002.341.200.000**	**10.007.863.127.273**	**(5.521.927.273)**	**(4.542.357.423)**
	TP_TD1823088	16.900.000	97.697	1.651.072.700.000	1.655.561.627.273	(4.488.927.273)	-
	TP_TD1823087	8.000.000	101.600	812.803.500.000	812.913.500.000	(110.000.000)	-
	TP_TD1722377	18.000.000	106.654	1.919.777.500.000	1.919.822.500.000	(45.000.000)	-
	Trái phiếu niêm yết khác	51.000.000		5.618.687.500.000	5.619.565.500.000	(878.000.000)	(4.542.357.423)
4	**Trái phiếu chưa niêm yết**	**18.481**		**2.739.205.500.000**	**2.786.065.374.349**	**(46.859.874.349)**	**(42.783.545.467)**
5	**Lỗ vị thế của hợp đồng CKPS**					**(4.918.531.000)**	**(551.920.000)**
	TỔNG CỘNG	**109.441.707**		**13.079.356.182.272**	**13.185.077.583.209**	**(110.639.931.937)**	**(157.754.346.488)**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH / THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH / THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

31. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

STT	Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND
I	**Loại FVTPL**	**2.293.276.097.957**	**2.039.985.819.918**	**(253.290.278.039)**	**7.804.537.318**	**(261.094.815.357)**	**249.068.059.560**	**(510.162.874.917)**
1	**Cổ phiếu và CCQ niêm yết**	***1.611.962.128.767***	***1.371.412.475.370***	***(240.549.653.397)***	***10.162.038.138***	***(250.711.691.535)***	***233.901.356.334***	***(484.613.047.869)***
	ELC	191.789.331.478	68.215.027.200	(123.574.304.278)	(75.556.240.978)	(48.018.063.300)	2.990.228.050	(51.008.291.350)
	GEX	276.761.361.866	217.207.440.750	(59.553.921.116)	1.656.215	(59.555.577.331)	26.609.246.969	(86.164.824.300)
	DBC	253.132.982.078	227.429.176.000	(25.703.806.078)	2.936.707.312	(28.640.513.390)	63.351.974.510	(91.992.487.900)
	FPT	190.787.384.353	169.652.186.800	(21.135.197.553)	(681.726.967)	(20.453.470.586)	25.109.984.670	(45.563.455.256)
	HPG	117.763.041.323	102.632.180.800	(15.130.860.523)	9.117.394.440	(24.248.254.963)	20.240.849.781	(44.489.104.744)
	MBB	77.175.940.115	73.441.566.200	(3.734.373.915)	27.091.472	(3.761.465.387)	34.367.455	(3.795.832.842)
	TMS	164.303.643.459	174.863.373.000	10.559.729.541	-	10.559.729.541	10.559.729.541	-
	CTD	56.794.789.740	64.960.320.000	8.165.530.260	-	8.165.530.260	14.352.332.440	(6.186.802.180)
	Cổ phiếu niêm yết khác	283.453.654.355	273.011.204.620	(10.442.449.735)	74.317.156.644	(84.759.606.379)	70.652.642.918	(155.412.249.297)
2	***Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết***	***120.582.017.570***	***112.889.392.928***	***(7.692.624.642)***	***(2.357.500.820)***	***(5.335.123.822)***	***15.166.703.226***	***(20.501.827.048)***
	CTCP Xây dựng Công nghiệp Descon	17.456.571.492	-	(17.456.571.492)	(9.274.442.492)	(8.182.129.000)	407.507.500	(8.589.636.500)
	Cổ phiếu chưa niêm yết khác	103.125.446.078	112.889.392.928	9.763.946.850	6.916.941.672	2.847.005.178	14.759.195.726	(11.912.190.548)
3	***Trái phiếu chưa niêm yết***	***560.731.951.620***	***555.683.951.620***	***(5.048.000.000)***	***-***	***(5.048.000.000)***	***-***	***(5.048.000.000)***
II	**Loại AFS**	**914.532.853.535**	**1.265.085.272.300**	**350.552.418.765**	**799.045.354.041**	**(448.492.935.276)**	**36.935.488.132**	**(485.428.423.408)**
1	***Cổ phiếu niêm yết***	***486.920.806.635***	***837.473.225.400***	***350.552.418.765***	***799.045.354.041***	***(448.492.935.276)***	***36.935.417.762***	***(485.428.353.038)***
	SGN	186.719.487.791	514.959.000.000	328.239.512.209	485.164.639.399	(156.925.127.190)	19.623.574.000	(176.548.701.190)
	DHC	52.055.585.738	86.572.890.000	34.517.304.262	54.274.284.368	(19.756.980.106)	2.108.938.799	(21.865.918.905)
	HAH	26.089.909.120	12.979.264.500	(13.110.644.620)	(6.861.530.020)	(6.249.114.600)	336.500.500	(6.585.615.100)
	SAF	293.328.576	1.293.474.000	1.000.145.424	1.318.384.170	(318.238.746)	251.962.000	(570.200.746)
	IDC	21.761.298.400	21.667.499.700	(93.798.700)	4.220.941.500	(4.314.740.200)	468.993.500	(4.783.733.700)
	Cổ phiếu niêm yết khác	200.001.197.010	200.001.097.200	(99.810)	260.928.634.624	(260.928.734.434)	14.145.448.963	(275.074.183.397)
2	***Cổ phiếu chưa niêm yết***	***388.517.146.900***	***388.517.146.900***	***-***	***-***	***-***	***70.370***	***(70.370)***
3	***Trái phiếu chưa niêm yết***	***39.094.900.000***	***39.094.900.000***	***-***	***-***	***-***	***-***	***-***
	TỔNG CỘNG	**3.207.808.951.492**	**3.305.071.092.218**	**97.262.140.726**	**806.849.891.359**	**(709.587.750.633)**	**286.003.547.692**	**(995.591.298.325)**

31. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

31.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	88.429.902.062	46.442.916.976
Từ tài sản tài chính HTM	716.061.639.277	450.841.549.874
Từ các khoản cho vay và phải thu	710.869.164.035	519.650.863.341
Từ tài sản tài chính AFS	209.534.611.481	259.243.270.357
Cổ tức, trái tức phát sinh từ tài sản tài chính AFS	*29.921.747.500*	*32.949.734.100*
Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS phân loại lại khi bán và khác	*179.612.863.981*	*226.293.536.257*
- OPC	*79.762.779.371*	*11.673.122*
- TMS	*54.767.077.941*	*21.002.076.949*
- VEA	*25.550.400.000*	*49.435.600.000*
- SGC	*7.424.884.936*	*12.773.498*
- VSC	*4.463.974.568*	*21.138.434.758*
- SGN	*6.780.080.390*	*69.636.835.238*
- Khác	*863.666.775*	*65.056.142.692*
TỔNG CỘNG	**1.724.895.316.855**	**1.276.178.600.548**

32. CHI PHÍ/(HOÀN NHẬP) DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	6.594.554.707	(5.359.427.433)
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán khó đòi *(Thuyết minh số 9)*	33.077.825.063	-
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị tài sản nhận thế chấp của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ *(Thuyết minh số 10)*	-	(45.449.071.734)
TỔNG CỘNG	**39.672.379.770**	**(50.808.499.167)**

33. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cho thuê tài sản	4.628.613.317	1.530.275.781
Doanh thu các dịch vụ tài chính khác	1.017.308.438	4.809.505.651
Doanh thu lãi trả chậm của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ	-	20.874.932.183
Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ	28.648.065.374	25.289.258.984
Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục ủy thác	35.861.122.917	14.745.752.904
Doanh thu khác (bao gồm phí các dịch vụ hỗ trợ Nhà đầu tư giao dịch chứng khoán)	17.632.272.217	3.654.360.222
TỔNG CỘNG	**87.787.382.263**	**70.904.085.725**

34. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	772.657.137.549	515.662.908.804
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	644.244.526	448.237.668
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	52.479.927.302	62.842.511.908
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	20.611.871.141	17.339.245.420
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	22.252.011.562	18.364.941.338
Chi phí hoạt động khác *(Thuyết minh số 35)*	111.558.768.564	79.077.162.741
TỔNG CỘNG	**980.203.960.644**	**693.735.007.879**

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí môi giới chứng khoán	308.664.023.273	195.949.196.141
Chi phí hoạt động lưu ký	22.252.011.562	18.364.941.338
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	354.350.264.575	288.034.494.754
Chi phí BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	17.405.674.150	12.677.950.250
Chi phí vật tư văn phòng	1.293.981.717	922.255.305
Chi phí công cụ, dụng cụ	8.302.585.973	5.678.473.772
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	22.419.812.539	14.556.393.310
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(160.568.499)	(620.599.691)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	133.243.256.210	87.679.974.942
Chi phí về vốn	83.203.018.717	42.629.931.820
Chi phí chia sẻ lợi tức của hoạt động quản lý quỹ	9.944.940.287	11.249.260.866
Chi phí khác	19.284.960.140	16.612.735.072
TỔNG CỘNG	**980.203.960.644**	**693.735.007.879**

35. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí hoạt động quản lý quỹ	9.376.957.172	9.846.347.855
Chi phí hoạt động quản lý danh mục	1.069.414.297	1.591.704.538
Chi phí hoạt động tư vấn đầu tư	13.679.289.181	16.111.085.374
Chi phí lãi hợp đồng quản lý tiền gửi	52.084.533.013	-
Chi phí lãi hợp đồng đặt cọc môi giới chứng khoán	14.076.185.961	31.250.733.623
Hoàn nhập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(160.568.499)	(620.599.691)
- Hoàn nhập dự phòng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	*(160.568.499)*	*(620.599.691)*
Chi phí hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư	15.508.354.597	16.335.277.110
Chi phí khác	5.924.602.842	4.562.613.932
TỔNG CỘNG	**111.558.768.564**	**79.077.162.741**

36. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.303.149.879	498.596.335
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.823.241.348	39.095.125.630
Lãi chia sẻ từ công ty liên kết (Thuyết minh 11)	69.602.389.875	105.518.563.847
Lãi từ thanh lý công ty liên kết	164.457.327.326	-
Doanh thu từ hợp đồng hoán đổi lãi suất	4.638.165.478	-
TỔNG CỘNG	**265.824.273.906**	**145.112.285.812**

37. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	4.697.732.904	1.868.541.862
Chi phí lãi vay	536.540.563.261	343.581.229.539
- Chi phí lãi trái phiếu	*107.876.630.503*	*60.132.088.237*
- Chi phí lãi vay ngắn hạn	*428.663.932.758*	*283.449.141.302*
Chi phí hợp đồng hoán đổi lãi suất	5.680.695.698	-
TỔNG CỘNG	**546.918.991.863**	**345.449.771.401**

38. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và các khoản phúc lợi	78.886.505.333	72.869.124.545
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	5.397.225.250	4.163.590.000
Chi phí văn phòng phẩm	1.771.998.713	1.119.248.715
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.314.721.959	1.590.682.992
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.510.923.915	6.219.544.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.725.632.630	73.517.938.500
Chi phí khác	11.076.637.442	8.548.636.951
TỔNG CỘNG	**173.683.645.242**	**168.028.766.259**

39. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập khác	58.417.373.996	13.087.665.727
- Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản	*54.144.381.818*	*10.736.775.468*
- Thu nhập khác	*4.272.992.178*	*2.350.890.259*
Chi phí khác	(2.233.836.059)	(380.782.811)
TỔNG CỘNG	**56.183.537.937**	**12.706.882.916**

40. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

40.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

40. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

40.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Bảng ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	**1.623.213.463.955**	**1.405.021.409.033**
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	***(68.767.656.448)***	***(373.135.522.238)***
Các khoản điều chỉnh tăng	844.358.383.189	554.626.869.263
- Dự phòng giảm giá chứng khoán không niêm yết cuối năm	*5.048.000.000*	*19.850.000.000*
- Dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ	*148.448.708.075*	-
- Dự phòng giá trị đầu tư nhận hoàn vốn cuối năm	-	*153.208.011.211*
- Hoàn nhập dự phòng chứng khoán trong năm cho mục đích tính thuế	-	*314.255.226*
- Chênh lệch giảm đánh giá lại TSTC FVTPL	*510.162.874.917*	*328.000.178.020*
- Dự phòng các khoản cho vay cuối năm	*30.675.918.324*	*32.070.269.995*
- Chênh lệch từ thanh lý cổ phiếu công ty liên kết trên BCTC hợp nhất so với BCTC riêng	*98.657.309.322*	-
- Doanh thu chưa thực hiện phát sinh do hợp nhất BCTC	*17.676.050.390*	-
- Chi phí không được khấu trừ	*3.957.681.058*	*740.686.573*
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế chuyển sang năm sau	*23.945.868.756*	*20.443.468.238*
- Khoản điều chỉnh tăng do điều chỉnh phương thức phân bổ chi phí các năm 2016, 2017 vào năm 2018	*5.785.972.347*	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(913.126.039.637)	(927.762.391.501)
- Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	*(49.504.822.356)*	*(75.789.439.826)*
- Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết đầu năm	*(19.850.000.000)*	*(37.839.537.400)*
- Dự phòng giá trị đầu tư nhận hoàn vốn đầu năm	*(153.208.011.211)*	*(198.657.082.945)*
- Chi phí dự phòng chứng khoán trong năm cho mục đích tính thuế	*(150.951.518.874)*	-
- Dự phòng các khoản cho vay đầu năm	*(32.070.269.995)*	*(40.051.234.311)*
- Chênh lệch tăng đánh giá lại TSTC FVTPL	*(249.068.059.560)*	*(363.520.691.804)*
- Doanh thu hoàn vốn theo tiến độ đã tính thuế năm 2015	*(128.873.845.237)*	*(6.782.833.960)*
- Lợi nhuận trước thuế từ công ty con	*(36.746.737.600)*	*(99.603.007.408)*
- Lợi nhuận chia sẻ từ công ty liên kết	*(69.602.389.877)*	*(105.518.563.847)*
- Chênh lệch tạm thời chịu thuế năm trước chuyển sang	*(23.250.384.927)*	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**1.554.445.807.507**	**1.031.885.886.795**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN ước tính năm hiện hành	**310.889.161.502**	**206.377.177.359**
Chi phí thuế TNDN ước tính tại công ty con	**8.516.740.990**	**20.541.749.229**
TỔNG CỘNG	**319.405.902.492**	**226.918.926.588**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	84.299.155.217	51.481.407.842
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế	1.596.872.630	37.959.054
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết định kiểm tra thuế	-	191.027.032
Điều chỉnh TNDN năm 2016, 2017 theo quyết toán điều chỉnh năm 2018	(1.157.194.469)	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(363.396.519.872)	(194.330.165.299)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**40.748.215.998**	**84.299.155.217**

40.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Biến động của thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu năm	76.547.370.505	88.099.158.339
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do giảm chi phí dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	(2.960.400.000)	(3.597.907.480)
Thuế TNDN hoãn lại do trích lập dự phòng/(hoàn nhập) suy giảm giá trị tài sản đảm bảo của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ không được khấu trừ thuế trong năm	(30.641.602.242)	(9.089.814.347)
Thuế TNDN hoãn lại do trích lập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ	29.689.741.615	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do doanh thu tạm thời chịu thuế 2015	(25.774.769.047)	(1.356.566.792)
Thuế hoãn lại phát sinh do chi phí dự phòng/(hoàn nhập) suy giảm giá trị khoản cho vay không được khấu trừ thuế trong năm	(278.870.334)	(1.596.192.863)
Thuế TNDN hoãn lại do doanh thu chưa thực hiện phát sinh khi hợp nhất báo cáo tài chính	3.535.210.077	-
Thuế hoãn lại phát sinh do khoản chi phí tạm thời chịu thuế	1.731.440.013	4.088.693.648
Số dư cuối năm	**51.848.120.587**	**76.547.370.505**
Phải trả thuế TNDN hoãn lại		
Số dư đầu năm	191.039.934.153	24.673.711.470
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	(1.605.103.358)	(858.093.879)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tăng khi đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL và AFS	(111.061.216.052)	167.224.316.562
Số dư cuối năm	**78.373.614.743**	**191.039.934.153**

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thuế TNDN hoãn lại do dự phòng chứng khoán chưa niêm yết không được khấu trừ thuế trong năm	2.960.400.000	3.597.907.480
Thuế TNDN hoãn lại do dự phòng giảm giá trị tài sản đảm bảo của khoản đầu tư nhận hoàn vốn theo tiến độ	30.641.602.242	9.089.814.347
Thuế TNDN hoãn lại do trích lập dự phòng phải thu tiền bán chứng khoán quá hạn chưa được khấu trừ	(29.689.741.615)	-
Thuế TNDN hoãn lại do doanh thu hoàn vốn theo tiến độ năm 2015 đã nộp thuế	25.774.769.047	1.356.566.792
Thuế TNDN hoãn lại do dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	278.870.334	1.596.192.863
Thuế TNDN phát sinh do chi phí tạm thời chịu thuế	(1.731.440.013)	(4.088.693.648)
Thuế TNDN hoãn lại do doanh thu chưa thực hiện phát sinh khi hợp nhất báo cáo tài chính	(3.535.210.077)	-
Thuế TNDN hoãn lại từ lợi nhuận của công ty con tạm thời không chịu thuế TNDN	(1.605.103.358)	(858.093.879)
Thuế TNDN hoãn lại do phần đánh giá tăng TSTC FVTPL	(22.663.505.816)	6.075.206.581
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	**430.640.744**	**16.768.900.536**

41. LŨY KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Số cuối năm
Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS	637.896.244.067	(181.456.906.020)	(178.636.319.022)	277.801.019.026

42. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	124.000.000	14.875.467.199
- Lãi phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con	-	*14.509.242.199*
- Lãi khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	*124.000.000*	*366.225.000*
Chi phí hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	(390.917.905.359)	(14.970.631.308)
- Lỗ từ đánh giá lại tài sản tài chính AFS và phân loại lại khi bán	*(360.095.225.041)*	*(14.896.631.308)*
- Lỗ phát sinh do công ty liên kết thay đổi tỷ lệ đầu tư vào công ty con	*(24.489.167.763)*	-
- Lỗ phát sinh do công ty liên kết thay đổi số lượng cổ phiếu lưu hành	*(6.321.512.555)*	-
- Lỗ khác hạch toán trực tiếp vào nguồn vốn chủ sở hữu	*(12.000.000)*	*(74.000.000)*
TỔNG CỘNG	**(390.793.905.359)**	**(95.164.109)**

43. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2017. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	1.213.585.067.924	1.082.224.335.018
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	499.834.406	490.089.282
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	2.428	2.208

44. THU NHẬP PHA LOÃNG TRÊN CỔ PHIẾU

Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu, hay lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế đã điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng cho mục đích tính lãi suy giảm.

Theo đó, lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2017, điều chỉnh cho các khoản sau:

- Các khoản cổ tức hoặc các khoản khác liên quan tới cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giảm trừ vào số lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu của công ty mẹ;
- Bất kỳ khoản lãi nào được ghi nhận trong năm liên quan đến cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm; và
- Các thay đổi khác của thu nhập hoặc chi phí do chuyển đổi cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Số lượng cổ phiếu phổ thông để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của số bình quân gia quyền của số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm với số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm được giả định chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại thời điểm đầu năm báo cáo hoặc tại ngày phát hành cổ phiếu phổ thông tiềm năng nếu ngày phát hành cổ phiếu này sau thời điểm đầu năm báo cáo; hoặc tại thời điểm phát sinh đối với các cổ phiếu phổ thông tiềm năng là quyền chọn mua, chứng quyền và các công cụ tương đương.

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông – VND	1.213.585.067.924	1.082.224.335.018
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu – VND	74.266.153.984	-
- Chi phí lãi trái phiếu chuyển đổi phát sinh trong năm	*74.266.153.984*	-
Lợi nhuận sau điều chỉnh – VND	1.287.851.221.908	1.082.224.335.018
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	532.865.780	490.089.282
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu – VND	2.417	2.208

(*) Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng tổng của:

- số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành;
- số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tiềm năng sẽ được phát hành với giả định toàn bộ trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại thời điểm SSI phát hành trái phiếu trong năm 2018.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

45.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH Đầu tư NDH
Daiwa Securities Group Inc và các công ty con	Cổ đông chiến lược
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng quản trị của PAN, công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	Công ty liên kết của SSI đến ngày 2 tháng 11 năm 2018
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	Công ty liên kết của SSI đến hết Quý I năm 2018
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phó Tổng Giám đốc SSI là chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh
Công ty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em chủ tịch Hội đồng quản trị SSI

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	2.489.621.301	(2.489.621.301)	-	2.470.618.901
	Doanh thu hợp đồng tư vấn	200.000.000	30.765.220.000	(30.965.220.000)	-	28.661.083.636
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(100.000.000.000)	100.000.000.000	-	-
	Giao dịch bán chứng khoán	-	278.333.403.000	(278.333.403.000)	-	51.504.961.192
	Nhận cọc môi giới chứng khoán và hợp đồng quản lý tiền gửi	(180.000.000.000)	(5.963.924.897.671)	4.921.249.708.054	(1.222.675.189.617)	-
	Lãi nhận cọc phải trả và lãi hợp đồng quản lý tiền gửi	(602.246.575)	(51.554.838.704)	48.637.588.390	(3.519.496.889)	51.554.838.704
	Chi phí mua hàng hóa	-	(3.741.188.566)	3.741.188.566	-	3.651.086.066
	Phải trả hộ tiền bán chứng khoán	-	(13.491.708.625)	13.491.708.625	-	-
	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	545.928.657.960	237.451.076.910	(48.711.449.569)	734.668.285.301	15.157.486.946
	Lãi trái phiếu	-	4.536.986.301	(4.536.986.301)	-	3.286.849.314
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	189.485.396	(189.485.396)	-	189.485.396
	Phí quản lý danh mục	12.245.025	248.936.677	(144.372.743)	116.808.959	248.936.677
	Bán chứng khoán	-	664.654.560.000	(664.654.560.000)	-	(2.932.868.804)
	Mua chứng khoán	-	(652.408.300.000)	652.408.300.000	-	-
	Ứng trước doanh thu phí tư vấn, dịch vụ	-	4.665.117.115	(2.877.482.115)	1.787.635.000	5.105.383.742
	Cổ tức SSI	-	(48.194.727.000)	48.194.727.000	-	-
Daiwa Securities Group INC và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	1.718.368.671	(1.718.368.671)	-	1.644.437.549
	Phí hoa hồng phải trả	-	(12.724.614.626)	11.564.103.742	(1.160.510.884)	(9.298.245.890)
	Doanh thu hợp đồng tư vấn	-	22.663.224.632	(21.350.831.410)	1.312.393.222	20.090.104.086
	Doanh thu tư vấn đầu tư	4.269.376.360	3.705.763.124	(2.884.420.807)	5.090.718.677	3.553.497.406
	Cổ tức SSI	-	(101.978.121.000)	101.978.121.000	-	-
Cty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	412.791.046	(412.791.046)	-	412.783.846
	Phải thu giao dịch ký quỹ	-	30.591.309.674	(30.591.309.674)	-	101.285.657
	Cổ tức SSI	-	(2.000)	2.000	-	-
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	190.345.677	(190.345.677)	-	190.341.677
	Cổ tức SSI	-	(30.154.063.000)	30.154.063.000	-	-
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	166.807.929.717	16.782.550.254	(183.590.479.971)	-	16.782.067.904
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	Góp vốn theo phương pháp vốn chủ sở hữu	83.455.067.732	4.779.299.308	(88.234.367.040)	-	4.779.299.308
Đối tượng liên quan khác	Mua trái phiếu SSI	(60.000.000.000)	-	-	(60.000.000.000)	-
	Lãi trái phiếu phải trả	(4.901.666.666)	(5.199.533.881)	5.167.146.119	(4.934.054.428)	(5.199.533.881)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thưởng	13.126.800.000	12.405.200.000

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (1) VND	Tự doanh VND	Kinh doanh nguồn vốn VND	Quản lý danh mục VND	Ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Năm 2018						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.893.605.019.876	1.092.899.742.557	759.144.046.466	65.515.558.197	185.915.339.550	3.997.079.706.646
2. Các chi phí trực tiếp	1.022.741.177.595	708.573.024.444	378.074.479.321	20.506.811.552	70.287.104.536	2.200.182.597.448
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	109.420.696.503	22.578.873.881	13.894.691.620	6.947.345.809	20.842.037.430	173.683.645.243
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**761.443.145.778**	**361.747.844.232**	**367.174.875.525**	**38.061.400.836**	**94.786.197.584**	**1.623.213.463.955**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018						
1. Tài sản bộ phận	5.972.332.012.656	4.291.466.758.057	12.914.276.614.602	39.891.225.087	10.749.982.228	23.228.716.592.630
2. Tài sản phân bổ	135.271.921.447	27.913.253.632	17.177.386.850	8.588.693.425	25.766.080.276	214.717.335.630
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	382.192.797.101
Tổng tài sản	**6.107.603.934.103**	**4.319.380.011.689**	**12.931.454.001.452**	**48.479.918.512**	**36.516.062.504**	**23.825.626.725.361**
4. Nợ phải trả bộ phận	2.255.715.036.430	683.544.626.967	11.291.790.838.923	3.295.227.159	10.079.545.261	14.244.425.274.740
5. Nợ phân bổ	163.148.933.676	33.665.652.981	20.717.324.911	10.358.662.456	31.075.987.367	258.966.561.391
6. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	166.570.361.598
Tổng công nợ	**2.418.863.970.106**	**717.210.279.948**	**11.312.508.163.834**	**13.653.889.615**	**41.155.532.628**	**14.669.962.197.728**
Năm 2017						
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	1.328.228.530.233	1.060.765.430.586	487.409.573.498	54.625.596.781	122.377.391.349	3.053.406.522.447
2. Các chi phí trực tiếp	576.680.904.667	499.054.518.576	320.741.963.916	6.887.284.443	79.482.128.456	1.482.846.800.058
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	96.012.221.747	23.589.209.653	13.243.065.069	7.863.069.883	24.830.747.004	165.538.313.356
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**655.535.403.819**	**538.121.702.357**	**153.424.544.513**	**39.875.242.455**	**18.064.515.889**	**1.405.021.409.033**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017						
1. Tài sản bộ phận	5.776.122.886.608	4.207.210.509.095	8.102.293.359.554	39.473.731.563	74.514.003.173	18.199.614.489.993
2. Tài sản phân bổ	162.693.458.911	39.972.099.819	22.440.477.091	13.324.033.273	42.075.894.546	280.505.963.640
3. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	284.254.718.215
Tổng tài sản	**5.938.816.345.519**	**4.247.182.608.914**	**8.124.733.836.645**	**52.797.764.836**	**116.589.897.719**	**18.764.375.171.848**
4. Nợ phải trả bộ phận	512.609.362.438	363.305.228.278	8.696.615.934.198	3.729.106.053	7.034.487.831	9.583.294.118.798
5. Nợ phân bổ	134.319.418.768	33.000.891.680	18.526.816.382	11.000.297.227	34.737.780.716	231.585.204.773
6. Nợ không phân bổ	-	-	-	-	-	333.246.152.375
Tổng công nợ	**646.928.781.206**	**396.306.119.958**	**8.715.142.750.580**	**14.729.403.280**	**41.772.268.547**	**10.148.125.475.946**

(1) Doanh thu chủ yếu gồm doanh thu nghiệp vụ môi giới, doanh thu cho vay và doanh thu lưu ký

Thông tin báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Hoạt động của Công ty diễn ra chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có một công ty con hoạt động tại Mỹ là Công ty Quốc tế SSI ("SSIIC") hoạt động trong lĩnh vực đầu tư vào kinh doanh bất động sản, văn phòng tại Mỹ. Tuy nhiên, doanh thu, chi phí từ hoạt động kinh doanh cũng như tổng tài sản của SSIIC chiếm tỷ trọng rất thấp so với tổng doanh thu, chi phí và tổng tài sản của toàn Công ty (khoảng 2% đến 4%). Do đó, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đến 1 năm	62.862.490.807	43.171.957.322
Trên 1 - 5 năm	86.001.002.221	76.154.577.298
Trên 5 năm	69.222.045.000	-
TỔNG CỘNG	**218.085.538.028**	**119.326.534.620**

45.4 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

Giá trị các cam kết cung cấp cho nhà đầu tư trong khuôn khổ nghiệp vụ ký quỹ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trụ sở chính (tại Thành phố Hồ Chí Minh)	1.037.497.641.064	139.943.335.987
Hà Nội	655.963.469.645	93.155.071.328
Hải Phòng	27.915.623.565	5.631.539.372
Nguyễn Công Trứ	97.025.923.901	23.976.923.313
Nha Trang	19.030.554.032	3.682.377.040
Vũng Tàu	23.287.102.244	3.920.953.710
Mỹ Đình	40.513.753.430	15.840.641.665
TỔNG CỘNG	**1.901.234.067.881**	**286.150.842.415**

45.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thông nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 31 tháng 12 năm 2017.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và các công ty con. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty (FVTPL và AFS) là 2.208.885.700.770 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi năm lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5, số 7.3 và số 11. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 9, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Tổng cộng VND	Số dư đã dự phòng VND	Không quá hạn và không bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				< 80 ngày VND	81–180 ngày VND	>180 ngày VND	>210 ngày VND
Số đầu năm	5.764.072.330.098	56.063.514.700	5.705.264.586.971	2.739.630.040	2.201.503	70.390	2.326.494
Số cuối năm	5.966.651.185.939	33.732.119.327	5.931.945.546.892	961.795.139	5.001.214	1.371.439	5.351.928

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Quá hạn VND	Không kỳ hạn VND	Đến 01 năm VND	Từ 01 – 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018						
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	***312.863.700.842***	***300.016.438.018***	-	-	***612.880.138.860***
Tài sản tài chính	***973.519.720***	***3.378.317.422.124***	***18.218.671.648.998***	***301.622.077.596***	***764.280.760.972***	***22.663.865.429.410***
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	2.039.985.819.918	-	-	-	2.039.985.819.918
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	12.326.240.312.685	301.622.077.596	-	12.627.862.390.281
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	973.519.720	73.246.329.906	5.892.431.336.313	-	-	5.966.651.185.939
Sẵn sàng để bán	-	1.265.085.272.300	-	-	-	1.265.085.272.300
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	764.280.760.972	764.280.760.972
Tài sản khác	***312.038.740.614***	***95.445.760.581***	-	***123.665.832.837***	***214.561.642.609***	***745.711.976.641***
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	24.835.208.516	-	-	-	24.835.208.516
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	312.038.740.614	25.348.927.823	-	-	-	337.387.668.437
Tài sản khác	-	45.261.624.242	-	-	-	45.261.624.242
Tài sản cố định	-	-	-	123.665.832.837	214.561.642.609	338.227.475.446
TỔNG CỘNG	**313.012.260.334**	**3.786.626.883.547**	**18.518.688.087.016**	**425.287.910.433**	**978.842.403.581**	**24.022.457.544.911**
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	3.728.454.753.866	7.464.704.000.000	-	-	11.193.158.753.866
Trái phiếu phát hành	-	-	255.000.000.000	-	-	255.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	1.068.320.391.534	-	1.068.320.391.534
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	20.890.746.200	-	-	-	20.890.746.200
Chi phí phải trả	-	19.391.942.610	94.500.079.438	-	-	113.892.022.048
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	69.950.280.972	-	-	-	69.950.280.972
Phải trả, phải nộp khác	-	280.825.857.925	1.478.341.254.919	-	-	1.759.167.112.844
Tổng cộng	**-**	**4.119.513.581.573**	**9.292.545.334.357**	**1.068.320.391.534**	**-**	**14.480.379.307.464**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**313.012.260.334**	**(332.886.698.026)**	**9.226.142.752.659**	**(643.032.481.101)**	**978.842.403.581**	**9.542.078.237.447**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH / THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

45. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

45.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty cũng sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi và vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi được dùng để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi là 4.345.000.000.000 VND, tổng số dư các khoản tiền gửi được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng là 7.267.000.000.000 VND.

Trong số cổ phiếu niêm yết thuộc tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và các khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, có 17.097.938 cổ phiếu với mệnh giá 170.979.380.000 VND là tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

45.6 Các khoản mục ngoại bảng của công ty con

SSIAM, một công ty con của Công ty thực hiện hoạt động quản lý danh mục đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản mục ngoại bảng của SSIAM liên quan đến hoạt động quản lý danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác bao gồm: tiền gửi, danh mục đầu tư, các khoản phải thu và các khoản phải trả của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	130.461.339.967	108.045.084.509
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	424.220.130.537	510.510.041.195
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	23.469.414.816	3.424.824.600
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	581.058.983	3.641.194.874

Trong đó, danh sách chứng khoán thuộc danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác có giá trị suy giảm như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Số lượng	Giá mua VND	Giá trị giảm giá VND	Số lượng	Giá mua VND	Giá trị giảm giá VND
HPG	613.760	24.673.914.626	(5.678.042.626)	-	-	-
TCB	408.200	14.715.008.704	(4.163.038.704)	-	-	-
GEX	549.480	15.436.140.698	(3.265.158.698)	-	-	-
VIT	349.770	6.259.812.146	(2.272.434.146)	349.770	7.455.292.146	(1.159.432.146)
MBB	360.848	8.047.930.035	(1.029.436.435)	114.100	2.912.600.611	(14.460.611)
VHM	200.728	18.446.441.744	(3.713.006.544)	-	-	-
ACB	233.445	9.025.054.205	(2.115.082.205)	-	-	-
Khác	3.406.689	201.621.027.648	(10.428.556.055)	2.487.310	70.588.802.928	(4.580.916.428)
TỔNG	**6.122.920**	**298.225.329.806**	**(32.664.755.413)**	**2.951.180**	**80.956.695.685**	**(5.754.809.185)**

45.7 Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

	Chỉ số năm 2018	Chỉ số năm 2017
Cơ cấu tài sản		
Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	93,47%	91,81%
Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	6,53%	8,19%
Cơ cấu nguồn vốn		
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	61,57%	54,08%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng tài sản	38,43%	45,92%
Tỷ suất lợi nhuận		
Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	5,47%	6,19%
Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	14,34%	13,60%
Lợi nhuận sau thuế/ Vốn điều lệ	25,54%	23,22%
Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	33,08%	38,15%
Khả năng thanh toán		
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/ Nợ ngắn hạn)	1,65	1,84
Chỉ số thanh toán nhanh ([Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn] / Nợ ngắn hạn)	1,64	1,81

46. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Bà Hoàng Thị Minh Thủy
Kế toán Trưởng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Hưng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 22 tháng 3 năm 2019

NHẬN XÉT CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Bộ phận Kiểm toán Nội bộ được xây dựng và hoạt động báo cáo trực tiếp Ban Tổng Giám Đốc SSI. Đội ngũ kiểm toán nội bộ có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện các nhiêm vụ được giao và quy định cụ thể trong quy chế hoạt động của Bộ phận. Bộ phận KTNB hoạt động trên nguyên tắc: độc lập, khách quan, trung thực, phối hợp và bảo mật.

Hoạt động của kiểm toán nội bộ trong năm 2018 bao gồm như sau:

- Giám sát báo cáo tài chính

KTNB đã thực hiện giám sát báo cáo tài chính các quí và báo cáo năm trước khi được công bố ra bên ngoài theo quy định. Kết quả giám sát cho thấy Báo cáo tài chính quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật

- Giám sát báo cáo vốn khả dụng

KTNB đã thực hiện giám sát báo cáo vốn khả dung thông qua việc kiểm toán nôi báo cáo an toàn vốn khả dụng hàng tháng. Các báo cáo đều được công bố đúng hạn. Các yêu cầu về xác định các chỉ tiêu trong báo cáo vốn khả dụng quy định tại thông tư 87/2017/TT – BTC của Bộ Tài chính đều được đảm bảo tuân thủ.

Kế hoạch hoạt động năm 2019:

Tiếp tục công việc kiểm toán nội bộ các hoạt động tài chính kế toán, kiểm toán các báo cáo do bộ phận Kế toán lập trước khi công bố thông tin để đảm bảo tính phù hợp, minh bạch của thông tin tài chính.

Đánh giá an toàn vốn thông qua kiểm toán nội bộ báo cáo vốn khả dụng của Công ty định kỳ.

Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến quy định phòng chống rửa tiền.

Tham gia khóa đào tạo đối với Nghị định 05/2019/NĐ-CP về kiểm toán nội bộ ban hành ngày 22 tháng 1 năm 2019 và có hiệu lực vào tháng 4/2021 để có những thay đổi phù hợp với yêu cầu mới của luật liên quan đến kiểm toán nội bộ.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 2018 / NHẬN XÉT CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ



THÔNG TIN KHÁC

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ BAN KIỂM SOÁT

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, BKS: Thông tin chi tiết về thành viên HĐQT, BKS được trình bày chi tiết tại mục Cơ Cấu Tổ Chức.

- Số lượng thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám Đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thông tin cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số chứng chỉ QTCT	Ngày cấp
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	36 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	22 QTCT 122/QĐ-TTNC	29/01/2010
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	10 QTCT 53/QĐ-TTNC	07/05/2009
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	29 QTCT 158/QĐ-TTNC	08/09/2009
5	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	22 QTCT 123/QĐ-TTNC	29/01/2010
6	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	50 QTCT 248/QĐ-TTNC	19/09/2013
7	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám Đốc Tài Chính	38 QTCT 21/QĐ-TTNC	12/11/2009
8	Nguyễn Kim Long	Giám Đốc Luật & Kiểm soát tuân thủ/ Thư ký Công ty	31 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009
9	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	61 QTCT 96/QĐ-TTNC	30/06/2009

THÔNG TIN KHÁC / THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2018

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG

Cổ phiếu của Công ty CP Chứng khoán SSI được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SSI và được lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu: Ngày 25/12/2018, Công ty CP Chứng khoán SSI đã hoàn thành đợt phát hành 10.000.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty. Tại ngày 31/12/2018, vốn điều lệ của SSI là 5.100.636.840.000 VNĐ tương ứng 510.063.684 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Công ty không phát hành các loại cổ phần khác ngoài cổ phần phổ thông.

Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Số lượng cổ phiếu quỹ tại ngày 31/12/2018 là 893.377 cổ phiếu, tăng so với thời điểm tại ngày 31/12/2017 (214.314 cổ phiếu), do trong năm 2018 Công ty có thực hiện sửa lỗi giao dịch (theo các Công văn chấp thuận của VSD ngày 28/3/2018 và ngày 04/4/2018), mua lại cổ phiếu lô lẻ từ các nhà đầu tư và mua lại cổ phiếu của nhân viên mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã nghỉ việc.

Cơ cấu cổ đông: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỷ lệ sở hữu của người nội bộ được trình bày tại Phụ lục 02 của bản Báo cáo thường niên này. Số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 01/04/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp.

Phụ lục 1: Giao dịch của người nội bộ và người liên quan

Giao dịch cổ phiếu SSI của người nội bộ và người liên quan tại ngày 31/12/2018

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	4.884.400	0,98%	6.783.400	1,33%	Tăng 1.899.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP phát hành ngày 25/12/2018
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ/ Người được ủy quyền CBTT	1.000.000	0,20%	1.400.000	0,27%	Tăng 700.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP phát hành ngày 25/12/2018 Giảm 300.000 cổ phiếu do bán cổ phiếu ngày 28/12/2018
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	150.000	0,03%	200.000	0,04%	Tăng 50.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP phát hành ngày 25/12/2018
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	263.174	0,05%	263.174	0,05%	Giảm 30.000 cổ phiếu do bán cổ phiếu ngày 25/09/2018 Tăng 30.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP phát hành ngày 25/12/2018
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	500.000	0,10%	700.000	0,14%	Tăng 200.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP phát hành ngày 25/12/2018
6	Hironori Oka	Thành viên HĐQT	0	0,00%	0	0,00%	
7	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	100.455	0,02%	130.455	0,03%	Tăng 30.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP phát hành ngày 25/12/2018
8	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	45.068	0,01%	60.068	0,01%	Tăng 15.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP phát hành ngày 25/12/2018
9	Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS	72.500	0,01%	142.500	0,03%	Bà Lê Cẩm Bình được bầu làm thành viên BKS Công ty kể từ ngày 20/04/2018 Tăng 70.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP phát hành ngày 25/12/2018
10	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	1.062.200	0,21%	1.362.200	0,27%	Tăng 300.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP phát hành ngày 25/12/2018
11	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	130.000	0,03%	175.000	0,03%	Giảm 30.000 cổ phiếu do bán cổ phiếu từ ngày 26/02/2018 đến ngày 26/03/2018 Tăng 75.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP phát hành ngày 25/12/2018
12	Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ Nguyễn Hồng Nam	30.154.063	5,91%	30.454.063	5,97%	Tăng 300.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ngày 28/12/2018

THÔNG TIN KHÁC / THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2018

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
13	Daiwa Securities Group Inc.	Tổ chức có liên quan của thành viên HĐQT Hironori Oka	85.606.601	16,78%	101.978.121	19,99%	Tăng do mua 16.371.520 cổ phiếu như sau: ■ 1.666.220 cổ phiếu từ ngày 04/12/2017 đến ngày 02/01/2018 ■ 79.000 cổ phiếu từ ngày 09/01/2018 đến ngày 07/02/2018 ■ 10.951.300 cổ phiếu từ ngày 16/03/2018 đến ngày 13/04/2018 ■ 3.675.000 cổ phiếu từ ngày 19/04/2018 đến ngày 18/05/2018
14	Công ty TNHH Đầu tư NDH	Tổ chức có liên quan của Chủ tịch HĐQT Nguyễn Duy Hưng	48.194.727	9,45%	48.194.727	9,45%	Không thay đổi
15	Nguyễn Văn Hiển	Em ruột của Trưởng BKS	66.000	0,01%	56.000	0,01%	Giảm 35.000 cổ phiếu do bán cổ phiếu từ ngày 29/12/2017 đến ngày 01/02/2018 Tăng 25.000 cổ phiếu do mua cổ phiếu ESOP phát hành ngày 25/12/2018
16	Hoàng Thị Khánh Duyên	Em ruột của Kế toán trưởng	14.000	0,00%	14.000	0,00%	Không thay đổi
17	Trần Quang Việt	Anh ruột của Thành viên Ban kiểm soát	9.226	0,00%	4.006	0,00%	Giảm 5.220 cổ phiếu do bán cổ phiếu ngày 16/04/2018
18	Nguyễn Mạnh Hùng	Em ruột của Chủ tịch HĐQT	5.000.000	0,98%	5.000.000	0,98%	Không thay đổi

Các giao dịch khác: các giao dịch của người nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI	Công ty con SSI nắm giữ 100% vốn sở hữu
Quỹ Đầu tư thành viên SSI	Công ty con SSI nắm giữ 80% vốn sở hữu
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là chủ đầu tư vốn vào Công ty TNHH Đầu tư NDH
Daiwa Securities Group Inc. và các công ty con	Cổ đông chiến lược
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI cũng là chủ tịch Hội đồng Quản trị của PAN, công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	Công ty liên kết của SSI đến ngày 2 tháng 11 năm 2018
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty liên kết của SSI đến hết Quý I năm 2018
Công ty TNHH Bất Động Sản Sài Gòn Đan Linh	Phó Tổng Giám đốc SSI là Chủ tịch Hội đồng thành viên của Công ty TNHH Bất Động sản Sài Gòn Đan Linh
Công ty TNHH Một Thành Viên Nguyễn Sài Gòn	Chủ tịch Công ty TNHH Một thành viên Nguyễn Sài Gòn là em chủ tịch Hội đồng Quản trị SSI

THÔNG TIN KHÁC / THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2018

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31/12/2018 (theo số liệu báo cáo tài chính riêng kiểm toán 2018):

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND	VND
Quỹ đầu tư thành viên SSI	Góp vốn đầu tư	312.000.000.000	-	(37.600.000.000)	274.400.000.000	-
	Thu hồi vốn góp	-	37.600.000.000	(37.600.000.000)	-	-
	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	3.036.749	(3.036.749)	-	3.036.749
Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Góp vốn đầu tư	30.000.000.000	-	-	30.000.000.000	-
	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	9.999.279.371	(9.914.011.578)	85.267.793	9.800.502.476
	Số dư danh mục ủy thác đầu tư	888.749.948.379	54.129.045.829	(746.727.483.028)	196.151.511.180	-
	Các khoản phải trả quỹ phúc lợi và khác	(413.000.000)	(3.508.999.600)	3.806.999.600	(115.000.000)	-
	Chi phí quản lý danh mục	(3.125.755.884)	(5.491.696.147)	8.120.842.068	(496.609.963)	(5.491.696.147)
	Chi phí tư vấn đầu tư chứng khoán	(4.663.613.316)	(4.260.000.000)	8.923.613.316	-	(4.260.000.000)
	Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán	2.135.909.867	-	(2.135.909.867)	-	-
	Lợi nhuận được chia	-	84.338.323.254	(84.338.323.254)	-	84.338.323.254
Công ty TNHH Đầu tư NDH và công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	189.485.396	(189.485.396)	-	189.485.396
	Giao dịch bán chứng khoán	-	664.654.560.000	(664.654.560.000)	-	(2.932.868.804)
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(652.408.300.000)	652.408.300.000	-	-
	Phí tư vấn, phí dịch vụ	-	4.665.117.115	(2.877.482.115)	1.787.635.000	5.105.383.762
	Cổ tức SSI	-	(48.194.727.000)	48.194.727.000	-	-
Daiwa Securities Group Inc. và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	1.718.368.671	(1.718.368.671)	-	1.644.437.549
	Phí hoa hồng phải trả	-	(12.724.614.626)	11.564.103.742	(1.160.510.884)	(9.298.245.890)
	Doanh thu hợp đồng tư vấn	-	22.663.224.632	(21.350.831.410)	1.312.393.222	20.090.104.086
	Cổ tức SSI	-	(101.978.121.000)	101.978.121.000	-	-
Công ty cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFG)	Cổ tức SSI	-	13.268.547.500	(13.268.547.500)	-	13.268.547.500

THÔNG TIN KHÁC / THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2018

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)				Doanh thu/ (chi phí)
		Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN và các công ty con	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	2.489.621.301	(2.489.621.301)	-	2.470.618.901
	Doanh thu phí hợp đồng tư vấn	200.000.000	30.765.220.000	(30.965.220.000)	-	28.661.083.636
	Giao dịch mua chứng khoán	-	(100.000.000.000)	100.000.000.000	-	-
	Giao dịch bán chứng khoán	-	277.465.959.500	(277.465.959.500)	-	131.818.124.620
	Nhận cọc môi giới chứng khoán và hợp đồng quản lý tiền gửi	(180.000.000.000)	(5.963.924.897.671)	4.921.249.708.054	(1.222.675.189.617)	-
	Lãi nhận cọc và lãi hợp đồng quản lý tiền gửi phải trả	(602.246.575)	(51.554.838.704)	48.637.588.390	(3.519.496.889)	(51.554.838.704)
	Chi phí mua hàng hóa	-	(3.741.188.566)	3.741.188.566	-	(3.651.086.066)
	Phải trả hộ tiền bán chứng khoán	-	(13.491.708.625)	13.491.708.625	-	-
	Lãi trái phiếu	-	4.536.986.301	(4.536.986.301)	-	3.286.849.314
Công ty cổ phần Cảng Đồng Nai (PDN)	Cổ tức	-	3.700.726.500	(3.700.726.500)	-	3.700.726.500
Công ty TNHH MTV Nguyễn Sài Gòn	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	412.791.046	(412.791.046)	-	412.783.846
	Phải thu giao dịch ký quỹ	-	30.591.309.674	(30.591.309.674)	-	101.285.657
	Cổ tức SSI	-	(2.000)	2.000	-	-
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Doanh thu giao dịch và dịch vụ chứng khoán khác	-	190.345.677	(190.345.677)	-	190.341.677
	Cổ tức SSI	-	(30.154.063.000)	30.154.063.000	-	-
Đối tượng liên quan khác	Mua trái phiếu SSI	(60.000.000.000)	-	-	(60.000.000.000)	-
	Lãi trái phiếu phải trả	(4.901.666.666)	(5.199.533.881)	5.167.146.119	(4.934.054.428)	(5.199.533.881)

Phân bổ ESOP đối với các thành viên HĐQT và BKS

Trong năm 2018, căn cứ theo Điều 9 Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông, SSI thực hiện chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) nhằm mục đích gắn kết lợi ích của nhân viên và Công ty; thu hút, duy trì và thúc đẩy đội ngũ lãnh đạo và những CBNV có năng lực cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Trong khuôn khổ chương trình, các thành viên HĐQT và BKS đã thực hiện mua số lượng cổ phiếu ESOP như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu đã mua
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	1.899.000
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc	700.000
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	50.000
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	30.000
5	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	200.000
6	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	30.000
7	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	15.000
8	Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS	70.000

Phụ lục 2: Cơ cấu cổ đông của công ty và tỉ lệ sở hữu của người nội bộ (số liệu được cập nhật theo danh sách cổ đông chốt ngày 01/04/2019 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp)

Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	**180.626.911**	**35,41%**	**3**	**3**	
	- Trong nước	*78.648.790*	*15,42%*	*2*	*2*	
	- Nước ngoài	*101.978.121*	*19,99%*	*1*	*1*	
4	Công đoàn Công ty	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	**893.396**	**0,18%**	**0**	**0**	
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	328.543.377	64,41%	21.148	231	20.917
	- Trong nước	*125.673.276*	*24,64%*	*19.059*	*87*	*18.972*
	- Nước ngoài	*202.870.101*	*39,77%*	*2.089*	*144*	*1.945*
TỔNG CỘNG		**510.063.684**	**100,00%**	**21.151**	**234**	**20.917**
Trong đó:	*- Trong nước*	*204.322.066*	*40,06%*	*19.061*	*90*	*18.972*
	- Nước ngoài	*304.848.222*	*59,76%*	*2.090*	*144*	*1.945*
	- Cổ phiếu quỹ	*893.396*	*0,18%*	-	-	-

Cơ cấu sở hữu theo cổ đông lớn và nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN	**78.648.790**	**15,42%**	**2**	**2**	-
	- Trong nước	*78.648.790*	*15,42%*	*2*	*2*	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VĐL trở lên	**101.978.121**	**19,99%**	**1**	**1**	**-**
	- Trong nước	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	*101.978.121*	*19,99%*	*1*	*1*	-
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VĐL	**126.061.261**	**24,71%**	**142**	**142**	**-**
	- Trong nước	*8.613.558*	*1,69%*	*48*	*48*	-
	- Nước ngoài	*117.447.703*	*23,03%*	*94*	*94*	-
TỔNG CỘNG		**306.688.172**	**60,13%**	**145**	**145**	**-**

THÔNG TIN KHÁC / THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2018

THÔNG TIN KHÁC / THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2018

Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
I. Người nội bộ	**6.796.000**	**4.390.797**	**11.186.797**	**2,19%**
II. Cổ phiếu quỹ	**128.000**	**765.396**	**893.396**	**0,18%**
III. Công đoàn Công ty	-	-	-	-
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-
V. Cổ đông khác	**12.831.000**	**485.152.491**	**497.983.491**	**97,63%**
1. Trong nước	***12.263.000***	***180.872.269***	***193.135.269***	***37,86%***
1.1 Cá nhân	12.263.000	92.172.283	104.435.283	20,47%
1.2 Tổ chức	-	88.699.986	88.699.986	17,39%
- Trong đó Nhà nước	-	-	-	-
2. Nước ngoài	***568.000***	***304.280.222***	***304.848.222***	***59,77%***
2.1 Cá nhân	568.000	13.373.598	13.941.598	2,73%
2.2 Tổ chức	0	290.906.624	290.906.624	57,03%
TỔNG CỘNG	**20.000.000**	**490.063.684**	**510.063.684**	**100,00%**

(*) Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng trong đợt phát hành cổ phiếu lựa chọn cho người lao động vào ngày 22/12/2017 và 25/12/2018, cụ thể như sau

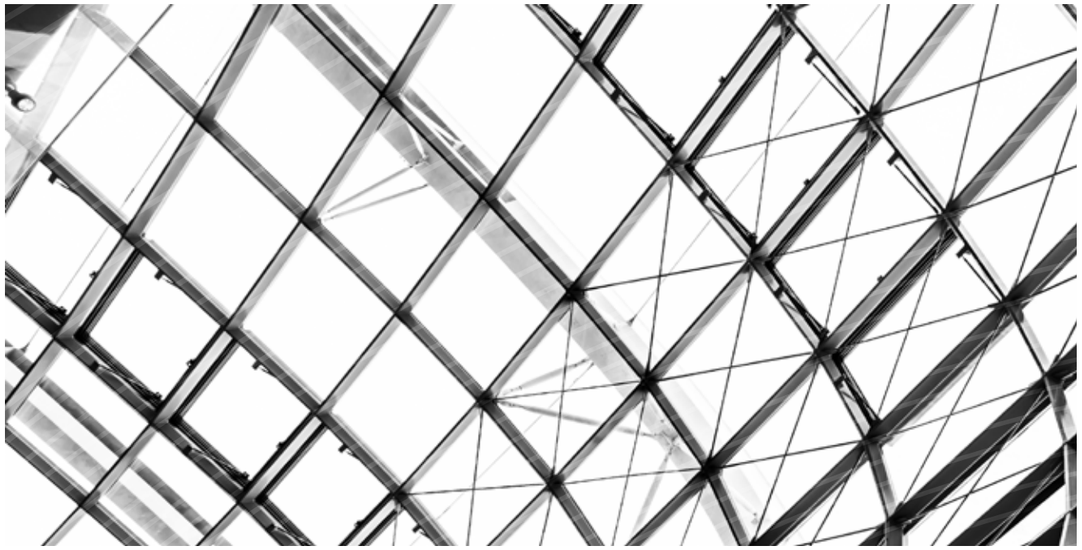
Cổ phiếu ESOP phát hành đang có hiệu lực	Thời gian hạn chế chuyển nhượng	Số lượng chứng khoán giao dịch bổ sung	Ngày giao dịch bổ sung
ESOP phát hành ngày 22/12/2017	Từ ngày 23/12/2017 đến hết ngày 22/12/2019 hạn chế chuyển nhượng 10.000.000 cổ phiếu	5.000.000 cổ phiếu	23/12/2019
	Từ ngày 23/12/2019 đến hết ngày 22/12/2020 hạn chế chuyển nhượng 5.000.000 cổ phiếu	5.000.000 cổ phiếu	23/12/2020
ESOP phát hành ngày 25/12/2018	Từ ngày 26/12/2018 đến hết ngày 25/12/2020 hạn chế chuyển nhượng 10.000.000 cổ phiếu	5.000.000 cổ phiếu	28/12/2020
	Từ ngày 26/12/2020 đến hết ngày 25/12/2021 hạn chế chuyển nhượng 5.000.000 cổ phiếu	5.000.000 cổ phiếu	27/12/2021

THÔNG TIN KHÁC / THÔNG TIN CỔ ĐÔNG & QUẢN TRỊ CÔNG TY 2018

Danh sách chi tiết về sở hữu của người nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin

STT	Họ tên	Chức vụ	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Cổ phần chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	3.771.000	3.012.400	6.783.400	1,33%
2	Nguyễn Hồng Nam	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc/ Người được ủy quyền CBTT	1.400.000	-	1.400.000	0,27%
3	Ngô Văn Điểm	Thành viên HĐQT	150.000	50.000	200.000	0,04%
4	Bùi Quang Nghiêm	Thành viên HĐQT	60.000	203.174	263.174	0,05%
5	Hironori Oka	Thành viên HĐQT	-	-	-	-
6	Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	400.000	300.000	700.000	0,14%
7	Nguyễn Văn Khải	Trưởng BKS	60.000	70.455	130.455	0,03%
8	Đặng Phong Lưu	Thành viên BKS	30.000	30.068	60.068	0,01%
9	Lê Cẩm Bình	Thành viên BKS	130.000	12.500	142.500	0,03%
10	Nguyễn Thị Thanh Hà	Giám đốc Tài chính	650.000	712.200	1.362.200	0,27%
11	Hoàng Thị Minh Thủy	Kế toán trưởng	145.000	-	145.000	0,03%
	TỔNG CỘNG		**6.796.000**	**4.390.797**	**11.186.797**	**2,19%**

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



PHÍA BẮC

Chi nhánh Hà Nội: 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3936 6321 - Fax: (024) 3936 6311

Phòng Giao dịch Trần Hưng Đạo: Tầng 10, Toà nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3941 3383 - Fax: (024) 3941 3385

Phòng Giao dịch Nguyễn Chí Thanh: Tầng 08, Tòa Nhà TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3773 4999 - Fax: (024) 3771 4999

Chi nhánh Mỹ Đình: Tầng G, Tòa nhà The Manor – Mỹ Đình, Đường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3794 6699 - Fax: (024) 3794 6677

Chi nhánh Hải Phòng: 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: (0225) 356 9123 - Fax: (0225) 356 9130

Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI: 1C Ngô Quyền, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3936 6321 - Fax: (024) 3936 6337

PHÍA NAM

Trụ sở chính: 72 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3824 2897 - Fax: (028) 3824 2997

Chi nhánh Nguyễn Công Trứ: Tầng 7 Tòa nhà TNR, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8567 - Fax: (028) 3821 3867

Phòng Giao dịch Phạm Ngọc Thạch: Tầng 2, Tòa nhà ITower, 49 Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3823 5079 - Fax: (028) 3824 5077

Phòng Giao dịch Nguyễn Văn Cừ: Tầng 8, Tòa nhà Royal Centre Tower, 235 Nguyễn Văn Cừ, Phường Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3622 0123 - Fax: (028) 3622 6667

Phòng Giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai: Tầng 1, Tòa nhà Golden Tower, số 6 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3622 2666 - Fax: (028) 3622 2333

Phòng Giao dịch Nguyễn Hữu Cảnh: Tầng 5-6, 11 Đường D2, Shophouse Saigon Pearl số 92 Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3622 2233 - Fax: (028) 3622 2277

Phòng Giao dịch Cách Mạng Tháng Tám: Tầng 6, Tòa nhà Lim II, Số 62A Cách Mạng Tháng Tám, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3622 7788 - Fax: (028) 3622 5666

Chi nhánh Vũng Tàu: 4 Lê Lợi, TP. Vũng Tàu

Điện thoại: (0254) 352 1906 - Fax: (0254) 352 1907

Chi Nhánh Nha Trang: Tầng 3, cao ốc Queen, 50 Lê Thành Phương, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

Điện thoại: (0258) 381 6969 - Fax: (0258) 381 6968